NĂM THỨ TƯ
XUÂN
NHÂM THÂN
33 & 34
THÁNG 1 & 2, 1992

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

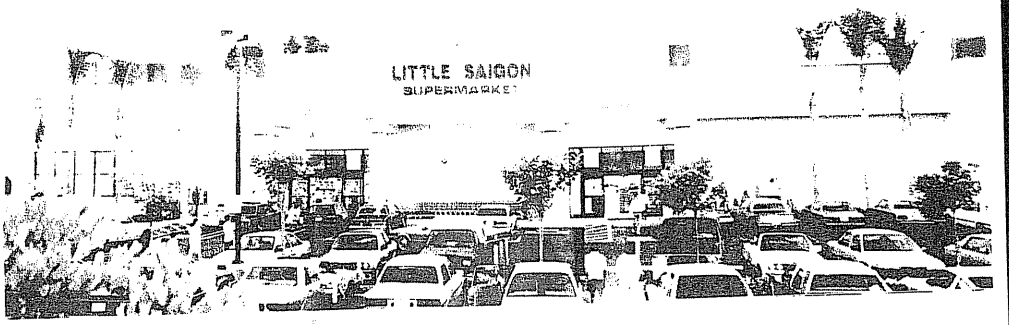

Cung Chúc Tân Xuân

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

Mua tận gốc, bán tận ngọn! Quý vị được mua hàng với giá hạ nhất!
Chỉ có tại chợ LITTLE SAIGON!!!

design Ngọc Phu

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL
14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- ☐ Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng dủ loại dầu ăn nguyên chất
- ☐ Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- ☐ Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến các nhà hàng.
- ☐ Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muổng, nĩa, đũa v.v...

MỞ CỬA HÀNG NGÀY:
Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến:
DELTA FOOD CO. Quý vị sẽ vừa ý

ONE STOP TRAVEL

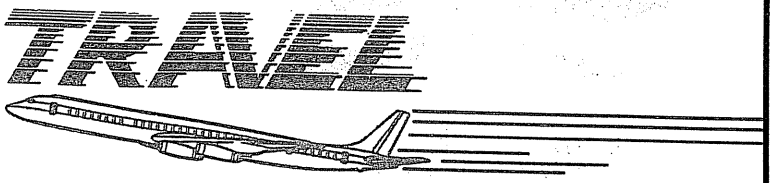

9211 Bolsa Ave., Suite 123, Westminster, CA 92683 (Trong khu Chợ 99)

Phone: (714) 373-8373 **Fax: 373-8377**

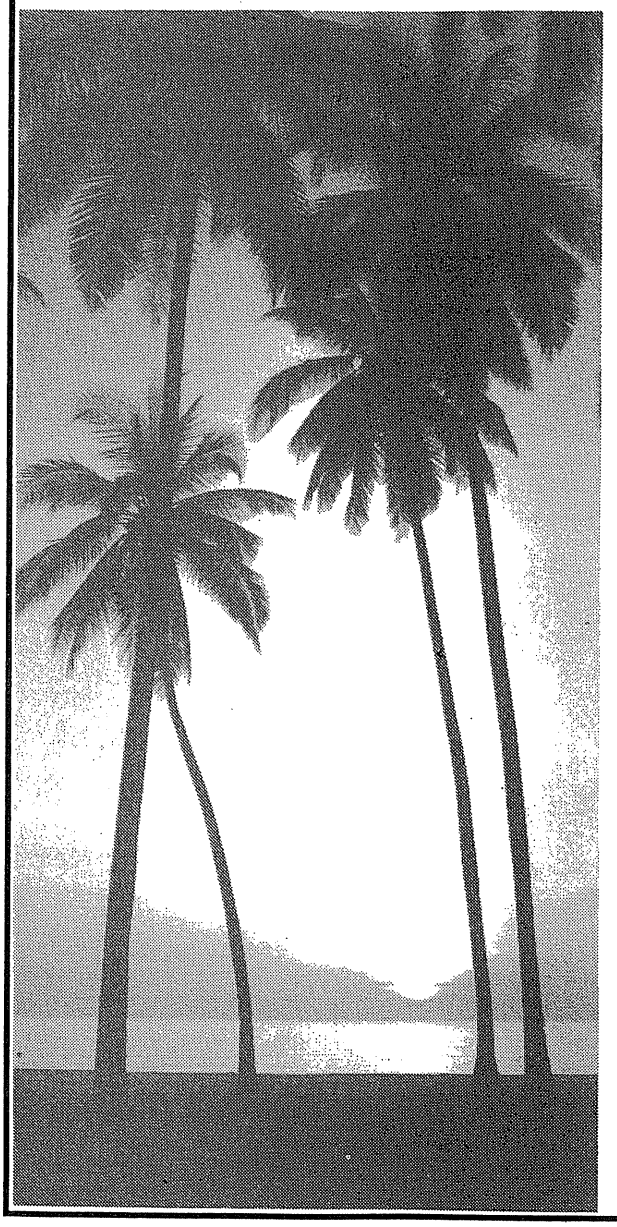

- Bán vé máy bay quốc nội, quốc ngoại.
- Làm Visa xuất nhập cảnh, passport, Re-Entry Permit.
- Thuê khách sạn, xe du lịch.
- Tổ chức Tours
- Du lịch Việt Nam và tất cả các dịch vụ Việt Nam.
- Bảo đảm đi và về đúng hẹn.

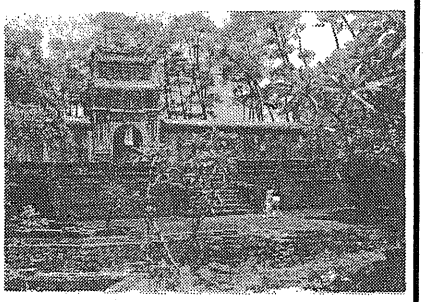

- Chúng tôi cần nhiều đại lý các tiểu bang cho tất cả các dịch vụ về Việt Nam và agent bán vé máy bay.
- Chúng tôi là đại diện chính thức cho những hãng Hàng không Quốc tế.

malaysia AIRLINES
ENCHANTMENT WHEREVER YOU FLY

Philippine Airlines

Thai
Thai Airways International Limited

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại PHÁP:
* Mme Lê Tất Luyện
15 Place Souham
75013 Paris - France
* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại TÂY ĐỨC:
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại BỈ
* Đông Sơn Center
1369 Chée De Wavre
B. 1160 Bruxelles
Belgium

Tại CANADA:
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Âu Cơ
10767 Street
Edmonton - T5H2M2
Canada
Tel. (403) 428-7154

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
Tel. (604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại ÚC:
* Tòa soạn báo Việt Luận
P.O. Box 415
Villawood, NSW 2163
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnam Lang & Cul. Pub.
PO Box 133 Pascoe Vale
South Vic. 3044 - Australia

* Saigon Bookshop
17 Penny Arcade
Cabramatta N.S.W 2166
Australia
Tel. 727-2609

* Mỹ Hóa
3710 Springvale Rd.
Vic. 3171
Tel. (03) 548-2216

Tại NHẬT BẢN:
* Mekong Center
F140 Tokyo - To,
Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262
Ichodanchi 72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại HOA KỲ:
Minnesota:
* Saigon Bookstore
2950 4th Ave. S.
Minneapolis MN 55408
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Nam Phương
1032 S. Jackson St. #B
Seattle, WA 98104
Tel. (206) 324-6364

Pennsylvania
* Kim Sơn
900 South 8th St.
Phila., PA 19147

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 536-4008

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E. Colonial Dr.
Orlando, FL 32803
Tel. (305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa, FL 33609
Tel. (813) 874-0526

New York:
* Tú Quỳnh
128 Hester St.
New York, NY 10002

Massachusetts:

* Thăng Long
  201 Adams St.
  Dorchester, MA 02122

Louisiana:

* Về Nguồn
  1717 Caal St. Suite 12
  New Orleans, LA 70112

* Tiểu Nha Trang
  3709 G. West Bank
  Expressharvey, LA 70058
  Tel. (504) 340-4626

Missouri:

* Saigon Center
  424 Locus
  Kansas, MO 64106
  Tel. (816) 421-6838

Texas:

* Mỹ Linh
  3512 Walnut
  Garland, TX 75042
  Tel. (214) 276-9852

* Liên Hương
  8610 Lamar Blvd.
  Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
  6617 Aiport Blvd.
  Austin, TX 78753

* Ngày Nay
  8200 Wilcrest #5
  Houston, TX 77072
  Tel. (713) 568-6400

* Tinh Hoa Bookstore
  2800 Travis #5
  Houston, TX 77006

* Duyên Hải
  2200 Jefferson St. #5
  Houston, TX 77003
  Tel. (713) 224-6615

* Tân Sơn Nhất Express
  301 A S.Capitol Ave. #8
  San Jose, CA 95127

* Thiên Nga
  2929 A Milan St.
  Houston, TX 77006
  Tel. (713) 520-8013

* Văn Hóa
  2117 K Chenevert
  Houston, TX 77003
  Tel. (713) 650-1770

California:

* Thư Quán
  Asian Pacific Plaza
  6511 N. Inglewood Ave. #7
  Stockton, CA 95207

* Mây Hồng
  115 N. Fourth St. #105
  San Jose, CA 95112
  Tel. (408) 971-9808

* Văn Uyển
  496 S. 2nd St.
  San Jose, CA 95113

* Nhà sách Toàn Thư
  79 S. 3rd
  San Jose, CA 95113
  Tel: (408) 292-2788

* Hồng Bàng
  1692 Tully Rd #16
  San Jose, CA 95129
  Tel. (408) 270-0865

* Tự Do
  818 Tully Rd. #158 A
  San Jose, CA 95112

* Thanh Thúy Bookstore
  535 Eddy St.
  San Francisco, CA 94109
  Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
  528 W. Alpine
  Los Angeles, CA 90012
  Tel. (213) 620-9650

Little Saigon:

* Tự Lực
  14138 Brookhurst St.
  Garden Grove, CA 92543
  Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
  9581 Bolsa Ave.
  Westminster, CA 92683
  Tel. (714) 531-4284

* Quê Mẹ
  2339 W. First St.
  Santa Ana, CA 92703
  Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
  9200 Bolsa Ave., Ste 123
  Westminster, CA 92683
  Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21, hoa hồng cao, xin vui lòng liên lạc với Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT
14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
Điện thoại (714) 892-9414

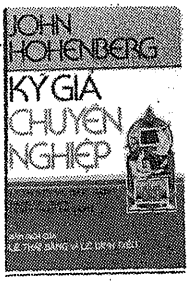

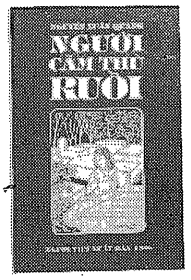

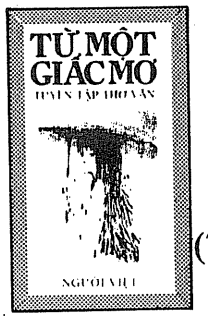

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT

14891 Moran Street
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

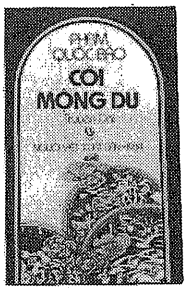

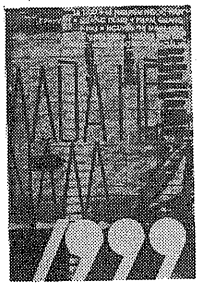

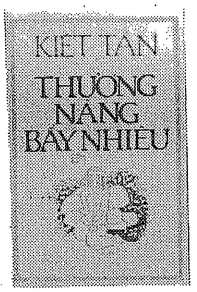

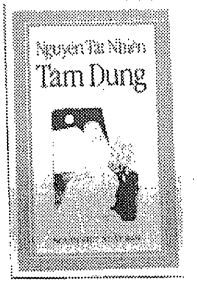

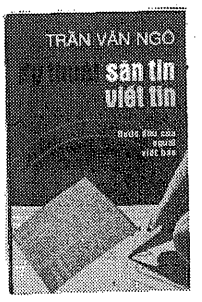

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Tổng thư ký
Nguyễn Xuân Hoàng

Giám đốc trị sự
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$15; 12 số US$28; 24 số $US54. First class trong nước Mỹ 6 số US$22; 12 số US$42; 24 số US$82. Canada: 6 số US$23; 12 số US$44; 24 số US$86. Các nơi khác: *Âu Châu:* 6 số US$32; 12 số US$62; 24 số US$122; *Á Úc, Phi:* 6 số US$37; 12 số US$72; 24 số US$142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14891 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21 xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet Inc.) 14891 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Bạn đọc thân mến,

Chưa bao giờ, sau 16 năm, người Việt hải ngoại và người Việt trong nước đón chào năm mới trong niềm hy vọng lớn như năm nay.

Mỗi người trong chúng ta hi vọng đất nước sắp hồi sinh sau cơn ngủ kéo dài 16 năm cho miền Nam và gần 38 năm cho miền Bắc do con vi trùng xã hội chủ nghĩa xâm nhập.

Niềm hi vọng này lớn bởi vì cái nôi của chủ nghĩa xã hội là Liên Bang Xô Viết đã sụp. Khi lá cờ đỏ búa liềm đã hạ xuống ở nóc điện Cẩm Linh, người ta biết chủ nghĩa Cộng Sản đã không tồn tại, không thể tồn tại. Và niềm hy vọng đất nước hồi sinh như tựa đề một ca khúc của nhạc sĩ Trần Đình Quân sẽ trở thành hiện thực.

Hãy tưởng tượng cả một nước Việt Nam đoàn tụ. Hãy tưởng tượng cả một đất nước bừng bừng khí thế của một niềm vui lớn. Sông Hồng, Sông Hương, Sông Cửu Long sống dậy reo vui. Và Hội Trùng Dương của Phạm Đình Chương "vang vang trời vào xuân." Và ca khúc Ly Rượu Mừng sẽ bay khắp cùng trời cuối đất.

Chúng ta hi vọng như vậy và niềm hi vọng ấy chưa bao giờ kề cận như lúc này.

Chuẩn bị đón giao thừa đón chào một năm mới, chúng ta cầu nguyện cho hòa bình thế giới, cho dân chủ chiến thắng trên toàn cầu, cho Việt Nam không còn chủ nghĩa Cộng Sản.

Xin chúc những điều tốt đẹp cho nhau trong ngày đầu xuân.

Xin chúc các bạn đón xuân trong niềm an vui và tốt lành.

TK21

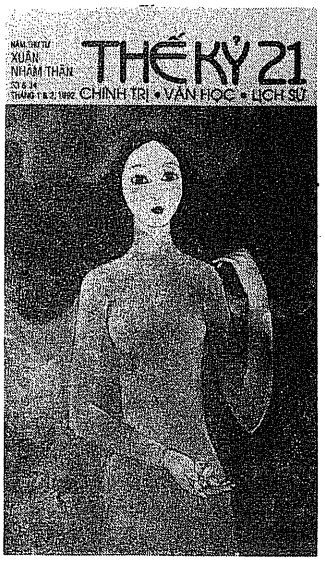

Tranh bìa
Nguyên Khai
Trình bày
Nguyễn Thị Hợp

MỤC LỤC

8. VÕ ĐÌNH, *Tranh Tết, Tranh Thơ* * **12. NGUYỄN MỘNG GIÁC,** *Một năm qua, mơ và thực* * **16. TÔN THẤT THIỆN,** *Thế trận mới, trận tuyến mới* * **20. VƯƠNG HỮU BỘT,** *Thay đổi toàn diện để phát triển kinh tế Việt Nam* * **26. THẾ UYÊN,** *Chánh sách kinh tế toàn cầu của Mỹ* * **30. TRƯƠNG VŨ,** *Vị trí của miền Nam trong nỗ lực xây dựng dân chủ cho Việt Nam* * **38. NGUYỄN HỮU CHUNG,** *Chiến thắng chính trị* * **42. HUỲNH HỮU ỦY,** *Tranh Tết ở đất Hà Nội xưa* * **46. VÕ PHIẾN,** *Cái lạnh nửa người* * **57. LÊ VĂN VŨ BẮC TIẾN,** *Người anh cả Lê Văn Trương đốt pháo mồm đêm giao thừa mừng xuân mới* * **60. DU TỬ LÊ,** *Cuối năm chuyện văn với bệnh Thyroid* * **64. NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC,** *Như khói, như mây* * **69. XUÂN VŨ,** *Lá quế, rau om* * **72. NGUYỄN HỮU NHẬT,** *33 bài thơ hoa sen* * **75. HẢI VÂN,** *Mùa sen vãng* * **79. TRẦN MỘNG TÚ,** *Tan theo cùng nắng* * **85. KHÁNH TRƯỜNG,** *Tòa lâu đài cổ* * **90. LÊ BI,** *Những người đàn bà Việt Nam ở Hồng Kông* * **92. NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH,** *Nửa dòng máu Việt* * **98. NGU YÊN,** *Bệnh và Thơ* * **101. QUỲNH GIAO,** *Mùa Xuân trong âm nhạc* * **105. HUY TRÂM,** *Trước ngày ra đi* * **112. PHẠM DUY,** *Thời Hải Ngoại* * **115. TRẦN HỒNG CHÂU,** *Góp ý với Mai Kim Ngọc về tập tùy bút Thành phố trong hồi tưởng* * **119. PHẠM VIỆT CƯỜNG,** *Đọc Mê lộ của Pham Thị Hoài* * **123. NGUYÊN SA,** *Âm Nhạc và tôi/Phạm Duy* * **128. LÊ THỤY,** *Thời sự tháng qua.*

Thơ và họa: ZE'EV * VẸT * BROOKES * KAHEEL * HÀ THÚC SINH * KIÊM THÊM * KHÁNH TRƯỜNG * ĐINH CƯỜNG * THÁI TUẤN * TRẦN MỘNG TÚ * KHOA HỮU * TRẦN VẤN LỆ * NGUYỄN MẠNH AN DÂN * NGUYỄN MẠNH TRINH * ĐOÀN NHẬT * NGUYỄN HỮU NHẬT

Thân chúc
Quý Bạn Đọc, Thân Hữu
và Thân Chủ Quảng Cáo
một Tết Nguyên Đán vui tươi
và một năm mới
an khang, thịnh vượng

Nhâm Thân, 1992
Thế Kỷ 21

TRANH TẾT, TRANH THƠ

VÕ ĐÌNH

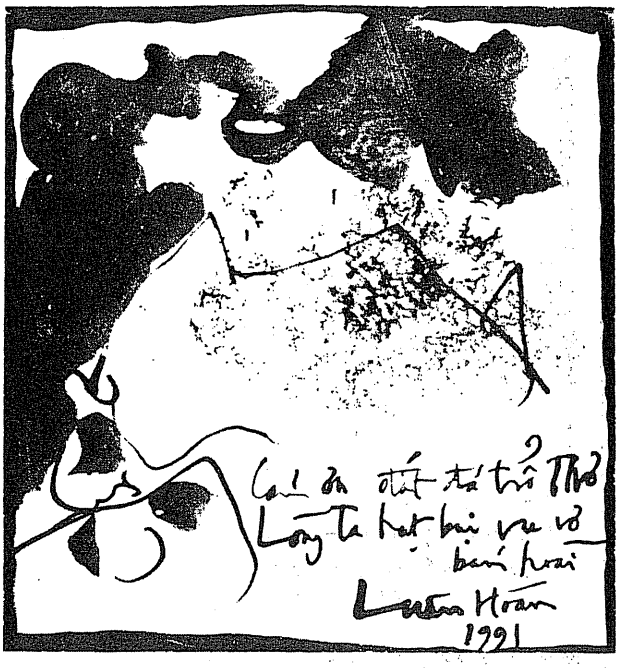

Trong *Văn Học* số 22 (tháng Mười Một, 1987) tôi có bài *Tranh Thơ* đi kèm với năm bức họa: Tản Đà, Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Bính. Xuân Tân Mùi, trong tạp chí *Làng Văn* (số 78, 2-1991) tôi có mời bạn đọc: *Lại một món Tết: Tranh Thơ.*

Xuân Nhâm Thân này, của ít lòng nhiều, xin mời bạn đọc *Thế Kỷ 21* "nhâm nhi" một số tranh thơ mới.

Năm ngoái, để nhắc lại lời mời, "Tôi đã chọn một vài câu thơ của một vài thi sĩ hiện đang có mặt ở hải ngoại. Những nhà thơ tôi chọn *để vẽ tranh* không nhất thiết phải là những nhà thơ tài hoa nhất, độc đáo nhất hiện nay. Những câu thơ tôi trích dẫn không nhất thiết phải là những câu hay nhất, đẹp nhất của họ. Có người quen biết đã năm bảy năm như Hoàng Xuân Sơn. Có người chưa từng bắt tay như Thái Tú Hạp. Có người chỉ mới gặp thoáng qua một lần như Phan Ni Tấn, Cung Vũ, Trần Sa. Có người chưa hề thấy mặt như Nguyễn Đức Bạt Ngàn ở tít tận miền Tây Gia Nã Đại, như Ngu Yên ở tít tận miền Trung Hoa Kỳ, như Trịnh Gia Mỹ ở tít tận "thủ đô An Nam vương quốc". Có người đã mang duyên thi họa với tôi như Đỗ Quý Toàn *Cỏ Và Tuyết.* Có người tôi chưa từng vẽ cho sách như Như Chi *Thơ Hiền.* Thân hay sơ, gần hay xa, mặc! Tôi đã "bốc" ra những câu thơ để vẽ tranh một cách tình cờ, tự nhiên, dung dị. Đầu năm xuân mới, ước mong bạn đọc sẽ ngắm tranh và đọc thơ cùng một cách như thế."

Năm nay, mịt mù xa cách trời Âu có Đặng Thị Quế Phương (Bỉ), có Hồ Trường An (Pháp)... Xa xôi không kém tận Cali có Định Nguyên, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Mạnh Trinh, Viên Linh, Hoàng Quốc Bảo, Phạm Quốc Bảo. Và trên xứ tuyết Gia Nã Đại ("*gió căm căm rét hiên ngoài / hồn đăm đăm lạnh mối hoài hương xa* -- Trần Sa) có Lưu Nguyễn *Tri Âm,* có Luân Hoán *Cám ơn đất đá trổ thơ / Lòng ta hạt bụi vu vơ bám hoài...*

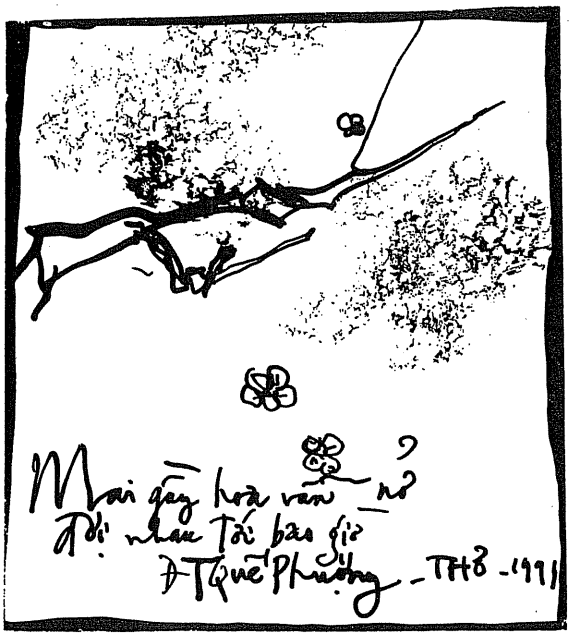

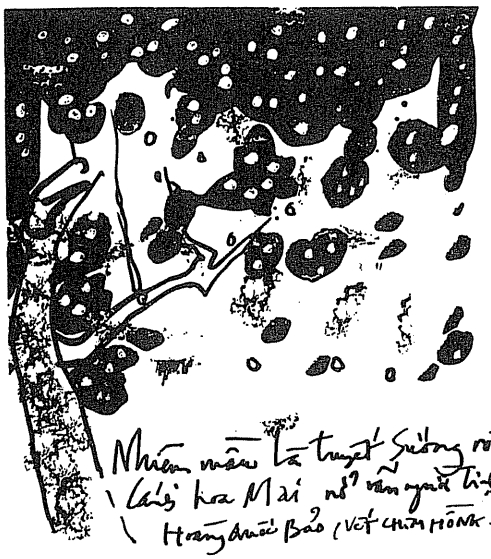

Nhiều màu là tuyệt vời
Cánh hoa Mai nở vẫn người tiếp tâm
Hoàng Thanh Bảo (Việt Chim Hồng - 1985)

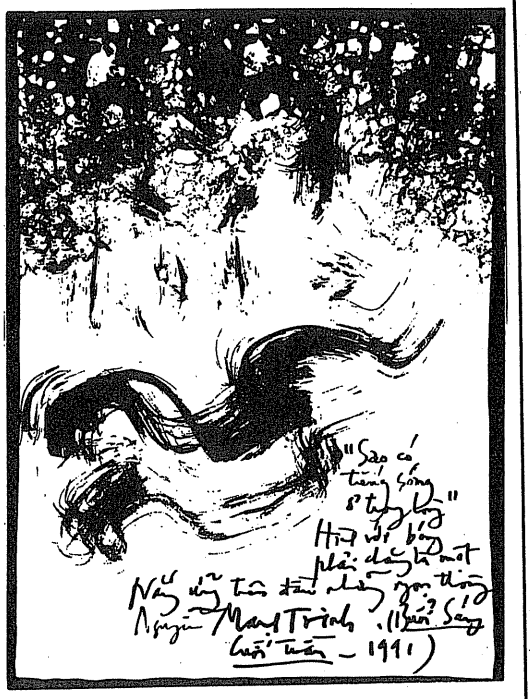

"Sao có tiếng sóng
Thì thầm"
Hãy với bỏ
Mái dài là một
Nỗi niềm tâm đầu ngàn thông
Nguyễn Mạnh Trinh (Hồn Sông
Quê Tôi - 1991)

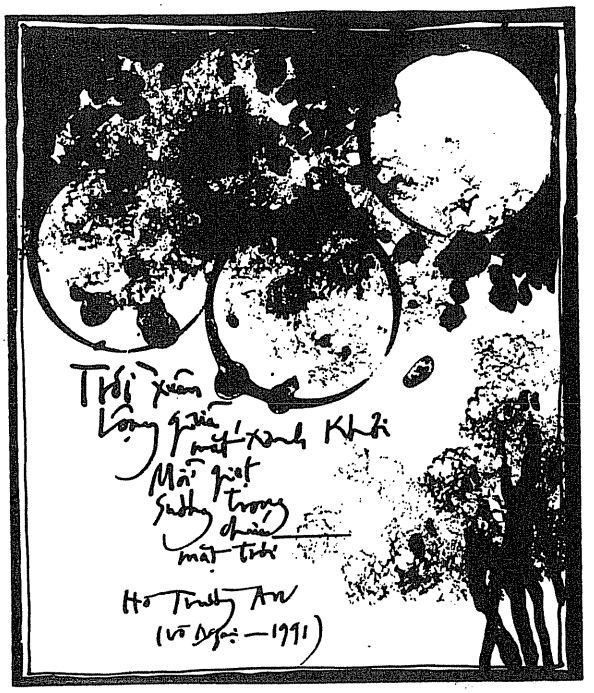

Thời Xuân
Lòng giữa một Xanh Khói
Mãi giọt
Sương trong
Mặt Trời
Hồ Thanh Anh
(Võ Ngại - 1991)

Hỏi quê xuân đã về chưa
Tha hương đáy chén rượu thừa nhạt tanh
Xôn xao sơn phấn quanh mình
Nghe ra chỉ bóng lẫn hình điêu ngoa

Đinh Nguyễn (quê hương, 1989)

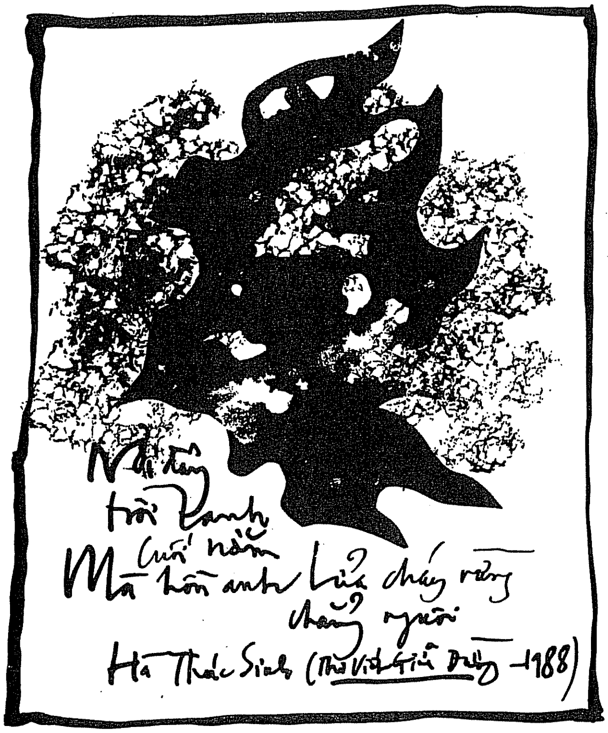

MỘT NĂM QUA, MƠ VÀ THỰC

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Năm 1991 đã qua!

Tôi gặp nhiều người và hỏi cảm tưởng chung của họ ở hai thời điểm đầu năm năm ngoái và đầu năm năm nay. Nói chung, mọi người dè dặt chín chắn hơn. Ánh mắt họ không sáng rực khi nói về một thế kỷ hai mươi mốt hòa bình và ổn định sau khi làn sóng dân chủ nhân bản quét sạch tất cả các thể chế độc tài trên quả địa cầu, giọng họ không ròn rã hăm hở khi nhắc tới một thứ trật tự mới xây dựng trên tình thương yêu và tự do cá nhân. Cái gì đã đến với họ trong năm qua?

Trận chiến vùng vịnh Ba Tư? Sự tan rã chóng vánh của đế quốc Sô Viết? Tình trạng kinh tế trì trệ hoặc suy thoái ở các nước kỹ nghệ giàu mạnh? Số phận của gia đình, bạn bè, thân nhân?

Tất cả đều là nguyên do tạo nên thái độ dè dặt, phòng thủ. Vì từ chuyện lớn tới chuyện nhỏ suốt một năm qua đều có tính bất trắc, mâu thuẫn, hàm hồ, không rạch ròi thuận lý như ước mong của mọi người.

Còn nhớ hồi đầu năm ngoái, cả thế giới hồi hộp theo dõi diễn tiến tình hình vùng vịnh Ba Tư. Người dân bình thường lâu nay chỉ biết mơ hồ nước Iraq là một kho dầu quan trọng, một tiền đồn quan trọng ngăn chặn làn sóng bành trướng của phong trào Hồi giáo cực đoan phát xuất từ Iran. Thế rồi một sớm một chiều họ được cho biết nhiều tin tức kinh hoàng: kho vũ khí hạt nhân và hóa học khổng lồ ra sao, tham vọng của Saddam Hussein giống Hitler đến mức nào, dân Iraq chịu đày đọa khốn cùng tới đâu... Thiểu số đa nghi bắt đầu đặt câu hỏi về tiêu chuẩn đấu tranh nhân quyền Hoa Kỳ vẫn thường đưa ra trước mọi cuộc tấn công quân sự vào một nước nào khác, đặt nghi vấn là liệu Hoa Kỳ có thực sự tranh đấu cho nhân quyền trên khắp địa cầu hay chỉ lấy đó làm chiêu bài mỗi khi quyền lợi riêng của mình bị đe dọa. Nhưng những tiếng nói hoài nghi ấy bị lạc lõng trong khí thế chung của niềm tự hào nước lớn, của lòng yêu nước đơn giản. Mọi sự diễn ra đúng như mọi người chờ đợi. Hoa Kỳ dùng tất cả sức mạnh của kỹ thuật quân sự tân tiến nhất, trong một thời gian ngắn nhất, phá hủy tan nát chẳng những các cơ sở quân sự mà còn phá hủy hầu hết các phương tiện giao thông, bến cảng và cơ sở kinh tế của Iraq. Quân Iraq bị đẩy hết khỏi Kuwait. Dân Mỹ thở phào, khỏi bị ám ảnh sa lầy lâu năm ở sa mạc như đã sa lầy ở Việt Nam. Những người hùng sa mạc trở về, ôm choàng vợ con giữa rừng cờ và hoa. Nhưng kìa, tên Hitler tân thời hồi giáo vẫn còn đó, khối Ả Rập vẫn không keo sơn hơn chút nào, và hòa bình ở Trung Đông vẫn ở ngoài tầm tay của mọi người. Báo chí, truyền hình lại hoàn toàn im lặng về Iraq, như không hề có chuyện gì xảy ra, như ở Kuwait các ông hoàng dầu hỏa đã chịu nhượng bộ nước cứu mình để thực thi những cải cách dân chủ, như dân Iraq đã âm thầm xây lại đầy đủ nhà cửa, làm lại y nguyên các cầu cống, đường sá, như từ hơn 150,000 nấm mồ trên sa mạc nắng cháy khét lẹt mùi dầu và thuốc súng tự nhiên mọc lên những khóm chà là sai trái. Người ta quên nhanh những gì không liên hệ đến mình, kể cả số phận của một dân tộc.

Người Mỹ vô tư ư? Tôi không tin như thế. Nói cho công bằng, dân tộc Iraq đã hẩm hiu vì chọn lầm một lãnh tụ độc đoán và quá nhiều tham vọng, lại hẩm hiu vì hoạn nạn đúng vào lúc cả thế giới ngay ngáy lo âu trước một hiểm họa còn lớn hơn: các hậu quả xảy ra sau cuộc sụp đổ toàn diện của hệ thống cộng sản.

Một năm trước đây, khi các nước cộng sản Đông Âu lần lượt sụp đổ để những chỗ cho các thể

chế tự do và chủ trương kinh tế thị trường, lòng mọi người đều nô nức. Có thể chứ! Lý nào một thứ lý thuyết chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa v.v... vừa không tưởng vừa phi nhân như vậy lại có thể tiếp tục tồn tại và đày đọa cuộc sống của nửa nhân loại trên địa cầu! Những người say mê Gorbachev thời đó mừng rỡ, lạc quan lập luận rằng nhà lãnh tụ cải cách của Liên Xô thấy trước những khó khăn trùng điệp trong việc thay đổi hẳn một cơ chế, một thói quen, một nếp suy nghĩ đã bắt rễ lâu đời trên bảy mươi năm, nên đã bố trí xếp đặt để thanh toán vòng ngoài trước khi bắt tay vào việc thanh lý nội bộ. Điều họ dự tưởng (kể cả những chính trị gia lỗi lạc, những chuyên viên chính trị học uyên bác) là một liên bang Sô Viết còn giữ y nguyên hình thức hiện tại nhưng đã biến đổi căn bản về nội dung, để thay vì thế giới phải chạy đua vũ trang thì lại đưa thế kỷ hai mươi mốt vào một "trật tự mới", thế kỷ của hợp tác, thân hữu, hòa bình, thịnh vượng.

Hồi đó, cách đây một năm rưỡi, Alexander I. Solzhenitsyn lớn tiếng báo động cho đồng bào ông đồng thời cho cả thế giới: "Cuối cùng chủ nghĩa cộng sản cũng suy tàn. Nhưng những cơ chế nó thiết lập chưa sụp đổ. Có thể chúng ta sẽ bị vùi dập dưới đống gạch vụn của cơ chế đó thay vì chúng ta đạt được tự do".

Lời tiên báo của Solzhenitsyn vừa công bố, liền bị dư luận thời đó chỉ trích là quá bi quan, quá phóng đại những hậu quả của một biến chuyển bất trắc.

Ngày nay, ai cũng công nhận văn hào Nga này tiên đoán đúng. Một đế quốc dùng bạo lực -- quan trọng nhất là bạo lực mang màu ý thức hệ -- để làm chất keo kết hàng trăm sắc tộc khác biệt và tiêu diệt ngay từ mầm mống mọi chống đối, tất nhiên phải tan rã thành từng mảnh khi chất keo kia không còn hiệu lực nữa. Trong lúc đó, một quốc gia, một thể chế chính trị, một guồng máy quyền lực không thể thiếu một thứ "thiên mệnh" làm nền tảng. Chủ nghĩa cộng sản đã phá sản, còn có thứ cờ nào mạnh hơn lá cờ dân tộc, để lôi kéo, vận động quần chúng? Những quan lớn cộng sản hôm trước còn hô hào nhuộm đỏ quả địa cầu hôm sau đã phất cờ dân tộc cực đoan. Từng sắc tộc xuống đường, bắn giết nhau, giành cho được quyền lợi sắc tộc của mình. Sức mạnh quyến rũ của ngọn cờ dân

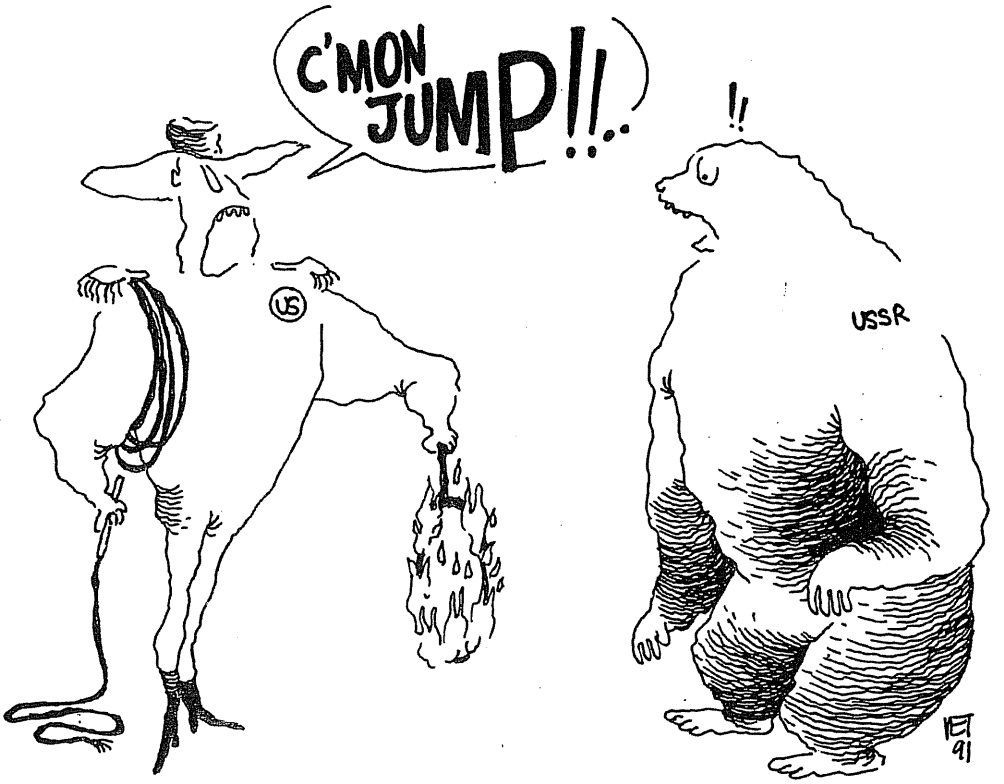

tộc trong thời đại niềm tin sụp đổ và kinh tế khủng hoảng dễ dàng tạo nên những thể chế độc tài như đã xảy ra ở Đức. Điều đó quá thích hợp với thói quen suy nghĩ và hành động của những cựu lãnh tụ cộng sản ở Liên Xô. Họ vẫn hành xử như một nhà độc tài, chỉ khác ở lá cờ họ phất lên trước đám đông và cho treo trên đỉnh các công thự, trong khi ước vọng lớn lao nhất của người dân Liên Xô là rũ bỏ guồng máy đàn áp của thể chế cộng sản để được hưởng một không khí thực sự tự do, dân chủ, một đời sống ấm no. Những tàn tích của chế độ cộng sản đang rơi trên đầu chính những người muốn phá đổ nó như Solzhenitsyn tiên đoán, và sẽ tiếp tục vùi dập họ nếu họ để cho bọn cơ hội tiếp tục lừa mị họ bằng lá cờ dân tộc.

Từ những nơi tương đối an toàn nhìn về các biến chuyển đang xảy ra tại các nước cộng hòa của Liên Xô cũ, chúng ta khó lòng hình dung hết nỗi hoang mang lớn lao, sự tuyệt vọng khủng khiếp, sự phân vân đầy mâu thuẫn của người dân bình thường ở đó. Lâu lâu chúng ta chỉ nhặt được từng mảnh tâm trạng, mà mảnh nào cũng bi quan.

Los Angeles Times ghi lại tâm sự bà Maria Mironova, giáo sư toán học, 54 tuổi, hai mươi tuổi đảng:

"Tất cả những gì đã xảy ra đều tốt, vì cuối cùng chúng tôi đã được giải phóng khỏi một cơ chế buộc chúng tôi nô lệ cho một ý thức hệ thất bại. Liên bang Sô Viết đã không thể tự cứu được mình, và dân Liên Xô đều nghĩ nó cũng không đáng giá gì để cứu vãn. Nó chết. Tôi không hề tiếc thương... Nhưng bây giờ làm sao tới được thiên đường mới của dân chủ và tự do kinh doanh đây? Đó chính là điều tôi bi quan vì tôi ngờ rằng chúng tôi chẳng biết đường nào tới đó, hoặc là không tìm ra đường một cách dễ dàng... Đời sống hiện nay của chúng tôi thì giống như chuyện Tái ông mất ngựa. Như chuyện mua bánh mì hằng ngày. Tin vui là tiệm bánh mì đã có bánh để bán cho dân. Nhưng tin buồn là khi đến phiên tôi, bánh đã hết".

Bánh mì không còn để bán cho dân nữa! Đó là mối lo sợ lớn nhất của các lãnh tụ các nước cộng hòa hiện nay. Họ biết rõ kích thích tinh thần dân tộc để thay thế cho chủ nghĩa cộng sản đã sụp đổ chỉ là liều thuốc cầm hơi. Không có bánh mì, giá cả tăng vọt, thất nghiệp tràn lan, nguy cơ dân chúng tự động nổi dậy sẽ trở thành sự thực, và lúc bấy giờ, không có ngọn cờ nào cứu nổi chính mạng sống của họ. Một thể chế độc tài quân phiệt sẽ thành hình, và để duy trì quyền lực, các tướng lãnh tham vọng lại tiếp tục kích thích tinh thần dân tộc (hoặc chủng tộc, hoặc tôn giáo) bằng cách tạo ra những nguy cơ thôn tính từ bên ngoài, chỉ khác là bây giờ không phải là "âm mưu tư bản đế quốc" mà là "âm mưu bành trướng" từ các nước cộng hòa lân bang. Nhiều người đã nói tới viễn tượng khủng khiếp đó để kêu gọi thế giới đề phòng, cùng nhau tìm giải pháp. Họ kêu gọi Hoa Kỳ chủ động lãnh đạo một kế hoạch phục hồi nền kinh tế Nga và các nước cộng hòa cũ của Liên Xô như Hoa Kỳ đã làm đối với Nhật và Đức sau thế chiến thứ hai. Cần kíp hơn, họ kêu gọi viện trợ cấp tốc thực phẩm, thuốc men để dân Nga và các nước cộng hòa qua được mùa đông này, tránh được một cuộc nổi loạn rộng lớn của dân chúng. Họ kêu gọi các công ty, ngân hàng đầu tư kinh doanh, trực tiếp hướng dẫn và tổ chức các xí nghiệp để dân Nga làm quen, học hỏi cơ chế và sinh hoạt của một nền kinh tế thị trường lành mạnh. Cho tới nay, những lời kêu gọi thống nhất ấy chỉ có những vang vọng nhỏ, vì một sự thực nền tảng của kinh tế thị trường nhiều người đã quên: đó là người ta chỉ đầu tư khi có lợi. Lợi nhuận là đầu mối của tất cả mọi vấn đề: lợi nhuận kích thích sản xuất và điều phối sản phẩm theo luật cung cầu. Thử hỏi các nhà tư bản có lợi gì mà vứt tiền đầu tư vào một chỗ hỗn loạn bấp bênh. Có người chống chế: "Nếu không mạo hiểm thì thế nào nhà họ cháy xong, lửa sẽ lan qua nhà mình". Chuyện xa vời quá! Nếu lo xa, thiên hạ chỉ lo coi lại dụng cụ ngừa hỏa hoạn ở nhà mình mà thôi!

Và đó là điều các nước tư bản tự do đang làm! Sợ nạn hỏa hoạn lan sang nước mình (vũ khí hạch tâm Liên Xô bị chuyển sang các nước khối thứ ba, làn sóng tị nạn kinh tế từ các nước cộng sản cũ đang gặp khủng hoảng, xung đột chủng tộc lan rộng làm thị trường mất ổn định...), phe cực hữu ở các nước tân tiến Tây phương càng ngày càng mạnh. Phe này đồng dạng với nhau về chủ trương chính trị: tự cô lập để bảo vệ sự phồn thịnh hiện có, giải kết các cam kết yểm trợ bên ngoài, chống lại những sắc tộc di dân tị nạn, đề cao thế ưu việt của chủng tộc mình...

Như vậy vô tình mà sau khi hệ thống cộng sản thế giới sụp đổ, một xu thế mới hồi sinh với những hậu quả khó lường: xu thế của tinh thần dân tộc cực đoan.

Hình như hai chữ "dân tộc" là tấm ván cứu rỗi cuối cùng của những thế lực chính trị trên đà phá sản, rõ nhất sẽ là ở Cuba, Trung Quốc, Bắc Hàn và Việt Nam.

Tuy còn gắng gượng công khai tuyên bố trung thành với chủ nghĩa Mác Lê để duy trì bảo vệ quyền lực, về mặt lý thuyết, ở các nước đó, bộ máy tuyên truyền của nhà nước đã cố gắng pha chế một liều thuốc ngọt mới, gồm một nửa là các lý tưởng công bằng xã hội có từ thời Marx và một nửa là niềm tự hào dân tộc. Đảng Cộng Sản Việt Nam bảo rằng con đường mình đang theo đuổi do Marx, Lénine và Hồ Chí Minh vạch ra (trong suốt cuộc đời hoạt động chính trị, Hồ Chí Minh chưa hề là một nhà tư tưởng chính trị).

Những người cộng sản thất vọng vì nhận thức ra bản chất của lý tưởng họ theo đuổi; và cả những người Việt lưu vong, vì không chấp nhận chế độ cộng sản, trước các ân oán, đổ vỡ, phân hóa, hiềm khích tích lũy của mấy mươi năm chiến tranh, muốn xóa bỏ quá khứ để bắt tay xây dựng tương lai, cũnghy vọng nhiều vào hấp lực kết hợp của hai chữ "dân tộc".

Không ai chối cãi l
dân tộc có khả năng l
kích thích quần chún
lớn lao. Có thể nói ca
tranh cho độc lập d
thế chiến thứ hai là l
nhất của các nước
từng bị ngoại bang
nguồn hứng khởi b
văn học nghệ thuật
thuộc địa, là thời hoàn
cuộc đời nhiều người. Nhưng cũng như tất cả mọi bài thơ, mọi huyền thoại, những người hăm hở cầm giáo cầm gươm đi giải phóng dân tộc phải có lúc chạm trán với thực tế phũ phàng. Hầu hết các nước nhược tiểu, đổ xương máu giành được độc lập từ ách đô hộ của thực dân phương Tây, giật mình nhận ra rằng độc lập dân tộc không đi liền với độc lập kinh tế. Thoát khỏi ách đô hộ không phải tất nhiên trở nên giàu mạnh, no ấm. Đa số trường hợp, do không có kinh nghiệm quản lý, do thiếu tự bản đầu tư, do chia rẽ phân hóa nội bộ... đời sống người dân độc lập còn khốn khổ hơn cả thời bị đô hộ. Mọi người lúc đó đành công nhận rằng độc lập dân tộc không phải là liều thuốc thần diệu chữa bá bệnh. Việt Nam không phải là một ngoại lệ.

Sở dĩ ngọn cờ dân tộc đối với Việt Nam còn có hấp lực mạnh hơn ở các nơi khác, là vì suốt năm mươi năm tự nguyện làm đoàn xung kích cho một cuộc chiến tranh ủy nhiệm, cả phe quốc gia lẫn phe cộng sản đều chưa thực sự sống còn bằng sức mình, chưa thực sự tự quản lý đất nước mình. Cả miền Nam lẫn miền Bắc đều sống và bắn nhau bằng tiền và vũ khí của nước ngoài, nghĩa là chưa thực sự trả giá cho nền độc lập như các nước nhược tiểu khác ở Á Châu, Phi Châu hoặc Mỹ Châu La Tinh. Mãi cho đến nay, cuối năm 1991, người Việt Nam chúng ta vẫn sống và suy nghĩ như một dân thuộc địa bị trị, trong lúc đó, lại còn giữ y nguyên huyền thoại của dân tộc

Ngọn cờ độc lập dân tộc se qui tụ được nhiều hệ phái chính trị, nhiều lực lượng quần chúng có quá khứ hoặc chính kiến khác biệt; sẽ là liều thuốc tạm thời hòa giải được một số tranh chấp, nhưng cũng chính ngọn cờ này tạo ra một cuộc phân hóa qui mô lớn hơn, giữa một bên là phe dân tộc cực đoan (viện lẽ hàng triệu sinh linh đã hy sinh cho nền độc lập nên muốn ngăn chặn mọi chi phối ảnh hưởng của ngoại quốc, đưa ra những nhân sinh quan hẹp hòi như "liệu cơm gắp mắm", "an bần lạc đạo"), một bên là phe thực tiễn chủ trương mở cửa giao thương để nâng cao mức sống người dân (dù tư bản ngoại quốc có trở thành chủ nhân ông của đất nước một lần nữa như thời thuộc địa).

Tranh chấp giữa hai phe càng khốc liệt thì chiêu bài dân tộc càng được sử dụng nhiều hơn. Lúc ấy, sẽ có nhiều lý luận nẩy lửa được đưa ra để biện

những thành kiến, kể
in xương máu những
chết, y như người Việt
hiện giờ.

iệu những điều không
g lúc mọi người nâng ly
au một năm 1992 tốt
t ý, tôi thực là người
hức thời. Nhưng làm
c! Càng sống nhiều, tôi
ấy lịch sử ít khi diễn tiến
ch hợp lý. Niềm nô nức năm ngoái hợp lý hơn nỗi lo âu năm nay sao? Ước mơ và hiện thực. Tôi chọn hiện thực. Tôi chọn một hiện thực đơn giản, đã được một nhà điện ảnh Việt Nam nói rồi: "Cái nhục của sự nghèo khổ cũng chẳng kêm gì cái sự mất nước. Đừng nghe những lời tâng bốc, hão huyền". (phim Chuyện Tử Tế).

Xin cầu chúc cho mọi người đủ bình tĩnh nhận ra đúng đâu là cái nhục của dân tộc chúng ta, đâu là những lời hão huyền tâng bốc!

1-1-1992

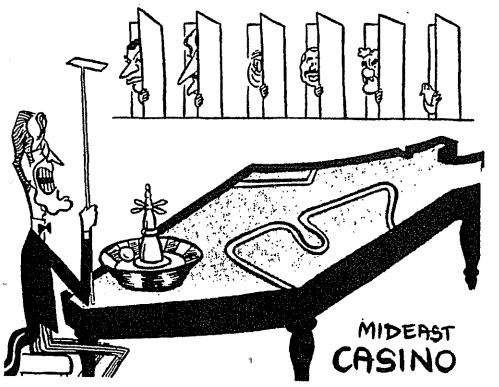

Ze'ev/Ha'aretz/Tel Aviv

THẾ TRẬN MỚI, TRẬN TUYẾN MỚI

TÔN THẤT THIỆN

I

Cách đây khá lâu, trong một bài bình luận trong tạp chí này về sự sụp đổ của Cộng Sản Đông Âu và mất độc quyền của Đảng Cộng Sản Liên Xô, bạn Vương Hữu Bột đã dùng một danh từ mà tôi nhớ mãi. Danh từ đó là "thế trận mới". Tôi nhớ mãi vì nó mô tả rất đúng thực trạng của thế giới và thực trạng Việt Nam hồi đó. Ngày nay, sau khi Gorbachev bị mất chức Tổng bí thư của Đảng Cộng Sản Liên Xô vì đảng đó bị giải tán sau vụ đảo chánh hụt của những phần tử phản động, và sau khi Gorbachev bị giải chức Tổng Thống Liên Xô vì Liên Bang Xô Viết bị giải thể, danh từ đó càng ý nghĩa hơn nữa. Rõ ràng là thế giới ngày nay đang ở trong một thế trận hoàn toàn mới.

Về chính trị, đặc điểm của thế trận mới này là khối xã hội chủ nghĩa (Cộng sản) thế giới "do Liên Xô vĩ đại lãnh đạo" (như ĐCSVN hằng rêu rao) nay hoàn toàn không còn nữa. "Cách mạng tháng tám" cũng hoàn toàn kết thúc, và từ nay chỉ được nhắc đến trong những trang sử sẽ được viết với một nhãn quan hoàn toàn mới, mô tả một phong trào, hay nói đúng hơn, một tôn giáo hay đạo giáo, phát sinh, lớn lên, suy tàn, sụp đổ, và bị chôn vùi chỉ trong vòng 74 năm -- một kỷ lục trong lịch sử thế giới! Những buổi lễ linh đình kỷ niệm Cách mạng tháng Mười ở Mốt-xcô-va, nơi khai sinh và thủ đô của cách mạng thế giới, nay sẽ không còn nữa.

Về quân sự, Hồng quân hùng mạnh gồm gần bốn triệu người đã một thời làm thế giới đảo điên và ngay cả một siêu cường như Hoa Kỳ phải lo âu, nay đang bị chia thành mười hai mảnh, chẳng còn đe dọa được ai. Khối kinh tế Comecon và phân công kinh tế của cộng sản nay chỉ là một tấm kính vỡ, và các quốc gia cộng sản suy sụp, đứng đầu là cựu Liên Xô, đang bị nạn đói đe dọa và phải ngửa tay khẩn khoản xin viện trợ của các nước tư bản mà trong hơn 70 năm qua họ cho là đang "dẫy chết".

Về ý thức hệ, chủ thuyết Mác-Lê, "đỉnh cao của trí tuệ loài người", đã làm cơ sở cho những chế độ "xã hội chủ nghĩa", không những đã tiêu biểu cho những sự đàn áp tự do tàn bạo hạng nhất trong lịch sử, mà hoàn toàn không đem lại được cơm áo cho dân chúng, nay chỉ còn được coi như một chủ thuyết sai lầm đáng làm trò cười cho mọi người, hay đã đem lại tai hại cho dân chúng và bị oán thán ở chính các nước "xã hội chủ nghĩa", nhất là ở Liên Xô, quán sứ của nó, vì, như Yeltsin đã tuyên bố trong thông điệp Giáng Sinh, nó đã bị "úp lên đầu" nhân dân Nga.

Liên Bang Xô Viết chỉ còn là một sự kiện lịch sử. Chủ thuyết Mác-Lê đang trở thành một đề tài nghiên cứu của sử gia. Khối xã hội chủ nghĩa chỉ còn sót vài đơn vị không làm mưa làm gió được nữa và đang co cụm tìm phương kế tồn tại với rất ít hy vọng thành công nếu không cải tổ lớn. Trung cộng đã từ bỏ ý đồ cách mạng thế giới và đấu tranh "ai thắng ai", và đang nhẹ nhàng lén lút rút khỏi "xã hội chủ nghĩa", càng ngày càng thêm "Trung" và bớt "cộng", nhưng không chắc thoát được trào lưu thế giới đang hướng về dân chủ, nhất là sau khi Đặng Tiểu Bình qua đời.

Trong các nước xã hội chủ nghĩa nhỏ, Cuba đang thí

nghiệm "giải pháp zéro" (n.l. trở về đời sống man dã) do Fidel Castro đề xướng để tiếp tục "xã hội chủ nghĩa". Việt Nam, dưới sự thống trị của một đám lãnh tụ đồng hạng với Đỗ Mười (mà dân chúng gọi mỉa là "Me xừ đổ đít), hiện đang loay hoay tìm cách thoát khỏi "giải pháp zéro" về kinh tế, nhưng lại ù lỳ không chấp nhận những cải tổ sâu rộng thực sự cần thiết về đường lối chính trị và ngoại giao diệt chủng nên vẫn mắc kẹt trong tình trạng bi đát tuyệt vọng. Bắc Hàn đang xoay chuyển, chưa biết đến đâu, nhưng chắc rằng chỉ có thể đi về hướng hòa dịu và cải tổ, và dù sao, với một Liên Xô bị giải thể và Trung Quốc đã bỏ ý đồ cách mạng thế giới, Bắc Hàn cũng không đe dọa ai được.

Về phía các siêu cường quốc và đại cường quốc tư bản chủ nghĩa, mối bận tâm chính ngày nay không phải là tăng cường lực lượng quân sự hay tổ chức kinh tế chính trị để đối đầu với Liên Xô và khối xã hội chủ nghĩa (Cộng sản) nữa, mà là cố sức dồn tài nguyên để giúp đỡ những quốc gia cựu thù nghịch của mình để họ khỏi phải hoàn toàn sụp đổ và rối loạn. Đằng khác, những cường quốc tư bản này còn phải chỉnh đốn lại cơ sở kinh tế của mình để cho thích hợp với tình hình mới do phát minh khoa học kỹ thuật nhanh chóng gây ra. Nhu cầu này đòi hỏi phải có một thế giới hòa bình và dân chủ, và sự loại bỏ bạo lực cùng những chủ trương cực đoan và những chế độ độc tài -- tả khuynh lẫn hữu khuynh, cộng sản lẫn chống cộng sản -- vì những chế độ này có những hành vi (phần lớn là có tính cách nghịch lý, gây rối và phá hoại) không thể tiên đoán được. Nhu cầu này cũng đòi hỏi chính quyền các cường quốc giúp đỡ các nước chậm tiến phát triển kinh tế vì nghèo đói là một nguyên do chính của tuyệt vọng đưa đến những giải pháp cực đoan.

Kahecl/Al-Majalla/London

II

Với một thế giới như thế giới mô tả trên đây, rõ ràng là ta đứng trước một thế trận mới. Với thế trận mới này tất nhiên một trận tuyến mới sẽ xuất hiện. Riêng về Việt Nam, trận tuyến mới này sẽ có hai phía và ba thành phần chính. Hai phía đó là phía cực đoan độc tài, và phía trung đạo dân chủ. Ba thành phần đó là: 1/ Những thành phần cực đoan tả khuynh cộng sản; 2/ những thành phần cực đoan hữu khuynh chống cộng sản; 3/ những thành phần trung đạo.

Những người cộng sản cực đoan tả khuynh chủ trương thẳng tay đàn áp đối lập không những ngoài Đảng mà ngay cả trong Đảng. Họ viện cớ duy trì sự "trong sáng" của Mác-Lê để biện minh cho thái độ và hành động của họ. Trong nhãn quan của họ, trong một quốc gia "xã hội chủ nghĩa" không có chỗ đứng cho bất cứ ai từ chối chế độ và ý thức hệ "xã hội chủ nghĩa", hay đặt vấn đề về sự lựa chọn của ĐCSVN về con đường xã hội chủ nghĩa, hay về sự độc quyền lãnh đạo của đảng đó. Những phần tử chống đối là những phần tử "phản cách mạng" hay "phản động" cần phải cô lập hóa, vô hiệu hóa, hay thanh toán. Tất nhiên, vì lý

do chiến thuật giai đoạn kiểu "lê nin nít", họ cũng nói chuyện "hòa giải", nhưng hòa giải, trong thâm tâm của họ, chỉ có mục đích lường gạt dư luận. Theo Lê Nin, trong giai cấp đấu tranh không thể có hòa giải được.

Những thành phần cực đoan tả khuynh cộng sản gồm những cộng sản gộc hiện nắm giữ những chức vụ then chốt, đặc biệt là trong những cơ quan quân sự, an ninh, và kinh tế, trong bộ máy cai trị của ĐCSVN, từ cấp trung ương xuống đến phường xã, cố bám lấy quyền hành, và dùng quyền lực để duy trì quyền hành đó. Họ nương tựa lẫn nhau, che chở bao bọc lẫn nhau. Do đó, như Nguyễn Khắc Viện đã nhấn mạnh trong thơ gởi Nguyễn Hữu Thọ, họ từ chối, ngăn chặn và cản trở tất cả những biện pháp nhằm cải tổ chính sách, lành mạnh hóa chính quyền và dân chủ hóa. Những thành phần cầm quyền và hưởng thụ này chỉ vài ngàn người, mang chức "ủy", nhiều lắm là vài chục ngàn. Họ là những thành phần phản động nhất ngày nay trong xứ cũng như trong ĐCSVN. Họ là những kẻ sẽ chôn vùi Đảng vì không cho Đảng biến để thông và cứu, như đám phản động đảo chính hụt ở Liên Xô đã làm hồi tháng Tám năm qua.

III

Những thành phần trên đây đứng chung một phía với những phần tử chống cộng sản cực đoan hữu khuynh. Những thành phần này thường tự xưng là thuộc "phe quốc gia". Họ là những người chống cộng vô điều kiện, chủ trương diệt cộng "đến tận gốc tận rễ", n.1., không những thanh toán hết cộng sản gộc, mà những người vì hoàn cảnh hay vì bị mắc lừa đã theo cộng sản nhưng nay tỉnh ngộ đã bỏ cộng sản, họ cũng không tha. Hơn nữa, để ăn chắc rằng trên mảnh đất Việt Nam không những không còn bóng dáng tên cộng sản nào, hoặc vết tích cộng sản nào, mà để đề phòng trên lãnh thổ Việt Nam không thế nào còn nguy cơ cộng sản gì nữa, họ không buông tha những người mà họ cho là thân cộng, thiên cộng, và có thể làm lợi cho cộng sản. Theo nhãn quan của họ, trong một Việt Nam hậu cộng sản, không có chỗ đứng cho một đảng cộng sản hay một ai thuộc những thành phần nêu trên. Họ với cộng sản, bất cứ thứ cộng sản gì, "không đội trời chung", chỉ có "một mất một còn".

Cũng như những cộng sản gộc, những người chống cộng cực đoan hữu khuynh từ chối hòa giải vì họ cho rằng chấp nhận hòa giải là "rơi vào bẫy cộng sản". Đối với họ, những người nào ở phía quốc gia chủ trương hòa giải là những người nguy hiểm, nếu không phải là cộng sản trá hình, thiên cộng, thân cộng, thì cũng "làm lợi cho cộng sản". Do đó họ phải chống đối những người này triệt để, phải "lột mặt nạ chúng", phải bịt mồm chúng. Và, trong một vài trường hợp đã xảy ra, họ không do dự dùng biện pháp khủng bố bằng bạo lực.

Những người trên đây không ý thức được là họ đương nhiên là những đồng minh của cộng sản. Theo danh từ cộng sản thường dùng, họ là "đồng minh khách quan" của cộng sản. Tại sao? Vì những tuyên bố và hành vi của họ làm cho những người tuy ở trong hàng ngũ cộng sản vì đã bị lừa gạt, hay vì hoàn cảnh (vào lỡ vì tình thần yêu nước, nhưng mắc kẹt luôn), nay đã tỉnh ngộ, muốn rút ra, nhưng sợ ra thì bị tiêu diệt. Ngay những người mà họ biết là không cộng sản, hay cho rằng chống cộng sản đi nữa, mà còn bị nguy cơ thủ tiêu, thì họ, là những người đã ở trong hàng ngũ cộng sản, có hy vọng gì thoát nạn? Do đó, họ phải ở lại với Đảng. Ở trong hàng ngũ Đảng, họ phải tôn trọng kỷ luật Đảng, áp dụng "dân chủ tập trung" và theo mệnh lệnh thượng cấp, n.1. của đám cộng sản gộc, cố tranh đấu bảo vệ Đảng để trường tồn. Trong sự huy động đảng viên để tranh đấu cho đảng trường tồn này, lãnh đạo ĐCSVN được những người đồng minh quý báu là những thành phần chống cộng cực đoan hữu khuynh, vì những người này là những người tuyên truyền hữu hiệu nhất cho Đảng: họ xác nhận luận điệu của lãnh đạo Đảng: "Các đồng chí để Đảng thua và chúng nó thắng là chúng cắt cổ các đồng chí hết không buông tha một ai".

IV

Qua những dữ kiện trên đây ta thấy rõ phía cực đoan tuy gồm hai phe, cộng sản và chống cộng sản, đều chủ trương tận diệt lẫn nhau, nhưng trong thực tế họ là đồng minh khách quan của nhau, đối diện phía những người chủ trương dân chủ và hòa giải. Hàng ngũ của những người, hoặc nhóm này khá phức tạp. Nhưng tổng quát, ta có thể gom họ thành ba cánh: 1/ trung tả, 2/ trung hữu, 3/ chính trung.

Trung tả gồm những người phía cộng sản, và có thể là đảng viên trong thâm tâm không còn tin tưởng gì ở cộng sản nữa; tuy vậy, họ đặt nặng vấn đề công bằng xã hội.

Trung hữu gồm những người phía quốc gia, tuy có nhiều lý do để oán hoặc ghét cộng sản, nhưng có đủ sáng suốt để đặt quyền lợi của dân tộc lên trên những tình cảm cá nhân, và đủ tinh thần thượng võ để chấp nhận chơi trò chơi dân chủ một cách thẳng thắn; họ là những người coi trọng khía cạnh tự do hơn là khía cạnh công bằng xã hội.

Chính trung gồm những người đặt hai vấn đề tự do và công bằng xã hội ngang hàng nhau; và muốn thấy có một sự hòa giải dẫn đến một sự hòa hợp dân tộc; họ tự coi họ là

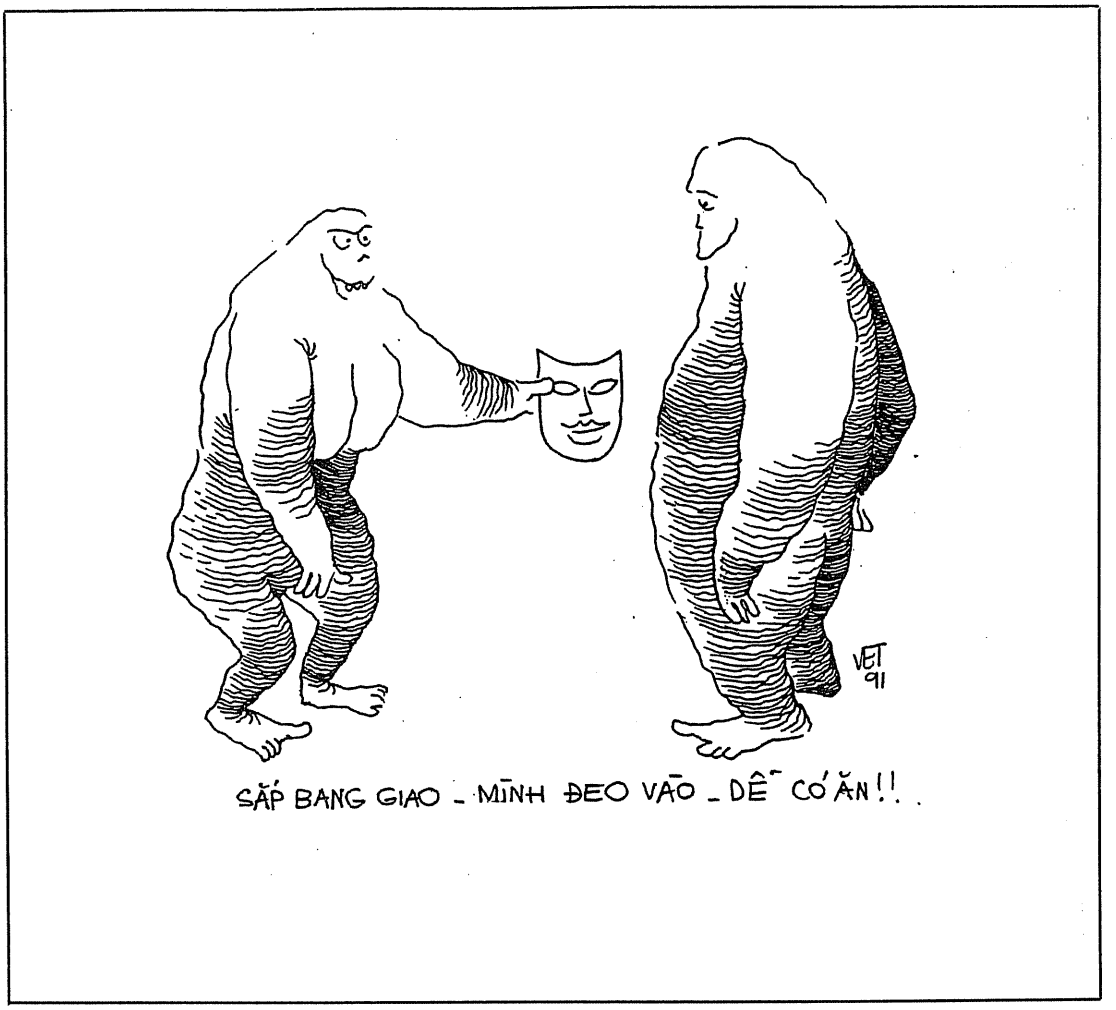

thành phần trung gian giữa hai cánh tả và hữu.

Tuy quan điểm của ba cánh trên đây có nhiều dị biệt về chính trị, kinh tế, và nhất là xã hội, nhưng mẫu số chung là: họ đều thấy rõ nhu cầu hòa giải để tránh cho xứ sở những sự xáo trộn gây bất ổn vô tận do báo thù báo oán gây nên; họ thấy rõ rằng thế giới ngày nay đã hoàn toàn thay đổi và nhân dân Việt Nam không còn kẹt trong sự tranh chấp giữa các đại cường quốc; họ cũng chấp nhận rằng con người có thể thay đổi vì lý trí minh mẫn, có sai lầm, dù là sai lầm nặng đi nữa, đến một lúc nào đó người ta sẽ thức tỉnh, hoặc vì thực tại bắt buộc phải đổi thay để tồn tại; cuối cùng, họ chấp nhận rằng trong một chế độ thực sự dân chủ, ai cũng có quyền sống, phát triển, và đóng góp vào công cuộc kiến thiết xứ sở.

Ba cánh trên đây đương nhiên là đồng minh của nhau, tuy vì lý do khác nhau. Sự đồng minh này không phải là khách quan, mà là chủ quan, vì không những những người trong ba cánh này không coi nhau như thù nghịch và không tìm cách tiêu diệt lẫn nhau, mà, trái lại, họ coi nhau như những người đồng quan điểm căn bản, có thể đi đến một sự liên kết và tập hợp thành một liên minh để bảo vệ dân chủ thực sự chống mọi độc tài sau này, dành quyền sống cho mọi người và hợp sức để xây dựng lại xứ sở, khi ĐCSVN đã bị loại trừ.

V

Như đã phân tách trên đây, thế trận mới của thế giới đưa đến sự thành hình một trận tuyến mới ở Việt Nam; một phía là liên minh khách quan của những phần tử có xu hướng độc tài và cương quyết chống hòa giải, và một phía là liên minh chủ quan của những phần tử chống độc tài và chấp nhận hòa giải. Trong thời gian tới đây, trận tuyến mới này sẽ càng ngày càng rõ rệt, vì những biến chuyển của tình hình thế giới và Việt Nam buộc mỗi người phải có một sự lựa chọn dứt khoát.

Montreal, 1/1/1992

THAY ĐỔI TOÀN DIỆN ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

VƯƠNG HỮU BỘT

Cho đến nay khi bàn về nền kinh tế Việt Nam, chúng ta quen đặt vấn đề dưới nhan đề: Đổi Mới Kinh Tế. Bản "Đề Cương Chiến Lược tạo thăng bằng kinh tế xã hội và phát triển đất nước đến năm 2000" của đảng Cộng Sản Việt Nam sau đại hội kỳ 7 cũng nhấn mạnh đến việc "đổi mới cơ chế và quản lý kinh tế". Nhưng nếu chúng ta theo dõi các chương trình gọi là cải tổ kinh tế (economic reform) ở các nước Đông Âu và ở Nga gần đây, thì các chương trình đó không phải chỉ là đổi mới một hệ thống kinh tế đang tồn tại - kinh tế xã hội chủ nghĩa. Các chương trình đó thực sự nhắm thay thế một hệ thống kinh tế cũ bằng một hệ thống kinh tế hoàn toàn mới.

Trước các biến cố cuối năm 1989 ở Đông Âu, các nỗ lực ở các nước Hung, Ba Lan có tính cách đổi mới, nghĩa là họ vẫn hy vọng duy trì các căn bản của hệ thống XHCN chỉ sửa đổi từng chút một, bằng một số biện pháp du nhập thêm yếu tố thị trường. Nhưng việc đổi mới theo cách đó đã thất bại. Khi các nước XHCN tự thoát xác, thiết lập các cơ chế chánh trị dân chủ, thì đồng thời họ cũng mạnh dạn bắt đầu thay đổi toàn bộ nền kinh tế từ cơ bản.

Diễn trình sửa đổi từ 1968 ở Hungary, cho đến cuối năm 1989 có thể gọi là Đổi Mới Kinh Tế. Nhưng sau cuộc vận động dân chủ 1989 ở Đông Âu thì Ba Lan, Hung, Tiệp Khắc không phải chỉ Đổi Mới, họ đang Thay Đổi Toàn Diện nền kinh tế, cơ bản là ở lãnh vực vi mô (1).

Trong bài này chúng ta sẽ học hỏi kinh nghiệm của quá trình hơn một năm thay đổi kinh tế ở các nước trên (1990-1991) để rút kinh nghiệm cho Việt Nam.

I- MƠ HỒ VỀ CƠ CẤU VI MÔ, ĐIỀU TIẾT VĨ MÔ

Ở trong nước, một khẩu hiệu hay được đề cao là thiết lập "nền kinh tế hàng hóa với sự điều tiết vĩ mô của nhà nước".

Khi nói đến "nền kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường" cần phải xác định nội dung của các từ đó là gì. Khi kinh tế được buông lỏng, chợ trời mọc lên, buôn lậu khắp nơi, xí nghiệp và hợp tác xã tư nhân chụp giựt. Đó có phải là kinh tế thị trường hay không?

Và "Nhà nước đóng vai trò điều tiết vĩ mô" nghĩa là gì? Có phải là nhà nước nâng đỡ, trợ cấp cho ngành sản xuất này, hạn chế ngành, nghề khác hay chăng? Việc ban hành các đạo luật đầu tư, luật công ty có gọi là điều tiết vĩ mô hay không?

Cả hai câu hỏi trên đều phải trả lời là không, nếu ta hiểu kinh tế vi mô và vĩ mô nghĩa là gì, thị trường là thế nào và trong nền kinh tế thị trường nhà nước đóng vai trò nào. Chúng ta sẽ bàn sau ở dưới đây.

Khi kiểm điểm và phê phán các cải cách ở Việt Nam, báo chí trong và ngoài nước thường nhấn mạnh đến các vấn đề có tính cách vĩ mô (toàn thể nền kinh tế) như chống lạm phát, chính sách lãi suất, hối đoái, các kế hoạch phát triển vùng hay toàn quốc, chính sách về nhập cảng, xuất cảng, v.v... Mặt khác các vấn đề có tính cách vi mô (về các đơn vị kinh tế, cá thể kinh tế) thường bị nhìn một cách sai lệch; các nhược điểm về nhân sự, về cán bộ quản lý được nhấn mạnh, trong khi các vấn đề cơ cấu bị coi nhẹ.

Tính mơ hồ trong cách nhìn kinh tế vĩ mô và vi mô thấy cả trong các bài viết của các nhà chuyên môn. Sau cuộc khủng hoảng tín dụng ở Sàigòn (1989) một nhà kinh tế viết: "Nguyên nhân gây nên tình hình hiện nay của HTXTD chủ yếu có tính cách kinh tế vĩ mô. Đó là do sản xuất kinh doanh đình đốn, lưu thông phân phối không thông xuốt v.v..." (2). Lời phân tích trên đây rất xác đáng. Các chính sách tăng lãi suất, thu hút tiền tiết kiệm, giảm lạm phát, không những vô hiệu mà còn gây khủng hoảng tín dụng vì các cơ sở sản xuất và phân phối chưa hoạt động hữu hiệu. Nhưng gọi tên các vấn đề đó là vấn đề kinh tế vĩ mô thì sai. Vì các cơ sở sản xuất, hệ thống phân phối làm ăn tốt hay xấu là phạm vi nghiên cứu và chính sách kinh tế vi mô.

Để quý vị độc giả không ở trong ngành kinh tế hiểu rõ hơn, xin nói sơ lược về hai ngành của kinh tế học, vĩ mô và vi mô - chúng tôi muốn đề nghị dùng danh từ Kinh Tế Toàn Thể và Kinh Tế Cá Thể, phù hợp với nội dung môn học hơn, nhưng cứ tạm dùng các từ ngữ quen thuộc, vĩ mô và vi mô.

Phạm vi nghiên cứu và học hỏi của kinh tế vi mô (cá thể) là các đơn vị kinh tế: Người tiêu thụ, xí nghiệp sản xuất hoặc dịch vụ, tương quan giữa các đơn vị kinh tế, động thái và phản ứng của các đơn vị kinh tế đối nhau v.v... Môn Kinh Tế Vĩ Mô,

ngược lại, lấy toàn thể nền kinh tế làm đề tài nghiên cứu. Các đề tài quen thuộc là: tương quan giữa lãi suất với tiết kiệm, đầu tư, phản ứng của sản xuất, tiêu thụ đối với các chính sách thuế khóa và tiền tệ v.v..., trong toàn thể nền kinh tế.

Jan Vanos đã nhận xét rằng các nhà cải cách ở các nước Đông Âu trong thời gian qua (1990-91) đã không hiểu các cơ bản vi mô của nền kinh tế vĩ mô (3). Vì thế mà các chính sách vĩ mô ở các nước trên không đạt được hiệu quả mong muốn. Jan Vanos cũng nhận xét rằng phần lớn các nhà kinh tế có trách nhiệm ở các nước trên bản thân được huấn luyện về kinh tế vĩ mô, ở cấp xí nghiệp như tài chánh, kế toán, quản lý xí nghiệp, v.v...

Trong khi đó thì nhược điểm chủ yếu của nền kinh tế XHCN là ở lãnh vực vi mô. Nhược điểm đó thể hiện ở cấp quản lý, điều đó khá hiển nhiên. Người quản lý, người thợ, người đốc công không giỏi về tổ chức sản xuất, nghiên cứu thị trường, quản trị tài chánh và kế toán v.v... Nhưng nếu chỉ có một nhược điểm đó thôi cũng dễ. Mở lớp huấn luyện, tu nghiệp, mướn chuyên viên ở ngoài vào phụ giúp, là các giải pháp hứa hẹn. Nhưng còn một nhược điểm trầm trọng hơn về vi mô, mà mỗi xí nghiệp không thể giải quyết được. Đó là khung cảnh pháp lý, cơ cấu kinh tế, tài chánh và hệ thống kiểm soát nghiệp vụ để các xí nghiệp và con người được khích lệ làm việc giỏi hơn. Khi mới nói đến khung cảnh pháp lý, tài chánh v.v... người ta dễ tưởng lầm rằng đó là các vấn đề chung của nền kinh tế, do đó là các vấn đề toàn thể, vĩ mô. Sự thật là các vấn đề trên thuộc phạm vi nghiên cứu của kinh tế vi mô, cá thể. Các thay đổi về khung cảnh pháp lý, tài chánh v.v... cốt tạo ra cạnh tranh, tự động kiểm soát và khích lệ làm gia tăng động lực làm việc, thúc đẩy các xí nghiệp cắt giảm chi phí, phải chú ý hơn và phản ứng bén nhậy hơn đối với thị trường. Người ta chỉ có thể sửa đổi các khung cảnh đó để đạt tới hậu quả mong muốn nếu hiểu rõ động thái, tác phong làm việc ở các đơn vị kinh tế, nghĩa là phải tìm hiểu các cơ bản vi mô (cá thể) của nền kinh tế.

Các nước cải cách ở Đông Âu muốn dùng những chính sách vĩ mô đã có hiệu quả ở các nước tiền tiến nhờ đó đã có các cơ sở vi mô thích hợp. Đem các chính sách đó qua áp dụng ở các nước Đông Âu đang chuyển mình, mà ở đó các cơ sở vi mô của một nền kinh tế thị trường chưa thành hình, thì hậu quả lại khác hẳn. Jan Vanos đã nêu một thí dụ ở Ba Lan. Kinh nghiệm ở các nước Âu Mỹ cho biết rằng khi lương biểu thật (real wage) của lao động giảm xuống thì sẽ gây động lực để kinh tế hồi phục. Sách vở kinh tế giải thích rằng khi lương lao động giảm, giá thành của các sản phẩm sẽ giảm, giá bán có thể giảm theo vì các nhà sản xuất phải cạnh tranh về giá cả. Giá bán giảm nên hàng bán được tăng lên, nói theo thuật ngữ kinh tế là cầu tăng, thúc đẩy cho cung tăng theo. Do đó nhiều người sẽ đầu tư thêm, thuê mướn thêm lao động, và tổng số sản xuất sẽ lên, thất nghiệp giảm xuống. Tất cả diễn trình trên giả thiết kinh tế thị trường đã có sẵn.

Ở Ba Lan người ta đã áp dụng bài học này. Chính phủ cho phép giá cả tự do với hậu quả là giá hàng tăng lên; nhưng chính phủ kiểm soát lương bổng không cho tăng, tức là khiến cho lương bổng thật giảm xuống. Nhưng kinh tế không thấy hồi phục, đầu tư và sản xuất vẫn đình trệ. Lý do là vì các xí nghiệp ở Ba Lan không phản ứng giống như các xí nghiệp ở Mỹ và Tây Âu. Có thể vì họ không có thói quen phát hiện cơ hội tốt, không tính toán nhanh, và không quen chú trọng đến lợi nhuận. Nhưng lý do quan trọng hơn nữa là các việc gia tăng thiết bị, gia tăng kế hoạch sản xuất, mở mang các cơ sở sản xuất mới đều bị cản trở. Vì cả khung cảnh pháp lý, cơ cấu sở hữu, lẫn thị trường tài chánh đều không thuận tiện, không tạo cơ hội, thúc đẩy các quản đốc xí nghiệp quyết định đầu tư.

Một thí dụ khác là chính sách lãi suất và tiền tệ, đã xảy ra ở tất cả các nước Đông Âu. Ba Lan, Tiệp Khắc và Hungary áp dụng chính sách tiền tệ chặt chẽ (tight money) như bớt cung cấp tín dụng cho các xí nghiệp, tăng lãi suất. Ở các nước tiên tiến, chính sách trên sẽ thúc đẩy các xí nghiệp kiểm soát ngân sách của chính họ, giảm số nợ của các xí nghiệp, để tránh bị vỡ nợ, có thể thành khánh tận. Nhưng ở Đông Âu thì lại khác. Các xí nghiệp ở đó không thể vay nợ ngân hàng, thì họ thay thế bằng hình thức vay nợ lẫn nhau. Họ cứ việc giao hàng, nhận hàng, và không thanh toán. Tất cả các xí nghiệp bị kẹt vì thiếu tiền lưu hoạt (liquidity). Ở các nước tư bản thì một xí nghiệp không thanh toán hóa đơn sẽ có thể bị đưa ra tòa, có cơ vỡ nợ. Ở các nước XHCN chuyện đó không xảy ra, một phần vì phần lớn xí nghiệp chỉ có một xí nghiệp quan trọng khác mua hàng của mình; không ai dám đẩy khách hàng duy nhất của mình đến chỗ khánh tận. Một phần khác là vì tất cả các quản đốc xí nghiệp có các liên hệ thân tình, qua hệ thống đảng xưa kia, tối tối họ vẫn còn đi uống Vodka với nhau, không ai nỡ đưa nhau ra tòa (4). Mối đe dọa khánh tận là một động lực khiến các xí nghiệp tư bản lo kiểm soát tài chánh, điều đó không xảy ra ở Đông Âu. Cũng mối đe dọa đó ở Đông Âu có khi lại gây tai hại. Vì khi lo rằng xí nghiệp có thể bị khánh tận, các viên quản đốc sẽ tăng lương cho mình và cho nhân viên, để vớt vát chút nào hay chút đó (5). Tại sao? vì cơ bản về quyền sở hữu, bổ nhiệm, chia lời, lương bổng vẫn còn thuộc về cơ cấu vi mô cũ.

Ở Việt Nam, cuộc khủng hoảng tín dụng 1989-90 xảy ra cũng vì các biện pháp vĩ mô áp dụng trong một cơ cấu kinh tế vi mô chưa thay đổi. Ngân hàng nhà nước cho tăng lãi suất để thu hút tiền tiết kiệm nhằm

giảm lạm phát (một vấn đề vĩ mô). Nhưng ngân hàng nhà nước không đóng đúng vai trò kiểm tra, điều hợp mà lại cứ can thiệp, quyết định trên đầu các HTXTD. Các HTXTD bị can thiệp thái quá, mà sự kiểm soát lại lỏng lẻo và không đúng chỗ, vì luật lệ tổ chức ngân hàng chưa có (một vấn đề vi mô), cho nên khủng hoảng đã nổ bùng.

Một thí dụ về can thiệp thái quá là ngân hàng nhà nước buộc các HTXTH ký quỹ không lời 10% số vốn, và hạn chế lãi suất đầu ra hơn đầu vào chỉ có 1%. Phan Trị đã làm thử một con toán cho thấy với một tỷ đồng vốn thì HTXTD mỗi tháng lỗ 3 triệu rưỡi, chưa kể chi phí và thuế! (6) Thí dụ khác về tình trạng vừa can thiệp quá đáng, vừa thả lỏng không kiểm soát là ngân hàng định nhiều lãi suất một cách độc đoán, thay đổi luôn luôn. Mặt khác ngân không hàng kiểm soát các dự án vay nợ của xí nghiệp, không thẩm lượng và theo dõi các dự án. Phan Trị đã nêu thí dụ một xí nghiệp không cần làm ăn gì cả, chỉ vay ngân hàng đầu này (trả dưới 4%), ký thác ở đầu kia (lời 7%) là mỗi tháng có lời 50 đến 70 triệu đồng.

Tóm lại Thay Đổi Kinh Tế phải thay đổi cơ cấu vi mô của nền kinh tế, thiết lập các định chế và luật lệ bảo đảm thị trường tự do và làm ăn theo luật pháp công bằng. Nếu không thì dù có chính sách vĩ mô nào cũng vô hiệu. Sự thay đổi vi mô bị trì hoãn không phải chỉ vì nhà nước thiếu hiểu biết về kinh tế, mà chính vì hễ thay đổi cơ cấu vi mô là đụng chạm đến quyền lợi của giai cấp đang hưởng lợi, gồm cả các quan chức thư lại lẫn các doanh nhân chụp giựt và buôn lậu, đại đa số là đảng viên.

II- VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN, THỊ TRƯỜNG VÀ NHÀ NƯỚC

Mục tiêu chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu kinh tế vi mô là tạo nên thị trường cạnh tranh, ở các lãnh vực sản xuất, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường tài chánh và ngân hàng. Muốn vậy thì phải giảm thiểu sự can thiệp của nhà nước vào hoạt động của các thị trường.

Nhưng sự can thiệp của nhà nước vào thị trường nên được hạn chế đến mức nào? Chúng ta đều biết rằng thị trường tự do là một yếu tố cần thiết cho kinh tế phát triển điều hòa, nhưng ta cũng biết rằng nền kinh tế tự do theo kiểu "tự do chết bỏ" là sai lầm và tai hại (7).

Muốn biết điều hòa hai yếu tố, thị trường cạnh tranh và vai trò can thiệp của nhà nước như thế nào, thì chúng ta cần bắt đầu bằng một cái nhìn tổng quát về hiện tượng phát triển kinh tế, và học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới đã đi qua giai đoạn phát triển.

Phát triển là một diễn trình giúp cho các nhu cầu cơ bản của dân chúng được thỏa mãn. Các nhu cầu đó thuộc phạm vi vật chất (cơm, áo, nhà ở...) hay tinh thần (học hỏi, thông tin, văn hóa, tự do chính trị). Dưới nhãn quan nhà kinh tế phát triển có nghĩa là sử dụng tài nguyên kinh tế một cách hữu hiệu, không để phí phạm, phân bố tài nguyên vào các công việc hiệu quả cao nhất, trong đó có sự gia tăng khả năng của con người để cải thiện đời sống của họ (8).

Kinh nghiệm của hai thế kỷ vừa qua cho thấy rằng thị trường cạnh tranh là con đường hiệu quả nhất để tổ chức việc sản xuất và phân phối hàng hóa và dịch vụ. Nhưng thị trường cạnh tranh đòi hỏi một cơ cấu pháp lý bảo đảm cạnh tranh trong công bằng, mà nhà nước phải đóng vai trò vừa thiết lập khung cảnh pháp lý, vừa làm trọng tài để bảo đảm luật pháp được tôn trọng. Mặt khác, có nhiều vấn đề kinh tế mà thị trường tự nó không giải quyết hoặc giải quyết không hữu hiệu. Thí dụ việc mở mang giáo dục, thiết lập cơ sở đường xá, lưu thông, bảo đảm đời sống vật chất của người nghèo, người già yếu, bảo vệ sinh môi v.v... Các việc đó thị trường thôi không lo được, phải có sự can thiệp của nhà nước.

Rút tỉa 40 năm kinh nghiệm ở các nước đang phát triển (1950-1989), bản báo cáo của các kinh tế gia thuộc Ngân Hàng Thế Giới đã nhận thấy con đường dẫn tới phát triển kinh tế cần bốn yếu tố (9). Bốn yếu tố đó cần thực hiện đồng thời, yếu tố này hỗ tương ảnh hưởng yếu tố khác. Bốn yếu tố gồm có:

1) Đầu tư vào con người (Invest in People), gồm có: phát triển giáo dục, y tế cơ bản, dinh dưỡng, và điều hòa sinh sản. Các việc trên đòi hỏi động viên tài nguyên toàn dân để sử dụng cho các mục tiêu chiến lược. Và vai trò của nhà nước ở đây rất quan trọng.

2) Cải thiện cơ cấu vi mô để tạo khung cảnh thị trường cạnh tranh thuận lợi (Improve the climate for enterprise). Muốn vậy nhà nước cần rút lui, nhường cho thị trường tự do định giá cả; nhà nước giảm bớt các hạn chế, các loại giấy phép rắc rối, giản dị hóa thuế má. Và khi có các biện pháp can thiệp thì phải công khai, minh bạch, không để cho các viên chức lạm dụng. Ngay cả việc tạo khung cảnh thuận lợi cho thị trường cũng đòi hỏi vai trò tích cực của nhà nước. Quốc hội phải ấn định rõ luật lệ về quyền sở hữu, luật lệ về giao kèo thương mại, về ngân hàng, về thủ tục khánh tận của xí nghiệp v.v... Chính phủ phải bảo đảm các công trình thủy lợi, đường, cầu, điện thoại, bưu điện, bến, cảng v.v... Hoạt động hữu hiệu, có phẩm chất cao. Tóm lại vai trò của chính phủ không phải là làm thay tư nhân những việc mà họ có khả năng làm với hiệu quả cao; vai trò của chính phủ là khuyến khích tư nhân làm việc và cạnh tranh đứng đắn.

3) Mở cửa nền kinh tế, hòa nhập vào kinh tế thế giới (Open economies to international trade and investment). Bỏ các hạn ngạch về ngoại thương, giảm thiểu hàng rào quan thuế, sau đó, khuyến khích đầu tư ngoại quốc, khuyến khích xuất cảng.

4) Duy trì chính sách kinh tế vĩ mô ổn định để tạo niềm tin của các nhà kinh doanh. (Get macro-

economic policy right). Cách chính phủ cần hạn chế sự khiếm hụt ngân sách, dùng các biện pháp thuế khóa và tiền tệ để khích lệ việc tiết kiệm và đầu tư, và cần nhất là kiểm soát mức lạm phát.

Bốn yếu tố trên là bốn cột trụ của phát triển kinh tế. Ảnh hưởng hỗ tương của bốn yếu tố được bản báo cáo của Ngân Hàng Thế Giới tóm tắt qua đồ biểu sau đây:

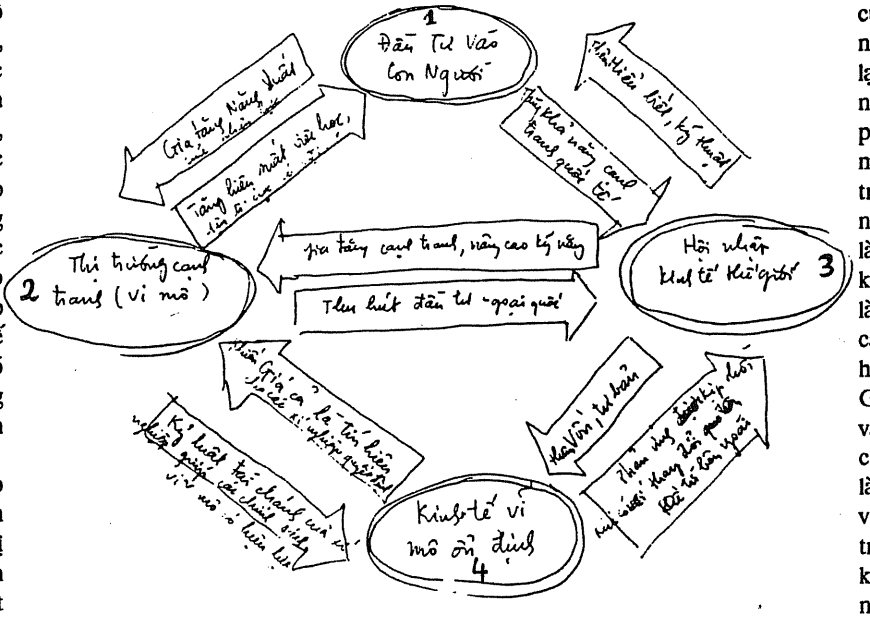

1) Gia tăng trình độ giáo dục, nhất là ở bậc tiểu học và trung học, bảo đảm sức khỏe sẽ giúp tăng năng suất của lực lượng lao động, và giúp nền kinh tế quốc nội có khả năng cạnh tranh với quốc tế.

2) Tạo khung cảnh cho thị trường cạnh tranh phát triển sẽ khiến việc đi học có lợi hơn vì người có kỹ năng cao sẽ được tưởng lệ xứng đáng. Thị trường cạnh tranh tự do và công bằng sẽ khiến các nhà đầu tư tin tưởng, kể cả những nhà đầu tư ngoại quốc. Mặt khác, luật lệ công bằng sẽ khiến các xí nghiệp chịu một thứ kỷ luật, kỷ luật của thị trường, lời ăn, lỗ chịu. Kỷ luật tài chánh của các xí nghiệp giúp cho các chính sách kinh tế vĩ mô đạt được kết quả ổn định toàn thể nền kinh tế.

3) Việc mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế thế giới giúp gia tăng cơ hội học hỏi về quản trị, kỹ thuật, nâng cao trình độ nghiệp vụ. Nhờ khung cảnh cạnh tranh của nền kinh tế thế giới mà các xí nghiệp trong nước cũng phải cạnh tranh với hàng nhập nội và thị trường xuất cảng, do đó phải tăng năng suất, giảm phí phạm, tìm hiểu thị trường và tăng phẩm chất của hàng hóa và dịch vụ. Chính sách mở cửa sẽ giúp thu hút vốn đầu tư, nhờ thế kinh tế vĩ mô dễ được cải thiện hơn.

4) Cuối cùng, nền kinh tế vĩ mô ổn định là điều kiện cần thiết để tạo niềm tin của các nguồn vốn ngoại quốc. Chính sách thuế khóa công bằng, chính sách tín dụng thoát khỏi tình trạng bao cấp sẽ giúp cho giá cả, kể cả lãi suất là giá của việc sử dụng vốn, trở nên tín hiệu trung thực của giá trị tài nguyên, vốn, nhân lực, và hàng hóa. Nhờ các tín hiệu trung thực đó mà các xí nghiệp phản ứng nhanh và đúng trong các quyết định kinh doanh của họ.

Tóm lại bốn cột trụ của phát triển cần hiện diện đồng thời thì mới thúc đẩy, bổ túc lẫn nhau. Nếu thiếu một yếu tố thì hiệu lực của các yếu tố khác đều bị giảm xuống.

Nhìn lại sơ đồ của bốn yếu tố phát triển ta thấy vai trò của thị trường rất quan trọng. Thị trường quốc nội phải có tự do và cạnh tranh trong luật pháp. Thị trường quốc tế thúc đẩy thị trường quốc nội phải cải thiện. Nhưng mặt khác, vai trò của nhà nước cũng thiết yếu và rất tích cực. Nhà nước tạo ra cơ sở pháp lý cho thị trường. Nhà nước chịu trách nhiệm về một số hoạt động đầu tư và phân bố tài nguyên mà thị trường không phụ trách, như giáo dục, xây dựng hạ tầng, y tế công cộng, nhà nước khuyến khích các ngành có năng suất cao, điều hợp chính sách ngoại thương, tín dụng, tiền tệ, để giữ cho kinh tế ổn định.

Vai trò của nhà nước, tóm lại, là làm những phần vụ mà thị trường tự nó không làm, hay không thể làm một cách hữu hiệu bằng. Giáo dục và y tế công cộng là các lãnh vực mà thị trường không tự nó đảm nhận. Bảo vệ môi trường thiên nhiên, tài nguyên có thể tái tạo hay không thể tái tạo, là những lãnh vực mà thị trường không hữu hiệu bằng nhà nước. Ngược lại, nhà nước phải tránh can thiệp vào thị trường theo thói quen cha chú (gia trưởng) muốn vậy, chúng tôi xin lập lại một quy tắc đã nêu lên trong cuốn Đổi Mới Kinh Tế: Đứng trước mỗi vấn đề kinh tế, nhà nước nên hỏi: "chuyện này có cần can thiệp hay không?" nếu không thì để tự do. Không nên đặt câu hỏi: "chuyện này có nên cho tự do hay không?" nếu không là trói buộc. Đặt câu hỏi lối thứ nhất là theo tinh thần pháp trị, cái gì không bị luật pháp cấm thì ai làm cũng được. Đặt câu hỏi lối thứ hai là theo tinh thần cha chú, coi mọi việc đều thuộc quyền

nhà nước, thả ra chỗ nào dân được nhờ chỗ đó. Ngoài vai trò can thiệp vào nền kinh tế khi cần thiết, nhà nước còn có vai trò chánh trị, là làm trọng tài, giữ cân bằng giữa các quyền lợi xung khắc vì sự khác biệt về địa phương, tôn giáo, giai tầng xã hội v.v... Những nhiệm vụ đó không ở phạm vi kinh tế nhưng nhất thiết liên hệ đến kinh tế. Việc can thiệp của nhà nước trong nhiệm vụ này cũng nên dùng cơ cấu, vận động của thị trường, tự do cạnh tranh, thì hơn là can thiệp để bóp nghẹt thị trường.

Ở Việt Nam việc đầu tư vào con người đã bị đình đốn; các năm qua y tế, giáo dục đều suy sụp, chúng ta chỉ có thể cải thiện giáo dục và y tế khi nào có thể huy động tài nguyên trong nền kinh tế, nghĩa là khi kinh tế bắt đầu phát triển. Kinh tế chỉ bắt đầu phát triển khi cơ cấu vi mô trở nên năng động, nhờ hệ thống thị trường. Cũng chỉ khi có thị trường năng động thì các biện pháp điều hòa vĩ mô và giải tỏa ngoại thương mới hữu hiệu.

Người ta thường hiểu lầm rằng muốn các doanh nhân và quản đốc làm ăn giỏi, năng động, thì chủ yếu là phải huấn luyện về nghiệp vụ quản lý và kỹ thuật. Sách vở dạy về quản trị tài chánh, tiếp thị, về phương pháp quản lý ở Nhật và Mỹ, hiện nay đã xuất hiện tràn ngập ở Việt Nam.

Nhưng người quản đốc không thể có tác phong kinh doanh nếu không phải làm việc trong khung cảnh thị trường cạnh tranh, có luật lệ, và có quyền sở hữu tư.

Một người quản đốc được bổ nhiệm không lo khả năng nhiệm vụ, mà chỉ lo tuổi đảng và "đạo đức cách mạng" thì ông, bà ta không bị thúc đẩy để cải thiện khả năng và hiệu năng công việc. Nếu quyết định sai thì cùng lắm là đổi sang địa vị khác, có khi lương bổng lại cao hơn. Khi chưa có quyền tư hữu thì quản đốc một xí nghiệp sẽ lo cho quyền lợi của mình hơn là quyền lợi xí nghiệp. Một quản đốc nhà máy sẽ dùng ngoại tệ sở hữu để nhập cảng máy móc, dù máy móc đem về để đó không dùng được - thử quan sát nhà máy dệt Phong Phú! Vì khi nhập cảng, ông hay bà ta có dịp đi nước ngoài, có dịp hưởng đút lót của người bán đồ thiết bị, và có thể buôn bán thêm. Có thể mấy năm sau "ở trên" mới khám phá ra quyết định nhập cảng thiết bị trên là sai lầm, nhưng dù có bị mất chức, ông, bà quản đốc cũng đã thụ hưởng, thâu nhập đủ cho quãng đời hưu dưỡng của họ.

Các khâu của hệ thống kinh tế dính liền với nhau. Một người ngoại quốc đến mở cơ sở làm đồ gỗ ở Việt Nam có thể được đối xử rất tốt, có nhiều tự do, nhưng khi mua gỗ thì vẫn phải mua gỗ của một xí nghiệp quốc doanh độc quyền. Xí nghiệp lâm sản có thể giao hàng sai, không đúng loại gỗ và phẩm chất hay kích thước trong giao kèo, mà nhà sản xuất phải chịu vì không tìm ra được nguồn cung cấp khác. Kiện cáo bao lâu mới được giải quyết? Luật lệ về giao kèo như thế naò? Trong khi chờ đợi thì nhân công, đồ thiết bị để làm gì? Khách hàng nước ngoài đặt mua đồ gỗ sẽ còn đợi được hay không?

Chưa có hệ thống kế toán đồng bộ, chưa có nghề kiểm soát kế toán (auditing) độc lập và trình độ nghiệp vụ cao, thì từ xí nghiệp đến ngân hàng đều không rõ lời lỗ ra sao. Khi ngân hàng còn ở trong tay nhà nước (trung ương hay địa phương) thì viên chức ngân hàng vẫn đối xử với trương chủ như là ban ơn phát huệ. Vì hệ thống ngân hàng chưa thay đổi, giá cả chưa tự do, hệ thống kế toán thương mại chưa có, xí nghiệp không thể tính toán lời lỗ. Do đó các viên quản đốc cũng không biết quyết định nào làm gia tăng tài sản, lợi nhuận của xí nghiệp. Thay vì áp dụng các kỹ năng về nghiệp vụ tiên tiến để mở mang xí nghiệp, họ có thể chỉ lo áp dụng các kỹ năng cũ: đi tìm các giới chức "ở trên" để xin tăng trợ cấp, móc ngoặc với ngân hàng để vay trả lãi nhẹ, xin trung ương cho thêm hạn ngạch xuất, nhập cảng, v.v...

Khi thay đổi cơ cấu vi mô để tạo ra "kỷ luật tài chánh của thị trường", lời ăn lỗ chịu, thì lúc đó tự động các xí nghiệp, các cá nhân sẽ học hỏi kỹ năng mới, tập các tác phong kinh doanh mới.

III- THAY ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ

Sau đây là một số các biện pháp thay đổi đã thử nghiệm ở các nước không Cộng Sản trước 1989, và ở các nước Đông Âu từ 1990. Mỗi biện pháp này cần triển khai thêm trong các cuộc thảo luận và học hỏi, mà trong một bài chúng ta không thể nêu đủ chi tiết. Các đề nghị sau đây dựa trên các kinh nghiệm do Ngân Hàng Thế Giới đã rút tỉa.

Các biện pháp thay đổi cần thiết là:

1- Ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện ngay từ năm đầu, một cách triệt để. Ba năm sau sẽ điều tiết theo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế.

1a Cân bằng ngân sách. Giảm chi tiêu của nhà nước bằng việc giải giới bớt quân đội, giảm bộ máy hành chánh; cắt, rồi bỏ hết các trợ cấp cho xí nghiệp quốc doanh. Tư hữu hóa nhà cửa, ruộng đất, xí nghiệp để tăng thâu cho ngân sách. Khi thị trường đã thành hình, giá cả tự do, thuế trị giá gia tăng (value - added tax) có thể áp dụng cùng với thuế lợi tức tăng thâu. Sẽ phải giải quyết vấn đề phân bố thuế thâu được giữa trung ương và địa phương. Khi tình hình tạm ổn định nhà nước vay bằng công khố phiếu.

1b - Điều hòa tiền tệ - Đi đôi với các cải tổ ngân hàng và hệ thống tài chánh, ngân hàng trung ương và chính phủ sẽ đóng vai trò điều hòa khối lượng tiền tệ cho phù hợp để tránh lạm phát quá đáng. Kiểm soát lương bổng đã được áp dụng ở Ba Lan, lương chỉ được tăng theo mức lạm phát từng tháng. Hạn chế tín dụng bằng sự kiểm soát chặt chẽ các dự án vay nợ, để khuyến khích xí nghiệp làm ăn giỏi. Không trợ cấp trá hình các xí nghiệp yếu kém bằng tín dụng dễ dãi. Ấn định tỷ

suất hối đoái thực tế. Đồng bạc xuống giá đã làm tăng xuất khẩu ở Ba Lan và Nam Tư trong năm 1990, song song với việc cởi mở ngoại thương.

Các biện pháp trên sẽ gây xáo trộn đời sống của nhiều người, chỉ có thể thi hành được nếu chính phủ được dân chúng tín nhiệm, hỗ trợ. Dân chịu hy sinh trong ngắn hạn, với niềm hy vọng sẽ cải thiện cuộc sống sau một, hai năm. Các biện pháp xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cần áp dụng để giảm bớt khó khăn cho người chịu thiệt thòi, nhất là các quân nhân và công nhân viên nhà nước phải phục viên.

2) Giải tỏa cơ cấu vi mô của thị trường để tạo ra khung cảnh cạnh tranh, năng động.

2a - Giải tỏa giá cả, người mua và người bán thương lượng giá trong thị trường phẩm vật, dịch vụ, lương bổng, tín dụng. Bãi bỏ bao cấp, một hình thức bóp méo giá cả. Việc mở cửa ngoại thương giúp giá cả trong nước chịu tác động của giá cả trên thị trường quốc tế. Hungary đã giải tỏa giá cả một cách từ từ trong khi Tiệp Khắc, nhất là Ba Lan, đã cải tổ rất nhanh. Lãi suất chỉ nên để tự do vài năm sau, sau khi kinh tế vĩ mô đã ổn định.

2b - Song song với giải tỏa giá cả, luật lệ cần được sửa đổi để doanh nhân và thị trường có xuất nhập tự do (free entry and exit). Giản dị hóa luật lệ về mở mang xí nghiệp mới, tạo cơ hội cho doanh nhân "nhập" thị trường. Định rõ luật lệ về vỡ nợ, về phá sản để xí nghiệp làm ăn thất bại phải chịu trách nhiệm, tức là "ra khỏi" thị trường. Chỉ có "xuất nhập tự do" mới tạo ra cạnh tranh.

Việc giải tỏa giá cả sẽ gây xáo trộn ngắn hạn, nhất là trong thị trường nguyên liệu và nhiên liệu, thực phẩm và đồ thiết dụng. Nhưng sau một năm, thị trường tự do cạnh tranh sẽ tạo nên ổn cố dần dần. Riêng trong lãnh vực y tế và giáo dục, giá cả có thể được thả lỏng một cách chậm chạp trong vòng 5 năm và có kiểm soát vì lợi ích công. Thị trường nhà cửa tự do có thể gia tăng tính lưu động của nhân dụng, thực hiện đồng thời với việc bãi bỏ hoàn toàn chế độ hộ khẩu.

2c - Bãi bỏ các độc quyền, khuyến khích cạnh tranh bằng luật lệ phân minh, định luật lệ cho phép mở xí nghiệp dưới nhiều hình thức: cá nhân, tổ hợp, công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã v.v... Áp dụng luật lệ công bằng cho người trong nước và người ngoại quốc. Đối xử công bằng giữa tư doanh và quốc doanh khi hai bên cạnh tranh trong cùng một thị trường, để tiến dần tới tư hữu hóa các xí nghiệp quốc doanh.

2d - Thị trường lao động - Quyết định thuê mướn, sa thải, do các xí nghiệp quyết định tự do ngay từ lúc bắt đầu thay đổi. Lương bổng bị kiểm soát trong một, hai năm đầu để điều hòa tiền tệ, sau đó phải cho tự do dần dần. Nhà nước phụ trách về phúc lợi của các nhân công bị gạt ra ngoài thị trường: bảo hiểm thất nghiệp, bịnh tật, thai sản, tai nạn lao động. Ở các nước XHCN xí nghiệp sẽ có tập quán chịu trách nhiệm về phúc lợi của nhân công, đó là điều tốt nên giữ. Nhưng trách nhiệm đó sẽ được chia xẻ với nhà nước, theo luật định, do phần đóng góp của xí nghiệp vào các quỹ trên, một cách công bằng, và không can thiệp vào quyết định về nhân dụng của xí nghiệp. Nhà nước cũng chịu trách nhiệm về phúc lợi của những người không thể gia nhập thị trường nhân dụng: người già yếu, tàn tật, mẹ độc thân v.v... bằng trợ cấp phẩm vật hay tiền.

Bulgari và Ba Lan đã áp dụng chính sách bảo hiểm thất nghiệp từ năm 1990, Hungary đã áp dụng từ đầu năm 1989. Tiền trợ cấp thất nghiệp tùy theo mức lương, hay theo lợi tức tối thiểu cần thiết, có giới hạn thời gian, hoặc giảm theo thời gian, nhằm khuyến khích công nhân tìm việc.

2e - Giải tỏa ngoại thương: hối đoái tự do trong các giao dịch thương ngoại. Bãi bỏ hạn ngạch, chỉ áp dụng quan thuế, và nâng đỡ xuất cảng, hạn chế nhập cảng một cách chừng mực, linh động để bảo đảm tự do cạnh tranh. Đại Hàn có các kinh nghiệm rất hữu ích về công tác linh động này.

(Còn tiếp một kỳ nữa)

CHÍNH SÁCH KINH TẾ TOÀN CẦU CỦA MỸ

THẾ UYÊN

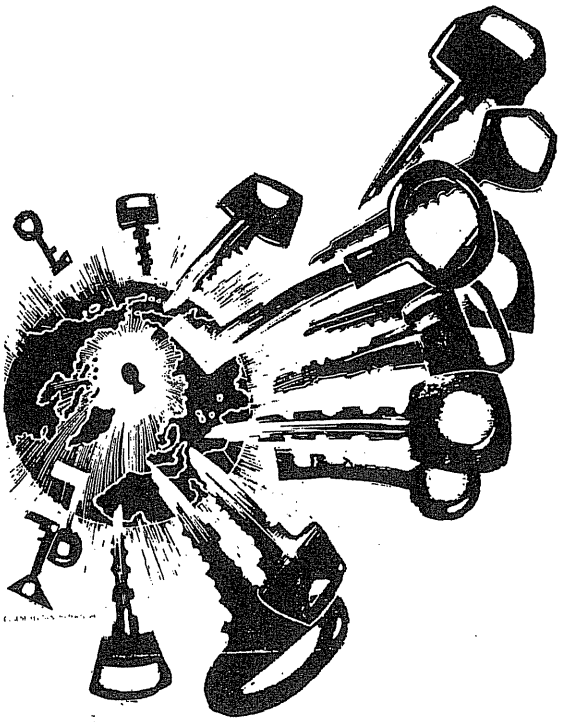

LTS -- Thế giới đã biến đổi rất nhiều và nhanh trong ba thập niên vừa qua trong khi kiến thức về kinh tế nói chung của người Việt hải ngoại cũng như nội địa không được cập nhất hóa. Bởi thế chúng tôi nhờ một nhà văn có mũi dùi tư tưởng xông xáo nhất hiện nay là Thế Uyên tìm hiểu một số những vấn đề kinh tế xã hội hiện nay. Thế Uyên không hề là một chuyên viên kinh tế như một số giáo sư gốc Việt đang giảng dạy môn kinh tế tại các Đại học Hoa Kỳ, nhưng chính vì thế anh có cái nhìn tổng quát và nhân bản, gần gũi với chúng ta hơn.

Nếu để ý quan sát một chút, người Việt ở Mỹ rất dễ nhận ra những hàng hóa vật dụng mua dùng trong đời sống hàng ngày đa số mang nhãn hiệu chế tạo ở ngoài nước Mỹ. Không ai ngạc nhiên khi thấy mình đang mặc một T-Shirt của Đài Loan, quần jean của Hongkong, giầy Đức, vớ Đại Hàn, mặc áo len Thổ Nhĩ Kỳ, khoác jacket Nam Hàn. Đi làm bằng xe hơi Honda, về nhà bật TV và VCR của Sony và nấu cơm bằng nồi cơm điện National. Một số người khác hoặc do cầu kỳ trong ý thích, hoặc muốn ủng hộ hàng nội địa, đã bỏ công tìm kiếm hàng Mỹ để mua. Nhưng những người này cũng không thể ngờ được ngay những thứ hàng mang nhãn hiệu Mỹ *Made in USA* đàng hoàng, cũng có thể được gia công chế tạo tại một nước thứ ba nào đó rồi mang về Mỹ bán.

Hiện tượng mô tả trên là hậu quả của chính sách kinh tế toàn cầu của Hoa Kỳ -- người Mỹ hay gọi vắn tắt là *The Global Factory*.

Kinh tế toàn cầu

Kinh tế toàn cầu không hề là thứ kinh tế tư bản cổ điển thường được giảng dạy ở Đại học Luật khoa Sàigòn trước tháng Tư, 1975 với những nét

đại cương là: các nước tư bản kỹ nghệ hóa khai thác tài nguyên thiên nhiên của các thuộc địa và các nước thuộc thế giới thứ ba mang về chính quốc rồi sản xuất hàng hóa mang ra ngoại quốc bán lấy lời. Xét về phương diện quản lý tổ chức, kinh tế toàn cầu là một chính sách chủ trương phân chia một quá trình sản xuất thành nhiều chặng khác nhau, mỗi chặng trao cho một nước thực hiện. Thí dụ cơ phận loại 1 trao cho Đài Loan, loại 2 trao cho Nam Hàn, loại 3 trao cho Phi Luật Tân, còn việc lắp ráp tất cả ba loại ấy thành thành phẩm thì được trao cho Mexico hay một vùng nào có lương công nhân và chuyên viên thấp nhất trên nước Mỹ. Cơ xưởng gốc ở Mỹ, thường gọi là công ty hay tổ hợp liên quốc gia, *transnational corporation*, chỉ giữ lại tại chính quốc việc điều khiển tổng quát, quản lý tài chánh, sưu tầm và vẽ kiểu cho thành phẩm mà thôi.

Chính sách kinh tế toàn cầu và *các công ty liên quốc gia* mới chỉ xuất hiện sau khi Đệ nhị Thế chiến chấm dứt và do hoàn cảnh kinh tế thế giới thúc đẩy. Từ tro tàn của chiến tranh, Nhật ở Á Châu, Đức Pháp Anh Ý ở Âu Châu đã phục hồi rất nhanh nền kinh tế của mình đã đành, mà còn tăng tốc độ phát triển kinh tế rất nhanh. Những thành phẩm của các nước này tung ra mỗi ngày một nhiều, cạnh tranh ráo riết với hàng Mỹ trên thị trường quốc tế, đẩy các nhà tư bản và kinh doanh Mỹ vào thế phải thay đổi. Không thay đổi thì sập tiệm.

Bài toán chính bây giờ không còn là vấn đề thuần túy kỹ thuật nữa. Xe hơi Thụy Điển (Volvo), Đức (Mercedes, BMW), Nhật (Honda) tốt đâu kém (và gần đây còn tốt hơn) xe hơi Mỹ. Đã thế giá bán ra lại còn rẻ hơn xe Mỹ thì Mỹ cạnh tranh gì cho lại. Vậy vấn đề đương nhiên đặt ra làm sao hạ giá thành của các hàng sản xuất xuống thấp hơn hay bằng giá hàng của các nước kia.

Nhưng làm thế nào để hạ giá thành xuống đây mới là vấn đề khó. Kể từ sau Đệ nhị Thế chiến, các thuộc địa không còn, các nước khối thứ ba đều đã độc lập, đâu có mục ai ép giá ai dễ dàng được. Thuận thì mua, không thì tôi bán cho... Nhật, cho Âu Châu. Vậy khó có mục làm giảm giá nguyên vật liệu mua ở ngoại quốc. Đã thế tại nội địa, chế độ tư bản cổ điển đã biến thành tư bản cải lương, quyền lợi và lương bổng của công nhân được bảo đảm bởi luật pháp nghiêm minh, đâu có thể chơi trò bóc lột hạ thấp lương công nhân Mỹ như thế kỷ 19 được nữa. Hạ giá nguyên vật liệu không được, hạ thấp lương công nhân không xong, vậy chỉ còn có cách bán lỗ thôi mới cạnh tranh được với hàng Nhật và Âu Châu.

Dĩ nhiên không có ai kinh doanh sản xuất để lỗ vốn cả. Vậy phải tìm một cách khác. Và bài toán được đưa ra khá giản dị như sau: Nếu hàng hóa Nhật, Âu Châu bán rẻ là tại vì nhân công họ rẻ. Vậy ta (Mỹ) cứ việc đi tìm nơi nào có nhân công rẻ mà lập xưởng máy Mỹ, đương nhiên hàng Mỹ cũng phải rẻ thôi. Chính sách kinh tế toàn cầu, hay *The global factory* ra đời.

Hậu quả là đến thập niên 90, trong 500 công ty tổ hợp liên quốc gia của hành tinh trái đất thì phân nửa thuộc quyền sở hữu của Mỹ (*). Nếu ở chính quốc Mỹ đang có 19 triệu công nhân sản xuất thì các công ty liên quốc gia Mỹ hiện có thêm 18,000 cơ xưởng ở ngoại quốc sử dụng tới chín triệu công nhân nữa.

Thái độ của chính quyền Mỹ

Khỏi phải nói ai cũng biết chính quyền Mỹ, đặc biệt là chính quyền liên bang, ủng hộ tối đa chính sách kinh tế toàn cầu của các công ty liên quốc gia. Ngay từ giữa thập niên 60, điều 806 và 807 của đạo luật Tariff Schedule đã giảm thuế nhập cảng tối đa cho những thành phẩm của Hoa Kỳ gửi ra lắp ráp ở nước ngoài rồi mang trở lại chính quốc bán. Kế tiếp đó là những biện pháp sau:

* Năm 1975, the Generalized System of Preference (GSP) miễn thuế nhập cảng cho một số mặt hàng ngoại quốc.

* Năm 1984 thêm The Caribean Basin Initiative miễn thuế nhập cảng cho một số nước thuộc Trung Mỹ Châu và vùng biển Caribean.

* Cho phép các công ty liên quốc gia được khấu trừ trên thuế lợi tức tại Mỹ tất cả những khoản thuế đã đóng cho quốc gia hải ngoại nơi mình đặt cơ xưởng.

Hậu quả của các biện pháp trên rất dễ thấy: các công ty lớn của Mỹ chạy đua mở các xí nghiệp cơ xưởng tại nước ngoài, đóng cửa bớt các cơ xưởng trong nội địa. Hậu quả thê thảm nhất, gây dư luận ồn ào nhất là sự xập tiệm của đế quốc thép Carnegie. Từ vị trí sản xuất thép số một trên thế giới, công ty Carnegie đã đóng cửa hầu hết các cơ xưởng ở Mỹ, chỉ giữ lại một số nhỏ cần thiết cho loại kim loại đòi hỏi high-tech mà thôi. Tất cả sắt thép cần thiết cho Hoa Kỳ hiện nay, bà con đều đi mua của Nam Hàn, vừa rẻ vừa tốt.

Dẹp tiệm các cơ xưởng, dĩ nhiên là có mục sa thải công nhân. Các công đoàn Mỹ liên tục phản đối nhưng không ngăn chận được hiện tượng "dọn tiệm ra nước ngoài" này của các đại tài phiệt và công ty. Công nhân cũng biểu tình và xuống đường đấy nhưng yếu ớt bởi vì chế độ welfare hiện nay không để công nhân và gia đình đi ngủ gầm cầu hầm metro, không để cho ai phải đói phải rét run cả. Đã không đói không rét, đấu tranh đương nhiên không thể mạnh. Dù muốn chê gì Marx thì chê, cũng phải công nhận lý thuyết gia râu rậm này đôi khi ăn nói

rất có lý, thí dụ như: "*Nơi nào có áp bức thì nơi đó có đấu tranh, áp bức càng cao thì đấu tranh càng mãnh liệt...*" Công nhân Mỹ dù thất nghiệp cũng không đến nỗi đói rách *homeless*, đồng lương tối thiểu được chính quyền bảo đảm, thì làm sao đấu tranh mạnh. Đấu tranh mạnh họa chăng chỉ xảy ra tại các nước Đông Âu và Nga gần đây (tại Việt Nam, Trung Quốc, Bắc Hàn trong tương lai) vì tại những nước này công nhân bị bóc lột trăm lần nhiều hơn dưới chế độ tư bản Tây phương.

Một chút viễn tượng cho nước Mỹ

Trước kia ở Á Châu chỉ có một mình Nhật cạnh tranh với Mỹ, nay tăng cường thêm bởi ngũ hổ kinh tế nữa là Nam Hàn, Đài Loan, Hồng Kông, Thái Lan, Singapore. Tại Âu Châu, nước Đức đã thống nhất và gia nhập hẳn vào Khối Thị Trường Chung Âu Châu. Với các biện pháp đã ban hành và đồng tiền chung *ecu* sắp phát hành, Âu Châu đang trở hành một thứ Liên bang Âu Châu với số dân và khả năng kinh tế tương đương với Mỹ. Sự cạnh tranh càng ngày càng khốc liệt.

Để đối phó lại, Hoa Kỳ đã ký thỏa ước kinh tế thương mại hỗ tương giữa Canada và Mỹ. Nhưng Canada dân số ít và có mức sống tương đương với Hoa Kỳ nên chính quyền Mỹ hiện nay đang thương thảo một hiệp ước kinh tế thương mại với Mexico. Dự án này đang gặp chống đối dữ dội từ phía các công đoàn vì nếu ký vào thỏa ước này để lập Vùng Kinh Tế Bắc Mỹ Châu (Canada Mỹ Mexico) có khả năng đương đầu được với cạnh tranh của khối Á và Âu, thì hậu quả trong nội địa lại sẽ là thê thảm cho công nhân. Chưa chia hãng GM đã rục rịch di chuyển ba xưởng chính xuống Mexico để khai thác thứ tiền lương rẻ mạt nơi này (70 cent một giờ tại vùng biên thùy hai nước, 40 cent/giờ tại sâu trong nội địa. Tiện đây cũng ghi thêm Hongkong Đài Loan là $2.00, và Việt Nam đang đề nghị giá 50 cent thôi).

Người công nhân Hoa Kỳ (trong đó có cả các dân thiểu số, như dân Việt) đang lâm vào thế gay go trong thập niên này. Không cho bành trướng tiếp chính sách kinh tế toàn cầu thì hàng Mỹ không bán được nữa, hậu quả là xập tiệm cả nước. Nhưng nếu tiếp tục đưa các cơ xưởng sản xuất ra nước ngoài thì công nhân mất job. Hãy thử tưởng tượng kinh tế tiểu bang Washington sẽ ra sao nếu công ty Boeing dọn cơ xưởng vùng Seatac City xuống Mexico vừa ấm áp để các ông chủ tha hồ tắm biển, vừa lại được trả lương công nhân rẻ mạt.

Hiện nay cuộc tranh luận về vấn đề này đang diễn ra sôi nổi trong các Đại học lớn của Hoa Kỳ. Kết quả chưa ngã ngũ vì các ông thầy đầu tóc bạc phơ vẫn còn vừa uống cà phê vừa bàn cãi với các môn đệ sinh viên nam nữ quần áo đủ kiểu, cô thì ăn bánh ngọt cậu thì nhai pizza. Trông họ ồn ào hồn nhiên như vậy, nhưng trên thực tế vận mệnh quốc gia trong tương lai xuất phát ở những khuôn viên này. Khác với hầu hết các quốc gia trên thế giới, các chính sách lớn nhỏ của các tổng thống Hoa Kỳ đều lấy từ những giáo sư đại học và đám môn đệ nhiều màu sắc này.

EPZ là gì?

EPZ là chữ viết tắt từ từ ngữ "Export Processing Zone", hay nói theo kiểu nội địa Việt Nam thì là *khu kinh tế phi mậu dịch, free trade zone*, do các đại công ty liên quốc gia mở ra tại các nước ngoại quốc -- dĩ nhiên theo lời mời và với sự thỏa thuận của chính quyền các quốc gia này.

Kể từ khi được độc lập sau Đệ nhị Thế chiến, các nước khối thứ ba phải chọn một trong hai giải pháp sau:

* *Giải pháp bế quan tỏa cảng:* đa số các nước xã hội chủ nghĩa chọn giải pháp này. Đặc biệt là Việt Nam vì đảng CSVN trong nhiều năm vẫn tin ở lời giáo huấn kiểu này của Hồ Chí Minh: "Chế độ tư bản đế quốc như con bạch tuộc có hai vòi, một vòi hút xương máu giai cấp vô sản nội địa, một vòi hút máu nhân dân các nước khác". Những chính quyền theo đường lối này thường không mời bất cứ tư bản nước nào đến đầu tư, sẵn sàng ăn khoai mì khoai tây khoai lang và bo bo để xây dựng một thiên đường viễn ảo.

* *Giải pháp mở cửa cho tư bản ngoại quốc đầu tư:* các nước Á Châu như Nhật (trong hai thập niên sau 1945), Nam Hàn, Đài Loan, Thái Lan, Singapore... và nhiều nước Phi Châu khác áp dụng chính sách này. Động cơ chính là ước mong giải quyết vấn đề công ăn việc làm với lương cao cho dân mình, tăng tổng sản lượng quốc gia lên, thu được nhiều thuế và ngoại tệ để mở mang kinh tế, giáo dục y tế...

Dĩ nhiên các quốc gia chủ nhà phải giành nhiều điều kiện tốt thì các công ty ngoại quốc mới chịu vô đầu tư, lập EPZ. Các biện pháp thường được đưa ra là: cho thuê đất làm cơ xưởng với giá thật rẻ, cho miễn thuế nhập cảng tất cả những gì công ty ngoại quốc cần tới, miễn đánh thuế vào những nguyên vật liệu công ty cần mua trong nước, biếu không hoặc cho mướn dài hạn giá rẻ nhà cửa cần thiết cho nhân viên, và quan trọng hơn nữa là phải biết tặng "*tax holidays*" từ năm tới mười lăm năm -- nghĩa là trong thời gian này công ty ngoại quốc không phải trả thuế cho chính quyền địa phương.

Vào khoảng giữa thập niên 80 Mỹ đã mở 79 khu vực kinh tế phi mậu dịch EPZ này tại 35 quốc gia khác nhau trên thế giới. Và sẽ tiếp tục mở thêm trong tương lai.

Vài viễn tượng cho Việt Nam

Điều đầu tiên cần nói là phải chấp nhận rằng một chính sách kinh tế thì cũng không khác một dụng cụ bao nhiêu. Cũng dụng cụ ấy vào tay thợ giỏi thì hữu ích nhiều, vào tay thợ dở và chây lười thì chẳng ích lợi bao nhiêu. Những người thợ khéo sử dụng các EPZ là các nước Nam Hàn, Đài Loan, Singapore, Thái Lan...

Trước hết những nước này thời kỳ đầu đã đưa những đề nghị dễ dàng nhất để mời gọi tư bản ngoại quốc đầu tư. Khi các công ty liên quốc gia đã cắm dùi chắc chắn rồi, chính quyền mới *deal* từ từ, đòi hỏi các công ty giúp đỡ cho mình. Trước hết là đào tạo giúp các chuyên viên, tương tự như chính quyền VNCH trước đây đã đòi hỏi hai công ty Mỹ đến xây xa lộ Biên Hòa (**). Kế đó ra sức phát triển khả năng sản xuất nội địa, phát triển khoa học kỹ thuật để sản xuất ra những cơ phận cần thiết cho xí nghiệp lắp ráp ngoại quốc nằm trong EPZ. Thí dụ như trong năm năm đầu, một EPZ phải mang 100% cơ phận lắp ráp từ ngoài vào, nhưng đến năm thứ sáu, xí nghiệp của dân địa phương đã sản xuất được 10% số cơ phận đó, vừa tốt vừa rẻ thì tại sao công ty ngoại quốc lại không mua. Rồi cứ thế từ từ mà leo thang sản xuất tại nội địa 20%, 30%... Nam Hàn đã xây dựng được kỹ nghệ sắt thép và chế được xe hơi Hyundai, Đài Loan đã tạo dựng kỹ nghệ computer đều theo phương thức này.

Dân Việt Nam thường chăm học và chăm làm, không khó gì không đi theo được con đường của ngũ hổ kinh tế Đông Á. Vấn đề là những người lãnh đạo có đủ kiến thức mở mang, tầm nhìn quốc tế để theo đuổi, dù là trễ tràng, chính sách mở vùng kinh tế phi mậu dịch hay không. Đừng quên điểm gay go nhất vẫn là ở điểm các công ty liên quốc gia luôn luôn đòi hỏi nơi địa phương đầu tư có một chính quyền một chế độ có khả năng bảo vệ lâu dài và thích đáng mọi cơ sở và vốn liếng đầu tư của mình. Nói một cách khác là ngày nào còn ông Đỗ Mười hay Đỗ Hai Mươi cầm quyền, thì các công ty vẫn cứ sợ hiện tượng một lúc nào đó tài sản mình bị quốc hữu hóa, hay nói theo ngôn ngữ nội địa là "cho công nhân tiến lên làm chủ" xí nghiệp thì mất hết vốn liếng công sức -- tiền đầu tư đa số là tiền tiết kiệm của nhân dân Mỹ lao động cần cù mồ hôi nước mắt, đâu có thể để trôi sông trôi biển được.

Nhìn dưới khía cạnh này, chúng ta thấy dễ dàng là chế độ bảo đảm cho vốn liếng ngoại quốc đầu tư phải là một chế độ đa đảng đa nguyên, hay gọi cho đẹp thì kêu là dân chủ. Có dân chủ có đa nguyên thì mới không có mục một ông Vũ Như Cẩn (chữ nói lái nội địa: Vẫn như Cũ) nào cao hứng thì quốc hữu hóa chơi các xí nghiệp tài sản ngoại quốc. Có dân chủ, có đa đảng thì các công ty mới có thể dùng tiền bạc và quyền lực quốc tế của mình chi phối vào chính trị nội địa, tạo quân bình giữa các đảng như thế nào tốt nhất cho sự làm ăn của mình.

Xét như vậy thì các nỗ lực vận động dân chủ cho Việt Nam trước đây của nhóm Đoàn Văn Toại, nỗ lực hòa giải dân tộc của nhóm *Thông Luận* ở Âu Châu, đều bao hàm các nội dung về kinh tế, chứ không phải thuần túy từ chương hay lý tưởng. Nói như vậy người viết không có ý định chê bai gì hai nhóm trên, mà chỉ để cốt nhắc nhở lẫn nhau rằng làm chuyện kinh tế -- nghĩa gốc là *kinh bang tế thế*, người đứng ra làm phải lạnh lùng và thực tế.

Không lạnh lùng và thực tế, không giúp cho dân giàu nước mạnh được đâu. Nhất là khi cho mở các vùng kinh tế phi mậu dịch, đương nhiên sẽ có hiện tượng các ông manager sẽ tuyển rất nhiều nữ công nhân bởi vì phe nữ dễ chịu đựng sự buồn nản của nghề *assembler*, lại hiền lành dễ bảo. Và khi ấy sẽ không tránh được nhiều chuyện tiêu cực tỷ dụ như các ông supervisor sẽ hạ tối hậu thư cho nữ công nhân như sau: "*lay down or be laid off*" (***). Lúc đó chúng ta phải có tinh thần tính toán rất kinh tế như vua quan đời Trần:

Hai châu Ô Lý vuông ngàn dặm,

Một gái Huyền Trân của mấy mươi.

Nếu có điều gì cần phải nói thêm để kết luận bài văn này, thì là: Muốn khá về kinh tế trong *The New World Order* thì phải làm ăn chân thật sòng phẳng, giữ đúng các khoản đã cam kết. Đừng bao giờ nghĩ tới chuyện sau này mình chơi trò khôn vặt, cho Trần Khắc Chung sang Chiêm Thành chôm chỉa Huyền Trân mang về... Bởi vì làm ăn như thế, xưa kia thì bị Chiêm Thành tức tối mang quân tới tận kinh đô Thăng Long đánh phá, còn bây giờ và trong thế kỷ 21, sẽ bị thế giới tẩy chay, cho dân Việt mình tiếp tục đói và rách mãi mãi.

tháng Mười Một, 91

(*) 50% còn lại thuộc Anh, Pháp, Đức, Ý... Gần đây Nhật, vì dông vốn đầu tư, đang tích cực tham gia tối đa.

(**) Hai công ty này đã cam kết huấn luyện kỹ thuật cho chuyên viên Việt Nam, và để mọi dụng cụ máy móc lại. Chính vì thế sau này kỹ sư Việt đã làm được nhiều cầu tốt: Rạch Ông, Cầu Bông...

(***) "Hãy nằm xuống hay bị sa thải": lời than của nữ công nhân Phi Luật Tân.

VỊ TRÍ CỦA MIỀN NAM TRONG NỖ LỰC XÂY DỰNG DÂN CHỦ CHO VIỆT NAM

TRƯƠNG VŨ

Chiến tranh lạnh đã chấm dứt. Đối với các thế lực có khả năng chi phối trật tự thế giới, như Mỹ, Liên Xô, Cộng Đồng Âu Châu, Nhật Bản, Trung Quốc, v.v... thế giới lưỡng cực của chiến tranh lạnh đã hoàn toàn không còn nữa. Bốn mươi sáu năm trước, đệ nhị thế chiến chấm dứt với sự sụp đổ của chủ nghĩa phát xít. Ngày nay, chiến tranh lạnh chấm dứt với sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản trên toàn cầu. Cuộc đảo chánh thất bại ở Liên Xô vào tháng Tám năm 1991 đã chính thức xác nhận điều đó. *Giải pháp cộng sản được thú nhận, từ nguồn thế lực đã phát động và lãnh đạo cuộc Cách mạng vô sản trên toàn thế giới, không phải chỉ là một giải pháp thất bại trong việc mưu cầu tự do và hạnh phúc cho con người mà tệ hơn thế nữa, còn là một nguyên do tàn phá thời gian sống của con người.*

Nhiều dân tộc nhược tiểu -- trong đó có Bắc Hàn, Cuba, và Việt Nam -- chua xót hơn, còn chứng kiến một thảm kịch khác. Vì cố chấp, ngu dốt, tham quyền, hay ích kỷ, những người lãnh đạo tại các nước cộng sản đàn em này còn tỏ ra quyết liệt và bảo thủ hơn cả Liên Xô. Vẫn tuyên bố theo đuổi con đường xã hội chủ nghĩa cho đến cùng. Trong hoàn cảnh của thế giới hiện tại, điều này đòi hỏi các quốc gia đó phải hội đủ ít nhất hai điều kiện. Phải có khả năng tự túc kinh tế và phải có khả năng cô lập dân chúng họ với thế giới bên ngoài. Bắc Hàn và Cuba có ít nhiều các khả năng đó nên chắc rằng họ sẽ tiếp tục con đường cộng sản một thời gian nữa. Việt Nam, ngược lại, chẳng có khả năng nào cả. Chế độ cộng sản ở Việt Nam trước sau rồi cũng phải cáo chung. Sớm hay muộn, nhẹ nhàng hay tàn bạo, điều đó tùy thuộc vào sự khôn ngoan của người cầm quyền và tùy thuộc vào mức độ kiên nhẫn và ý thức chính trị của người dân. Các sinh hoạt chính trị dân chủ, cuối cùng rồi cũng sẽ phải được thực hiện trên đất nước Việt Nam.

Kinh nghiệm chuyển tiếp ở Đông Âu cho thấy hai yếu tố chính để có được những sinh hoạt chính trị dân chủ đứng đắn và hữu hiệu. Yếu tố thứ nhứt là sự tham dự tích cực, can đảm, có ý thức trách nhiệm của đồng đảo thành phần trí thức yêu nước. Yếu tố thứ hai là truyền thống dân chủ của dân tộc đó. Chỉ dựa trên hai yếu tố này, người ta có thể cắt nghĩa được sự khác biệt về sinh hoạt dân chủ hiện tại ở hai quốc gia Đông Âu, như Tiệp Khắc và Lỗ Mã Ni. Riêng tại Việt Nam, vào thời gian gần đây, sự dấn thân của trí thức vào cuộc tranh đấu cho tự do và dân chủ ngày càng mạnh mẽ và đông đảo. Những tên tuổi như Dương Thu Hương, Phan Đình Diệu, Hoàng Minh Chính, Đoàn Viết Hoạt, v.v... được thường xuyên nhắc đến với sự kính trọng. Tuy nhiên, sự dấn thân triệt để và can đảm của đa số thành phần trí thức như đã thấy ở Ba Lan hay Tiệp Khắc trong suốt hai mươi năm qua vẫn chưa được nhìn thấy ở Việt Nam, cho dù, sự tranh đấu của trí thức vào thời điểm này không còn phải đương đầu với nỗi cô đơn như vào thời kỳ trước Glasnost và Perestroika. Trong khi đó, yếu tố thứ hai, tức truyền thống dân chủ của Việt Nam, lại có những nét đặc biệt và có nhiều khả năng đóng góp hữu hiệu cho việc xây dựng dân chủ cho đất nước trong tương lai. *Nói đến truyền thống dân chủ của Việt Nam, không thể không nói đến truyền thống dân chủ đã phát triển ở miền Nam.* Cho đến nay, người dân miền Nam

trao đổi kinh nghiệm, thông cảm, và yêu thương giữa những đồng bào có gốc gác địa dư khác nhau đã làm cho đời sống của người dân đẹp hơn và phong phú hơn. Sự sống chung này, cùng với những kinh nghiệm giao lưu trước đó, đã giúp cho người dân *có thói quen chấp nhận hay ngưỡng mộ nếp sống và cách suy nghĩ khác với nếp sống và cách suy nghĩ của mình.* Đây là một yếu tố rất cần thiết để khởi đầu xây dựng những sinh hoạt dân chủ.

Sau 1975, rất nhiều đồng bào miền Bắc đã vào sống trong Nam, kể cả những người đi tập kết trở về. Sự sống chung đó suốt mười sáu năm không có chiến tranh lẽ ra đã giúp hàn gắn bao nhiêu cách biệt đau thương có từ quá khứ, *nếu không có một chính sách kỳ thị quái đản của tập đoàn cầm quyền.* Kỳ thị có ở bất cứ nơi nào. Ở cả những cơ quan khoa học. Tức là ở những nơi mà chỉ có kiến thức chuyên môn, trí thông minh, và tinh thần phục vụ hay cống hiến khoa học mới đáng kể. Ở những nơi đó, những nhà khoa học nổi tiếng của miền Nam vẫn chỉ giữ được những vai trò phụ tá cho những ông miền Bắc mà về khả năng chuyên môn chẳng mấy ai tin tưởng. Đây cũng là lý do để trong mười sáu năm qua, Việt Nam đánh mất không biết bao nhiêu chất xám.

Miền Nam được thiên nhiên ưu đãi. Mức sống tương đối cao so với mức sống trung bình của cả nước. Sau 1975, tình trạng kinh tế tồi tệ xảy đến cho cả hai miền. Riêng tại miền Nam, nhờ vào điều kiện thiên nhiên, khả năng làm việc và buôn bán, và nhất là, nhờ vào sự trợ giúp của thân nhân ở hải ngoại, mức sống của người dân, nói chung, vẫn chưa tệ hại đến mức cho phép kẻ cầm quyền dùng cơm áo để mua lương tâm con người. Đấu tố, một hiện tượng đặc thù của xã hội cộng sản, đã không được nhân dân miền Nam hưởng ứng. Sau vài loạt phát động rầm rộ, nó chết hẳn. Trong trường hợp này, sự thoải mái tương đối về vật chất ở miền Nam cũng đã là một trong những lý do giúp họ khỏi sa vào những bẫy sập rất tinh vi và rất phản nhân bản của hệ thống quyền lực cộng sản. Bằng một cách riêng, tế nhị và thách thức, họ chối bỏ sự áp đặt chủ nghĩa cộng sản trên quê hương. Hầu hết phóng viên ngoại quốc đến thăm Việt Nam sau chiến tranh đều ghi nhận hiện tượng này. Đây cũng là một cách *biểu lộ tiêu cực tính dân chủ của người dân miền Nam trong một đất nước không dung chứa dân chủ.*

Nam Kỳ là đất thuộc địa cũ của Pháp, trong khi Trung và Bắc Kỳ là đất bảo hộ. Dù qui chế có khác nhau, cái nhục mất nước của người dân Việt Nam cũng chia đều ra nhau. Tuy nhiên, cái khác biệt do qui chế cũng đã tạo nên những thói quen sinh hoạt chính trị khác nhau cho mỗi miền. Sự tách biệt Nam Kỳ ra thành thuộc địa trong khi vùng đất mới này chưa thực sự tạo thành một xã hội gắn bó chặt chẽ với quyền lực của Việt Nam như ở Trung và Bắc đã gây một hậu quả thảm khốc là tạo cơ hội cho những anh đầu cơ chính trị mưu toan biến vùng đất này thành một quốc gia riêng biệt vào 1946. Đó là một ô nhục trong lịch sử mặc dù mưu toan này thất bại. Hãy tạm quên và nói về một cái may trong cái rủi. Cái qui chế thuộc địa dành cho Nam Kỳ đã giúp cho vùng đất này hưởng được một số quyền tự do ngôn luận và một không khí sinh hoạt chính trị, xã hội, văn hóa, v.v... tương đối cởi mở. Chính cái không khí cởi mở đó đã giúp cho những sinh hoạt chính trị dân chủ về sau này được thực hiện dễ dàng. Tuy nhiên, những sinh hoạt chính trị dân chủ chỉ thực sự phát triển mạnh tại miền Nam vào thập niên cuối cùng trước khi cuộc chiến tranh Việt Nam chấm dứt vào 1975.

Có rất nhiều lý do để cắt nghĩa thực tế này. Lý do chính đáng nhất vẫn là một tổng hợp của nhiều yếu tố khác nhau, như, truyền thống dân chủ của miền nam, ảnh hưởng mạnh của văn hóa Tây phương, cấu trúc chính trị theo mô thức Tây phương, sự trưởng thành tương đối của hệ thống giáo dục trung tiểu học nặng tính khoa học và nhân bản, quyền tự trị của các đại học, sự dòm ngó khắt khe của hệ thống truyền thông Âu Mỹ, sự lớn mạnh -- đôi khi quá đà -- của báo chí Việt ngữ, và, may mắn thay, sự yếu kém về nhân cách của những người lãnh đạo chính trị miền Nam thời Đệ Nhị Cộng Hòa. Hình ảnh những anh phu xích lô hay tài xế taxi ở Saigon ngồi nghỉ xả hơi ở các ngã tư, đọc báo, phê bình, diễu cợt những người cầm quyền là một hình ảnh khá quen thuộc vào lúc đó. Kết quả cuộc bầu cử Tổng Thống vào 1967 với chỉ hơn ba mươi phần trăm tổng số phiếu dành cho liên danh đang cầm quyền cũng đã chứng tỏ được sự độc lập của người dân khi sử dụng quyền lựa chọn chính trị của mình. Dĩ nhiên, cái nền dân chủ ở miền Nam vào lúc đó vẫn còn là một nền dân chủ mang nhiều chắp vá và chịu nhiều lạm dụng. Điều cần nói đến là ý thức dân chủ của người dân miền Nam. Ý thức đó đã phát triển rất cao, mặc dầu hoàn cảnh chiến tranh và chia đôi đất nước đã là một rào cản rất lớn cho sự phát triển này.

Tính dân chủ và tình người thường đi đôi với nhau. Trong chiến tranh lạnh của thế giới lưỡng cực, sự biểu lộ tình người đôi khi còn bị kết án là lý do tạo nên thất bại chính trị. Ở miền Nam trước 1975, người dân đã biểu lộ tình người không mấy dè dặt. Ở nơi đây, một gia đình có con đi lính Quốc Gia không mấy ai đi tố giác người hàng xóm có con theo Mặt Trận Giải Phóng, thỉnh thoảng lén lút về thăm nhà. Trong *Tiểu Thuyết Vô Đề (1)*của Dương Thu Hương, tác

không được tham dự bình đẳng vào đời sống chính trị của đất nước. Truyền thống dân chủ của miền Nam, như một ưu điểm của phần đất này, do đó, cần được nhìn đến và đánh giá đúng mức.

Chữ *miền Nam* được dùng ở đây để chỉ phần đất phía nam sông Bến Hải, cùng với những con người đã gắn liền đời sống của họ với phần đất này trước 1975, và con cái họ. Những con người này chịu một số phận khác so với đồng bào ruột thịt ở miền Bắc, do hậu quả những trò chơi chính trị quốc tế trong chiến tranh lạnh. Hai số phận cùng nghiệt ngã như nhau, nhưng, hai quá khứ chính trị khác nhau đã tạo hai nếp sống và suy nghĩ khác nhau. *Mười sáu năm của thời đại này nhiều lắm.* Nó cũng đã quá đủ để mỗi người dân phải bắt đầu tận dụng ngay mọi khả năng của mình, cho đuổi kịp những tiến bộ vượt bực về mọi mặt của một thế giới đang đổi thay, vùn vụt như trong chiêm bao. Phải tận dụng vội vàng là đàng khác. Và như thế, *truyền thống dân chủ của miền Nam phải được xem là một kho tàng chung của dân tộc.*

Có nhiều lý do để cắt nghĩa sự phát triển khá đặc biệt của truyền thống dân chủ tại miền Nam. Ảnh hưởng của địa dư, sự chung đụng với nhiều sắc dân khác nhau, mức sống cao, ảnh hưởng của văn hóa Tây Phương, hệ thống giáo dục và cấu trúc chính trị mô phỏng cấu trúc dân chủ Tây Phương vào trước 1975,v.v...

Miền Nam là một vùng đất mới, đặc biệt là Nam Bộ. Ảnh hưởng địa dư của Nam Bộ cũng khá mạnh trong việc tạo dựng nét đặc thù cho những sinh hoạt xã hội và chính trị của miền Nam. Những di dân Việt Nam đi từ miền Bắc vào trong quá trình nam tiến đã sống chung lộn với nhiều sắc dân khác nhau ở vùng đất này, như Trung Hoa, Chàm, và Khờ Me. Không kể đến những giao tiếp với các người nước ngoài như Mã Lai, Nam Dương, Thái Lan, Anh, Bồ, v.v.. Vùng đất đó cũng đã chứng kiến trước tiên sự tham dự của người Tây Phương vào chính trị Việt Nam. Sự hiện diện của người Pháp trong suốt hơn 80 năm đô hộ, của người Nhật trong đệ nhị thế chiến, rồi của người Mỹ trong thời gian chiến tranh Việt Nam, đã làm thay đổi rất nhiều nếp sống và cách suy nghĩ của người Việt trên vùng đất này. Những chung lộn đó, cũng như những kinh nghiệm tiếp xúc với nhiều người ngoại quốc khác nhau đã đem lại những hệ quả có tốt lẫn xấu cho người dân. Xem trọng đời sống cá nhân hơn hẳn đời sống xã hội cũng là một hệ quả chịu nhiều chê trách. Tuy nhiên, cuộc di cư của hơn một triệu đồng bào miền Bắc đã bổ khuyết rất nhiều những khuyết điểm trong đời sống xã hội của người miền Nam, cũng như, chính họ cũng chịu nhiều đổi thay trong nếp sống và suy nghĩ, phù hợp theo với không khí cởi mở ở miền đất này. Sống chung với nhau như vậy, những

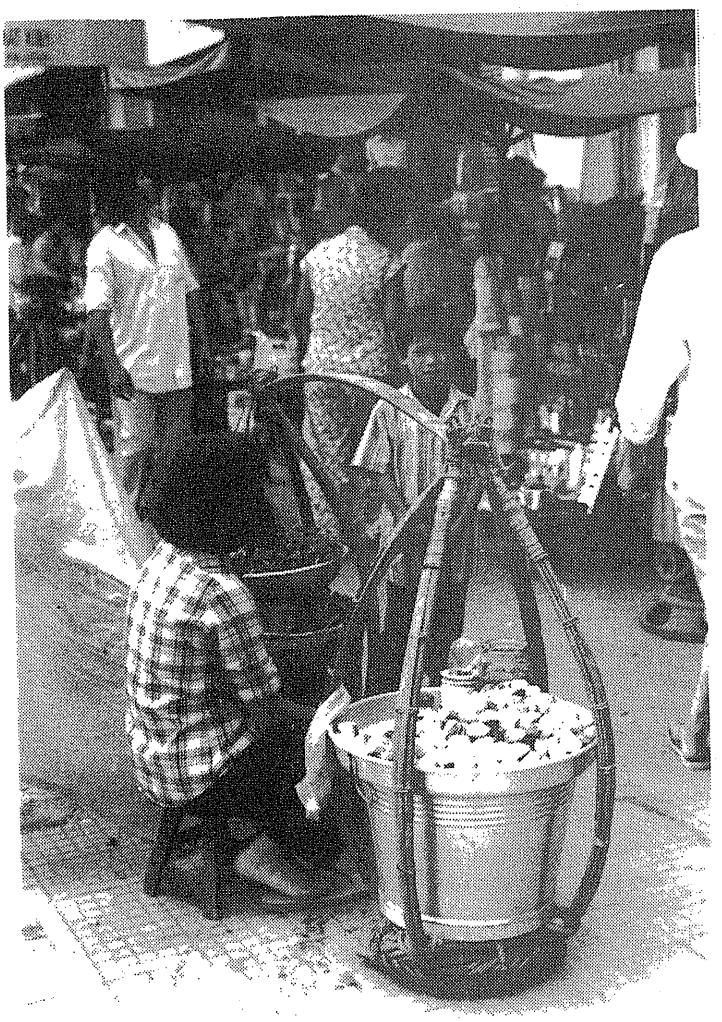

Một cảnh ở Saigon

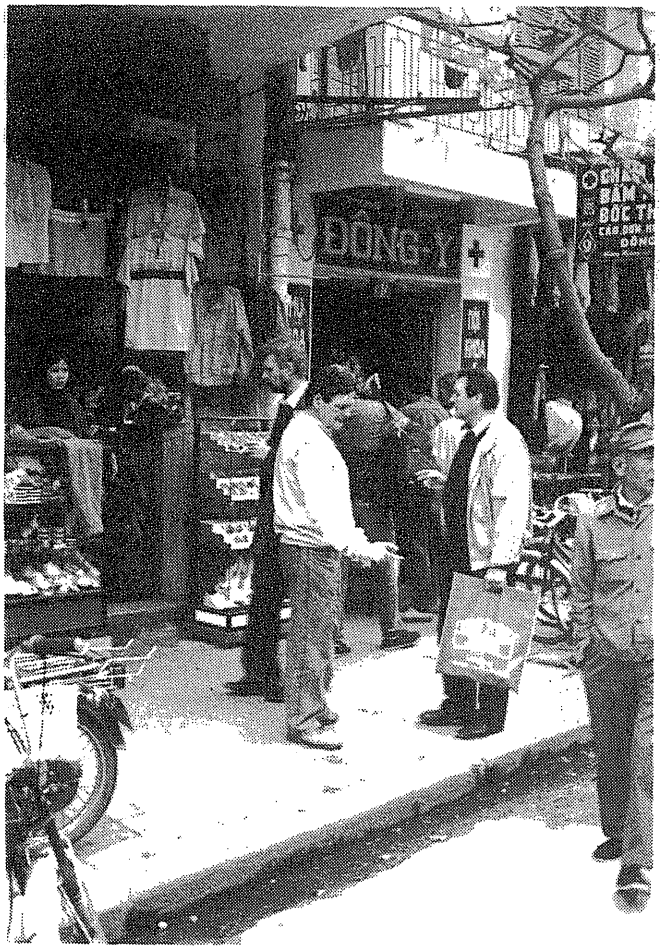

Trên đường phố Hà Nội

giả đã có ít nhiều ngụ ý là nhiều người lính miền Nam, tức người lính Quốc Gia, sở dĩ không chiến đấu dũng mãnh như người lính miền Bắc, chỉ vì họ không được huấn luyện hay không có thói quen yêu sự chém giết hơn yêu cuộc đời. Nhận xét này của Dương Thu Hương biểu lộ một bất mãn của tác giả về sự hoang phí tuổi trẻ và năng lực của thanh niên miền Bắc trong thời kỳ chiến tranh. Cho đến nay, không phải ai cũng có những bất mãn giống như Dương Thu Hương. Trong giới chính trị Việt Nam, chủ trương đặt thành công chính trị lên trên đời sống của hai, ba thế hệ vẫn còn được cổ võ bằng rất nhiều khẩu hiệu. Cách kết thúc của chiến tranh lạnh đã cho phép nhân loại nhìn sự thành, bại chính trị một cách khác hơn. Chủ nghĩa cộng sản đã thất bại, không phải vì những sư đoàn cộng sản đã rã ngũ. Mà chỉ vì, chủ nghĩa cộng sản đã hủy diệt những sinh hoạt dân chủ, và do đó, đã không cho phép con người được sống với tình người. *Ở thời đại của bộc nổ truyền thông, con người có khả năng lật tẩy những gian dối chính trị dễ dàng hơn bao giờ hết và ý thức được sâu xa hơn bao giờ hết cái quyền được làm chủ chính mình, quyền được quý trọng thời gian sống của mình cũng như quý trọng thời gian sống của người khác. Những khẩu hiệu kêu to và vô nghĩa, do đó, không còn sức mạnh để khiến họ tiếp tục chịu sống trong điêu tàn hay đem điêu tàn đến cho người khác hay hủy diệt đời sống của người khác.*

Người dân miền Nam có khả năng đóng góp hữu hiệu cho việc xây dựng dân chủ tại Việt Nam. Tuy nhiên, *có nhiều trở lực đẩy họ xa dần với đời sống chính trị của đất nước. Một đàng là hận thù, ô nhục, và bất bình đẳng. Một đàng là chính sách mị dân khuyến khích con người vui chơi, trụy lạc để hủy hoại ý chí và nhân cách.* (Không thắng nổi những trở lực này, người dân miền Nam suốt đời cũng sẽ chỉ là những con người tha hương cho dù đang sống trên quê hương của mình. Nói chuyện xây dựng dân chủ cho đất nước trong trường hợp này sẽ chỉ là nói về một điều hoang tưởng).

Sau 1975, khả năng xây dựng đất nước của người dân cùng với không khí cởi mở và đời sống đầy tình người ở miền Nam lẽ ra đã có thể giúp hàn gắn những vết thương của hận thù do chiến tranh giữa hai miền gây ra. Nếu những người lãnh đạo đất nước thực sự muốn xóa bỏ hận thù, để mọi người dân đều có cơ hội làm lại cuộc đời của họ và đóng góp vào tương lai của tổ quốc, thì cuộc vượt biển vĩ đại và thê thảm nhất trong lịch sử Việt Nam đã không xẩy ra. Làm lại cuộc đời, ở đây, không có nghĩa là một sĩ quan đại đội trưởng miền Nam sẽ tiếp tục làm đại đội trưởng, mà chỉ có nghĩa là anh ta được phép ra ngồi vệ đường vá xe đạp kiếm ăn hay tạo một thửa ruộng để đi cày như bất cứ một nông dân nào. *Cơ hội đó không hề đến.* Chính sách học tập cải tạo được áp dụng cho tất cả những người có liên hệ với chính quyền miền Nam trước 1975. Chính sách này không đặt trên bất cứ một căn bản pháp lý nào. Kể cả cái pháp lý

"tòa án nhân dân", điển hình nhất của xã hội cộng sản, cũng không hề được đem ra áp dụng để xét xử những con người này. Có thể, như đã nói ở trên, những người cầm quyền e ngại rằng, qua những "tòa án nhân dân", chính nhân dân sẽ không kết án "tội nhân" đúng như ý muốn của họ. *Chính sách học tập cải tạo rõ ràng mang tính cách trả thù và sỉ nhục một miền Nam đã "bỏ phiếu bằng chân" vào những ngày cuối cùng của cuộc chiến. Chính sách này cũng hàm chứa thủ đoạn loại trừ mọi phần tử có khả năng của miền Nam ra khỏi các sinh hoạt chính trị và xã hội của đất nước. Cùng với chính sách học tập cải tạo, quyền công dân thực sự của người miền Nam bị tước đoạt.* Họ được quyền đi bỏ phiếu nhưng không được quyền ra ứng cử, ngoại trừ một thiểu số rất nhỏ đã từng hợp tác với người cộng sản trong quá khứ. Họ bị hạn chế đi lại và đa số công nhân viên được lưu giữ làm việc do nhu cầu, được đối xử như những kẻ "tạm dung". Trưởng cơ quan phải là người miền Bắc hay người tập kết trở về. Mười sáu năm qua, tình trạng này có vẻ như đã được cải thiện, người miền Nam được giữ chức vụ điều hành ở một số ít cơ quan chuyên môn. Cũng chỉ giống như ở vào thời gian cuối của chế độ thuộc địa, người miền Nam được ban phát một ít quyền hành. Nhưng, chắc chắn, không thể là cái quyền được tham dự vào đời sống chính trị của đất nước.

Lịch sử Việt Nam từ sau 1945 đã mang lại bao nhiêu gán ép nghiệt ngã cho những người yêu nước nhưng không muốn hoặc không có may mắn hay khả năng trở thành những lãnh tụ chính trị số một số hai... trong hệ thống cầm quyền. Miền Nam thua trận. Những cái bất tài, hèn nhát, phản bội của một số gương mặt chính trị ở miền Nam được gán ép, được sử dụng như một phương thức nhục mạ đồng bào miền Nam vì đã không đứng lên lật đổ chính quyền miền Nam như người cộng sản mong đợi. Ngày nay, mười sáu năm sau khi chiến tranh chấm dứt, những xác chết còn động đậy đó lại được nhắc đến một cách có chủ ý, như một lần nữa, gán ép những tên tuổi đáng khinh đó với những nỗ lực của người miền Nam quyết quên đi quá khứ để tận dụng mọi khả năng hướng vào mục tiêu xây dựng một nền dân chủ cho Việt Nam. Tuy nhiên, cái gán ép tệ hại nhất vẫn là cái gán ép theo kiểu vô sản chuyên chính ở Liên Xô, như lấy tên Lenin áp đặt lên thành phố St. Petersburg, hay theo kiểu thực dân Bỉ, lấy tên vua Leopold của họ áp đặt cho thủ đô của thuộc địa Congo.

Năm 1975, sau khi miền Nam thua trận, thủ đô miền Nam mang một tên mới, *thành phố Hồ Chí Minh*. Trong suốt hơn hai mươi năm xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, hay trong suốt sáu năm sau khi Hồ Chí Minh nằm xuống, những kẻ cầm quyền cộng sản đã không đem tên ông đặt cho thủ đô Hà Nội hay cho tỉnh Nghệ Tĩnh, nơi chôn nhau cắt rún của ông. Đem tên ông đặt cho thành phố Sài Gòn không thể nào được hiểu là người cộng sản Việt Nam yêu thương dân thành phố này hơn dân Hà Nội hay Nghệ Tĩnh. Đó chỉ là một cách biểu lộ trịch thượng sự thắng trận, đồng thời để dằn mặt kẻ bại trận. Trong thế giới cộng sản nói chung, trong tập thể những người cộng sản Liên Xô và trong tập thể những người cộng sản Việt Nam nói riêng, vị trí của ông Hồ không thể nào so sánh được với vị trí của Lenin, Đảng cộng sản Liên Xô đã cai trị thành phố St. Petersburg hơn bảy mươi năm. Đảng cộng sản Việt Nam chỉ mới cầm quyền ở Sài Gòn hơn mười sáu năm. Những gì mà người dân Nga đối xử với Lenin ở St. Petersburg chắc sẽ được nhìn thấy tương tự hoặc tệ hại hơn tại Sài Gòn một ngày nào đó. Vứt bỏ cái tên Leningrad ra khỏi thành phố của họ, người dân ở St. Petersburg không hề ngụ ý trả thù Lenin hay những đồ đệ nhiều đời của ông, hay để phục hồi thời đại Sa Hoàng. Mà, chỉ để quên đi một quá khứ đau thương, một lầm lỗi lịch sử, hay một áp đặt bất chính. *Cái công bình ở cuộc đời là mọi người đều có quyền như nhau: ca ngợi Lenin hay kết tội Lenin, ca ngợi Hồ Chí Minh hay kết tội Hồ Chí Minh. Cái công lý của một xã hội văn minh và nhân bản phải là cái công lý bảo đảm con người được hưởng cái công bình đó.* Công lý này đã có được ở rất nhiều nơi trên thế giới. Với công lý đó, một người như ông Tố Hữu vẫn có quyền tiếp tục làm thơ kính yêu Stalin hơn cha mẹ ông, cho dù có thể ông là người cuối cùng trên thế gian này làm việc đó. Dĩ nhiên, bất cứ ai cũng có thể làm điều ngược lại. *Với công lý đó, mỗi người cũng sẽ phải trả giá về sự sai lầm hay giả dối trong những biểu lộ tình cảm hay nhận định trí thức. Nhưng, chỉ phải trả bằng giá hạnh phúc của chính cá nhân đó hay uy tín của cá nhân đó trong tập thể con người. Không thể trả bằng giá của sinh mệnh hay lao tù.* Áp đặt tên gọi Hồ Chí Minh lên thành phố Sài Gòn bất chấp dân chúng thành phố này có chấp nhận hay không là một áp đặt bất chính và trịch thượng của những kẻ thắng bằng võ lực. Ở St. Petersburg, người dân xem sự áp đặt loại này như một vết nhơ cần được tẩy xóa và họ đã tẩy xóa được vào tháng Mười năm 1991. *Ở Sài Gòn, tháng Mười Một năm 1991, vết nhơ đó vẫn còn.*

Những bất công hay kỳ thị vẫn đến cả với những thanh thiếu niên mà vào 1975, chỉ là những trẻ thơ mới chập chững biết đi. Những thanh thiếu niên ở miền Nam đã phải chịu đựng không biết bao nhiêu chính sách loại trừ một khi muốn dùng trí thông minh hay sức

Khu Kim Liên, Hà Nội

làm việc để vươn lên trong cuộc đời. Hàng rào lý lịch được sử dụng để ngăn cản những con em miền Nam có khả năng vào Đại Học hay hưởng học bổng của nước ngoài là một trong những hàng rào phi lý và dã man nhất. Ngày nay, quả thật, vấn đề lý lịch không còn nặng nề như vài năm trước đây, nhưng nó vẫn còn đó chưa hết. Ác độc hơn cả, là để ngăn chận những bất mãn của tuổi trẻ miền Nam bộc phát có hại cho chế độ, nhiều phương thức mi dân đã được đem thi hành. Tuổi trẻ miền Nam có truyền thống biểu lộ công khai những bất mãn của họ đối với nhà cầm quyền, như những vụ biểu tình chống xử án cụ Phan Bội Châu, để tang cụ Phan Chu Trinh trong thời thực dân, vụ trò Ơn của học sinh Sài Gòn trong thời Bảo Đại, hay những vụ xuống đường liên miên trong thời Cộng Hòa, kể cả những vụ xuống đường của sinh viên, học sinh đội chấm dứt chiến tranh. Ngày nay, số phòng học không nhiều hơn, nhưng số phòng nhảy, phòng tắm hơi thì nhiều vô kể. Sòng bài cũng sẽ được chính thức thành lập. *Tuổi trẻ miền Nam ngày nay không có quyền biểu lộ những nguyện vọng chính đáng của họ nhưng được toàn quyền đi vào những nơi ăn chơi đó để phá nát tuổi xanh của họ.*

Dầu sao, những cái bất công, kỳ thị, hay sỉ nhục đó kẻ cầm quyền tạo nên đối với một tập thể đông đảo quần chúng rồi cũng sẽ tan dần đi sau khi những kẻ cầm quyền đó bị loài người đào thải. *Điều đáng sợ, như một tai họa chung cho bao nhiêu thế hệ, là cái thói quen làm con người tách lìa ra nhau, như thù hận, kỳ thị, v.v... mà hệ thống cầm quyền đã tạo nên cho người dân trong quá lâu ngày, đã trở thành một phần của tâm thức.* Hệ thống cầm quyền càng chặt chẽ thì tai họa càng lớn. Trí thức và những người làm văn nghệ chân chính, trước hơn ai hết, phải là những người nhận diện ra tai họa này. Để phá vỡ mọi định kiến. Để làm cho con người nhìn nhau thật hơn. Nỗ lực đó đã có ở hải ngoại. Những xúc động từ các uất ức, bất công, đau thương mà đồng bào miền Bắc phải hứng chịu trong bao nhiêu năm qua đã được cộng hưởng bởi những đồng bào trưởng thành trong khung cảnh hoàn toàn khác. Dĩ nhiên, sự cộng hưởng đó cũng đồng thời gây ra những mỉa mai, diễu cợt, chống đối, chụp mũ từ phía những người không muốn suy nghĩ trái với định kiến, khẩu hiệu, hay những người chủ trương "xúc động có điều kiện", ở cả bên này hay bên kia bờ Thái Bình Dương. Trong tinh thần của nỗ lực đó, một thực tế liên hệ đến cách nhìn, cách suy nghĩ của giới trí thức và văn nghệ miền Bắc về con người và đời sống miền Nam cũng cần được bàn đến.

Sau 1975, hơn ba triệu người Việt Nam rời bỏ quê hương, trong đó một tỷ lệ nhỏ gồm đồng bào ra đi từ miền Bắc. Nếu cái nạn đói ác liệt ở 1945 không đẩy được ai ra ngoài biển, thì chắc chắn không phải là cái đói kém, cái khó khăn kinh tế sau

75 khiến người dân lìa xa đất tổ. Chính *cái nhục mạ có phương pháp và những đối xử mang tính loại trừ* của hệ thống cầm quyền với sự đồng lõa hay im lặng có ý thức hay vô ý thức của nhiều tầng lớp khác nhau đã đẩy hàng triệu người Việt Nam vào lòng đại dương hay vào bàn tay thô bạo của hải tặc. Không kể, bao nhiêu người vượt biển không đủ tiền mua bãi đã bị công an bắn giết không thương tiếc. *Một giọt nước mắt nào cho những người vô tội đó? Một giọt nước mắt nào cho những oan hồn vất vưởng trên biển đông?* Có bao nhiêu giọt nước mắt đó trong những bài tham luận hay những sáng tác văn học, nghệ thuật xuất bản ở Việt Nam sau 1975? Có lẽ, từ một thói quen lâu ngày đã trở thành tâm thức, những oan hồn đó không được coi là Việt Nam. Oan hồn thuộc về một thành phần không được công nhận của dân tộc, nói theo khẩu hiệu, "những tay sai của đế quốc". Trong thời gian gần đây, trí thức và giới văn nghệ miền Bắc đã bộc lộ mạnh mẽ và trung thực phản ứng của họ đối với những đau thương mà chế độ đã tạo ra cho người dân. Nhưng, dường như chỉ thấy có đau thương của đồng bào miền Bắc, kể cả những đau thương đã xảy ra từ ba, bốn mươi năm trước. Thỉnh thoảng thấy có vài con người miền Nam xuất hiện, nhưng sao trông họ chẳng giống ai. Con người thật của miền Nam hình như không được nhìn thấy. Mười sáu năm đất nước đã thống nhất mà sao người miền Nam vẫn còn là một giống người nào rất xa lạ. Cuốn phim "Chuyện Tử Tế" do Trần Văn Thủy thực hiện là một cuốn phim chiếm nhiều cảm tình của người xem ở hải ngoại. Trong phim, có rất nhiều người được phỏng vấn, thuộc nhiều thành phần khác nhau trong xã hội. Trong số đó, vẫn không thấy bóng dáng của một người miền Nam. Trong bài trả lời cuộc phỏng vấn của báo Libération ở Pháp vào khoảng giữa năm 1990, Nguyễn Huy Thiệp có nói câu này: "Tôi không có quyền đi ra nước ngoài và có quá ít tác phẩm hiện đại Tây phương được dịch ra ở Việt Nam. Ngay cả Sartre cũng bị cấm vì bị coi là "tư sản". Thế nhưng, *trước đây ở miền Nam, dưới chế độ Thiệu, Sartre đã được dịch và phổ biến.* Tôi hy vọng sẽ có thay đổi, bởi vì khi cô lập văn hóa Việt Nam, người ta sẽ làm nó ngộp thở mà chết... Sartre hay Hermann Hess thuộc về văn hóa chung của nhân loại." (2) Phải khâm phục Nguyễn Huy Thiệp về nhận định này, cũng như khâm phục sự can đảm và thành thật của ông khi ngụ ý khen sự tự do dịch và phổ biến Sartre ở miền Nam trước đây. Có điều, ông đã xúc phạm người miền Nam. *Chuyện dịch hay phổ biến Sartre ở miền Nam chẳng có liên hệ gì tới Thiệu. Nó thuộc truyền thống nhân bản và dân chủ của người dân miền Nam.* Phổ biến Sartre hay phổ biến cả những nhà văn thuộc loại thần tượng của phe xã hội chủ nghĩa, như Maxime Gorki, Lỗ Tấn... là một hiện tượng rất tự nhiên ở miền Nam, đã có rất lâu trước khi Thiệu nắm quyền. Hiện tượng đó cũng đã có một cách rất tự nhiên mà chẳng có ai đặt thành vấn đề tại sao có nó. Cũng tự nhiên như phải ăn khi đói. Nó chỉ trở thành vấn đề sau khi cái quyền đó bị cướp mất. *Cái tự do phổ biến và ngưỡng mộ những gì thuộc về kho tàng văn hóa của nhân loại giúp con người ít vướng mắc vào những trò chơi của khẩu hiệu. Khi nói đến "trước đây ở miền Nam", thì phải nói tiếp "dưới chế độ Thiệu", là một trò chơi của khẩu hiệu.* Trò chơi đó tạo nên một thói quen chỉ nhìn thấy chế độ mà không nhìn thấy con người. Với rất nhiều người Việt Nam, Nguyễn Huy Thiệp là một nhà văn lớn. Lẽ ra ông không nên có những vướng mắc đó.

Trên đây, chỉ nêu ra một số vấn đề mà người viết nghĩ rằng nó đang là những trở lực lớn để có thể đưa miền Nam trở về với những sinh hoạt chính trị của đất nước. Tương xứng với vị thế của một nửa đất nước và tương xứng với những khả năng đặc thù của miền Nam. Tới một lúc nào đó, những hận thù giữa mọi thành phần khác nhau của dân tộc đều phải được quên đi, để dồn mọi nỗ lực cứu vãn gấp rút một đất nước đang phá sản. Không phải mọi hận thù đều không có lý do chính đáng. Không ít thì nhiều, hận thù được sinh ra từ tội ác. Mà tội ác trên đất nước chúng ta chắc cũng đã có nhiều lắm. Không phải chỉ có trước 1975. *Sau 1975, tội ác có tràn đầy, vì nếu không có tràn đầy thì sao sau mười sáu năm thống nhất, không chinh chiến, đất nước điêu tàn đến như vậy.* Phải nhiều lắm nên Nguyễn Huy Thiệp mới viết câu này trong "Tội Ác Và Hình Phạt": "*Tội ác cứ nhân thêm. Và đến lúc nào đấy, trên cái mảnh đất khốn nạn này, trên cái mảnh đất yêu dấu của chúng ta sẽ bốc lửa. Sự trừng phạt đến. Sẽ đến ngày phán xử cuối cùng.*" (3) Không, cái ngày phán xử cuối cùng đó không nhất thiết phải đến ngay trong đời sống này. Chờ qua thế giới bên kia hãy hay. Ở bên Đức, người ta đang xử tội Honecker. Người ta cũng đang xử tội những kẻ ra lệnh bắn vào những người dân vượt bức tường Bá Linh. Một người Việt Nam yêu nước, coi trọng tương lai của tổ quốc hơn những thanh toán nợ nần, sẽ mong nhìn thấy những điều tốt đẹp cho quê hương hơn là đòi xử tội mấy ông già cố chấp, ích kỷ, tham quyền cố vị trong bộ chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam. Cũng không mong thấy người ta xử tội những công an đã bắn bừa bãi không thương tiếc vào những người vượt biển. *Đủ lắm rồi cái con số hận thù trên quê hương Việt Nam.* Nhưng, nếu những hận thù phát sinh từ những tội ác thấy rõ mới gần đây cũng cần nên quên đi, thì không lý gì bắt con

người phải chịu đựng hậu quả của những hận thù phát sinh từ những lý do rất mơ hồ do những nghiệt ngã của lịch sử từ hơn mười sáu năm về trước, miền Nam chắc chắn phải dứt bỏ những gì không đáng thuộc về miền Nam.

Bài viết này chỉ nhắm nói tới những người Việt yêu nước ở cả hai miền, cho dù họ có đang là cán bộ cộng sản hay không. Đảng Cộng Sản Việt Nam có thể sẽ tiếp tục độc quyền chính trị như một thách thức với loài người, với lịch sử, và dân tộc. Nhưng chắc chắn, họ sẽ không còn những sức mạnh và hậu thuẫn mà họ đã từng có trong chiến tranh lạnh. Như vậy, miền Nam, vốn chống Cộng, vốn có truyền thống dân chủ, và vì bị xem như một phần phụ thuộc của đất nước, trong khi đó sự kiêu hãnh bình thường và khả năng thách thức vốn đặc thù của miền Nam vẫn còn tiềm tàng đó, khó ai tiên đoán những gì sẽ nổ bùng ở miền Nam. Kinh nghiệm ở Đông Âu, Liên Xô, và Nam Tư đã cho thấy rằng một khi súng đạn không còn sức mạnh để giữ những phần khác nhau của đất nước đã từng chịu đựng những quá khứ chính trị và những đối xử khác nhau, thì chuyện tách rời ra khỏi nhau sẽ rất khó tránh khỏi. Không ai biết những kẻ thời cơ chính trị nào sẽ mưu toan làm điều đó với miền Nam. Nhưng, cho dù, mưu toan đó, nếu có, cũng sẽ thất bại, *nó cũng vẫn là một ô nhục cho đất nước*. Không phải chỉ riêng đảng Cộng sản Việt Nam sẽ chịu trách nhiệm với lịch sử về nỗi ô nhục này, mà tất cả những người yêu nước đã coi thường vị trí của miền Nam, đều sẽ phải gánh chung trách nhiệm đó.

Chủ nghĩa cộng sản đã lỗi thời lắm rồi!

Lịch sử đang chứng kiến phản ứng chính trị của những kẻ cầm quyền Việt Nam như, hơn một trăm năm trước đây, chứng kiến phản ứng của các vua triều Nguyễn. Các vua Việt Nam vào thời đó quyết bảo vệ ngai vàng và chế độ phong kiến cho tới cùng, cho dù phải mất nước. Những kẻ cầm quyền ngày nay quyết bảo vệ Đảng và xã hội chủ nghĩa cho đến cùng, bất chấp thế giới đang đổi thay thế nào và tương lai của tổ quốc sẽ đi về đâu. Trước đây, vua quan triều Nguyễn hướng mặt về phương Bắc cầu cứu với nhà Thanh, cho dù đất nước nhà Thanh đang bị liệt cường xâu xé. Ngày nay, những kẻ cầm quyền lủi thủi kéo nhau sang kêu cứu với Trung Quốc, cho dù tâm tư người dân Trung Quốc đang tả tơi với những hậu quả của Thiên An Môn. Có một điều không giống. Người dân Việt Nam ngày nay chắc không dễ tha thứ như người dân Việt ở một trăm năm trước.

Chẳng mấy ai muốn chứng kiến sự trừng phạt. Để tránh, rất đơn giản. Hãy làm như ở Liên Xô. *Trước hết, hủy bỏ vai trò lãnh đạo chính trị của đảng Cộng sản. Sau đó, thực hiện những sinh hoạt chính trị dân chủ đứng đắn.* Dĩ nhiên, bài toán trông đơn giản không có nghĩa sẽ dễ tìm một giải pháp đơn giản. Tuy nhiên, miền Nam, có truyền thống dân chủ, lại không có truyền thống nuôi dưỡng hận thù, và là một bộ phận không tách lìa của tổ quốc, chắc chắn phải là một nguồn cung ứng quan trọng cho phần giải đáp của bài toán.

Muốn vậy, *miền Nam phải lấy lại những gì quan trọng nhất đã từng thuộc về miền Nam.* Cái tên gọi Sài Gòn phải được trả lại cho thành phố này, như St. Petersburg được trả lại cho St. Petersburg. Để quên đi một ô nhục. *Cái quyền công dân đích thực của người dân miền Nam phải được trả lại.* Không phải chỉ trả trên những văn kiện hay tuyên ngôn chính trị, mà còn phải trả ở chính trong tâm tư của mỗi người dân Việt Nam. Quan trọng nhất, *chính người dân miền Nam phải ý thức rõ vị trí quan trọng, khả năng đặc thù, và trách nhiệm của mình, trong thời điểm này, đối với tương lai của tổ quốc.* Những biểu lộ tiêu cực phải được nhường chỗ cho những hành động tích cực. *Đứng dậy và thách thức với những trở lực đang đẩy ngược chiều với xu hướng nhân bản của thời đại, đang làm đất nước điêu tàn, và đang làm con người tha hóa.* Chỉ có như vậy, mọi con người Việt Nam, không cần biết đã chịu đựng một quá khứ chính trị ra sao, mới sẽ có cơ hội như nhau để bằng tình yêu và khả năng cao nhất của mình, góp phần xây dựng một tương lai phồn thịnh và dân chủ cho tổ quốc.

...Trong phim (Chuyện Tử Tế) có rất nhiều người được phỏng vấn, thuộc nhiều thành phần khác nhau trong xã hội. Trong số đó không thấy bóng dáng củamột người miền Nam

Chú thích:

1. *Tiểu Thuyết Vô Đề* của Dương Thu Hương do nhà Văn Nghệ, California, xuất bản năm 1991.

2. Nguyễn Huy Thiệp trả lời cuộc phỏng vấn của báo Libération (Pháp). Bản dịch của Đoàn Giao Thụy, đăng trên Diễn Đàn Mới, số 10 (Tháng Bảy năm 1990).

3. *Tội Ác Và Hình Phạt* của Nguyễn Huy Thiệp, đăng trên báo Đất Mới, phát hành ở Canada, tháng Chín năm 1990.

CHIẾN THẮNG CHÍNH TRỊ

NGUYỄN HỮU CHUNG

LTS -- Bài viết dưới đây của Nguyễn Hữu Chung đã đăng trên tạp chí "Diễn Đàn" xuất bản ở Praha, Tiệp Khắc. Diễn Đàn là tạp chí do các sinh viên Việt Nam du học tại Praha chủ trương. Độc giả của tạp chí này là các sinh viên và anh em lao động Việt Nam ở các nước Đông Âu và Liên Xô.

TK21

Có một sự thật mà nhiều người ở miền Nam Việt Nam hồi trước 1975 không hiểu, đó là phải có chiến thắng chánh trị trước chiến thắng quân sự. Ngay bây giờ, khi phân tích về việc bại trận năm 1975, nhiều người cũng không chịu hiểu điều đó. Chính những chiến thắng chánh trị mà Hà Nội đã gặt hái (ngay tại nước Mỹ), đã giúp họ có được chiến thắng quân sự năm 1975. Hồi đó, ông Nguyễn Văn Thiệu và các tướng lãnh chung quanh ông ta không thấy được sự thật đó. Điều này cũng dễ hiểu vì quý vị nầy là những quân nhân, chỉ nghĩ tới những trận đánh. (Ông Thủ tướng Pháp Clémenceau có nói rằng chiến tranh là một chuyện quá quan trọng để có thể giao phó cho mấy ông tướng!). Người Mỹ đã thấy sự thật nầy nên họ đã vận dụng mọi phương tiện để ký cho được hiệp định Paris 1972 để rút êm. Điều mỉa mai là trước ngày miền Bắc tổng tấn công, chánh phủ của ông Nguyễn Văn Thiệu vẫn tin tưởng ở một chiến thắng quân sự vì người Mỹ vẫn hứa hẹn viện trợ để chiến thắng.

Chiến thắng quân sự của Bắc Việt năm 1975, mỉa mai thay, lại dẫn dắt toàn dân Việt Nam tới cuộc thảm bại chánh trị ngày hôm nay. Ngày hôm nay, nhân dân Việt Nam đang cần một chiến thắng chánh trị để thoát ra khỏi vũng lầy đói khổ và tủi nhục. Câu hỏi được đặt ra là với Ai và Bằng Cách Nào để đạt được chiến thắng đó.

Dưới một cái nhìn phe phái thì người miền Nam (VNCH cũ) đang hân hoan trước sự thất bại thê thảm của phe đã chiến thắng họ năm 1975 và đã áp đặt một chánh sách cai trị thù nghịch và vô nhân. Điều đó rất tự nhiên. Sự sụp đổ của chủ nghĩa CS và các chế độ theo chủ nghĩa nầy là một điều không một ai trên thế giới thương tiếc, nói chi tới người miền Nam, mà từ năm 1975 tới nay, hầu hết đã ít nhiều là nạn nhân của đảng Cộng Sản. Người miền Nam, nhất là những người ở ngoài nước, phần lớn ước ao sự sụp đổ tan tành của chế độ hiện tại, không cần biết những sự thiệt hại gây nên bởi hỗn loạn bi thảm như thế nào và tương lai sau đó sẽ ra sao. Nhiều người lại lầm tưởng rằng sự thất bại của đảng CSVN đương nhiên là chiến thắng chánh trị của những lãnh tụ VNCH cũ và nghĩ rằng họ sẽ thay thế chánh quyền CS khi tập đoàn nầy biến mất. Rất tiếc, quý vị đó đã không hiểu sự phức tạp của chánh trị và sự phức tạp của xã hội Việt Nam mà lịch sử và địa lý đã tạo ra. Không có chiến thắng chánh trị nào đơn giản, dễ dàng. Cuộc chiến thắng có vẻ dễ dàng của dân tộc Tiệp Khắc, thật sự đã không đạt được dễ dàng trong mấy ngày nhờ ông Havel, mà là một công trình hun đúc trong mấy mươi năm của toàn dân Tiệp. Trong 50 năm qua, người Việt Nam không cùng nhau hun đúc một cái gì cả, chỉ phá hoại nhau, phá hoại xứ sở, phá hoại nền văn hóa dân tộc, phá hoại những giá trị nhân loại. Người ta có thể xây nhanh một cái nhà đẹp trên một nền móng vững chắc, chúng ta sẽ xây được gì trên một vũng sình? *Không một dân tộc nào có thể xây dựng một quốc gia phú cường nếu không có sự đồng thuận dân tộc.*

Nhưng theo chỗ tôi được biết và tôi tin chắc như vậy, là những người của miền Nam có tinh thần bao dung. Tôi chưa gặp người nào có ý tưởng sẽ chờ

một ngày nào đó báo thù các cán bộ CS, dù đó là một người đã mất hết gia sản, mất gia đình hay đã ngồi tù cả chục năm. Cảm giác chung mà tôi thấy nơi nhiều người tôi gặp là sự thù ghét chế độ CS và sự chế diễu các cán bộ pha lẫn với một chút thương hại. Thương hại bởi vì suy nghĩ cho kỹ, những cán bộ kia đã là nạn nhân của sự lừa bịp để trở thành cuồng tín, nạn nhân của nghèo đói để trở nên tham lam. Sự bao dung là một trong những yếu tố quan trọng nhất của một xã hội dân chủ nói chung và của tiến trình hòa giải dân tộc Việt Nam nói riêng.

Về phía những người đã trưởng thành trong chế độ CS, đảng viên hay không đảng viên, đa số (tôi không nói tất cả) những người mà tôi được gặp hay được nghe đều ít nhiều vướng mắc với quá khứ của mình, với lề lối suy nghĩ đã được đào luyện từ lâu. Tôi không nói rằng những người nầy bênh vực chủ nghĩa CS hay không chống cộng, tuy rằng tôi thấy nhiều người vẫn còn hãnh diện với trận giặc trước 1975 và tự cao đối với người miền Nam. Tôi cũng không muốn bàn ở đây vấn đề nghi kỵ của người địa phương nầy đối với người địa phương khác và những tự hào huyễn hoặc về địa phương của mình tuy rằng đây là một vấn đề vô cùng quan trọng trong một quốc gia vì lịch sử cận đại thế giới cho thấy rằng nhiều quốc gia có thể bị tan rã vì thái độ cao ngạo và thiếu bao dung của một cộng đồng dân tộc nầy đối với một cộng đồng dân tộc khác. Điều mà tôi muốn nói là tôi nhận thấy nơi nhiều người, những người đã lên tiếng chống chế độ CS và đòi dân chủ, là quý vị nầy vẫn e sợ dân chủ, vẫn ngập ngừng, toan tính. Có phải vì dưới chế độ CS người ta có thói quen sợ sệt hết mọi chuyện hay không? Có phải vì xã hội CS là một xã hội không nguyên tắc, mọi việc chỉ được giải quyết trên giao tế cá nhân, bằng những sắp xếp, thỏa thuận..., như là các đảng viên CS sắp xếp với nhau để thỏa thuận về những chiếc ghế trong bộ chánh trị, trong ban chấp hành trung ương? Tôi không hiểu, tôi chỉ thấy hiện tượng mà không hiểu rõ nguyên lý của hiện tượng.

Tôi ngạc nhiên nghe nhiều người nói cùng một luận điệu như là: "Đổi mới để Việt Nam có một chế độ dân chủ, để những người yêu nước và có tài được tham gia chánh phủ hầu xây dựng đất nước...". Hoặc có ý kiến "xây dựng một chế độ dân chủ tự do, hòa giải hòa hợp dân tộc, trong đó các đảng viên CS yêu nước và những người quốc gia miền Nam yêu nước cùng nhau thiết lập chánh phủ để...".

Đồng ý! Nhưng câu hỏi đặt ra là ai là người có tài, ai là người yêu nước? Ông A hay ông B, anh hay tôi, các bạn anh hay các bạn tôi? Ai sẽ là người đứng ra lựa chọn, sắp xếp? Nguyên tắc căn bản của dân chủ là không có chuyện sắp xếp, tôn vinh nhau. Chỉ có người dân có quyền lựa chọn qua tuyển cử tự do, chọn đúng hay sai tùy họ. Họ có thể chọn một ông Tổng Thống bất tài hay một chánh phủ tạp nhạp, nhưng điều nầy còn hay hơn là phải mang trên đầu suốt đời một ông hay một nhóm độc tài, bởi vì nếu có lầm thì dân chúng sẽ có cơ hội thay đổi. Quan trọng hơn, trong một chế độ dân chủ, những sáng kiến và năng lực của tư nhân trong các sinh hoạt quốc gia chiếm vai trò quan trọng hơn là vai trò của nhà nước.

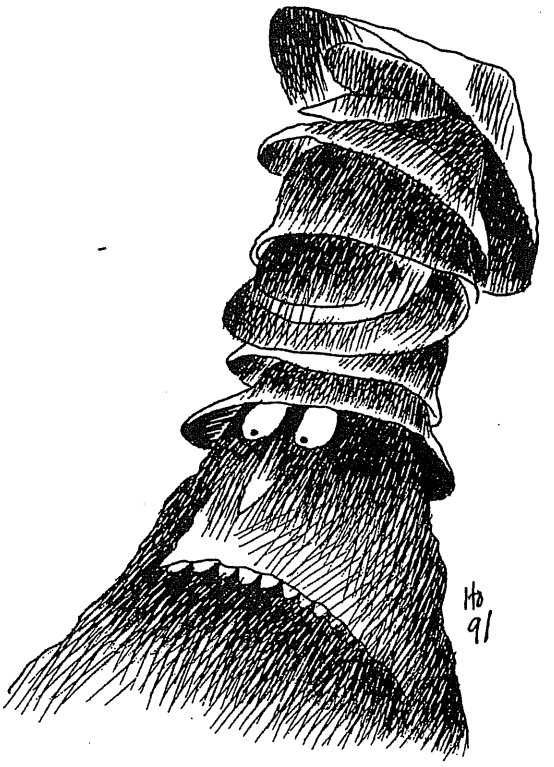

Ở Paris, cách nay một năm.

tôi có gặp một giáo sư đại học vốn là một người hoạt động lâu năm cho đảng CS nhưng nay cũng đòi dân chủ hóa chế độ, sau một buổi chuyện trò, đã phát biểu rằng "trong chế độ tương lai, sẽ phải có chỗ đứng cho những người CS yêu nước và trong sạch". Tôi thông cảm với tâm tư của ông bạn nầy, nhưng giả sử tôi đồng ý với ông ta thì tôi thấy cũng không phải ông ta và tôi là những người sẽ lựa chọn ai là người yêu nước và trong sạch và chọn một chỗ đứng nào đó để giao cho họ. Chính dân chúng sẽ là người lựa chọn. Dân chúng sẽ lựa chọn những người yêu nước đó làm dân biểu Hà Nội, thị trưởng Saigon hay là Tổng Thống Việt Nam nếu dân chúng tin ở họ. Đó là cách lựa chọn duy nhất trong một chế độ dân chủ, với những ưu và khuyết điểm của nó, và không có cách nào khác. Đó là cách duy nhất để nhân dân Việt Nam đạt được chiến thắng chánh trị hầu có cơ hội đạt được chiến thắng kinh tế để có thể ngẩng đầu lên cùng các dân tộc khác trong thế kỷ 21. *Chiến thắng chánh trị đó là phải của toàn dân.*

Những sự sắp xếp, chia quyền giữa phe nầy, phái nọ rốt cuộc sẽ dẫn chúng ta đến ngõ cụt vì nó không có khả năng kiến tạo một thể chế ổn định với những định chế vững bền. *Không có định chế thì không có ổn định.* Liên Bang Xô Viết sở dĩ gặp nhiều khó khăn trong việc chuyển sang kinh tế thị trường và đã tan rã sau cuộc đảo chánh hụt vừa qua là vì không có những định chế chánh trị, kinh tế, xã hội nào ngoài đảng CS. Ở Việt Nam, những sự cởi mở vụn vặt mà chánh quyền CSVN định thực hiện chỉ là việc trang điểm để mua thời gian của những người muốn bám lấy quyền hành, kéo dài sự đau khổ của dân tộc. Việc chánh quyền CS hôm nay mơ mộng một chiến thắng chánh trị và một chiến thắng kinh tế cũng giống như chánh quyền Nguyễn Văn Thiệu khi xưa mơ mộng một chiến thắng quân sự trong những ngày hấp hối của nó.

Điều mà dân tộc Việt Nam đang cần là một chế độ dân chủ, một xã hội luật pháp (Etat de droits). Cần những định chế dân chủ từ trung ương tới địa phương. Cần luật pháp dân chủ và công minh, từ luật hiến pháp tới luật đi đường. Chưa có những thứ đó, đừng mong dụ dỗ ai, dối gạt ai để người ta bỏ tiền vào đầu tư và giúp phát triển xứ sở, ngoài những tên gian thương, buôn lậu.

Tôi nghĩ sự ngập ngừng, sự lo ngại của những người đã tranh đấu nhiều năm dưới lá cờ CS là vì hai lý do. Một là vì quý vị này vẫn coi cuộc chiến tranh vừa qua là một di sản cần phải giữ gìn, ôm ấp. Tôi thấy rằng di sản chiến tranh, di sản của ông Marx, ông Lenin, ông Staline, ông Mao, ông Hồ..., ai muốn giữ thì cứ giữ nhưng đừng bắt người khác phải phục tùng chia xẻ với mình nếu chúng ta thật tâm muốn dân chủ và hòa giải dân tộc. Cá nhân tôi, từ lúc tôi trưởng thành, tôi không coi cuộc chiến tranh vừa qua là cao đẹp gì cả, phía miền Nam cũng như phía miền Bắc đều có những sai lầm. Trong một cuộc chiến tranh, ở thời nào hay một phương trời nào, cũng có những người chiến sĩ anh hùng. Người chiến sĩ anh hùng có quyền hãnh diện về mình và đáng được thiên hạ ngưỡng mộ. Nhưng không phải vì có những người chiến sĩ anh hùng mà cuộc chiến tranh đó đúng. Có biết bao nhiêu người chiến sĩ anh hùng trong đệ nhị thế chiến trong quân đội Đức quốc và trong quân đội Nhật Bản, nhưng cuộc chiến tranh của hai nước nầy là sai. Trong hoàn cảnh hiện tại tôi không muốn duyệt xét cuộc chiến tranh vừa qua, tôi chỉ xin mọi người bỏ nó lại sau lưng để an tâm nhìn về tương lai. Lý do thứ hai của sự ngần ngại là vì quý vị này sợ rằng ngọn gió tự do sẽ mang theo cơn bão cuồng nộ của dân chúng và sẽ cuốn trôi đi tất cả. Nhưng theo ý tôi, bằng kỹ thuật chính trị, chúng ta có thể có một cuộc chuyển hóa từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ trong trật tự, an ninh, không có một cơn bão cuồng nộ.

Muốn như vậy, mỗi người Việt Nam phải tự khắc phục để đổi mới não trạng. Trước sự đau khổ tận cùng của dân tộc, mỗi người Việt Nam cần phải tự chế. Chúng ta phải chế ngự những tham vọng cá nhân, chế ngự lòng tự kiêu và nhất là chế ngự sự sợ hãi nơi chúng ta. Sự sợ hãi ở người dân và sự sợ hãi ở những người đang cầm quyền. Khi mà nhiều người dân không còn sợ hãi để nói lên ý muốn của mình, khi mà người đang nắm quyền không còn sợ hãi về chuyện báo thù khi trao quyền lại cho dân chúng, khi đó chúng ta bắt đầu có *thay đổi* chánh trị. Khi một chế độ dân chủ được thiết lập với những định chế vững chắc từ trung ương tới địa phương, khi đó ta có *chiến thắng* chánh trị. Khi nào luật pháp được ban hành đầy đủ và được thi hành công minh, chúng ta sẽ thấy xã hội ổn định và kinh tế phát triển. Khi đó, Việt Nam mới có dáng vóc của một quốc gia bình thường trong cộng đồng thế giới văn minh. Việt Nam ngày hôm nay, với một chánh sách chánh trị và kinh tế bất nhất, với luật pháp hỗn loạn, với tham nhũng kinh

...nhưng không phải vì có những người chiến sĩ anh hùng mà cuộc chiến tranh [dó} đúng...

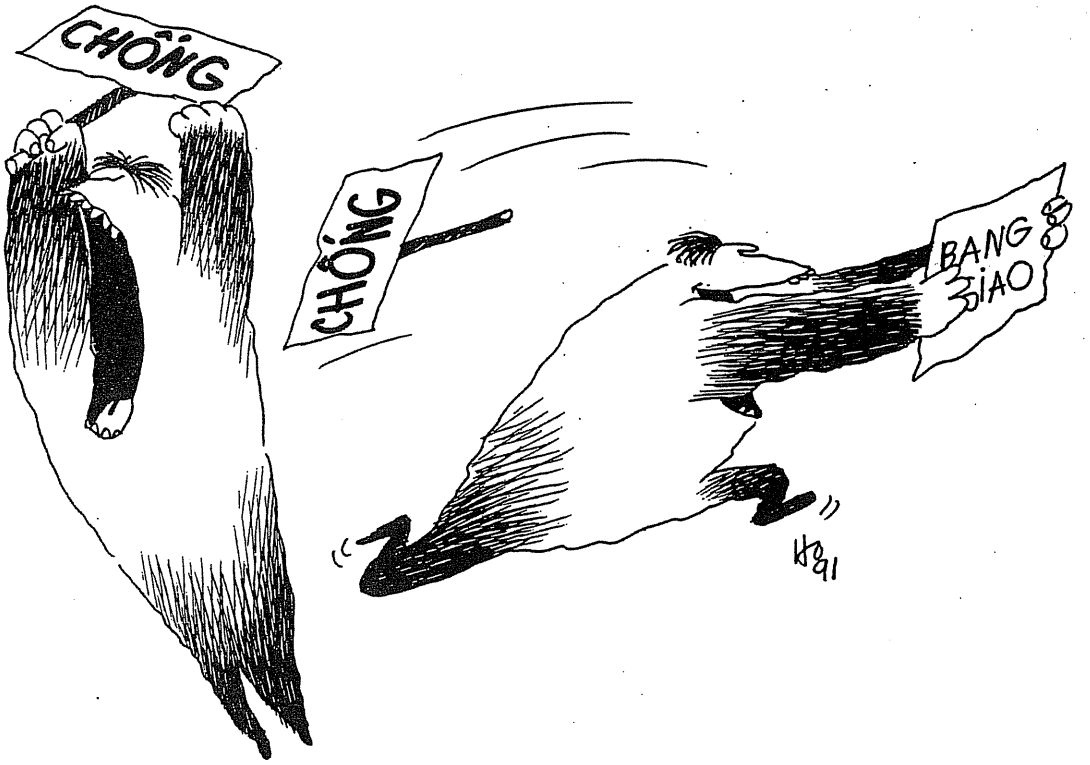

khủng, có dáng vóc của một người mang bịnh thần kinh và bịnh ghẻ lở. Đừng trách người khác không muốn ngồi gần chúng ta. Khi Việt Nam đã có dáng vóc của một quốc gia bình thường trong cộng đồng thế giới, với một đường lối đối ngoại khôn ngoan và một chánh sách kinh tế cởi mở, tôi đoan chắc rằng sẽ có những số tiền đầu tư ngoại quốc hàng tỉ đô la mỗi năm. Sẽ có nhiều hơn nữa nếu dân ta chịu làm việc, chịu học hỏi và không trộm cắp. Từ kỹ thuật thấp tới kỹ thuật cao, chúng ta sẽ có chiến thắng kinh tế trong vài thập niên, và sẽ ngẩng đầu lên. Nhưng trước hết, phải có chiến thắng chánh trị của toàn dân, chứ không phải chiến thắng chánh trị của một phe phái. Phải có những thay đổi -- thay đổi chứ không phải đổi mới -- khởi đầu bằng sự thay đổi não trạng của mỗi người và mọi người Việt Nam.

Montreal 14 Nov 1991

NGUYỄN HỮU CHUNG

14188 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 530-7033

Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN BÁ KHUÊ
HẬU ĐẠI HỌC U.C.L.A. TẠI HOA KỲ

- Nha Khoa Tổng Quát Người Lớn và Trẻ Em
- Nha Khoa Phòng Ngừa và Thẩm Mỹ
- Niềng Răng (Braces) do Bác Sĩ Chuyên Môn phụ trách
- Tẩy Răng Trắng (Bleaching)
- Giải Phẫu: Bệnh Nướu, Lợi
- Răng Giả đủ loại: Đẹp, Bền

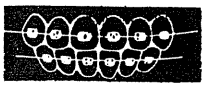

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai - Thứ Bảy từ 10AM - 7PM
Chủ Nhật: Theo Hẹn

- *Nguyên Chánh Chủ Khảo Nha Khoa Trường Quân Y (73-75)*
- *Nguyên Nha Sĩ Trưởng/Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam Đà Lạt (62-72)*
- *Hội Viên thực thụ/Hiệp Hội Bác Sĩ Nha Khoa*
- *Uỷ Viên Hội Đồng Chỉ Đạo/Hội Đoàn Nha Sĩ Quốc Tế tại California (Member Board of Director California Association of International Dental Graduates)*
- *Hơn 25 năm hành nghề tại Việt Nam và Hoa Kỳ*

Đựng cây nêu, đốt pháo Tết
(Trích từ Album của OGER)

TRANH TẾT Ở ĐẤT HÀ NỘI XƯA

HUỲNH HỮU ỦY

Tranh dân gian Việt Nam ra đời từ nhiều địa phương khác nhau trên toàn đất nước, dù có một tính cách chung nào đó, nhưng ở mỗi miền vẫn chứa đựng cái đẹp và hơi thở địa lý, văn hóa riêng. Ngoài làng tranh Đông Hồ ở Bắc Ninh, nằm trên bờ sông Đuống, là chiếc nôi thực sự của tranh dân gian, chúng ta còn có các vùng sản xuất khác: Hà Nội, Nghệ Tĩnh, Huế, Nam Bộ, Hà Sơn Bình, Vĩnh Phú, và ở vùng cao của các dân tộc ít người: Dao, Cao Lan, Tày, Nùng...

Sau làng Hồ phải kể đến Hàng Trống cũng là một trung tâm lớn sản sinh tranh Tết. Giữa đất Thăng Long xưa, tranh tết và các loại tranh dân gian khác đã được người dân kinh kỳ thanh lịch sử dụng để trang trí nhà cửa vào mấy ngày đầu xuân, như trong bài thơ *Tứ Thời Khúc Vịnh* của Hoàng Sĩ Khải, từ thế kỷ XVI, đã ghi nhận khi mô tả cảnh Tết nơi đây: tranh Chung Quỳ cùng với các vị thần trừ ma quỉ được vẽ trên gỗ đào, treo cạnh bức tranh ngà, tranh tố nữ.

Chung Quỳ khéo vẽ nên hình,
Bùa đào cấm quỉ, phòng linh ngăn tà
Tranh vẽ gà cửa treo thiếp yểm
Dưới thềm lầu hoa điểm thọ dương.

Hiện nay, bảo tàng lịch sử Hà Nội vẫn còn giữ được tấm ván khắc tranh Hàng Trống với niên hiệu "Quý Mùi lục nguyệt khởi, Minh Mệnh tứ niên", tức là bảng gỗ này được khắc từ năm 1823. Vậy thì phố Hàng Trống chỉ mới có về sau nhưng tranh Hàng Trống thì đã quen thuộc với dân Hà Nội từ lâu lắm rồi. Tranh Hàng Trống, đấy là tên gọi chung để chỉ dòng tranh dân gian sản xuất ở các phố Hàng Trống, Hàng Nón, Hàng Quạt, Hàng Mã, Hàng Mành, Hàng Bún, giữa lòng 36 phố phường Hà Nội. Khác với lối thực hiện tranh làng Hồ, dùng toàn bảng ván để in, in bao nhiêu màu thì có bấy nhiêu bảng gỗ, tranh Hàng Trống chỉ

dùng ván in để in nét vẽ chính, màu sắc sẽ được nghệ nhân tô lên bằng tay nên khá phong phú và uyển chuyển, chất liệu của màu sắc lại cũng không phải mộc mạc quê mùa, lấy dễ dàng chung quanh làng mạc như tranh Đông Hồ, mà từ những phẩm màu nhập từ nước ngoài. Tranh Hàng Trống mang nhiều tính cách thành thị vì đối tượng phục vụ là các tầng lớp thị dân, vì vậy đã tinh tế nhiều trong kỹ thuật thực hiện, đường nét và màu sắc khá điêu luyện nên đã làm mất đi chất ngây thơ và hồn nhiên của tranh dân gian. Nhưng dù thế nào đi nữa, vào những ngày tết nhất, nơi mỗi căn nhà mà được trang trí một tấm tranh Hàng Trống giả như một bộ Tố Nữ, hay môt bộ Tứ Bình Xuân-Hạ-Thu-Đông, hay một tấm Tam Đa Phúc-Lộc-Thọ, cạnh đấy là một cành đào thắm thì hẳn rằng chẳng cần gì nữa cũng đủ phong vị tết đất Bắc rồi!

Gần gũi với hai dòng tranh tiêu biểu Đông Hồ và Hàng Trống trong địa bàn miền Bắc, chúng ta cũng phải nhắc đến tranh Kim Hoàng ở Hoài Đức, tức phía Tây ngoại thành Hà Nội. Về mặt hình họa thì gần với tranh làng Hồ nhưng kỹ thuật thực hiện lại theo cách của Hàng Trống chỉ in nét bằng ván khắc, in trên giấy đỏ, rồi vẽ thêm chi tiết bằng các màu phẩm khác. Chủ yếu là nền tranh màu đỏ, chính vì thế mà người địa phương vẫn quen gọi là *Tranh Đỏ*. Những màu phẩm tươi tắn bên các đường nét đen vững chắc, tất cả đã nổi bật lên trên tấm nền đỏ thắm, tàu vang hay hồng điều, tạo thành một không khí rất lạ, kỳ ảo, đập mạnh vào thị giác. Dân làng Kim Hoàng cứ theo lệ xưa bắt tay vào việc làm tranh từ tháng Mười Một ta cho đến giáp Tết. Các bản ván khắc do một chủ phường có tài năng thực hiện. Bước vào mùa làm tranh, dân làng tổ chức cúng tổ nghề, rồi sau đó các ván in sẽ được phân phối cho các gia đình in tranh.

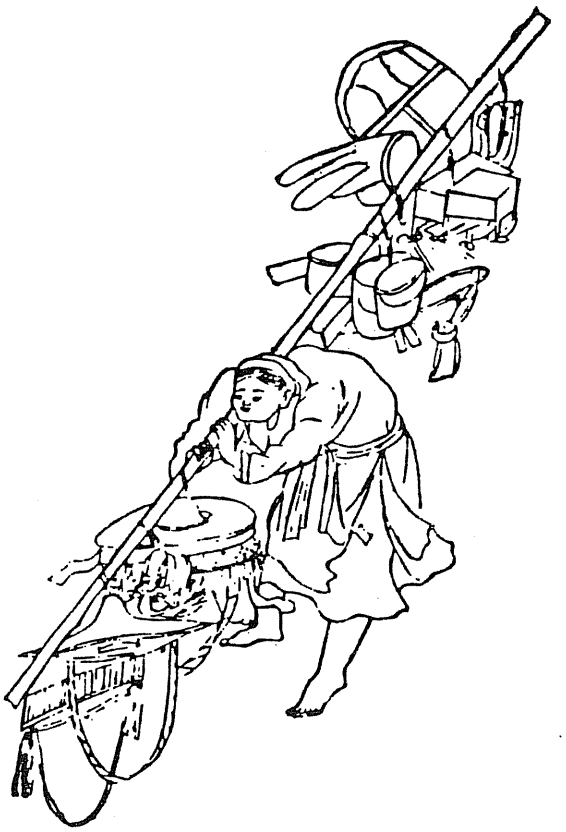

Hàng mã bán rong
(Trích từ Album của OGER)

Mùa làm tranh kết thúc, ván in sẽ được giao trở lại cho chủ phường cất giữ. Hồi tưởng lại những cảnh tượng đầm ấm xa xưa đã qua đi, lòng chúng ta thực sự xiết bao bồi hồi. Xem lại cảnh quang sinh hoạt chung quanh dòng tranh Kim Hoàng, chúng ta nhớ đến mùa tranh đỏ nở rộ từ ngày Tết Ông Táo (23 tháng Chạp ta) ở các chợ quanh làng Kim Hoàng như chợ Sấu Giá, chợ Sơn Đồng, chợ Chùa Thầy, chợ Phùng, chợ Vạng, chợ Trạm Trôi, chợ Canh, chợ Diễn, chợ Tây Tựu..., nhiều tranh khác được đưa về đất kẻ chợ Hà Thành. Những tấm tranh đỏ nở rực khắp nơi, mang ký hiệu của một mùa Xuân mới hạnh phúc, an lành đến với từng nhà.

Nhưng, thực đáng tiếc biết bao, trận lũ lụt lớn năm Ất Mão (1915) đã cuốn trôi rất nhiều ván in tranh, rồi cũng từ đó nghề làm tranh Kim Hoàng mai một, thất truyền dần. Đến năm 1945 thì chấm dứt hẳn. Thời tiết khắc nghiệt và chiến tranh ác liệt đã thiêu hủy biết bao nhiêu là bản ván khắc quý báu đặc trưng của dòng dân gian này.

Nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu (1945) áp đảo, nhiều người làng phải bán ván in để đổi lấy

gạo ăn qua ngày. Rồi những cơn rét dữ dội sau đó đã biến ván khắc thành củi sưởi để cứu lấy con người qua cơn giá rét khắc nghiệt. Một số bản ván khác sót lại được dùng làm ván lát hầm trong chiến tranh nên cũng chịu chung số phận oan uổng dưới ngọn lửa thiêu hủy tàn ác, nếu không thì cũng bị mối mọt làm hư hỏng cả. Trong công trình sưu tập và giới thiệu "Tranh dân gian Việt Nam" (Imagerie populaire Vietnamienne) của Maurice Durand, có một số tranh lạ không thuộc hai dòng Đông Hồ và Hàng Trống, đã được dân làng Kim Hoàng nhận ra là gốc gác từ tranh làng mình.

Đề cập đến dòng tranh Đông Hồ, Hàng Trống, Kim Hoàng chúng ta không thể nào quên công trình khảo sát sinh hoạt xã hội Việt Nam rất đồ sộ thực hiện bằng kỹ thuật mộc bản vào đầu thế kỷ XX của Henri Joseph Oger, một nhà nghiên cứu trẻ tuổi người Pháp. Đến Bắc Kỳ năm 1907, vừa mới 23 tuổi, đất nước xa lạ này đã trở nên hấp dẫn dưới cái nhìn của một nhà nghiên cứu ngữ văn và dân tộc học. Vậy là, ông bắt tay vào việc với tham vọng thực hiện một bộ bách khoa thư bằng tranh về các ngành nghề, về kỹ thuật và mọi sinh hoạt của người Việt Nam lúc bấy giờ. Gần 5,000 tấm tranh đã thành hình, do 30 họa sĩ và thợ khắc gỗ cộng tác làm việc, tập hợp thành một công trình lớn dưới tên gọi chung là "*Kỹ thuật của người An Nam. Bách Khoa thư về dụng cụ, đồ nghề, cử chỉ trong cuộc sống và nghề nghiệp của người Bắc Kỳ*" (Technique du peuple Annamite - Encyclopédie de tous les instruments, ustensiles de tous les gestes de la vie et métiers du peuple Annamite Tonkinois). Dù đặt dưới sự chỉ đạo của Oger, với mục tiêu riêng của mình là khảo sát xã hội dưới cái nhìn của một nhà khoa học, bộ tranh này lại hoàn toàn do người Việt Nam thực hiện, từ hình họa cho đến kỹ thuật in ấn, nên đã tỏa ra một thế giới tâm cảm của người Việt Nam hoàn toàn. Xem bộ tranh này, chúng ta sẽ thấy ra ngay đây cũng chỉ là công việc quen thuộc của những nghệ sĩ dân gian Đông Hồ, Hàng Trống, Kim Hoàng, mà không những thế, chúng ta còn có thể thấy trên rất nhiều bức tranh là vết tích của các bậc thầy rất cao cường trong nghề hình họa. Bộ tranh này đúng là một văn vật quý báu trong kho tàng văn hóa nghệ thuật Việt Nam, không chỉ là tài liệu sống động, chân thật về phong tục, tín ngưỡng tập quán mà còn chính là những tác phẩm nghệ thuật vô giá của dân tộc.

Đấu Vật
(Vẽ theo tượng đất nung, Album H. OGER)

Ở bên trên, chúng ta vừa nhắc qua chút ít về sinh hoạt của vài dòng tranh Tết xưa ở Hà Nội, vào một dịp khác chúng ta sẽ đề cập đến các nguồn tranh dân gian khác như tranh điệp Đông Hồ, như ở Huế và Sàigòn có một loại tranh nhằm phục vụ tín ngưỡng dân gian rất lạ và hấp dẫn, cả dưới cái nhìn mỹ học cũng như dân tộc học.

Chỉ mới phác vẽ qua đôi nét, cũng có thể hiểu được dễ dàng là tại sao cho mãi đến ngày nay, chúng ta còn đi tìm trở lại thế giới ấy, bởi vì rất rõ ràng đó là thứ hương sắc khai mở trên một miền đất riêng của những tâm hồn dung dị, thành thật, rồi được đào xới, vun trồng mãi qua nhiều thế hệ, đã gắn bó với vận nước nổi trôi mà biểu tỏ một tinh thần rất phong phú và khả ái của một dòng văn hóa độc đáo, riêng biệt. Vậy nên, cũng khá dễ hiểu khi loại tranh này không mấy thành công khi được vận dụng để biến thành vũ khí tuyên truyền chính trị sau năm 1945, rồi kéo dài mãi cho đến năm 1975.

Thời trước, thời tiền chiến, một số họa sĩ như Tô Ngọc Vân, Mạnh Quỳnh, Nguyễn Đỗ Cung, Mai Trung Thứ, Lê Phổ, Nguyễn Gia Trí, Tú Duyên đã từng đi vào các làng mạc, thôn xóm, tìm kiếm lại sắc màu xưa, nghiên cứu lại những công trình nghệ thuật truyền thống nơi tranh mộc bản, đó là những nỗ lực đầy ý thức, rất quý và hiếm. Công việc của những họa sĩ trẻ ngày nay khi theo chân

Bùa trừ tà
(Trích theo Album OGER)

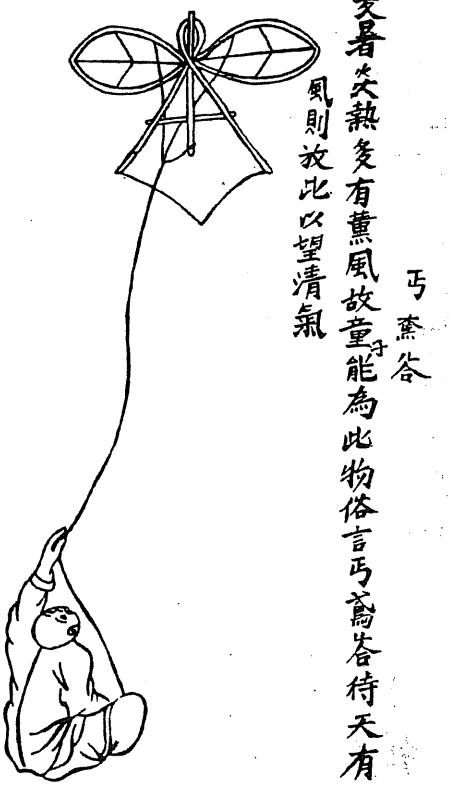

Chơi diều cóc
(Trích từ bộ Album của OGER)

Tử Vi trấn thạch
(Tranh Hàng Trống)

các bậc tiền bối, để bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc lại càng cần thiết và hữu ích hơn nữa. Bởi vì với việc nghiên cứu lại tranh mộc bản dân gian xưa, tiếp thu cái đẹp tạo hình cựu truyền trong khi làm mới bằng ngôn ngữ hội họa ngày nay, người làm nghệ thuật sẽ dễ dàng phát biểu một đường lối, một tiếng nói riêng biệt của dân tộc, giữa những riêng biệt khác của mọi nền nghệ thuật trên khắp cùng thế giới. Chúng ta sẵn sàng tin rằng kho tàng tranh dân gian xưa có thể góp phần đóng giữ vai trò đó đối với bất kỳ nghệ sĩ Việt Nam hiện đại nào.

CÁI LẠNH NỬA NGƯỜI

VÕ PHIẾN

Gửi Kiệt Tấn

Trong số mấy chú đã giúp việc cho ông tôi, tôi mến chú Sáu Xương nhất. Tụi nhỏ nhiều hồi nghịch ngợm, gọi là chú Sáu Xương... Sườn. nghe tụi nó gọi riết có khi tôi suýt nghĩ Sáu Xương là sáu cái xương. Về sau, rõ ra, thật giản dị: chú tên Xương, hồi nhỏ người ta kêu thằng Xương. Chú trưởng thành, kêu vậy không tiện; chú là con thứ sáu trong gia đình, bèn được gọi là Sáu Xương.

Nhưng thế thì anh chị chú đâu? Những anh Hai, chị Ba, chị Bốn v.v... đâu rồi? Khi tôi nêu lên cái thắc mắc ấy, bà tôi vắn tắt: "Bỏ hết rồi. Mày hỏi làm gì?" Tất nhiên tôi không có lý do gì rõ rệt cần biết, nhưng thái độ của bà làm tôi càng thắc mắc: Tại sao lại "bỏ" nhiều vậy? Cha mẹ chú Sáu "bỏ" tất cả mấy người con? Chú Sáu Xương có em trai em gái gì không? Còn cha mẹ chú nữa, đâu cả? Sự "vô lý" ấy làm chú Sáu Xương kẹt cứng. Hồi nhỏ, vì không ai nuôi, chú bé gửi thân vào gia đình ông bà tôi vô kỳ hạn. Thoạt tiên làm công việc lặt vặt trong nhà; rồi chăn bò, cắt cỏ; rồi dần dà thành hẳn một người trai cày, quán xuyến mọi công việc đồng áng. Chú sống trong nhà ông tôi trên dưới vài chục năm. Khi chú Sáu Xương có người thương, ông tôi đứng ra xếp đặt việc hôn nhân cho chú, lại gặp ngay trở ngại: ông già chị Hai Trầm chê chú Sáu là đứa bần cùng, không cha không mẹ. Chị Hai có gốc gác mà. Chị gốc gác như thế nào, hồi nhỏ tôi không biết. Chỉ thấy nhà chị cũng nghèo, như bao nhiêu gia đình xung quanh. Có thể nghèo hơn xung quanh. Nhưng ông già chị Hai không giống một người nghèo: ông ăn nói điềm đạm, chậm rãi, da dẻ ông trắng trẻo. Ông lão lại mù, không ra sương nắng nên càng thêm trắng. Bà già chị Hai thực ra không phải là bà già của chị. Chị mồ côi mẹ, bà này đến làm bạn với ông già chị, dệt vải nuôi chồng. Nhưng bà không nuôi nổi chị Hai. Chị được gửi đến một bà cô. Chị cũng "giúp việc" bà cô, gần như chú Sáu Xương giúp việc nhà ông tôi, cũng vô kỳ hạn.

Khi ra đời, chị được đặt tên Trâm. Người ta bảo đứa em của chị, bất cứ là trai hay gái, đã có tên sẵn: là Anh. Nhưng số chị không em. Còn chị, chị vừa lớn lên là tụi bạn cứ gọi mãi con Trâm Đai. Chị khóc quá. Bà già qua đời, ông già một mình giải quyết vấn đề, ông bảo: "Từ rày mày tên Trầm. Được không?"

Sau đó không lâu, ông kết bạn, rồi ông mù, rồi cảnh nhà sa sút gấp. Bà cô của chị Hai Trầm ở khác làng, mãi bên kia sông; tôi không hay gặp chị, không biết mấy về chị.

Còn chú Sáu Xương, chú đến ở với ông bà tôi trên mười năm mà tôi vẫn chưa ra đời. Khi tôi sinh ra, lớn lên, chạy lui chạy tới nhà ông tôi, thì chú Sáu Xương đã là một người lớn. Nhà ông tôi và nhà bố mẹ tôi cùng xóm, cho nên tôi "thân" với chú Sáu.

Phải nói chú là người kỳ cục. Chú không thích sống như mọi người. Mọi người sống trong nhà; chú Sáu Xương sống ngoài chuồng bò, nghỉ ngơi, ngủ nghê ngoài chuồng bò. Chú lấy một tấm ván, chọn một góc chuồng bò, chú gác tấm ván lên hai cây "róng" cao nhất, gần sát mái chuồng. Đó là giang san của chú.

Chú xếp chiếc chiếu làm đôi, trải trên tấm ván, vất lên đấy một trái dừa khô vạt phẳng hai mặt làm gối. Hễ hết công việc là chú Sáu Xương rút lên chỗ riêng của mình. Nằm trên một tấm ván hẹp như thế hẳn không có gì thoải mái. Vậy mà suốt bốn mùa chú luôn luôn cố thủ trên ấy. Trưa mùa hè, chú hóng gió mát, có khi chợp mắt được một giấc ngắn. Đêm đông, chú nằm nửa chiếu đắp lên người nửa chiếu, nghe mưa rơi gió rít. Đông cũng như hè, lúc nào bên dưới chú Sáu cũng có tiếng bầy bò sinh hoạt: chúng ăn rơm, uống nước, chúng húc nhau, chúng cựa quậy vu vơ... Lúc nào mùi phân bò, mùi lông bò, hơi thở bò cũng xông vào mũi đậm đà. Cái mùi của một cuộc sống!

Tất nhiên khi mới đến ở với ông bà tôi, bé Xương không ngủ chuồng bò. Không có ai cho nó ngủ cheo leo nguy hiểm như thế. Vậy thì từ bao giờ chú Sáu Xương lánh đời? và cái gì làm chú tự dưng muốn biệt tịch, tách rời khỏi sự sinh hoạt của cái gia đình đã cưu mang chú từ tấm bé? Có phải do mặc cảm của một đứa mồ côi lúc đến tuổi ý thức được cảnh ngộ côi cút của mình. Có phải là phản ứng tự nhiên của một người con trai đến tuổi có tâm sự riêng, đến cái tuổi mà anh ta bỗng dưng muốn lắng nghe lòng mình hơn là nghe những câu chuyện tạp nhạp hàng ngày của bất cứ ai?

Dù sao không phải ai mồ côi cũng ngủ chuồng bò, không phải hễ đến tuổi hai mươi là ngủ chuồng bò. Chú Sáu Xương có cái kỳ cục của chú. Cái ấy hợp với tôi. Nhiều lần tôi đòi trèo nằm lên tấm ván của chú để... thưởng thức; nhưng chú phản đối cương quyết: Tôi mà rớt bịch xuống đất thì rắc rối quá. Vì thế, tôi chỉ có thể đăng cao vụng trộm lúc chú Sáu vắng nhà. Lần nào tôi đến chơi gặp chú có trên tấm ván thì tôi chỉ được phép trèo ngồi lên hàng "róng" thứ ba, hai cánh tay giăng ra cùng với chiếc cằm gác lên hàng "róng" thứ tư; ngồi vắt vẻo như thế, tôi đong đưa cặp giò ngắn ngủn của mình rất là nhặng xị, và tôi ló đầu lên đàm đạo với chú Sáu Xương về nhiều vấn đề linh tinh: cách nào lột lưỡi một con két để nó biết nói gấp? ăn trái quăng muốn đỡ rát lưỡi thì khử bằng gì? người ta bảo chim trả khoét đất chui xuống các ngôi mộ làm tổ, có không? v.v... Câu chuyện càng hào hứng tôi càng vung vẩy hai chân.

Có khi tôi chỉ ngồi để nghe chú Sáu hát. Thực ra không phải chú hát cốt cho tôi nghe.

Đấy là chú ôn bài, học bài. Chú Sáu Xương hát hay nổi tiếng trong vùng. Quê tôi không có hát ví, hát trống quân hay quan họ v.v... không có hội hè gì cả. Trai gái muốn hát với nhau chỉ chờ những dịp giã gạo, giã đầu, chẻ mía. Chú Sáu Xương một mình rỉ rả ôn tập trên tấm ván sát mái chuồng bò vắng vẻ để chờ cơ hội.

Một hôm chú đang hát, thấy tôi ló đầu lên, bỗng hỏi:

-- Này Hai, cái gì lạnh ít sao tui lạnh nhiều? Hát lại nghe coi.

Tôi ngơ ngác. Chú nhắc:

-- Thì câu hát hôm qua... Câu hát trong sách đó mà.

À, tôi nhớ ra rồi. Tôi cãi:

-- Hát gì đâu? Ca dao đấy.

-- Ca với hát cũng vậy thôi. Người ta nói "ca" à? Ai nói vậy? Tức cười. Mà cái gì lạnh ít, Hai hát lại chú nghe đi.

Tôi không thuộc bài, tôi chạy đi tìm tờ giấy trong rổ may của bà tôi. May quá, tờ giấy vẫn còn đó. Tôi đọc:

"Cuốc kêu réo rắt trên ngàn
Gà rừng táo tác gọi con tha mồi
Lạnh lùng thay láng giềng ơi
Láng giềng lạnh ít sao tôi lạnh nhiều."

Chú Sáu Xương thắc mắc:

-- Láng giềng... Thế người ta có nói cho Hai biết láng giềng là gì không?

-- Tôi biết mà. Là... là ở gần nhà, là...

-- Tức thị bà con lối xóm chớ gì. Nói vậy Hai nghe trúng không?

-- Đúng rồi đó.

-- Thì nói vậy có phải dễ nghe hơn không? Láng giềng! Rắc rối. Khỉ!

-- Tiếng Bắc ý mà.

Chú Sáu cười khặc khặc, lắc đầu:

-- Bắc Kỳ! Tức cười. Câu hát, kêu là câu ca: cũng Bắc Kỳ nữa chớ gì? Phải không?

-- Bộ chú Sáu biết Bắc Kỳ rồi hả?

-- Thì biết chớ. Trông thấy người Bắc Kỳ rồi, sao không?

Tôi chịu chú. Chú Sáu lịch lãm thật. Nhưng cái đáng nói ở

TRÊN ĐƯỜNG LÊN CHƠI XUÂN SANTA ANA

HÀ THÚC SINH

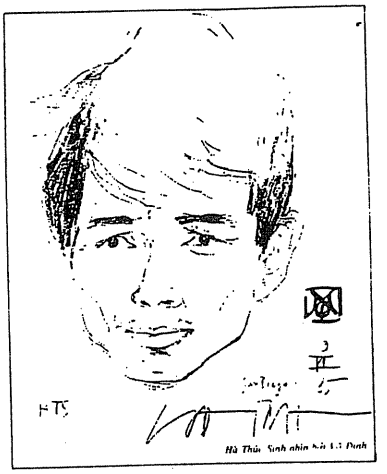

Đường dài thăm thẳm một trăm dặm
Mình ta xe chạy đi chơi xuân
Một bên là biển bên là núi
Có đổi thay nào trên dương gian?

Ngàn hoa nước Mỹ mùa không nở
Chỉ dài hun hút rặng Mộc Lan
Không hương có phải vì xe kín
Hay bởi lòng ta đã úa tàn?

Hát một câu nhỏ nghe mãi chán
Đầu là khoảng trống không vui buồn
Nhớ mình chưa tắm đến mấy bữa
Ngập ngừng lại muốn trở về nam

Ghé quán bên đường kiếm hơi ấm
Nhìn ra sương trắng sương mênh mông
Thấy chim loáng thoáng bay về núi
Lòng bỗng cồn lên một cố hương...

12-91.

đây là cách chú học câu hát: chú lẹ như con cò ruồi. Ngày hôm trước tôi ngồi bên cạnh bà, ê a đọc bậy một trang sách tình cờ nhặt được, chú đi ngang qua, không dừng bước, không gián đoạn công việc, không tỏ vẻ gì chú ý đến tôi. Vậy mà nhanh như chớp chú đã bắt lấy câu hát, ghi chặt vào đầu. Con cò nuôi trong nhà, hàng ngày nó lờ thờ lững thững, như dạo chơi không chủ tâm, không ai thấy nó hăm hở rượt đuổi, săn tìm gì ráo, thế nhưng thỉnh thoảng nó phóng mỏ một cái mổ gọn một con ruồi không sai sẩy? Chú Sáu Xương không ai thấy tầm sư học hát bao giờ; cứ nay bắt chỗ này mấy câu mai bắt chỗ kia một bài, dần dà chú tích lũy một cái vốn lớn lao. Chú tích lũy và chế biến nữa. Câu hát con cuốc con gà vừa rồi chẳng hạn, tôi gặp rồi bỏ qua, tôi gần quên tuốt. Bỗng vào đêm giã đầu năm nọ chú Sáu Xương hát:

"Hê ê ê... Con cuốc nó kêu réo rắt trên ngàn

Gà rừng nó lại táo tác gọi con tha mồi

Lạnh lùng thay í bạn miềng ơi!

Bạn miềng lạnh ít cớ sao tui lại lạnh à nhiều!

Hê ê... Hò hê..."

Tôi hoang mang, ngờ ngợ một lúc lâu mới nhận ra đó là câu "láng giềng" độ nào. Bà con hôm ấy, bao nhiêu kẻ tấm tắc ngợi khen. Câu hát Bắc Kỳ mà, đã có ai được nghe qua đâu: vừa hay vừa lạ, tấm tắc là phải chứ. Còn chị Hai Trầm, chị cảm động trông thấy. "Bạn miềng" đâm lạnh cóng.

Nhưng tôi phải nói về buổi hát giã dầu hôm đó. Tuy nói "giã dầu", thực ra là giã đậu. Đậu phụng muốn ép dầu phải phơi khô, rồi xay để tách riêng vỏ đậu ra, sau đó cho vào cối giã hạt đậu nát thành bột. Bột ấy đem xôi, gói thành bánh, cho vào máy ép lấy dầu.

Trọn một đêm hôm ấy, hai người tình đối qua đáp lại trước sự chứng giám của gần như cả làng. Ban đầu họ còn bỡn cợt: họ đố nhau sông nào sâu núi nào cao, họ hát Vân Tiên, hát Kiều, nói bóng gió quanh co, dần dà họ nhập thẳng vào đề: họ nhớ thương, họ than trời trách đất về cảnh ngộ éo le. Có lúc chú Sáu xương liều lĩnh rủ nhau trốn đi Nam Kỳ Lục tỉnh làm ăn:

"Thiên sanh nhơn hà nhơn vô lộc

Địa sanh thảo hà thảo vô căn

Em hỏi anh, anh phải đáp rằng

Vô trong Lục tỉnh làm ăn nhiều nghề

...

Bất hoặc may máy cúp đầu

Coi cai làm sở cống cầu cũng sang

Bất hoặc coi sóc nhà hàng

Sốp-phơ xe điện cũng nhàn tấm thân

Bất hoặc..."

Chú Sáu Xương táo tợn và lịch lãm quá rồi. Trăm cái "bất hoặc" cái nào cũng hấp dẫn (mặc dù có cái người "Bắc Kỳ" nghe đến phải lấy làm buồn cười: chẳng hạn cái nghề mà chú gọi là cúp đầu thực ra không ghê rợn đến thế, đó chỉ là nghề hớt tóc: sang chán).

Vậy rồi chú Sáu Xương đem người bạn vô nam xây tổ ấm chăng? -- Ồ, không. Chú nói vậy mà không làm vậy. Chú nói cho... thỏa chí thôi, chứ cả chú Sáu lẫn chị Hai Trầm đều là những kẻ hiền lành, nhẫn nhục. Giã dầu xong, hò hát xong, ai trở về công việc nấy, họ tiếp tục cuộc sống y như... trước khi giã dầu. Như thế cho đến cái hôm tôi bất gặp họ ở bờ sông.

Sông ấy có tên là sông Trường định, nhưng bấy giờ tôi không hề biết đến. Người trong vùng quen gọi là sông Giăng. Sông khá rộng, đối với tụi nhỏ chúng tôi hồi ấy thì là thật rộng. Vào mùa nắng không có mấy nước: phần lớn lòng sông bày toàn cát sạn với rau răm đồng; chỉ có một dòng nước cạn và hẹp chảy lằng ngoằng, người qua lại xắn quần lội bộ dễ dàng.

Chúng tôi ngày ngày ra sông chơi. Trời nắng thì rút vào dưới bóng cây bên bờ. Nhiều lần chơi chán có đứa nằm lăn ra ngủ quên ngoài bờ sông. Những lần khác, có đứa đào trộm khoai mì ở các đám đất lân cận, đem xuống sông, tìm chỗ khuất vắng rủ nhau nướng ăn. Có hôm, trong lúc đào cát làm cái "giếng" con con giữa lòng sông, tôi bắt gặp mấy đồng kẽm. Đem về khoe trong xóm, lại có kẻ bảo: "Tiền mua nước rửa mặt người chết. Nhặt làm gì?" Tôi khiếp.

Không biết tục ấy có giống với tục lệ nơi khác chăng? Ở làng quê tôi trước khi liệm xác chết, bà con ra sông múc một ít nước về rửa qua mặt mũi kẻ quá cố. Người chết không nên mang nợ nần: một món tiền nhỏ được ném xuống sông là cái giá của món nước rửa mặt lần cuối cùng.

Thò tay vào túi móc ra đồng kẽm đã hoen xanh, đồng kẽm liên hệ đến một cái chết -- không biết của ai, thời nào -- tôi nghĩ ngợi mông lung, rồi đem ném trả lại sông. Đêm đêm tôi không dám ngủ với một đồng tiền như thế trong túi. Hôm khác, khoảng xế trưa, tôi đang ngủ dưới bóng cây ở bãi sông bỗng choàng thức giấc. Tôi ngơ ngác quay đầu tìm xem cái gì đã đánh thức mình. Trời nắng đậm, thời khắc ngưng lại sững sờ, mây trắng từng đám lặng lẽ không di chuyển. Trong im lặng phăng phắc, tai tôi nghe cả tiếng vỗ cánh của một con chim nhỏ, tiếng chân con rắn mối khua lá khô rột rẹt. Bờ sông phía bên kia, ở chỗ quẹo, lở thành vách đứng cao vút. Phía bên ấy có những đám bắp nằm sâu vào bên trong, từ chỗ tôi không trông thấy bắp, chỉ thấy vài con bò cặm cụi ăn cỏ mép sông. Và một người đàn bà, một người đàn bà đang nhìn dáo dác rồi há miệng thật to... A! đó là cái đã đánh thức tôi?

Chắc chắn đây là một người mẹ gọi con. Gọi một trong

những đứa trẻ vẫn chơi đùa với tôi hàng ngày ở bãi sông.

Từ dưới lòng sông bên này nằm trông lên bờ sông bên kia, xa tít, ngược chiều nắng: một người đàn bà nhỏ bé vung tay, ngoác miệng, giãy giụa trên cao, sau lưng là tảng mây trắng sáng lòa.

Lúc bấy giờ đứa bé ngờ nghệch là tôi đâu biết gì. Thế nhưng từ trong giấc ngủ bật ra bàng hoàng, trước hình ảnh người mẹ chới với giữa mây trắng, tự dưng tôi ngợp trong buổi trưa mênh mông. Thình lình, có cảm giác vừa ngao ngán vừa kinh hãi.

Thẫn thờ hồi lâu, tôi ngồi dậy, một mình nhìn theo con diều hâu trên nền trời xanh ngắt, nghe một tiếng gà e é từ trong xóm vẳng ra. Mãi không biết làm gì, tôi đứng lên men theo bờ sông, đi ngược lên chỗ khuỷu sông có cây cối rậm rạp. Và tại đây bất thình lình tôi bắt gặp cái chuyện động trời: chú Sáu Xương và chị Hai Trầm trong bụi rậm.

Phải nói ngay là hai người không làm chuyện gì quá đáng. Chuyện của họ, bây giờ người ta trông thấy nhan nhản ngoài đường ở Mỹ: ôm nhau, vậy thôi. Nhưng lúc bấy giờ, ở một khúc sông vắng vẻ bên xóm núi làng quê, họ tái mặt, rồi xẻn lẻn, không nói được lời nào. Còn tôi, thì tôi sửng sốt. Tôi cắm đầu bỏ chạy. Lần đầu tiên trong đời đứa bé đối diện với sự bí mật: Làm sao hiểu được hai người lớn một nam một nữ có thể ôm cứng lấy nhau. Hai người lớn thường ngày vẫn đàng hoàng như mọi người lớn trên đời, bỗng ôm riết nhau, như thế là thế nào? Sự bí mật có sức xao động cực mạnh.

Sau đó suốt mấy tuần liền, tôi cố tình tránh né chú Sáu Xương. Thẹn quá, tôi không dám mon men đến chuồng bò. Mãi một hôm, có dịp gặp tôi ở chỗ vắng, chú bảo khẽ:

-- Hầy! Hai! Hai không mách lại với ai cả chớ?

Chú cười khổ sở. Tôi xấu hổ quá, đỏ mặt, lỉnh mất.

Chú Sáu không cần bảo: Từ đó đến nay tôi chưa từng mách ai. Cái bí mật buổi trưa hôm nọ, tôi chôn giấu nó trong bao nhiêu năm hồi thơ ấu trong chỗ riêng tư của mình. Và nó ám ảnh tôi dữ dội. Đến tuổi hiểu được, thì tôi lại chẳng thấy còn lý do gì để mách ai nữa.

Nó mờ nhạt dần cho đến cái ngày tôi đọc Kiệt Tấn.

Một ngày tháng bảy năm ấy, nhân từ Ý về Pháp, tôi ghé lại Lyon một ngày một đêm. Thực ra ở đấy chẳng có chỗ bà con quen biết nào để thăm viếng. Chẳng qua vì muốn biết đó biết đây, vì một câu thơ nhớ mang máng, vì một cái truyện đọc đã lâu mà vẫn còn ám ảnh v.v...

Bởi không quen biết, tôi đi loanh quanh vu vơ trong thành phố, chán rồi quay về mấy con đường bên cạnh nhà ga. Buổi sáng gió ghê quá. Mấy bàn bày thức ăn bán lộ thiên phải lấy dây nịt chặt khăn phủ bàn xuống mà thỉnh thoảng vẫn bị gió thổi tốc khăn lên. Khúc bánh mì nhồi thịt nhồi trứng ở Pháp trông khác cái xăng-uýt ở Mỹ, trông ngộ lắm. Tôi vào quán, chọn bánh mì làm bữa sáng, vừa ăn lai rai vừa trông cảnh tượng gió Lyon tung hoành.

Tôi hỏi ông chủ quán:

-- Này ông! Cái gió này là *mistral* đấy chứ gì? Phải không?

Ông ta ngần ngừ, đắn đo:

-- A... a... Vâng. Nếu ông muốn thì cũng có thể gọi là *mistral*. Nhưng...

Ối Trời! Vậy là tôi trật lất rồi. Cái phép lịch sự Âu tây bày vẽ ra lắm trò: "Nếu ông muốn..." Việc gì tôi lại muốn gọi nó bằng cái tên không phải của nó? Tôi cụt hứng, tẽn tò, không tiếp tục chưng kiến thức nữa. Tôi ngồi vừa nhai bánh mì vừa nhớ đến Kiệt Tấn. Bạn tôi đã có lần ngồi khóc tức tưởi ở ga Lyon, quán Mì Dơ. Quán "Mì Dơ"? nó ở đâu? Tôi đã để ý tìm xem mà không thấy cái quán nào có ông chệt làm chủ.

Tôi tưởng tượng Kiệt Tấn ngồi khóc giữa cái gió lớn của Lyon: "*Tôi càng lúc càng khóc lớn. Mọi người trong quán quay lại ngó nhìn, ái ngại (...) Tôi tiếp tục khóc ngất.*" *(Người em xóm học).*

Diane vuốt tóc chàng, rút mùi-xoa lau nước mắt cho chàng. Ông chệt chủ quán rót mai quế lộ đưa chàng uống cho hết "puồng". Vậy mà chàng cứ "puồng", cứ khóc. Gió dữ từng cơn cuốn giật tiếng khóc nức nở của chàng, tung vào không gian bao la...

Sao mà thê thiết quá vậy? Chàng thiếu cơm áo chăng? Chàng sống xa xứ vừa nhận được tin dữ từ quê hương chăng? -- Không. Không có gì bất thường cả. Chàng thuộc thành phần thanh niên may mắn hiếm hoi của thời chiến, được học bổng du học chờ ngày thành tài về giúp nước, chàng thừa áo cơm, mới vừa nhảy nhót tưng bừng đêm trước tại Ba-lê. Hai đấng sinh thành ở quê hương nhờ trời vẫn an khang. Chàng không có lý do gì để "puồng". Và thực ra chàng không hề "puồng" chút nào: chàng chỉ muốn... chết thôi. Chàng đang ở vào một tình trạng khủng khiếp hơn "puồng" nhiều.

Tình trạng gì vậy? -- Kiệt Tấn không phải thuộc loại ấm ớ quanh co, chàng không thuộc hạng người hồi nào cũng trịnh trọng, ngoài miệng toàn nói điều lễ nghĩa. Không có vậy đâu. Kiệt Tấn thỉnh thoảng thích vạch tai người trịnh trọng, thổi vào vài ba câu vừa đủ làm cho hắn ta giật bắn người lên, như có ai rót nước sôi vào cổ áo. Chẳng hạn: "*Mỗi lần đến một thành phố lạ, việc đầu tiên của tôi là đi tìm đàn bà, bất cứ người đàn bà nào cũng được (...) Tôi ghiền đàn bà như ghiền ma túy. Tôi sẽ chết vì ma túy, không có gì ngạc nhiên (...) Không có nàng, tôi lăng xăng tìm kiếm, không học hành được gì hết. Tìm không ra, tôi tưởng phát khùng tới nơi.*" *(Người em xóm học).*

Vậy đó. Chàng có thể chết vì thiếu đàn bà, không có gì ngạc nhiên. Ở Lyon bấy giờ chàng đang thiếu nặng, vậy chàng khóc ngất trong tiệm "Mì Dơ" thì ngạc nhiên nỗi gì?

Nhưng chàng tìm đàn bà làm chi mà tìm dữ vậy? -- Cái đó chàng cũng có nói rõ ràng: "*Không phải để giải quyết sinh lý. Tôi cần có sự hiện diện mà sự hiện diện đó phải là của một người đàn bà. Không có nàng tôi thấy đời trống rỗng, mênh mông, hoang vu dễ sợ. Tưởng có thể ngã ra chết được (...) Tôi nằm lẻ loi trong bóng tối, tôi cần đàn bà biết chừng nào! Tôi không nhận định tình cảm mình rõ rệt. Chỉ thấy cô đơn và thèm muốn (...) Nhiều lúc đang đi ngoài phố cô đơn bỗng chụp lấy tôi, đầu tôi tưởng nức rạn, tim tôi dồn dập, trước mắt lan dần những vòng đen, tôi muốn ngã quay xỉu luôn tại chỗ. Cô đơn như một ung thư đục khoét cơ thể tôi đau nhức. Cô đơn là một cảm giác trừu tượng, nhưng sự đau nhức rất là cụ thể.*"

Kiệt Tấn nói thế, nghe có được không? Đàn bà chỉ liên quan đến chuyện cô đơn, không liên quan đến chuyện sinh lý, đàn ông nghe vậy được không? -- Tôi nghe được quá. Chàng nói gì, tôi tin nấy. Kiệt Tấn không phải một nhà đạo đức. Ít khi chàng làm ra vẻ đạo đức lắm. Chàng làm những gì với Diane, người em xóm học, chàng kể ra tuốt hết. Chàng làm gì với Tuyết, người tình quán nước, chàng thuật lại vanh vách. Một khi có đàn bà trong tay, Kiệt Tấn không như Liễu Hạ Huệ, không ôm mà ngồi suốt đêm, bất động. Nhưng cái động cơ đầu tiên, chính yếu, khiến chàng chạy quáng chạy quàng tìm đàn bà, khiến chàng khóc ngất khiến chàng muốn chết, cái đó không phải là sinh lý, mà là cô đơn. Chàng bảo: "*Có hai điều tôi sợ nhất trên đời là bệnh tật và cô đơn.*" Chàng nói, tôi tin. Phải lắm: Bệnh tật đưa tới cái chết. Bệnh tật là một cách chết, cô đơn là một cách chết khác. Như vậy ông chệt quán Mì Dơ sai lầm thấy rõ. Chàng không "puồng" vì ba cái lẻ tẻ, vì những lý do tầm thường ở nhân thế: vì lỗ lã dăm ba vạn bạc trong một chuyến buôn, vì mất cái giếp thơm ba bốn nghìn một tháng, vì cháy nhà tiêu luôn một sản nghiệp v.v... Những cái đó, uống mai quế lộ vào say túy lúy có thể quên được. Nhưng chàng không "puồng", chàng đau. Chàng đau nỗi đau tiên thiên, mà lý do không tìm được nơi những biến thiên chìm nổi ở cuộc đời này. Cái đau tiên thiên của chàng, nguồn gốc của nó ở tận ngoài cõi nhân gian. Sinh ra là đau rồi. Vạn vật sinh ra hầu hết là những sinh vật bất toàn. Mỗi người nam là nửa người, mỗi người nữ là nửa người. Mỗi con trống là nửa con, mỗi con mái là nửa con. Tất nhiên Thượng Đế sinh ra người là không phải để sống nửa thân. Cho nên cái đau của chàng là cái đau của một thân xác bị chẻ làm đôi. Khiếp. Khiếp quá mất. Niềm đau nguyên thủy, đau tự chỗ cội gốc của sự sống, đau ấy không chữa được bằng mai quế lộ. Rượu là sản phẩm do tay người chế ra, rượu không hiệu lực. Đau ấy phải người chữa cho người. Người là do Thượng Đế

làm ra. Nửa này chữa nửa kia, họa may mới xong.

Hoặc có người hỏi: Thế còn nửa bên kia? Nửa kia có thấy cô đơn như nửa này không?

-- Có đấy. Người em xóm học nói với Kiệt: "*Cũng như anh, em rất khiếp sợ cô đơn. Thành thử hôm anh khóc ở quán em rất xúc động. Em hiểu lắm. Em đã có lần suýt tự tử vì cô đơn. Lúc thay áo cho anh ở khách sạn em có nhặt mảnh giấy trong túi anh. Em đọc nhiều lần càng thấy thấm thía điều anh viết...*"

Đó là một trường hợp. Lại còn trường hợp khác, vừa bi vừa hài, nghe thê thảm hơn. Tức trường hợp của cô gái làng chơi tên Cẩm Hồng, tức Hường. Một buổi sáng trên bãi bể, khách còn nằm ngủ, nàng đã tra hỏi:

"*-- Em xấu lắm phải không anh?*

Thấy tôi nằm im, không trả lời, nàng nắm vai tôi lắc lắc: "Em xấu lắm phải không anh?" Tôi không ừ hử. Nàng bật khóc. Khóc thút thít. Rồi tiếng khóc lớn dần (...) Buổi sáng, nàng khóc. Buổi sáng, ta nghe em khóc (...) Không có tiếng nhạn kêu lạc bầy, chỉ có tiếng em khóc lẻ loi. Thiết tha, nỉ non sốt ruột." *(Sáng dậy nghe em khóc).*

Chàng có đó. Nhưng chàng nằm ngủ, không nói gì cả, không làm gì cả, thì có mà cũng như không có: cô Hường cô đơn, cô Hường khóc, khóc giữa buổi mai, khóc trước bể cả mênh mông.

Cô Hường khóc buổi sáng, người kỹ nữ của Xuân Diệu khóc nửa khuya; cô Hường khóc dưới ánh bình minh, người kỹ nữ khóc dưới trăng rằm vằng vặc; cô Hường khóc vì chàng ngủ quá kỹ, người kỹ nữ khóc vì chàng đi quá gấp v.v...: cùng một lý do cả. Sợ cô đơn. Sợ giá băng. Sợ *riêng em phải gặp lòng em.*

Sự viện dẫn một đôi nhân vật văn thơ vừa rồi chẳng qua là cho có tính cách "hiện đại" thôi. Kỳ thực những chinh phu

Ừ, THÌ XUÂN ĐẾN CÓ SAO ĐÂU!

VI KHUÊ

Hãy đến với tôi như bạn nhé!
Đừng nhìn như thế. Ngó không vui
Có chi như thể là không thật
Nơi nét môi cong thiếu nụ cười

Nói đi. Nói để vui mà bạn!
Cõi này cõi tạm. Nói cho vui
Có chi đâu để đòi gian lận
Trong một trò chơi vốn của người?

Hãy nói với tôi lời cảm tạ
Tôi đã cho không lấy lại. Rồi
Vẫn cứ bình tâm lau mắt lệ
Cho người đến khóc ở bên tôi

Tại sao tôi chẳng làm thơ mới
Để mừng Xuân mới mới sang Xuân:
Nghe như có những người đi tới
Và nói ngoài sân tiếng dữ dằn

Tại sao tôi chẳng làm thơ, để
Dang tay ôm lấy cái Vô Cùng
Cho tôi nín thở nằm thin thít
Và sợ, trời ơi, pháo nổ tung?

Tại sao tôi phải làm thơ chứ
Ừ thì Xuân tới. Có sao đâu!
Nếu trên cành biếc chim không hót
Thì giữa lòng tôi huyệt cứ sầu

Nằm im thôi nhé. Nằm thoi thóp
Hỡi trái tim ngoan vốn dịu dàng
Có sợ ngoài kia trời nổ pháo
Thì trùm chăn lại. Trốn đời tan!...

12.91

này cung nữ nọ đã khóc nỉ non từ bao nhiêu thế kỷ về thân phận cô đơn rồi, viện dẫn sao cho xiết? Họ khóc tỉ tê, khóc ướt hết bao nhiêu là sách là giấy, khóc ướt hàng núi giấy, gây tổn phí cho tạo hóa quá chừng, làm trọc đi bao nhiêu là rừng đó rừng cây. Ối Trời, cái tác hại của cô đơn!

Thành thử nửa kia không phải viên thuốc để trị bệnh cho nửa này. Anh khóc, em khóc, anh muốn chết, em cũng muốn chết luôn... Không có nửa nào sinh ra làm viên thuốc cứu mạng. Nửa nào cũng cần được cứu gấp gấp cả.

Một sinh vật giữa đất trời: mong manh biết chừng nào. Nó sợ là phải chứ. Nó đâu dám nghĩ tới chuyện cứu vớt ai? Nhất là sinh vật người, thứ sinh vật có nhiều xúc cảm vớ vẩn. Thuở Tạo Hóa vất nó xuống trần gian một mình, nó bơ vơ, nó cô đơn biết chừng nào. Nó khóc là phải. Muôn vạn kiếp sau mỗi đứa trẻ lọt lòng mẹ giữa khung cảnh gia đình đầm ấm, giữa sự chờ đợi ân cần đầy yêu thương, mà không trẻ nào không khóc ré lên, huống chi các đấng tiên tổ xa xưa. Con người giữa trần khóc là chí phải. Khóc ré, khóc rống, khóc tức tưởi, khóc ngất lên ngất xuống: hợp lẽ lắm.

Xưa kia, thuở gây hình Tạo Hóa, một mình giữa cõi trần xa lạ mênh mông giá buốt, cái gì cũng đáng khiếp cả. Sao trời, băng giá: thấy mà ghê; tiếng gió tiếng sấm: nghe mà ghê; màu xanh hãi hùng đe dọa khắp tư bề. Nắng sáng lòa khắp cõi không cùng thấy đã hãi mà đêm tối mịt mùng càng hãi. Tiếng động nghe đã kinh hồn mà cái im lặng phăng phắc càng kinh hồn hơn. Cái chết đã thảm, mà cái sống bơ vơ càng thảm thiết hơn nữa. Con người khóc một mình giữa Mênh Mông. Nhìn quanh quất tư bề: không có một sinh vật nào khác cùng khóc theo. Ngay trong cái khóc nó cũng cô đơn!

May sao rồi có em. Em Diane xóm học, em Tuyết quán nước v.v... Có em, nó nín khóc. Hơi ấm trong hơi em thở, hơi ấm bốc ra từ da thịt em, từ các chỗ thân mật của em, hơi em làm ấm không gian. Tiếng em nói: ấm. Ánh mắt em nhìn: ấm. Có em sát kề, thấy một cảm tưởng an lành yên ủi. Linh hồn đơn chiếc của nó nấp trốn vào thân xác em. Nếu không thế, nó chết cóng giữa đất trời.

Đến đây chợt nhớ một nhân vật ở Peru. Một nhân vật, thế thôi; không phải là nhân vật tiểu thuyết đại thuyết gì cả, không dính líu gì đến văn thơ, đến hư cấu, giả tưởng v.v...

Nguyên hồi 1955 ông Tobias Schreebaum được cấp một ngân khoản bổng Fulbright đi nghiên cứu về các dân tộc cổ sơ. Ông đi tuốt vào rừng rậm mịt mù xứ Peru sống mãi trong đó lâu đến nỗi đài phát thanh và báo chí Peru lẫn tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Peru đều loan tin là ông đã bỏ mạng rồi. Sự thực, ông không hề bỏ mạng. Rốt cuộc ông từ rừng sâu trở về, mang theo bao nhiêu là tài liệu quí báu; và ông viết một cuốn sách kể lại quãng đời lạ lùng: ông từng chung sống với một bộ lạc ăn thịt người. (Ông có tham dự cuộc săn, và cả cuộc ăn (!) với họ). Trong sách (1), ông đổi tên nhân danh địa danh để tránh động chạm đến đời tư của một nhà truyền giáo và một số người da trắng ông đã gặp trong rừng.

Nhân vật tạm gọi là Hermano bị mồ côi từ thuở lên năm: cả cha lẫn mẹ đều chết trong một vụ nổ hầm mỏ ở vùng núi gần hồ Titicaca. Bấy giờ linh mục Moiseis có mặt ở một phái bộ truyền giáo gần đó. Ông thương đứa bé xấu số. Từ ấy về sau, suốt bốn mươi năm, Hermano lẽo đẽo theo chân cha Moiseis khắp nơi, trên con đường truyền giáo ở Nam Mỹ. Hermano là cái bóng của cha Moiseis.

Cái bóng của cha Moiseis cao không đến thước rưỡi, người choắt choeo, đầu to, và lưng thì gù. Cha làm lễ, có Hermano phụ bên cạnh. Cha nói ra một câu (bất cứ câu gì), có Hermano cười hưởng ứng. Hermano ngoan đạo... hơn cha Moiseis: Anh ta thường quên rằng ngày thứ Sáu có thể ăn cá, cha thì không quên. Anh ta không thiết cá thịt, không thiết vui chơi. Anh chỉ biết giữ đạo Chúa, đăm đăm ghi nhớ các lời răn của cha Moiseis: cha dạy người trước người phải giữ kín thân thể, đừng phạm tội xác thịt ngoài vòng hôn nhân... Và Hermano ghét sự lõa lồ, ghét xác thịt, ghét nhất trần đời.

Nam nữ thuộc bộ lạc tạm gọi là Puerangas ít theo lời cha răn lắm. Đêm ngày Hermano theo dõi thật nghiêm khắc. Có những chiều nóng nực, dân làng đổ ra sông tắm rửa, bắt cá, đùa giỡn, vẫy vùng dưới nước, rồi lăn ra phơi mình, phơi tất cả thân hình trên bãi cát. Hermano lặng lẽ nhìn, một mình, từ xa, với một hạt nước mắt long lanh trên má. (A! Người ta không chỉ khóc ở quán Mì Dơ ga Lyon nhé). Có những đêm trăng sáng, nhân dân làng đã làm đủ rượu *masato*, họ tụ tập lại, nhảy nhót với nhau, uống rượu với nhau và... phạm tội xác thịt với nhau suốt đêm. Cha Moiseis chịu bất lực, vờ như không biết đến. Còn Hermano thì anh ta tách lùi ra xa, theo dõi, một mình, khổ sở.

Hermano cứ cui cút như thế cho đến ngày anh ta gặp Itaqui. Ối chao ôi! sự phạm tội không phải dễ dàng đâu. Anh ta bảo: "Tôi sợ quá, tưởng chết luôn." Nhưng có điều may mắn: Itaqui là gái có chồng, nàng giàu kinh nghiệm, nhờ nàng dịu dắt mọi sự êm xuôi. Do đó Hermano không chết, và anh ta đeo cứng lấy Itaqui, không cách gì rời ra được.

Sống quá bốn mươi tuổi trên đời, anh ta vừa phát giác ra cái gì cứu rỗi mình. Anh ta bừng tỉnh cả hồn lẫn xác. Lần đầu tiên anh ta thấy sống là vui, anh ta thực sự biết thế nào là

niềm vui sướng. Lần đầu tiên anh không những không ghê tởm cái thân xác mình, mà đâm ra yêu nó. Trước kia, anh không dám trông mình trong gương. Chỉ cần bàn tay của Itaqui xoa lên, và anh ta liền cảm thấy lưng mình bằng phẳng mịn màng, không còn gù bướu gì nữa. Itaqui chấp nhận anh ta, vuốt ve anh ta, thế là anh ta biến hẳn thành một người bình thường như mọi người, sung sướng, tự tin như mọi người. Itaqui sờ tay, anh khỏi bệnh, mất bướu, hết gù. Itaqui làm phép lạ đêm đêm. Có tấm thân Itaqui áp sát bên mình, thân xác anh lành mạnh, lòng anh ấm áp, hồn anh có chỗ nương tựa, thấy yên ủi. Anh an lòng mà sống, ngẩng mặt lên sống.

Thế nhưng việc anh làm tất nhiên cha Moiseis không chấp nhận, Chúa không chấp nhận. Anh và Itaqui phải bỏ bộ lạc Puerangas ra đi. Một thời gian sau, tình cờ ông Schneebaum gặp lại cặp Hermano - Itaqui ở bộ lạc tạm gọi là Akamuras. Đây là bộ lạc ăn thịt người, sống khỏa thân, nam nữ ngủ riêng biệt. Cặp Hermano - Itaqui được họ cho nhập bọn, nhưng Hermano lại không chịu đựng nổi điều kiện ngủ riêng. Chỉ trải qua một đêm là anh ta kéo Itaqui ra đi. Đi đâu? Làm cách nào có thể tách ra khỏi mọi bộ lạc mà sống được? Cả thế giới rừng rú Amazone bao trùm tám quốc gia Nam Mỹ, rộng ngót ba triệu dặm vuông bát ngát thiên địa này phái bộ truyền giáo nào, phái bộ nghiên cứu nhân chủng nào có thể phát hiện ra một bộ lạc hai người? Mặc! Hermano nhất định ra đi. Sau bốn mươi năm dưới bóng Chúa Cứu Thế, anh ta vừa tìm ra lẽ sống. Phải đi thôi. Bốn bề rừng rú bao la không lạnh, anh ta chỉ sợ cái lạnh của chỗ nằm không có Itaqui. Không có Itaqui, khóc mà chết mất thôi, sống làm sao nổi?

Trong cái gió ở ga Lyon ngồi nhớ chú Sáu Xương, nhớ chàng Kiệt Tấn, nhớ nhân vật Hermano... Xong, lại nhớ đến con chim cu. Đặc biệt con chim cu ở Hạ-uy-di. Thực ra bất cứ con cu nào: cu cườm, cu đất, cu ngói, bồ cu v.v... đều dễ thương cả. Nhưng con cu Hạ-uy-di có chỗ đặc biệt: ngắn chân.

Loài chim cu trông nó hiền lành. Hoặc nó kiếm ăn trong vườn, hoặc nó dạo lượm hột lúa đổ ngoài đồng, hoặc nó gáy vào những buổi trưa buồn..., nó đều để lại lòng ta những ấn tượng đầy cảm xúc êm ả, ngùi ngùi. Chim chóc không cùng tính cùng phận đâu nhé. Tiếng con sáo hót gợi cái ý về buổi mai, về nắng mới lên, về bãi cỏ xanh, về mái ngói đỏ v.v... (ít ra là tôi tưởng như thế). Còn tiếng cu gáy thường gợi những kỷ niệm xa xôi, ngày cũ, gợi nếp sống kiên nhẫn yên hàn, gợi cảnh xế trưa, gò hoang, bụi bờ... Thương lắm.

Riêng con cu ngoài đảo Hạ-uy-di, chân nó ngắn quá, người nó thấp bé hẳn đi, trông nó lủn đủn, khiêm tốn quá chừng. Chân vốn đã kém vẻ vang, mà nó lại chuyên về chân, không chuyên về cánh. Chim ấy có vẻ đi nhiều hơn là bay. Trong khu thương xá, người qua kẻ lại đông đảo, ta ghé xuống cái băng dài ngồi nghỉ chân, ăn cái kem, hút điếu thuốc v.v... Chợt nghe dưới băng có tiếng khua nhẹ, nhìn xuống: dăm bảy con cu cườm đang xúm xít kiếm ăn. Khách sạn có bao lơn rộng, ta kéo chiếc ghế nhẹ ra ngồi xem báo hóng mát một chút chơi, lúc quờ chân tìm chiếc dép thì suýt đụng nhằm một con cu lẩn quẩn ngay dưới ghế. Từ trong nhà mở cửa bước ra, có khi gần giẫm phải con cu cườm lặng lẽ âm thầm trên một bậc cấp... Ấy con cu Hạ-uy-di nó như thế.

Nhưng cu Hạ-uy-di là con cu gì? Có ai kêu vậy không? -- E không ai cả. Trước tiên nó không phải gốc Hạ-uy-di: nó từ Á Châu tới Hạ-uy-di năm 1922, cách đây bảy chục năm. Nó mới vừa "hội nhập" thôi. Tại địa phương người ta gọi nó là con *barred dove*. Thế ta dịch ra là con cu sọc chăng? "Chuyển ngữ" thế tội nghiệp nó. Ở ta lắm giống cu. Ngoài nước ta lại còn lắm giống nữa: *rock dove, spotted dove, zebra dove, turtle dove, mourning dove* v.v... Thích dịch thì tha hồ dịch: cu đá, cu chấm, cu vằn, cu khóc, cu rùa, cu sọc, cu rằn ri v.v... Toàn là những cách chụp mũ, bôi lọ cu cả. Tôi không nỡ, nên lúng túng gọi bừa là cu Hạ-uy-di. Con cu Hạ-uy-di nó thấp bé, khiêm tốn, sống sát mặt đất, cui cút, âm thầm, và luôn luôn trống mái liền nhau.

Vâng, xưa nay muôn loài đều có âm có dương, tuy nhiên đa số đến tuổi phải tự tìm lấy đôi lứa, phải tìm nhau táo tác. Trong cái số đông ấy có con người. Thượng Đế riêng chiếu cố một số nhỏ, trong đó có loài cu.

Loài cu khỏi tìm bạn bốn phương. Thượng Đế toàn năng toàn trí thấy trước cái lạnh của cô đơn, nên đã bố trí cho con chim cu có bạn từ thuở sơ sinh. Nói cho đúng, nó đánh bạn từ thuở chưa sinh. Khi nó còn nằm trong trứng, sát cạnh đã có chiếc trứng bạn thật xinh. Hai chiếc trứng nép vào nhau. Lúc bấy giờ nó chưa hề là nó, chưa là sinh vật sinh viết gì cả. Nó chỉ là một chút nước bầy nhầy bằng nửa muỗng ăn canh. Thế mà sát một bên đã có nửa muỗng canh bầu bạn, cận kề, đồng sinh đồng tử với nó. Nửa muỗng canh em nửa muỗng canh anh, bên nhau, nó bất chấp cái lạnh tuyệt đối ngoài vũ trụ: ối, vài ba trăm độ âm bách phân, kể vào đâu! Đến ngày dùng mỏ mổ vỡ vỏ trứng, nó nghểnh đầu ra ánh sáng, thì... kìa! Ở chiếc trứng bên cạnh em đã nghểnh cổ nhìn nó. Tuy nhất kiến mà thực ra đã bên nhau tự bao giờ, cho nên không hề có sự bỡ ngỡ nào cả. Đời ấm áp ngay. Không có con cu nào hoang mang sợ hãi. Không có con cu nào khóc oe oe lúc chào đời cả. Không khóc lúc chào đời, càng không khóc lúc thành niên.

MỘT CHÚT HOANG ĐƯỜNG Ở ĐỜI NHAU

KIÊM THÊM

tôi sẽ về thăm hơi thở kia
còn nồng hương gối ngọt môi kề
còn nghe son phấn chưa tan biến
trong cõi đời riêng, riêng chúng ta

bàn tay còn đượm mùi chăn chiếu
hơi thở còn thơm dấu ngọt ngào
trở trăn cho tới thêm nữa
để ấm đời nhau một chỗ nằm

em giấu ngoan nghe nhạc tấu mừng
chim về ca hát ở bên song
suối reo là giỗ dành em đó
hoa trổ bông cho ngát nụ hồng

ta sống vì em, em biết không
hái tặng nhau một chút hương nồng
còn nghe da thịt quanh chăn chiếu
và dấu vết thầm ở môi hôn

chim còn kêu và suối còn reo
bỗng nghe cô quạnh ở nơi nằm
dế giun than khốc thời chia biệt
một chút hoang đường trong lệ căm

là thế. từ nay mệnh một rồi
gói buồn những ảo mộng vàng trôi
gió chia cắt gió sao đành đoạn
mây đá bay theo tiếng nhạc đời

ôi âm u quá thời chia biệt
sấm sét đời nhau đá mấy tầng
giọt sương khuya dấm hồn tan tác
hứng chịu mưa đêm nát đáy lòng

tôi sẽ về thăm lại chiếc gương
đá ghi dấu vết thuở hương nồng
để nghe ai chải tóc ngày cũ
gương lược còn ghi dấu bụi mờ

ôi một đời tình rơi vỡ trôi
miếng chai rách nát nghĩa trang đời
dấu chân ai đá thành hư ảo
chỉ một mình tôi đứng giữa đời

1992

phát dục, không khóc ở quán này ga nọ v.v... Và đến ngày khôn lớn, thấu hiểu lẽ âm dương thì con chim cu không ngớt ca ngợi cuộc sống lứa đôi. Cu Hạ-uy-di vừa ngẩn chân lại vừa ngẩn cổ. Nó không có tướng sang trọng đâu, nhưng dứt khoát nó tướng mạo của khách chung tình.

Con sáo chẳng hạn bước đi dõng dạc, đầu cất cao, nhóng về phía trước. Con cu không thế. Nó lủn đa lủn đủn, lũi đầu mà đi; nó không ngước cao, không nhóng xa nhìn rộng. Nó chỉ nhìn xuống, đủ để nhặt miếng ăn vụn đổ dưới chân ghế, lẩn trong đám cỏ. Nó an phận với miếng ăn gần gũi trên bãi cỏ, ngoài bao lơn, dọc mép hè v.v... An phận với con mái cách nó một vài gang tay. Nó ra thấp đầu mổ ăn, và chạy theo con mái, vừa chạy vừa kêu đều đều: Gục đầu sát đất mà kêu, như thể van lơn nài nĩ, tha thiết rất mực.

Tại sao con cu Hạ-uy-di phải nhất bộ nhất bái van nài? Nó cầu cạnh xin xỏ ái tình chăng? Việc gì phải thế? Chưa bao giờ nghe nói có em cu em mái nào hoặc lãnh cảm, hoặc ngoại tình, hoặc em chã, nhõng nhẽo làm cao... Vì vậy tôi trộm nghĩ tiếng cu rền rĩ suốt ngày, đấy chỉ là tiếng ngợi ca hạnh phúc phát ra để làm ấm không gian mà thôi. Cái không gian quanh loài cu hẳn phải là một không gian đời đời ấm áp.

Và một hôm, cạnh cái khách sạn ở bãi Kapaa trên đảo Kauai tôi trông thấy một cảnh ấm áp đau lòng. Ở một góc tường bên ngoài khách sạn có bụi chuối nhỏ, dăm sáu cây gì đó. Một bên là tường, một bên là sân cỏ, chia chác bằng một lối đi đúc xi-măng. Người qua kẻ lại rần rần. Thế mà vào khoảng tám giờ tối, đi ngang qua đó tôi chợt để ý đến một đôi cu giữa các gốc chuối. Bước chân có khua động giấc ngủ bất an, có làm cho chim cựa quậy vu vơ, có lẽ vì thế mà làm tôi chú ý. Ơ kìa, chim sao lại ngủ gốc chuối, ngủ

bên lối đi của người ta?

Lát sau, tôi chợt nhớ vào một lúc nào đó trong ngày có trông thấy một con cu mất đuôi kiếm ăn giữa sân cỏ. Lần hồi tôi dựng lên một giả thuyết: đó là một con chim cu bị mèo vồ hụt. Nó tàn tật, mất thăng bằng, mất phương hướng, không bay được. Bạn đời không rời bỏ nó trong hoạn nạn, cho nên đêm đêm cả hai kề nhau nép vào gốc chuối sát mặt đất, bất chấp hiểm nguy.

Chim chóc không có thói ân ái lén lút về đêm. Chim ngủ chay. Vậy thì sự cận kề đầy hy sinh mạo hiểm ở đây cũng như trong trường hợp Kiệt Tấn: không phải vì sinh lý, chỉ cần sự "hiện diện".

Chao ôi, vì một sự hiện diện bên nhau con chim nọ liều mình với con chim kia. Hai con chim, chỉ còn một cái đuôi. Ngủ nghê như thế, nội đêm nay hay đêm mai một chú mèo tình cờ dạo ngang qua, rất có thể đi đứt luôn cái đuôi nữa. Ấy là may mắn. Không may, dám mất toi cả hai tính mệnh lắm.

Mất đuôi, mất mạng, gì cũng được tất, quí hồ hiện diện bên nhau. Con cu Hạ-uy-di như thế, không thương nó được sao?

Cu ngủ đất bên gốc chuối bên bãi bể Hạ-uy-di, bộ lạc hai người trong rừng già Amazone v.v..., toàn những đề tài đầy cám dỗ hư cấu, tha hồ viết những tân truyền kỳ, hậu chích quái với tục chí dị... Tha hồ. Viết mệt nghỉ. Trong cõi trời đất bao la đâu đâu cũng đầy dẫy cảnh tìm nhau, quấn quít nhau để trốn lạnh.

Rời xa cái chuồng bò của chú Sáu Xương đã hơn nửa thế kỷ, bây giờ sống giữa một đô thị trong số những đô thị đông đảo náo nhiệt nhất hoàn cầu, thỉnh thoảng trong một khe hở giữa bao nhiêu tất tả ngược xuôi, tôi chợt bắt gặp dăm ba hình ảnh ngày xưa thoáng hiện về. Chẳng hạn người đàn bà ngoác miệng chới với giữa nền mây trắng một buổi xế trưa trên bờ sông cao. Trong trí tôi, người đàn bà và tả ra, và o bầu miệng không a. Tôi ... Lại i thân ặt lấy hoảng vắng sững sờ, một con gà gáy e té từ xa...

Những hình ảnh như thế ám ảnh thật dài lâu. Nó khuấy động bản năng, liên hệ đến cội nguồn của sự sống.

Lại nghĩ đến Kiệt Tấn. Một đêm hè ở Nice: "*Bên ngoài khung cửa bây giờ đã tối đen chợt vọng lại tiếng tây bán cầm tha thiết, dìu dặt "lá lá lá la... la là là..." điệu* Jeux interdits *trong ấm tuyệt vời. Ai đánh đàn? Có tâm sự gì mà ngón đàn sao quá thiết tha buồn bã. Tôi xúc động, mình nổi da gà run run. Một nỗi lo âu không rõ mặt lấn chiếm vào tâm hồn, tôi cúi xuống hôn tóc Diane như muốn ẩn núp.*" *(Người em xóm học).* Xúc cảm ở chàng bao giờ cũng cực đoan, mãnh liệt. Khóc trong quán Mì Dơ, nổi da gà trên bãi Nice. Lần nào cũng chỉ vì một nỗi lo âu, và lần nào cũng chỉ có một chỗ ẩn núp. Không có mái tóc Diane thì nhất định chàng cũng đến khóc ngất thôi, làm sao khỏi?

Trong *nỗi lo âu không rõ mặt* của Kiệt Tấn có sự thảng thốt. Khắc khoải thảng thốt là món quà của cuộc sống đô thị, là kết quả những năm tháng bơ vơ ở Québec, những ngày tấp nập ở Paris v.v...

Québec, Paris..., và tất nhiên Los Angeles, San Francisco, New York v.v... đều có món ấy: thảng thốt. Sau một ngày hùng hục với công việc, trên đường về xe kẹt cứng cả đoạn xa lộ dài, mở ra-dô ra nghe chơi cho đỡ điên đầu, có tin ở một xa lộ khác xảy ra tai nạn chết người: đó lại là đường về của bà xã mỗi chiều. Mở hộp thư, bốc ra cả đống giấy tờ lăng nhăng đến rối ruột, trong đó có thể có hoặc một tấm hóa đơn của bệnh viện về khoản giải phẫu thận tháng trước, hoặc cái giấy thuế thổ trạch hàng năm, cái hóa đơn tiền nhà hàng tháng v.v... Cũng có thể là lá thư của đứa con bên Phoenix vừa báo tin vui sinh con trai vừa báo tin mất việc vài tháng...

Xứ này rộng mênh mông, người xung quanh đông nghìn nghịt, đường đời dài hun hút, công kia việc nọ cứ ngổn ngang bời bời..., khi tỉnh rượu lúc tàn canh không nổi da gà mà được à?

Úi dào!... bạn miềng ơi.

3-1991

(1) Keep the river on your right, bản Pháp văn (do Jean-Bernard Blandenier dịch) mang nhan đề *Au pays des hommes nus.*

CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Dưới lớp tro than nguội lạnh của chiến tranh Việt Nam, những lộc non đã nhú mầm

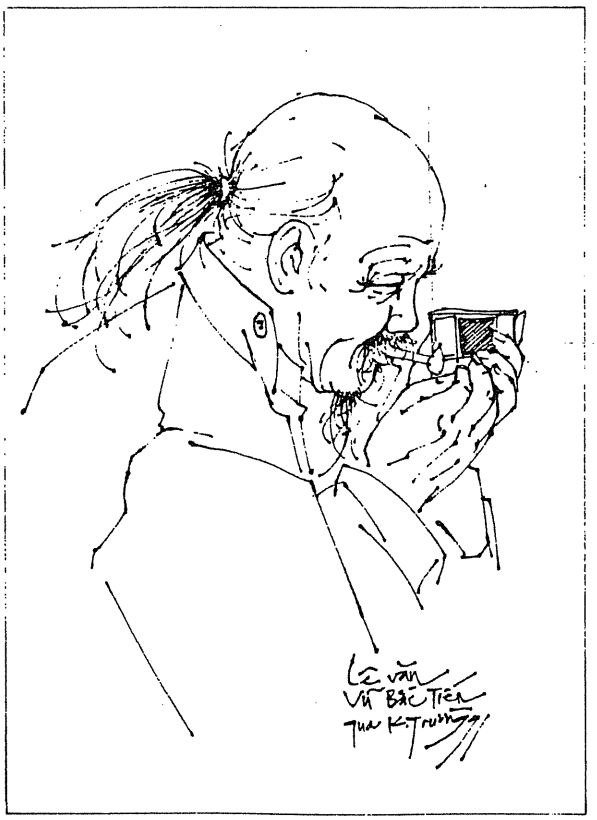

NGƯỜI ANH CẢ LÊ VĂN TRƯƠNG ĐỐT PHÁO MỒM ĐÊM GIAO THỪA MỪNG XUÂN MỚI

LÊ VĂN VŨ BẮC TIẾN

Từ năm 1936, mặt trận Bình Dân lên nắm chính quyền ở Pháp quốc ảnh hưởng mạnh đến chính sách thuộc địa của bọn thực dân ở Đông Pháp (gồm Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Ai Lao, Cao Miên, gọi là 5 xứ Đông Dương thuộc Pháp). Các chính trị phạm đủ màu sắc quốc - cộng đều được ân xá, giảm án tù, hoặc được trả tự do về sinh sống bình thường dưới sự kiểm soát ngầm của Sở Liêm Phóng Pháp.

Riêng về mặt sinh hoạt văn học nghệ thuật báo chí được phát triển sâu rộng, quảng bá đến tận các xưởng máy và xuống cả được nông thôn, chứng tỏ thị trường chữ nghĩa sách báo nhạc kịch đang ăn khách, có nhiều độc giả, khán giả có nghĩa là nghề đã có thể nuôi sống được người hành nghề. Đã có một số lớn văn nghệ sĩ các ngành đi vào chuyên nghiệp, nhất là báo chí và tiểu thuyết, có Tam Lang, Phan Khôi, Tản Đà, Lê Văn Siêu, Nguyễn Vỹ, Lê Tràng Kiều, Vũ Trọng Phụng, Vũ Bằng, Nguyễn Tường Tam, Khái Hưng, Thế Lữ, Tô Hoài, Nam Cao, Nguyên Hồng, Lê Văn Trương, Vũ Trọng Can, Chu Ngọc, Ngọc Giao, Nguyễn Tuân, Trương Tửu, Nguyễn Đức Quỳnh, Đồ Phồn, Nguyễn Đình Lạp, Đoãn Phú Tứ, Mạnh Phú Tư, Trần Tiêu, Ngô Tất Tố, Lan Khai, Trọng Lang, Thượng Sỹ v.v... tạo nên một phong trào quần chúng có thói quen đọc sách, xem báo; do đó dân trí ta được nâng cao để đủ hiểu biết nổi những tin tức thời sự, những biến chuyển chính trị quốc tế liên quan đến vận mệnh đất nước.

Trước đó anh Lê Văn Trương góp mặt với anh em trong làng cuốn tiểu thuyết phiêu lưu *Trước cảnh hoang tàn Đế Thiên Đế Thích* gây sôi nổi qua bút pháp sắc bén, ngắn gọn của anh, tiếp luôn nhiều cuốn trong Phổ Thông bán Nguyệt San, anh đưa ra một mẫu "người hùng" thời đại đầy đủ đức tính, nhẫn nại, chịu đựng, hy sinh, dũng cảm, nghĩa hiệp, rộng lượng, bao dung v.v... như các nhân vật: Cô Tư Thung, Trong ao tù trưởng giả, Bốn bức tường máu, Một người, Người anh cả, Một người cha, Tôi là mẹ, Chồng chúng ta, Hận nghìn đời, Kẻ đến sau, Ngựa đã thuần rồi, mời ngài lên, Những đồng tiền xiết máu v.v... ảnh hưởng mạnh vào lớp thanh niên thành thị ưa mạo hiểm phiêu lưu. Dưới trướng anh Trương thời bấy giờ, có hai đệ tử ruột mà anh coi như em. Đó là hai nhà văn trẻ sính làm thơ Đặng Đình Hồng và Trịnh Thúc Hiến, hai đệ tử ruột này cũng theo gót đại ca Trương "người hùng" nghiền thuốc phiện ngày một ngập thêm đến nỗi những ngày cuối cùng của cả ba anh văn nghệ lớn này ở trong Nam đã đi vào con đường cuối đời là "chích,

choác". Tôi quen với anh Hồng qua một chỗ chơi bời, biết tôi đang hoạt động về kịch lại cũng quen biết với anh Vũ Trọng Phụng, anh Hồng muốn tôi gặp anh Trương người anh cả văn nghệ rất giang hồ, thích kết nạp những đàn em văn nghệ để có dịp chỉ bảo cho lớp trẻ những kinh nghiệm giang hồ anh đã sống, đã trải qua. Rồi qua anh Đặng Đình Hồng tôi được anh cả Lê Văn Trương nhận làm em văn nghệ. Tôi cũng đi bán sách của anh như hai anh Hồng - Hiến, đi cùng với tôi là chú bé con chừng mươi tuổi tên là Lương, nó là đứa con nuôi của anh Trương. Sau này cháu Lương là ký giả Hoàng Sơn hay Sơn Linh viết báo, viết truyện khá lắm, coi như ký giả có hạng mà lớp ký giả hiện nay cỡ tuổi 50, 60 hầu như đều biết đến ký giả Hoàng Sơn, người viết và làm cho nhiều tờ báo ở Sàigòn. Nhà anh ở phố Chùa Vua, có bà cả và hai cháu trai, và đông đảo đàn em văn nghệ lui tới. Đương thời anh rất hào phóng, chơi bảnh lừng danh các tiệm hút, các nhà hát cô đầu.

Cho đến đầu thập niên 1940, những năm tháng vàng son của anh cũng tàn dần, hào quang chỉ còn le lói, vì có nhiều cây viết mới xuất hiện làm thành rừng tiểu thuyết với nội dung mới lạ, diễm tình, tả chân, táo bạo như Ngoại Tình của Vũ Trọng Can; Khi cái yếm rơi xuống của Trương Tửu; Con Trâu của Trần Tiêu; Tắt Đèn của Ngô Tất Tố; Thằng cu So, Thằng Kình của Nguyễn Đức Quỳnh; Ngõ Hẻm của Nguyễn Đình Lạp; Bỉ Vỏ, Những ngày thơ ấu của Nguyên Hồng; truyện đường rừng của Lan Khai, Tchya; truyện xã hội tả chân Giông Tố, Số Đỏ của Vũ Trọng Phụng; truyện trinh thám của Phạm Cao Củng, Thế Lữ. Một loạt tiểu thuyết dã sử của Phan Trần Chúc và Nguyễn Triệu Luật; một loạt tiểu thuyết mới có luận đề của nhà xuất bản Đời Nay do hai cây viết ăn khách nhất là Nguyễn Tường Tam bút hiệu Nhất Linh, và Khái Hưng; loại tân truyện của Tô Hoài, Nam Cao, Mạnh Phú Tư v.v... và đặc biệt có những cuốn sách chính trị với ý thức hệ mới góp mặt, độc giả tha hồ chọn lựa tùy theo ý thích của mình. Tiểu thuyết của anh Trương "loại người hùng" càng ngày càng ít người tìm đọc.

Đệ nhị thế chiến lan đến Đông Dương, Pháp nhượng bộ Nhật cho Nhật đem quân vào Việt Nam. Dân ta bắt đầu chịu ách một cổ đôi tròng: Thực dân Pháp và Phát xít Nhật. Rồi Nhật đảo chánh Pháp ngày 9 tháng Ba, 1945, sau đó là chính phủ Trần Trọng Kim ra đời sống được hơn năm tháng thì Nhật đầu hàng Đồng Minh. Vài ngày sau Việt Minh cướp công của toàn dân nhảy ra nắm chính quyền rồi thiết lập bộ máy cai trị, Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng Chín, 1945, nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chính thức ra đời. Hàng ngũ văn nghệ sĩ cũng như trí thức cũng phân hai, phần ủng hộ và phần chống đối Việt Minh càng ngày càng phân chia rõ rệt thành hai chiến tuyến. Kịp đến lúc toàn quốc kháng chiến 19 tháng Chạp, 1946, kẻ ở lại Thành, người theo ra bưng cùng Việt Minh chống thực dân Pháp. Đáp lời sông núi, tôi lên Việt Bắc, có nghe tin anh ở Liên Khu 3 được Việt Minh trọng dụng trong vai trò liên lạc kinh tài với vài bộ lạc thiểu số ở miền biên giới, vùng Hà Giang, Bảo Lạc, với tù trưởng Vương Chí Xình, món hàng kinh doanh chính là thuốc phiện. Anh được Việt Minh biệt đãi một thời gian, sau đó nghe tin anh "dinh tê" về Thành. Sau 20 tháng Bẩy, 1954 (ngày chia đôi đất nước) anh Trương và tôi đều có mặt ở miền Nam cùng anh chị em văn nghệ sĩ di cư khác chung lo xây dựng một miền Nam Tự Do không Cộng Sản. Đến tháng Mười, 1954 tôi mới gặp lại anh cùng đi với Đỗ Xuân Ứng (bầu gánh Ứng lập ban) và Nguyễn Lộc (chưởng môn khai sáng ra môn Võ Việt Nam: Vôvinam). Trông anh tiều tụy đi nhiều, gày gò, nghiệp ngập khá nặng, lúc nào cũng mơ về thuở vàng son, tin chắc nịch rằng nay mai anh sẽ có bạc triệu tiền bản quyền các tiểu thuyết của anh.

Tết Nguyên Đán năm 1955, gia đình tôi dọn về ngõ Sáu Lèo, đúng đêm giao thừa, pháo Tết thi đua nhau nổ ran vang dậy cả thành phố mừng cái Tết đầu tiên của người Việt tự do, thì đột nhiên có tiếng pháo mồm lạch tạch đùng, tạch đùng, trước cửa nhà lâu chừng một nửa phút, rồi tiếng anh Lê Văn Trương oang oang: Vợ chồng Lê Văn ơi! anh cả Lê Văn Trương đến xông đất chúc phúc cho hai em đây. Tôi mở cửa đón anh vào nhà, anh em hàn huyên, nhâm nhi trà, rượu, mứt, hạt dưa, rồi anh cao giọng: Chú thím Văn, sang năm mới này, anh sắp có một triệu bản quyền tác giả mấy cuốn tiểu thuyết loại "người hùng" của anh, do một nhà xuất bản lớn ở Pháp ký hợp đồng với anh. Báo tin cho chú thím để mừng cho anh. Vợ chồng tôi đưa mắt nhìn nhau, hiểu ý anh, vợ tôi mau mắn móc túi ra tờ giấy một trăm, tôi cầm dâng cho anh, và nói: Chúng em lì xì cho anh năm mới lấy hên, chúc anh mọi sự tốt lành cho năm mới. Tiễn chân anh ra ngoài sương gió đêm giao thừa thưa thớt bóng người, tôi bùi ngùi thương cảm một đại ca văn nghệ lừng lẫy một thời, người hùng ăn chơi chọc trời khuấy nước rất quen thuộc các chốn ăn chơi, từ các tiệm hút sang hèn đến các nhà cô đầu ở Khâm Thiên, Vạn Thái, Ngã tư Sở.

Vài năm sau tôi ở gần nhà anh ngõ 100 đường Trần Hưng Đạo, anh ở với người vợ sau cùng, tên là Đào, lúc này gia đình anh sống thiếu thốn, anh lại nuôi rất nhiều mèo hàng chục con. Anh có người con nuôi tên là Lê Khiêm rất hiếu thảo,

thường về thăm anh sau mỗi lần đi công tác xa. Cũng có nhiều anh em bạn giúp đỡ ít nhiều, thỉnh thoảng được một số tiền kha khá do những người ngưỡng mộ anh tặng, trong số đó tôi biết anh Đỗ La Lam báo Cách Mạng quốc gia là một. Mỗi ngày anh càng nghiện nặng thêm, cuối cùng không đủ tiền để hút, anh quay sang con đường chích choác, người anh xuống sắc thấy rõ.

Sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, đến thời ông Đỗ Mậu làm phó thủ tướng đặc trách văn hóa xã hội, thì đúng lúc Lê Văn Trương bệnh hoạn rồi chết lần trong đói nghèo. Hay hung tin anh mất, Đỗ Xuân Ứng (bầu Ứng lập ban) Thiếu Lang (kịch sĩ) và tôi có lên gặp Phó Thủ Tướng Đỗ Mậu trình bày hoàn cảnh bi đát của một văn nghệ sĩ thời tiền chiến có nhiều tác phẩm nhất, được ông Phó Thủ Tướng Đỗ Mậu sốt sắng đáp ứng. Ma chay của nhà văn Lê Văn Trương được tươm tất, phần lớn nhờ lòng hảo tâm sốt sắng ông Đỗ Mậu Phó Thủ Tướng đặc trách văn hóa xã hội, và những tấm lòng ưu ái xót thương nhau của vài người bạn văn nghệ thân thiết với anh.

Còn hai người nghĩa đệ văn nghệ thân cận với anh là Đặng Đình Hồng (đã đi trước anh thời còn nền đệ nhất Cộng Hòa) và Trịnh Thúc Hiến cũng đi luôn sau anh vài năm trong cảnh nghiện ngập chích choác nghèo đói. Không một tiếng vang.

HAI NHẠC PHẨM VIỆT NAM ĐƯỢC CHỌN VÀO DANH MỤC DÂN CA NHẠC HOA KỲ

Như thường lệ, tại Hoa Kỳ mỗi năm Trung Tâm Nghệ Thuật Dân Gian (American Folklife Center) thuộc Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ (The Library of Congress) mở ra một cuộc tuyển chọn cho danh sách các tác phẩm âm nhạc xuất sắc nhất của năm trước để công bố chính thức cho cả nước. Năm nay có hơn một trăm nhạc mục dự tuyển gồm đủ thể tài dân ca dân nhạc sắc tộc, Blues, Jazz, Scruggs, v.v...

Qua một cuộc khảo sát tỉ mỉ về giá trị nghệ thuật cũng như tính bảo tồn bảo tàng truyền thống âm nhạc thế giới, năm nay Ủy Ban Nghệ Thuật Dân Gian Hoa Kỳ đã tuyển chọn hai nhạc mục Việt Nam vào danh sách "Các tác phẩm ghi âm dân nhạc và dân gian xuất sắc tại Hoa Kỳ" (Outstanding Recordings - American Folk Music and Folklore Recordings) cho năm vừa qua trong tổng số danh sách gồm 10 nhạc mục.

Hai băng ghi âm nhạc Việt nầy do hai cơ quan World Music Institute (Viện Âm Nhạc Thế Giới) và World Music Press (Nhà Xuất Bản Âm Nhạc Thế Giới) xuất bản và nộp để dự tuyển.

"Music of Vietnam / Nhạc Việt Nam" (World Music Institute).

"From Rice Paddies and Temple Yards: Traditional Music of Vietnam / Từ ruộng lúa đến sân đình" (World Music Press).

Cả hai băng đều do Tiến sĩ Nguyễn Thuyết Phong (giáo sư tại Viện đại học California, Los Angeles) điều khiển chương trình và diễn tấu. Băng thứ nhất (WMI) gồm 16 tiết mục dân ca, ngâm thơ, và hòa tấu nhạc. Băng nầy có kèm theo một bài dẫn giải về truyền thống văn hóa âm nhạc Việt Nam.

Băng thứ hai (WMP) gồm 12 tiết mục dân ca, độc tấu đàn tranh, độc tấu trống, đọc thơ, và ngâm thơ. Đây là băng nhạc trợ huấn cho một quyển sách cùng nhan đề. Quyển sách nầy do Tiến sĩ Nguyễn Thuyết Phong và Tiến sĩ Patricia Shehan Campbell (Viện đại học Washington, Seattle) cùng soạn và hiện đang được ứng dụng trong loại sách giáo khoa hai ngành Giáo dục âm nhạc và Dân tộc nhạc học tại các đại học và trung học Hoa Kỳ.

Hai công trình âm nhạc Việt kể trên được tiếp đón nồng nhiệt trong giới học giả, sách báo, và công chúng Mỹ cũng như Việt nói chung. Không những một mà có đến hai nhạc mục Việt Nam được tuyển vào danh sách nầy là điều hiếm có trong quá trình tuyển chọn của Ủy Ban Nghệ Thuật Dân Gian Hoa Kỳ. Nhiều nhà phê bình đã nhận xét rằng lý do di truyền nhạc tính trong ngôn ngữ Việt, đặc tính của truyền thống diễn tấu, sự công bố những làn điệu hiếm có, và sự khổ luyện của các nghệ sĩ đã đưa đến sự thành công nghệ thuật nầy. Đây cũng là đóng góp đáng kể của cộng đồng Việt Nam mới thành hình trong một nước Mỹ đa chủng, đa văn hóa.

vĩnh hảo

NÚI XANH MÂY HỒNG

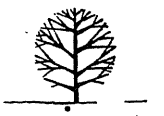

alpha 1991

CUỐI NĂM, CHUYỆN VẪN VỚI BỆNH THYROID

DU TỬ LÊ

ô kê, cũng tốt thôi Thyroid
cuối cùng rồi chúng ta cũng gặp nhau
như những con hải âu chọn biển xanh
để hả hê khoe tấm lòng trinh trắng
như người con gái cắt đi mái tóc
giấu kín một nơi
đợi quên tiệt
như sự hiểu biết của đám kiến hôi
từng thành công trong nỗ lực làm thui chột
những nụ hoa non
một cách khả tín đã cho biết
chỉ riêng trí nhớ độc lập khỏi nàng
vẫn nắng mưa trên những con đường từ lâu
không ai trở lại
và những gốc sung
cứ còi
theo thời gian ngược chiều gió thổi

ô kê, cũng tốt thôi Thyroid
dù giờ đây chúng ta mới tình cờ nhận ra mặt mũi nhau
dù bạn đã ở trong tôi năm, sáu năm trước
dù bạn đã chọn những miếng ngon nhất của thân thể tôi
để xơi
xơi từ từ
xơi kín đáo
(như những nhà chính trị khôn ngoan ngậm miệng ăn tiền)
bạn xơi
miếng gan mềm có máu thơm luân lưu
miếng tim xốp nhiều lỗ
bao năm đập liên hồi trống trận
Thyroid, chính bạn
(chứ còn ai vào đấy)
đã xơi của tôi miếng mắt trong
chính bạn chủ mưu vụ đẩy con ngươi tôi lồi khỏi hốc mắt
bạn chơi khăm quá đi
chơi đểu quá đi
chơi sát ván
chơi cho tôi ná thở
hơn ai hết
bạn biết Chúa từng dặn dò
nếu để một con ngươi của ngươi có dịp phạm tội
thà chịu chột để được vào nước thiên đàng
còn hơn giữ nguyên mà sẽ bị đọa về địa ngục
bạn nhất định xơi con mắt của tôi

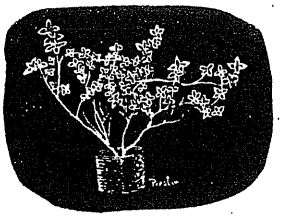

cũng được đi
nhưng chả việc gì phải chơi nhau tận tình đến thế
dù sao tôi cũng chỉ cần con ngươi mình lúc nầy thôi
(ngay khi chúng từng có cơ phạm tội)
để nhìn những người tình ra đi
như nhìn dòng nước chảy
(những dòng nước không có khởi nguồn
sẽ lấy đâu làm điểm kết thúc?)

dù sao tôi cũng chỉ cần
con ngươi mình lúc này thôi
để thấy các con tôi
những đứa nhỏ như chim
lớn giữa mùa bão rớt
những đứa nhỏ như tre
mọc giữa rừng cháy nám
những đứa nhỏ không dám
nghĩ có ngày gặp cha

ô kê cũng tốt thôi Thyroid
cảm ơn bạn đã cho tôi
những ngón tay run trên từng đường gân luống tuổi
những buổi chiều gió quẩn hút trong cây
những khuya trở giấc
quơ tay tìm người đàn bà
những tưởng hết đời vẫn đó
hết đời vẫn những sợi tóc kia
bộ ngực kia
làn da bụng kia
cũng những ngón chân sơn vàng, xanh, tím, đỏ
hay những móng chân trần trụi
(như cha mẹ ta bao đời trần trụi)
nhưng sự thật lúc nào cũng mang lại
cho ta những điều thất vọng
như Hà Nội Sàigòn
mất dần ký ức
như Ti
cuối cùng
khác gì hơn Thục

người phụ nữ nào cũng có khả năng
tháp thêm cho mình những đôi cánh mới thật lớn
và những bàn chân
chạy nhanh hơn ngựa
hầu kịp tới chân trời
trước khi ngày quá tối

ô kê, cũng tốt thôi Thyroid
dù bạn chơi không đúng luật giang hồ
chơi xối xả
bạn lén lút gửi vào máu tôi đống vi trùng
có khả năng mánh mung
khả năng chạy tùm lum
chạy cùng khắp thân thể
bạn muốn cuống phổi tôi phải rụng sớm
bạn muốn trái tim tôi phải đi chơi chỗ khác

nếu còn chút lương tâm
nhẹ nhàng lắm
bạn cũng muốn trái thận,
túi mật tôi được nếm mùi ung thư
như cả dân tộc tôi, đất nước tôi hiện đang bị ung thư

ờ, cũng được
cũng tốt thôi
giữa chúng ta thật ra
chẳng hề có một problem gì
Nguyên Sa nói
không chết được
chết sao được
đã năm sáu năm qua rồi
tôi với bạn vẫn trịnh trọng
thi hành cam kết bất thành văn:
tuần trăng mật nào chẳng có ngày chấm dứt

ờ cũng được
cũng tốt thôi
bốn tuần sau cái chết của Hoài Bắc
Mai Thảo nói tôi muốn gì thì muốn
chỉ "*đừng theo thằng Chương trước tôi*"
gì chứ đừng theo bén gót nhau
đương nhiên là sẽ không có vấn đề gì cả

ô kê, cũng tốt thôi
dù trước khi khai diễn trận *football* mở mùa
bạn đã *touch down* tôi mấy quả
không sao
vẫn chưa đến nỗi nào
lúc ngồi ăn với cha Nam Hải ở Bolsa
Nguyễn Mạnh nói:
thyroid
y bong
trăm phần trăm
trốn đâu cho thoát

tựa cuộc thi chạy nước rút có giải thưởng
bạn thả những cái hạch lớn nhỏ
chạy vòng quanh cổ tôi
ôi cái cổ ngẫng ra
cuộc đua thêm hấp dẫn!

ô kê, cũng tốt thôi Thyroid
sớm mai trở lại nằm trên bàn
cho phóng xạ xuyên suốt thân thể
Phùng Gia Thanh nói:
phải làm theo đòi hỏi của Đặng Đức Nghiêm
ung thư xương?
những giọt máu rút từ cánh tay có làn da vỏ cây
chị Thoa giải thích: thử đủ thứ
cũng tốt thôi
bởi cách gì
mỗi chúng ta (luôn bạn)
lúc chết đi

cao lắm cũng chỉ giữ được cho mình
một hai điều bí mật

ô kê, cũng tốt thôi Thyroid
dọa nhau chi
để anh chị Quỳnh, chị Tâm tôi
phải sưu tầm tài liệu về bạn
gia đình sợ tôi chết lúc này
lấy đất đâu mai táng?
thôi mà
bạn ta
dọa nhau chi
cho Du, Như, các con tôi
phải vào thư viện tìm sách viết về bạn
(dù có dễ đã hơn năm)
cha con tôi chưa hề thấy lại mặt nhau
ngoài đinh ninh vẫn sống)

thôi mà
bạn ta
dọa nhau chi
để Trác, để Hào
phải vất vả tìm bác sĩ nào ở Houston
chịu trị bạn
miễn phí cho tôi

ô kê Thyroid
bây giờ là tháng mười hai
ngày tối sớm
người ta đã vặn lại kim đồng hồ
cho sớm hơn một tiếng
người đàn bà đang sống với tôi
sợ chưa hết mùa đông này đã thành góa phụ
Thủy nói
những con dốc Pleiku
hội trường trung học Tuyên Đức
của người Tàu năm xưa
còn chờ tôi trở về
ồ, bạn ta rốn hoài
đã từ lâu tôi nào có còn mong mình sống mãi

ô kê cũng tốt thôi Thyroid
cảm ơn bạn đã chọn tôi
như đất chọn trời
như đại bàng chọn đỉnh núi
như cọp rằn
chọn rừng sâu như tôi...
không hề chọn lựa có mặt
lỡ được sinh ra
phải ở
ở với người hay ở với ta
trước nhất cũng chỉ là cách ở

ô kê cũng tốt thôi Thyroid
dù những dòng sông
(chẳng có khởi nguồn
nên chẳng biết nơi chấm dứt)
sẽ bỏ tôi
như Ngọc
đã bỏ tôi
vì trái thận hư của nàng
dù một ngày
vì sự hư hỏng, túng thiếu
của cả tôi lẫn bạn cộng lại
cuộc đời sẽ ném chúng ta
vào xó góc lãng quên
thua
một con chó chết

cũng tốt thôi cũng tốt thôi
Thyroid
tôi muốn triết lý vụn
với bạn
rằng
có gặp gỡ nào
chẳng đem tới chia tay?
chỉ khác nhau một điều:
sớm, muộn

NHƯ KHỐI NHƯ MÂY

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Đi coi bà xơ!

Mấy tiếng huyền bí ấy như có mãnh lực thu hút tất cả bọn trẻ, như một xúi dục kỳ thú của những người hiền lành lương thiện bỗng một hôm nổi hứng bất ngờ khi có người rũ mình tham gia vào một tội lỗi.

Tôi theo lũ con nít rón rén im lặng dè dặt như trong một cuộc hành quân quan trọng, sự bảo mật phải đặt lên mức hàng đầu, cả lũ đi lom khom dọc theo vách tường cao màu vàng có đục lỗm đốm những lỗ lớn, rồi nín thở rình chờ. Tu viện một bên và viện mồ côi một bên. Khuất đằng sau lưng ở về một phía khác xa xa là mái nhà thương thí. Tôi kê đầu vừa vặn lọt vào một lỗ tường và chờ đợi... Có bóng thấp thoáng một bà xơ mặc áo màu xanh thẩm, cũng cái mũ trắng to rộng vành uốn cong lên một cách kỳ lạ, bà xơ nhỏ bé trong chiếc áo thùng thình và cái mũ quá lớn như muốn đè bẹp bà. Bà đi qua đi lại làm một việc gì đó như đang dọn dẹp hoặc thay áo quần cho bọn trẻ mồ côi tàn tật... Tôi thường nín thở và kinh hãi sau đó khi thấy bà dắt một đứa nhỏ tóc vàng, mắt xanh biếc ăn mặc khá tươm tất đi dạo ngoài vườn. Khi cả hai đi sát gần tường tôi thiếu điều rụng rời muốn kêu lên khi thấy thằng nhỏ đó có một ngón chân cái thật lớn, mọc phình lên như một trái banh ten nít đeo tòn ten nơi bàn chân, nó đi khập khiễng và ma-xơ dắt nó vừa dắt vừa đỡ, vừa chuyện trò gì đó. Thường thường đến đó thì cả lũ chúng tôi ù té bỏ chạy chấm dứt đột ngột buổi "*đi coi bà xơ*". Lần khác và nhiều lần sau nữa, có khi đứa nhỏ chúng tôi thấy đi dạo với bà xơ là một đứa con gái có cái đầu to quá thể, to đến đỗi nửa phần trên của nó là cái đầu và cái trán nom dài hơn cả phần dưới gồm mắt mũi miệng và cằm. Tất cả phần dưới dồn sát lại với nhau, cái đầu nặng quá, đứa nhỏ đi lắc lư, đôi mắt ti hí ngước nhìn ngu ngơ... Ngoài đường cả lũ chúng tôi lại hè nhau bỏ chạy...

Trong những cuộc bàn tán sau những lần *đi coi bà xơ* đó, có đứa trong bọn chúng tôi còn

quả quyết là có lần nó thấy bà xơ dắt một đứa nhỏ có hai đầu đi dạo. Lần đó nó làm gan kêu lên một tiếng, hai cái đầu của đứa nhỏ kia đều cùng quay ngoắt lại một lượt, bốn con mắt thao láo trừng ra làm nó tuột tay té từ trên tường xuống. Lần đó, thằng kể chuyện bị trặc xương chân phải nghỉ học ba ngày.

Tôi sinh ra ở một thành phố, nghe nói chỗ đó ồn ào, to lớn và đông đúc lắm, nhưng chẳng ăn thua gì nếu mẹ mình sinh mình ra ở đâu đó trên trái đất này thì đó là cái chỗ thuộc về mẹ, chẳng dính líu gì tới đời đứa nhỏ nếu nó chẳng hề lớn lên ở đó. Vì vậy những khi lẩn thẩn tôi thường nghĩ đến cái cụm từ "chôn nhau cắt rốn", một cách lờ mờ, vô cảm và không gợi được điều gì trong ký ức về cái thành phố to lớn ồn ào kia nơi mẹ tôi đã sinh ra tôi và sau đó là một loạt biến cố xảy đến khiến gia đình suy sụp, mẹ một mình phải bồng tôi bỏ xứ, bỏ cái đời phong lưu cũ để về ẩn thân nơi cái xóm nhỏ hẻo lánh của cái tỉnh X. xa xôi này.

Nhưng như những đứa bé con hồn nhiên ngây thơ chung quanh, tuổi còn quá bé để chưa bị những ý niệm về giai cấp xã hội giàu nghèo, những mặc cảm ganh đua thua thiệt, những sự suy sụp về gia phong đáng xấu hổ đã hành hạ những người lớn, rời quãng đời cũ, tôi nhập bọn một cách thản nhiên và đầy hứng thú với đám trẻ cùng xóm. Nếu bảo tôi ráng nhớ lại, theo cái óc phân biệt của người lớn như hiện giờ tôi đã tiêm nhiễm, có lẽ cái bọn trẻ bạn bè tôi thuở ấy là những đứa trẻ thuộc gia đình nghèo hoặc trung lưu. Ông Ba Bụng, hung thần của xóm, làm thơ ký đánh máy ở ty thuế vụ, bác Nhật, nhà cách mạng lỡ thời tạm về ẩn dật để hoạt động kín vốn là bạn đồng chí cũ của ba tôi, bà Sáu bánh căn, bà chuyên bán một thứ bánh tròn tròn đổ bằng bột gạo trên những cái khuôn cũng tròn bằng đất nung, ăn với một chút hành mỡ và một chén nước mắm, làm thành một thứ bánh khá ngon khá đặc biệt chỉ có cái tỉnh X. tôi ở mới có bán thôi! Đại loại tụi trẻ con hồi đó ăn mặc như nhau; con trai thì quần đùi áo thun, con gái mặc bà ba hoặc đồ bộ bông, con nào xí xọn lắm thì cũng có mặc áo đầm, thường khi là cái áo đầm cũ rích mặc đi học đã đời và vì đã ngắn treo lên tới tận đùi, tụi nó chế biến thành cái áo cụt mặc với quần vải bông dài, cũng thành một bộ như ai!

Đó là sau này tôi ngồi bần thần nhớ lại như vậy, chớ hồi đó chẳng có bao giờ để ý coi mình ăn mặc cái gì và tụi bạn bè hàng xóm y trang mỹ miều ra sao.

Sau những trò chơi đá banh, đánh giặc tung bụi lên mù trời và hò reo vang dậy điếc đầu người lớn, lâu lâu tụi nó lại tổ chức "đám giỗ" một lần. Giỗ ai? Chúng tôi làm gì có tổ tiên ông bà chung mà xúm vô đập đầu lạy chung một chiếu, hồi đó cũng có đứa học tới lớp ba nhưng phải chi nó biết nói giỗ tổ Hùng Vương như người lớn thì đỡ biết mấy, chúng tôi mù tịt nhưng mặc kệ, tụi nó vẫn quyết định lâu lâu tổ chức đám giỗ một lần. Ngày hôm đó, tất cả phải ăn mặc đàng hoàng, thằng nào hay ở trần thì phải sẵn sàng có áo, thằng nào hay mặc áo thun ba lỗ vì trời nóng thì thay bằng sơ mi ngắn tay, tụi con gái, lớn cũng như nhỏ đều mặc đồ bộ bông. Không hiểu sao, tụi nó bàn nhau phải loại cho được cái kiểu áo đầm ngắn ở trên, mặc với quần dài đen ở dưới. Tụi nó cho kiểu đó là không "đàng hoàng" nên biểu nhau không mặc trong ngày giỗ.

Mỗi đứa đem một món, nói là món cho ghê gớm vậy chứ thật ra là một hai cái bánh đậu xanh, cái bánh bò, một gói xôi... vậy mà góp lại coi bộ cũng ê hề lắm. Tụi con trai chia nhau đi bẻ bông kiếm chai hũ cắm để trang hoàng bàn thờ, tụi con gái nấu nước sôi trong cái ấm đất nhỏ pha trà chế vào những cái chung sứ coi cũng trang nghiêm long trọng lắm.

Tuy nhiên, nói gì thì nói, trò chơi đi lại cũng chừng đó thứ, như những điểm trên một vòng tròn cứ quay đi rồi tuần tự trở lại: đá banh, đánh giặc, nhảy dây, cúng kính,... rồi trở lại cúng kính, đánh giặc, đá banh... Bởi vậy, những trái tim nhỏ bé trong những lồng ngực hồi hộp kia bất ngờ bỗng đập lên loạn xạ, phấn khích, kích thích vừa khoái trá, sợ hãi, run rẩy vừa pha lẫn ngạc nhiên ngạo nghễ (?) khi mỗi lần có đứa đề nghị:

"Chủ Nhật tuần này mình *đi coi bà xơ!*"

Tôi đã lớn lên cùng với một nhóm bạn bè tuổi nhỏ gái trai cùng xóm như vậy với những trò chơi cũng như những ám ảnh rất tự nhiên, rất vô tội, với những ác cảm không ai nhồi nhét mà bỗng dưng thành hình và cũng không ai hay biết để mà sửa đổi.

Chính tai tôi, tôi còn nghe cô hai Niệm em họ của ba tôi đến chơi ở lại nhà tôi, một tối, thằng con nhỏ bốn tháng của cô khóc nhè nhẹ dỗ mấy cũng không chịu ngủ, cô tôi bực mình quá đã gắt lên:

"Thằng nhỏ này khóc đêm quá, tao đem cho bà xơ quách cho rồi!"

Tôi nhìn em bé bụ bẫm chòi đạp trong tay cô, điếng hồn sợ hãi khi nghĩ: em bé mình rồi sẽ mọc hai đầu hoặc què một chân hoặc sẽ có ba tay như mọi đứa con nít trong xóm vẫn bảo, nếu đứa nhỏ nào mà bị đem cho bà xơ nuôi sẽ lập tức biến thành dị dạng như những đứa trẻ trong viện mồ côi tôi thường rình núp coi bên trong bức tường. Không phải sao, vì tôi luôn luôn thấy, khi đứa này khi đứa khác, các bà xơ bên trong bức tường viện có bao giờ dắt tay đứa trẻ nào bình thường lành mạnh chỉ có hai tay hai chân và mặt mày mắt mũi giống như chúng tôi đâu? Tụi trong xóm tôi, mấy thằng con trai còn kể thêm, chờ cho tụi tôi lớn lên một hai tuổi

nữa, tụi nó sẽ dắt đi *coi bà xơ buổi tối* nữa mới ớn, lúc đó mắt của mấy đứa nhỏ tóc vàng mắt xanh sẽ xẹt ra những tia lửa đỏ giống như trò chơi chui vào góc tủ lấy hai viên đá lửa đập vào nhau cho xẹt lửa mà tôi thường kinh hãi khi coi tụi nó biểu diễn, còn bà xơ sẽ biến thành một cái bóng trắng lờ mờ, đầu cạo trọc, bay là là trên mặt đất.

Mẹ tôi là một người đàn bà đầy nghị lực và đảm đang. Từ ngày gia đình tôi phải rời cái thành phố lớn nơi tôi sinh ra, mẹ dắt hai chị em tôi đến ở tỉnh X. này, khi đi học, tôi phải khai là cha đã chết nhưng khi đủ khôn lớn và nhờ nghe trộm người lớn nói thì tôi lờ mờ biết rằng cha tôi đang bị đi đày ở một cái đảo nào đó ngoài biển xa, gần cái thành phố tôi sinh ra hơn là cái tỉnh X. tôi đang ở. Cho đến một hôm tôi thấy mẹ khóc, hai mắt đỏ hoe, mẹ lập một bàn thờ nhỏ ở căn phòng phía trước, chưng ảnh của ba tôi lên và bắt hai chị em chúng tôi quì lạy cùng với mẹ. Mẹ không nói gì nhưng nhìn mắt mẹ đỏ và mắt của cô Niệm lấm lét nhìn chúng tôi, tôi đoán là ba tôi đã chết. Từ đó cứ như thông lệ mỗi năm lại có một lần đám giỗ ba, mẹ tôi khá nghiêm khắc trong việc cúng kính, cắm hoa, rửa chuối phải rất tinh khiết, cái đầu đen của trái chuối cũng phải gọt đi, thức nấu dọn lên bàn cúng thì không được nếm trước, bánh trái bưng lên bàn thờ lỡ tay đánh rớt thì quăng luôn không được lượm lên... Cũng như gia đình tôi vẫn còn ở xóm cũ, những gia đình khác trong xóm, bác Nhật khá lên nhờ hùn hạp buôn bán thuốc tây với mẹ tôi, bà Sáu bánh căn giờ mở được một gian hàng sửa xe đạp, lão Ba Bụng hung thần của xóm đã dọn đi để nhường chỗ cho vợ chồng chú Cổn. Chú Cổn làm giáo viên dạy học, tính tình nghiêm trang ít nói nên xóm làng rất vị nể thật là khác hẳn với lão hung thần Ba Bụng trước kia. Hồi còn ở xóm bất kể buổi chiều nào lão ta say nhè từ quán đạp xe về, lão phanh ngực ngồi hóng gió trước sân, vô phước đứa trẻ nào đi ngang qua nhà lão lúc đó là lão ngoắc vào, bắt đứa nhỏ khoanh tay đứng một bên nghe lão hỏi tội. Bất cứ chuyện lớn nhỏ của nhà ai lão cũng đều biết sạch, nên mọi người trong xóm đồn đãi thầm lén với nhau là lão Bụng làm mật thám kín cho Tây.

Có lần tôi bị lão bắt vào đứng khoanh tay nghe lão hỏi cung:

"Nè nhỏ, có phải ba mày chưa chết hông?"

Vì nghe mẹ dặn đã nhiều lần, tôi bình tĩnh khai gian:

"Dạ không, ba con chết lâu rồi."

Lão cười lên sằng sặc, hơi rượu phà vào mặt mũi khiến tôi gần ngộp thở:

"Ba mày chết rồi, sao má mày chưa chịu lấy chồng? Má mày trẻ đẹp vậy, lấy ai mà không được?"

Hai mắt đỏ ngầu, lão trừng mắt nhìn tôi:

"Ê nhỏ, về hỏi má mày chịu ưng thầy Ba không?"

Một lần khác, xe đạp lão đi làm vừa trờ tới, tôi ham chạy trốn theo trò *đạp lon* thì đâm vô đầu xe lão. Bữa đó lão không say nhưng cũng bắt tôi vào đứng phạt.

Chừng tiếng đồng hồ sau, lão thả tôi về sau khi nghiêm nghị nhìn tôi nói:

"Tao ngán cái xóm này lắm. Ba mày là một, thằng cha Nhật là hai, tụi mày đều là Việt minh!"

Những chuyện này tôi không kể nên mẹ tôi không hề biết. Hoặc giả mọi người có biết cũng giả lơ vì biết *thầy Ba* quen lớn với Tây có phạt con mình chút đỉnh cũng không sao, không nhịn thầy, thầy kêu Tây bắt bỏ tù cả đám... Đó là lời bác Nhật nói vậy nên mẹ tôi dặn tụi tôi khôn hồn thì phải tránh xa lão ta.

Những mẩu chuyện rùng rợn như chuyện đi coi bà xơ, những mẩu người đặc sắc như bác Nhật, bà Sáu hay lão Ba Bụng cũng có thể trở thành những văn liệu hết sức sống động xác thực cung cấp cho tôi nguồn cảm hứng vô tận nếu có một ngày tôi quyết định sẽ làm thơ viết văn. Nhưng đúng như ai đó đã nói: bài thơ thứ nhất trong đời của một người thường là để tặng cho chính người tình của mình. Vâng, và chàng đã là cảm hứng độc nhất và tôi tưởng là sẽ lâu dài mãi cho những bài thơ, truyện ngắn đầu tiên của tôi. Tôi nhìn thấy ở người tình tất cả những điều mình ao ước, tưởng tượng về một người đàn ông của mình. Chàng sâu lắng mà giản dị, trầm tĩnh mà duyên dáng, đậm đà, thông thái nên chẳng cần khoe khoang... Tôi tự biết mình cũng có nói quá đôi điều nhưng yêu thương mà, ai tránh khỏi thiên vị! Đến nỗi một cô bạn thân của tôi sau khi đọc xong một truyện của tôi *tả oán* về chàng nó đã thú thực:

"Nếu người tình của mày mà quả có đúng mọi điều như người mày đã *vẽ*, chắc tao cũng nhào vô xin làm chị em vợ lớn vợ bé với mày."

Sau này tôi băn khoăn khi cố nhớ lại cách phát âm tiếng *vẽ* của nó ra sao, dạo đó mình vừa mê chàng vừa mê thơ mình, truyện mình, ai có nói sao cũng cứ phồng mũi lên nhận lời khen, nên tôi không tin rằng con bạn nó nói tiếng *vẽ* với giọng mỉa mai.

Thỉnh thoảng tôi lại đăng báo, lại cho ra lò một vài truyện về chàng và do đó chàng nổi tiếng như cồn -- ít nhất là nổi tiếng trong đám bạn bè quen biết của tôi.

Cũng cái cô bạn nói cái tiếng *vẽ* ấy, một hôm gặp nhau, nó dài giọng hỏi về chàng:

"Ê, vợ lớn, dạo này ông xã của tao ra sao? Vẫn càng ngày càng hấp dẫn ly kỳ rùng rợn chớ? Mày khi khổng khi không

đi làm quảng cáo không công cho ổng, có đứa khác nó thèm quá nhảy vô *xớt* mất rồi mới tính làm sao?"

Tôi biết nói làm sao cho nhẹ nhàng đối với một nhân vật mà tôi đã hết lời hát ca tưởng tượng? Tôi biết nói làm sao với mọi người để cải chánh rằng những điều tôi nói về nhân vật nam của truyện chỉ là một mặt trắng của một bàn tay như trong trò chơi tay trắng tay đen? Và có thể phải xin lỗi ra sao nếu truyện của tôi viết về một người đàn ông có làm cảm động một trái tim ngây thơ non nớt nào đó, như một xúi dục cô bé lại sa vào những lỗi lầm ấu trĩ, phiến diện vì cả tin cuộc đời của tôi? Cải lương hóa cuộc đời, tô hồng một nhân vật, tạo những ảo tưởng về những giá trị không có thật, không làm thăng hoa cuộc đời mà có lẽ ngược lại đã vi phạm những nguyên tắc về truyền đạt chân lý. Tôi tự nhận tội mình: tội phí phạm giấy mực.

Nỗi thất vọng to lớn trên như một cơn sóng dữ đẩy ùa tôi vào với những hoạt động gọi là "Chính trị xã hội". Nhưng, như trong yêu đương, tôi vẫn điên cuồng, phiến diện, sôi nổi, vẫn bất bình tới mức tối đa, bảo vệ lý tưởng một cách quyết liệt và muốn nghiền nát những ai không cùng ý kiến với mình. Hãy tha thứ cho những ai cực đoan vì họ chỉ là những người quá mẫn cảm, quá cuồng nhiệt và mắc bệnh lý tưởng đến thành ảo tưởng.

Vì vậy, tô hồng hay bôi đen cũng đều là những thái độ ấu trĩ và bất công đối với con người và cuộc đời.

Tôi đi xa, lẻ loi, buồn bã nên nhớ nhung vẫn dành một góc trong tim cho cái xóm nhỏ nghèo nàn nơi thành phố X. kia. Nghe có ai cùng ở chung cùng một thành phố cũ mới sang được hay đã ở lâu, tôi cũng lần mò tìm cho ra địa chỉ, đến nói chuyện. Có vài người ở đây đã

THÔI ĐỂ EM LÀM GIÓ

TRẦN MỘNG TÚ

Em muốn được bé lại
Như trong bức hình này
Để cùng anh chia sẻ
Tiếng sóng áp vào tai

Em chẳng bao giờ lớn
Anh không có tuổi già
Mình dắt nhau trên cát
Đi về chốn thật xa

Anh cô tình đọng lại
Thành một chuỗi âm giai
Đem tặng cho em hết
Không phải chia với ai

Em nhận mình làm ốc
Để anh làm biển xanh
Hay là em làm cát
In mãi dấu chân anh

Hay là anh làm sóng
Dệt tấm thảm mộng mơ
Em bềnh bồng trên đó
Tha hồ mà làm thơ

Hay là anh làm nón
Giữ tóc em không bay
Nắng có rơi vung vãi
Anh sẽ nhặt đầy tay

Thôi để em làm gió
Cuộn ngược lại thời gian
Anh bắt đầu tuổi ngọc
Đã yêu em nồng nàn

19 Dec. 91

nên nhà nên cửa nguy nga, nên họ thường xoay câu chuyện xóm nhỏ của tôi ra thành chuyện nhà cửa địa ốc, họ định đổi căn town house này để lấy một căn nhà single house bốn, năm phòng ngủ chi đó với walk-out basement, tôi thường muốn bày tỏ sự chú ý hào hứng của mình vào câu chuyện thì lại bị chê bai là ngớ ngẩn, đại loại là với mấy câu hỏi đáp như sau:

"Hai vợ chồng chị một phòng, hai đứa con hai phòng, còn hai phòng kia để làm gì?"

Chủ nhà nhún vai khoác tay bày tỏ một cử chỉ rộng lượng hào hoa:

"Cô tính còn phải phòng khi có khách khứa bạn bè đến chơi ở lại... Vả lại, lương chúng tôi như thế, địa vị, mặt mũi của mình trong cộng đồng như thế, chả lẽ cứ chui rúc mãi trong cái *apartment* hay cái *town house* kia, mình *qualify* cái nhà năm phòng, tại sao lại không ưng?"

Có một chị bạn cùng xóm cũ với tôi hồi đó, căn nhà chị này ở đây nhỏ hơn, chật hơn nên câu chuyện về cái xóm cũ nọ lại thường lôi đi lạc đề sang chuyện tình duyên gia đạo.

Chị hỏi tôi:

"Sao bà bày đặt ly dị làm chi vậy? Bộ chê *củ cải* của ông chồng không ướt hả?"

Tôi còn đang đỏ mặt tía tai chưa biết vì xấu hổ hay vì căm giận thì một chị khác có cái miệng rộng đầy cả răng rướn cái cổ nổi gân lên nổi một tràng cười ha hả và bảo:

"Chắc ăn nhất, *củ cải* vừa to vừa bự vừa mướt là... *củ cải* Mỹ. Thấy không, củ cải ở Giant Food, đố tìm được ở Việt Nam có củ cải nào bự hơn!"

Tôi tìm đến một anh bạn khác ở cái thời mà tôi mê làm "chính trị chính em". Nói thì cho ghê gớm vậy, thật sự thì chúng tôi cũng có hội họp bí mật cả đêm lẫn ngày, biểu tình ném đá ném mực vào mấy anh cảnh sát dã chiến để đòi tự do dân chủ, nằm vạ trước mái hiên chùa mặc cho giây kẽm gai bao vây cô lập để đòi tự do tôn giáo, nhưng cũng như những ác cảm sai lầm hướng về mấy vị nữ tu đáng kính kia của cái thời non trẻ, tôi đã đi không trúng đường, đánh không trúng đích nên cũng chẳng tới đâu.

Anh bạn, thời đó chúng tôi vẫn đùa yêu gọi anh là "tiếng sáo Trương Lương", tâm sự:

"Tôi bây giờ ngoài việc đi làm kiếm cơm chỉ còn dồn tâm sức vào hai đứa con thôi. Nhờ trời, chúng cũng có khiếu âm nhạc, đời mình đã thất bại rồi, biết đâu con cái mình nó được thành Chopin cũng là nối dùm cái chí của mình đó."

Tôi nhớ anh với những đêm không ngủ, những ngày tập kịch, giọng huýt sáo của anh vang lên tan suốt vào đêm thâu:

Hy vọng đã vươn lên trong màn đêm bao ưu phiền.

Ngày còn ở với nhau chưa ly dị, nhà tôi vẫn thường gắt:

"Em vẫn thường hay vẽ chuyện! Lúc nào cũng phải cố suy nghĩ cho độc đáo, cho xuất sắc, chỉ tổ cho người ta ghét."

Tôi âm thầm tự nghĩ: mình có gì khác với những người đàn bà kia? Tôi cũng đi học, đi làm, lấy chồng, đẻ con, ẵm con, đi chợ, nấu ăn, chùi nhà, giặt quần áo, hầu chồng, hà tiện từng xu cắc để bảo vệ ngân quỹ gia đình... Nhưng trong cõi riêng tư có một chút thì giờ nhỏ nhoi tôi dành cho những nghĩ ngợi lang thang: dừng tay rửa bát một lát để ngó theo một đám mây, tại sao phải ưỡn ẹo bước ra sàn nhảy trong khi tôi thích nằm úp mặt trong phòng tối một mình nghe tôi tan loãng theo từng giòng nhạc bập bềnh đẩy xô trôi nổi? Con người là một sinh vật tập thể, phải chăng tôi yếu đuối sợ hãi vì nỗi lẻ loi khác biệt của mình và nhiều hơn vì sự hù dọa của kẻ khác?

Trong cơn buồn thảm tôi bỗng nhận ra rằng: cái gì đã làm cho các bà xơ ở cạnh xóm tôi xưa kia, chịu đựng những tiếng đồn độc ác từ cái dư luận nhỏ nhen chống đối của cái xóm nhỏ của tôi và các xóm chung quanh vì những bất đồng tôn giáo? Và hơn nữa, điều gì đã khiến các xơ đem hết lòng che chở chăm sóc thương yêu những đứa trẻ dị hình dị dạng tàn tật mà ngay từ tấm bé đã bị mọi người từ người lớn cho đến con nít kinh sợ, ghê tởm?

Các xơ vẫn âm thầm lặng lẽ, lớp này tiếp lớp khác, ngày ngày ra vô trìu mến lẫn chịu đựng, duy trì cái viện Mồ Côi kỳ lạ mà bình thường, buồn bã mà cần thiết, vừa như một mụt nhọt đau nhức của xã hội trông vào và kỳ diệu thay vừa là cái phương thuốc chữa cho lành cái mụt nhọt ấy!

Người ta dễ về hùa với đám đông, với bộ đồng phục, với tiếng la chung, nó dễ dàng thỏa mãn và vô tội vạ. Ngày xưa đó, nếu có ai trong xóm chúng tôi dám nói lên rằng các bà xơ đó chính là hình ảnh của các thiên thần, lòng yêu thương của các bà còn rộng hơn sông, mênh mông hơn biển... thì không chừng xóm tôi sẽ có một trận lưu huyết thánh chiến để đập cho tan xác cái tên tà ma ngoại đạo vô loài hỗn xược kia.

Cái xóm nhỏ của tôi vì vậy, sau ba mươi năm mơ mộng về nó, cuối cùng, nó cũng biến thành một ảo giác tan theo mây khói, như một thứ đoạn trường thiên thai, như một nỗi ngậm ngùi xa xôi bàng bạc:

Thế nhân khổ tác thiên thai mộng

Thùy thức thiên thai diệc đoạn trường!

Bỗng nhiên, người tình không còn nữa, cuộc đời chồng vợ cũng tan theo, sự nghiệp văn chương chính trị hão huyền, một vài người chung quanh tôi tự nhiên biến mất và cái xóm nhỏ cũng đang từ từ tan ra mây khói...

Rồi tôi thấy mình nhẹ hẫng, phấp phới bay lên, không phải là sợi khói, cũng không phải tơ mây, mà là, nhẹ hơn cả khói cả mây.

7/91

LÁ QUẾ, RAU OM: TÂM HỒN DÂN TỘC

XUÂN VŨ

Một hôm vợ tôi đi làm về mang theo một bọc nhỏ trao cho tôi với vẻ mặt mừng rỡ. Tôi giở ra: đó là một mớ rau gồm lá quế, rau húng, rau om.

Đã nghe mùi thơm quê hương nhưng tôi còn đưa lên mũi hít cho đã thèm. Đã năm năm liền, lăn vào cuộc sống, quen với mùi hamburger và gà chiên, tôi tưởng tôi đã quên mùi hương bình dị đó rồi. Nhưng không, nó vẫn còn trong máu tôi.

Cho lại tôi mùi hương đó là một người đàn bà ở Mỹ tho, gốc Bắc, sinh đẻ trong Nam. Từ đó gia đình tôi làm quen với chị và hai bên tới lui, thân tình. Nhà chị ở lọt thỏm trong một khu nông trại xa hẳn thành phố, như một tổ chim nhỏ Việt Nam cô đơn ở bìa rừng đất nước người.

Nhà chị có mảnh vườn con rất phong phú trồng đủ loại rau. Lá tía tô nâu sậm thơm như một vị thuốc bắc, lá quế làm nhớ phố Sài Gòn, rau răm làm cho thèm gà xé phay, những bụi xả gợi hồn cá chiên hoặc ca-ri nước cốt dừa, giàn khổ hoa nhắc nhở những đám giỗ ăn khổ hoa hầm, và rau om gợi những tộ canh chua ngọt lịm.

Mỗi lần đến đây, tôi thấy tôi là người Việt Nam được nói tiếng Việt Nam và như sống trên đất nước quê hương mình vậy. Chị thường mời khách Việt Nam đến nhà để đãi những món ăn Việt Nam, khi thì giò chả cơm tấm, khi bún bò Huế, khi cá nướng chả giò, có khi khách được ăn ba món Nam Trung Bắc cùng một lúc. Ăn món ăn Việt Nam và nói tiếng Việt Nam trên xứ người, để được cảm thấy mình còn là người Việt Nam, phải chăng đó là một hạnh phúc lớn của người tị nạn?

Chúng tôi gần gũi nhau bằng mùi hương bình dị, tặng cho nhau, không gì ngoài lá quế rau om, mời nhau không gì hơn canh chua, bánh xèo và những món ăn thường thức Việt Nam khác.

Một hôm, tôi đang ngồi viết thì có tiếng gõ cửa. Tôi bước ra thì đó là một người đàn bà trung niên gương mặt trái xoan có đôi mắt nai rất đẹp. Tôi không biết đó là người Trung Hoa hay Nhật. Tôi còn đang ngỡ ngàng thì bà ta hỏi:

"Xin lỗi, ông có phải là người Việt không?" Giọng bà ta thoảng như làn gió nhẹ.

"Dạ phải!" Tôi đáp như máy. "Sao bà biết tôi là người Việt?"

"Lần trước tôi đi bộ ngang qua đây tôi thấy dây bầu leo bên hiên nhà, tôi chưa chắc. Lần này tôi thấy mấy bụi quế trước thềm nhà thì tôi chắc đúng rồi."

Người Việt tha hương tìm nhau, thương yêu nhau qua hương lá quế thơm nhẹ như tâm hồn Việt Nam. Không thể nào gọi là canh chua nếu không có lá quế rau om, một món canh quốc túy cho cả Nam Trung Bắc.

...Cách đây 20 năm, khi đó tôi không còn trẻ nhưng cũng chưa già, cái tuổi chín của cuộc đời và của nhà văn, tôi đi công du ở miền Scandinave tận đầu trái đất. Tháng Năm mà còn tuyết phủ. Chao ôi là nhớ nhà. Nhìn những mái nhà tuyết trắng mà nhớ mái tranh quê hương khôn tả. Chỉ mong sớm xong công tác để về quách.

Bạn bè thết tiệc liên miên ở nhà tư, ở nhà hàng, ở những quán từng thứ 25, thứ 45 cao ốc, từ đó có thể trông thấy cả ba nước "Thụy Điển, Na Uy và Đan Mạch. Ăn những món đắc tiền, trong đó có thịt nai, một loại nai sống trên tuyết.

Nhưng ăn gì thì ăn, vẫn nhớ cơm. Tôi mới thấy rằng cơm ngon hơn bất cứ món gì. Mình đã ăn cơm 40 năm. Và không gì thay cơm được!

Khi về tới Anh Quốc, cả bọn vào một tiệm Tàu. Trong khi chờ đợi món ăn, bạn tôi, một anh to béo và xấu chứng đói, lót lòng sơ sơ ba cái hot dog, vừa xong thì cơm được dọn ra (chưa có thức ăn). Anh ta cứ bưng nguyên tô chan nước tào yểu mà lua như Lỗ Trí Thâm vô quán vậy. Không sợ khách lạ người ta cười cho. Anh ta lua một hơi hết ba tô cơm. Đến chừng thức ăn dọn ra, tôi phải gọi thêm ba tô khác:

Ăn xong, tôi hỏi:

"Đã chưa?"

"Nếu ngày nay không có cơm chắc tao chết."

"Kỳ sau có đi thì mang gạo theo vậy!"

"Ừ dám lắm. Nhưng phải mang theo chai nước mắm."

Tâm hồn Việt Nam là gì, không thể nào nói hết. Mỗi người mang nó trong máu mình, những mảnh khác nhau. Thuở bé tôi đọc sách Tự Lực Văn Đoàn nay vẫn còn nhớ. Có lẽ không bao giờ phai. *Tiêu Sơn Tráng Sĩ, Bướm Trắng, Hồn Bướm Mơ Tiên.* Rồi đọc thơ Nguyễn Bính *Lỡ Bước Sang Ngang,* đọc *Vang Bóng Một Thời* của Nguyễn Tuân. Đó là những mảnh tâm hồn Việt Nam. Nhìn vào đó có thể thấy con người Việt Nam, một loại người tài hoa, dũng cảm và tế nhị.

Những trang sách đã đem lại cho tôi nụ cười và làm tôi chảy nước mắt. Những mái chùa ẩn nấp trên đồi, những chú tiểu và cô vải đáng yêu biết bao nhiêu! Những cuộc đánh thơ thả thơ có tính cách tiên phong đạo cốt, những bình trà cổ xưa, những vườn dâu bãi mía, những cuộc biệt ly gay cấn tình đời, những bóng mát vườn nhà, những hương thơm hoa lan hoa huệ... tất cả... tâm hồn Việt Nam.

Những cây rau, cây dừa, những bến đò ngang, những con đò dọc, những buổi chợ chiều, những hội hè đình làng, những câu quan họ, cò lả, trống quân, những câu hò mái nhì man mác, những điệu vọng cổ sầu não day dứt, những đám cưới đám tang, những cầu ao mái rạ... đều là biểu hiện của tâm hồn dân tộc.

Trong đời bạn ít nhất bạn có biết một mái chùa hay một ngôi nhà thờ. Tôi cũng thế. Chẳng

những tôi biết mà tôi còn mang trong lòng tiếng chuông chùa, tiếng chuông nhà thờ. Đó là tâm hồn dân tộc. Những buổi sáng chuông nhà thờ đổ, nghe ấm lòng thôn xóm. Những buổi chiều tiếng chuông chùa ngân, nghe siêu thoát cõi đời. Không có mái chùa lấy gì nâng đỡ hồn dân tộc? Không có chuông nhà thờ lấy gì sưởi ấm nhân gian. Không có ngôi đình lấy gì thờ phượng ân nhân dân tộc, những vĩ nhân.

Bạn hãy giở lại *Vang Bóng Một Thời* đọc lại Nguyễn Tuân mô tả sư cụ chùa Đồi Mai và cái giếng của ngôi chùa mà người sành uống trà phải đi từ xa để đến xin một gánh nước về nấu để pha trà. Bạn sẽ thấy yêu mái chùa, yêu nhà sư và yêu dân tộc yêu đất nước mình biết bao nhiêu. Giếng nước chùa Đồi Mai là một kỳ quan còn ngôi chùa trong Tiêu Sơn Tráng Sĩ là căn cứ cách mạng dân tộc vậy.

Và đây, Phạm Duy đã vẽ nên tâm hồn dân tộc qua hình ảnh của mẹ Việt Nam. Ai đọc lần đầu cũng thuộc ngay. Lời ca đẹp như ca dao:

Mẹ Việt Nam, không son không phấn

Mẹ Việt Nam, tay lấm chân bùn

Mẹ Việt Nam không mang nhung gấm

Mẹ Việt Nam đeo tấm nâu sồng.

Đó là tâm hồn Việt Nam.

Chúng ta đi lang thang khắp địa cầu nhưng không xa đất nước là nhờ lá quế rau om là nhờ cơm với cá, là nhờ thơ văn âm nhạc Việt Nam. Chẳng những không xa mà lại thấy gần. Nơi xa nhất trên mặt đất lại là nơi gần nhất trong tâm hồn.

Một người đàn bà Việt Nam sống tha hương, nghe mãi mấy tiếng *I love you* bỗng một hôm thấy cần được nghe mấy tiếng "Anh yêu em". Nếu dịch nghĩa ra, thì đúng 100%, nhưng người Việt Nam nói bằng tiếng Việt Nam làm người nghe hẳn phải rung động hơn bởi vì cái âm thanh Việt Nam có khác. Khác lắm!

Một người con gái... mặc đồ đầm, đó là đem thêm một nét đẹp vào hình hài Việt Nam. Nhưng có một lúc nào đó cô gái... ướm lại chiếc áo dài Việt Nam, chiếc khăn hoàng hậu sẽ thấy mình rực rỡ hơn.

Một người họa sĩ Việt Nam chuyên môn vẽ sơn dầu ắt không bao giờ phủ nhận nét đẹp của tranh *Lý Ngư Vọng Nguyệt* hoặc tranh *Phước Lộc Thọ* hay các tranh dân gian khác. Một nhạc sĩ giao hưởng có thể nào quên âm thanh đàn tranh đàn bầu? Ngày nay ở hải ngoại, chúng ta đã tổ chức những đám cưới theo phong tục cổ truyền tối đa. Chúng ta đang cố gìn giữ tâm hồn dân tộc bằng mọi cách, bằng mọi giá.

Chúng ta đang gìn giữ nguồn gốc văn minh của dân tộc ta. Trong khi đó, có một loài người đang phá hoại dày đạp nó.

Tôi đã đi hầu khắp đất nước. Tôi nhận thấy một điều: Nơi nào quỷ đỏ có mặt nơi đó vắng bóng chùa chiền, đình miếu, nhà thờ. Xóm lặng xơ xác trơ trọi vì không có tiếng chuông, không có những cuộc vui chơi đình đám hội hè, không còn hát trống quân cò lả như xưa. Chỉ rặc những mít tinh những đấu tố rùng rợn. Ai về miền Bắc mà coi! Một miền đất cổ kính của Tổ Quốc ngày xưa, với những đền thờ miếu mạo những lăng miếu, di tích lịch sử, ngày nay không còn gì. Khẩu hiệu vẽ ngang gạch dọc, đình làng thành kho hợp tác, đền thờ vua Lê đầy phân trâu bò. Văn miếu thì tên thi sĩ lưu manh leo lên ngâm thơ ca ngợi. Stalin.

Nếu nhìn mặt người, ta có thể đoán được tâm hồn của người đó thì nhìn một làng quê ta cũng có thể thấy được tâm hồn dân tộc đã nghèo đi một cách rõ rệt. Qủa thật, Việt Nam ngày nay không còn gì. Chúng nó phá nát nhưng không biết để xây dựng cái gì? Không cái gì hết ngoài cái lăng kia. Chúng đang đào tạo một loài người không tim theo kiểu KBG Liên Xô:"Hành động theo lệnh trên, không cần suy nghĩ." Nhưng chúng đã thất bại.

Nếu bây giờ có ai bất ngờ hỏi tôi: giữa chế độ thực dân nô lệ và chế độ cộng sản độc lập, anh bắt cái nào? Tôi sẽ trả lời không do dự:

"Tôi sẵn sàng làm nô lệ cho thực dân."

"Tại sao?"

"Vì cộng sản cũng là một thứ thực dân nhưng nó tệ hơn các thứ thực dân khác. Ở chế độ thực dân kia người Việt Nam còn có cơ hội giữ được nguồn gốc dân tộc mình hơn là ở chế độ thực dân cộng sản."

LÊ UYÊN PHƯƠNG

KHI LOÀI THÚ XA NHAU

TẬP NHẠC 1967-1969

33 BÀI THƠ HOA SEN

NGUYỄN HỮU NHẬT

MỘNG

lý bạch có một không hai
rượu ngon mỗi đấu trăm bài thơ hay
làm ra giữa hai cơn say
tỉnh nên mới biết đời này mộng thôi.

BỤI

phố xưa mới đổi tên đường
nhà sư khất thực bụi vương áo vàng
lòng bình bát, cõi nhân gian
gió thu chỉ rắc vào toàn lá me.

XANH

gió chùa chẳng gõ như tăng
đêm về đẩy cửa lùa trăng ập vào
bờ chim mất ngủ cây ao
xót thơ người nghĩ xanh sao cả trời.

NHỚ

việt nam, đến chết mất thôi!
nóng lòng bồi hồi bồi hồi nhớ quê
xích xiềng rợn tiếng kéo lê
những hồn oan khuất gọi về thắp hương.

SẮC

núi xanh nhuộm bóng chiều hồng
ra màu tím Huế khi không cũng buồn
sen thơm trong Nội có hồn
khiến o thả tóc dài nguồn sông Hương.

RAU

nghe tin chùa nát quê nhà
lá tần ô héo, khô hoa, nhạt vàng
hàng ngày thầy hái rau hoang
nuôi bầy trẻ ốm, đói vàng mắt nai.

VẾT

thuyền sen mới hái trở vô
mái chèo rạch nát mặt hồ tái xanh
vỡ gương nước sắc long lanh
bèo hoa dâu biếc khép lành vết thương.

CHIẾU

vung sào tung tóe ánh trăng
thuyền về bến vắng sương giăng lưới mờ
chiếu vàng hoa trải rực bờ
gió sông tung vạt áo chờ người lên.

CHỔI

gió đâu thổi một cái ào
cây run bần bật hoa đào ngập sân
vết chổi thanh hao xa, gần
hồ như sóng cuộn, mây vần cõi hương.

QUÊN

nhớ ra quên ngoảnh lại nhìn
đêm sen trắng nở, sáng nghìn đóa hoa
người thầm tiếc mãi xuýt xoa
hương theo về đến tận nhà còn thơm.

CHÁO

từng chùm bông nhỏ bên rào
nở tung hết cánh, hướng vào lối ra
sư gầy đứng múc cháo hoa
tươi cười chúc những người già ăn ngon.

MIẾU

khói vàng mã đốt, cầu mưa,
bay lên mỗi lúc một tưa sợi buồn
người ăn mày nước mắt tuôn
thầm rơi trong miếu, âm hồn hết thiêng.

BÔNG

ra đi sớm, muộn trở về
sóng tan bến hoặc, bờ mê lửa tàn
mỗi bông sen một niết bàn
cánh thơm khay bạc, chén vàng nhụy hương.

CHÂN

chân ni vừa chạm tới bờ
ngất ngây sỏi đá, sững sờ cỏ hoa
bến thuyền nuốt mấy đời qua
mê man giờ tỉnh hẳn ra thật rồi.

GIÀ

nụ cười xưa chẳng đổi thay
chỉ thay đổi tóc lâu ngày gặp nhau
rượu mừng ngấm hai bông lau
mặt trời tối mọc, mái đầu trắng bông.

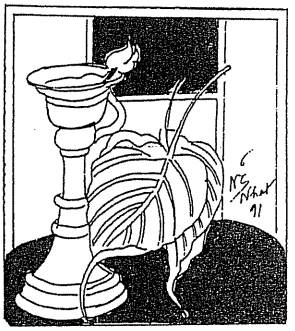

LỄ

bơi thuy
đêm thơ
nguyễn
đem lòn

LỖ

tiếng đồ
giận chu
té ra lỗ chuyện cũng hay
sông mịch la đục thêm sầu khuất nguyên.

DẠI

ánh gươm hào khí ngất trời
dựng chân tóc, đẩy mũ rơi, xuống đò
bàn tay người đẹp khiến cho
tiếng đàn sáo giết thầy trò kinh kha.

LỆCH

giờ này thầy bỏ đi đâu
khuya rơi tiếng vạc xuống lầu trống rung
sân in bóng đẹp lạ lùng
áo vàng bay giữa đôi thùng sóng trăng.

CHẢY

bóng sào run nước đẩy thuyền
sóng xô vàng, dát mỏng, viền quanh trăng
nhịp chầy giặt áo chư tăng
khuya lơi mặt đá, gió căng ngực buồm.

GIẤY

hoa rau muống trắng thay sen
lửa đom đóm sáng làm đèn đầu hôi
đêm soi chẳng tỏ chỗ ngồi
trang kinh thầy chép giấy bồi xi măng.

MA

sau chiến tranh trở về nhà
thảy đều tàn-tật-hồn ra khỏi rừng
hố bom khô cạn lệ mừng
đỡ lo gương nước soi từng bóng ma.

QUỲNH

khi ánh trăng sớm sắp tàn
sân chùa như lát bằng toàn vàng y
lúc người khách sửa soạn đi
hoa quỳnh nở muộn thay vì sao mai.

SỢ

tưởng đâu mộng giữa ban ngày
về chùa lại được nghe thầy giảng kinh
sống quen sợ cả chính mình
bấy lâu, bóng mất còn hình, phất phơ.

TÙNG

chia tay chặt hết rừng tùng
để khi ngoảnh lại, nhìn, cùng thấy nhau
hai nhà sư trẻ ngờ đâu
áo vàng, sắc lẫn vào màu, vàng mây.

LƯỚI

bờ sông đỏ rực lá bàng
lan xa mãi đám lửa đang cháy bùng
khói mây lồng lộn tới cùng
chiều tung lưới chụp, chim vùng cánh bay.

MẤT

em để con khóc tự nhiên
anh không thích lối bình yên giả vờ
đánh mất nụ cười trẻ thơ
mà bao người lớn bây giờ khốn thân

HIỂU

trong kia nhìn bóng hoa lay
người nào cũng biết ngoài này gió to
mà không ai chịu hiểu cho
vì đâu trẻ đói nằm co vỉa hè.

RÂU

gặp người tù ngỡ lần đầu
gầy đâu mà đến rợi râu cũng gầy
nhờ nốt ruồi son trên tay
hỏi ra mới nhớ lại thầy học xưa.

QUẾ

ve sầu kêu vắng ni cô
nắng soi giàn héo, bầu khô lửa tàn
bóng lay hoa quế run bàn
mở kinh gió lật từng trang giấy rời.

BẮT

được tin thầy mới ra tù
nửa đêm con đội sương mù đến thăm
đụng tờ lệnh báo truy tầm
bắt người chưa ấm chỗ nằm lại đi.

NGHE

hơi thu thấp thoáng đâu đây
sầu kêu một dạo rụng đầy xác ve
bếp chùa ánh lửa lập lòe
nhớ nhà thức sớm hôn nghe gió về.

LẺ

người xưa uống rượu trước hoa
buồn vì một nỗi tuổi già lẻ loi
người nay uống nước sông ngòi
ôm con chết đói sau chòi cỏ tranh.

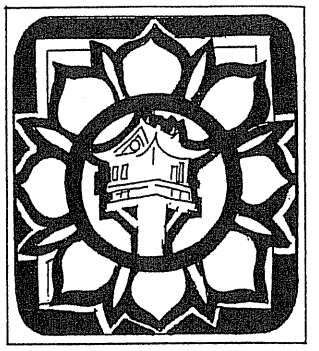

MÙA SEN VÀNG

HẢI VÂN

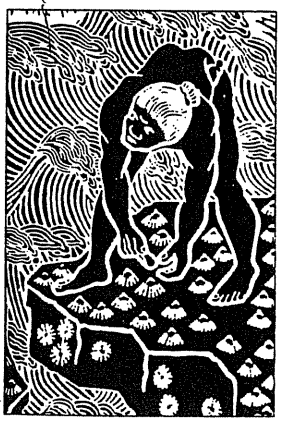

Một hôm, (buổi sáng hay buổi chiều? Hắn cố nhớ, nhưng nhớ không được), Kim Liên tới thư viện trường Tĩnh Dốc. (Có thể là buổi sáng, vào khoảng mười một giờ. Cũng có thể là buổi chiều, khoảng hai ba giờ. Vì lúc đó có rất nhiều người tới mượn sách).

Bây giờ, hắn chỉ còn mấy chữ "hiền và dễ thương" để mường tượng một vẻ đẹp không rõ nhưng không bao giờ phai mờ. Hình như da trắng mịn, nét mặt tươi tỉnh, giọng nói nhẹ và hiểu biết:

-- Ngày ở nhà, tôi dạy cùng một trường với chị ấy. Anh cho tôi gửi lời hỏi thăm.

Chỉ có vậy thôi. Hai năm sau, hắn theo vợ sang định cư ở miền Tây nước Mỹ. Hạnh phúc kéo dài thêm bốn năm. Đến khi âm dương cách biệt, hắn đưa đứa con gái trở về nơi cũ, làm sở cũ. Việc không khác trước lắm, nhưng người cũ chẳng còn ai.

Dần dần nếp sống trở lại bình thường. Mỗi lần tới chỗ ngày xưa Kim Liên đứng nói với hắn, hắn lại bồi hồi. Hắn cảm thấy nhớ tiếc một cái gì. Nhớ cái gì? Hắn không biết.

Dò hỏi những người quen, chỉ loáng thoáng: Kim Liên đã dọn đi nơi khác, sống một mình, không muốn tiếp xúc với ai. Không để lại địa chỉ.

"Tìm em như thể tìm chim,
Chim bay khuất bóng, đi tìm trong mơ."

Tuy vậy, hắn vẫn tin sẽ có ngày gặp lại.

-- Vân à! Hôm nay Thanh gặp bao nhiêu bạn cũ. Thiệt tình, nói là bạn cũ cũng không đúng. Hầu hết là những người học ngang lớp. Vài người trên một lớp, dăm ba người kém một hai lớp. Hồng Ngọc cho biết Kim Liên ở vùng này. Kim Liên học với Thanh từ nhỏ cho tới năm đệ nhứt. Nó chưa biết Thanh tới đây, nhưng Thanh đã có số điện thoại. Sẽ gọi tối nay.

Vân sững sờ:

-- Kim Liên nào?

-- Biết Kim Liên hả? Con nhỏ này đẹp lắm. Đã đẹp lại còn hiền. Mấy ông thầy cũng mê nó luôn. Đẹp nhứt lớp. Phải nói là đẹp nhứt trường mới đúng. Thanh với nó thân nhau lắm. Khi nào gặp mặt, Vân sẽ mê tít cho mà coi. Hết than buồn với chán.

"Thanh à! Tôi đã mê nó từ muôn kiếp trước rồi!" Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng hắn vẫn ra vẻ dửng dưng:

-- Tôi mà còn mê ai được nữa. Lòng tôi đã nguội lạnh từ lâu rồi. Tôi biết có một người tên là Kim Liên. Nhưng không biết Kim Liên của Thanh có phải là Kim Liên của tôi không?

-- Nó ở đây này. Thanh có số đây này. Phải hay không phải, trước sau rồi cũng biết. Làm gì có lắm Kim Liên vậy!

Chiều hôm đó, Kim Liên gọi cho Thanh. Thanh bịt ống nói, quay lại bảo Vân:

-- Nó đó, Vân à! Thanh mừng quá! Giọng nó y hệt như xưa. Nhận ra liền.

Tính từ ngày Kim Liên đến thư viện trường Tĩnh Dốc cho tới giây phút đó đã hơn mười năm. Mười năm với bao nhiêu thay đổi.

Vân hồi hộp chờ đợi. Chợt Thanh ngừng lại:

-- Vân à!

-- Sao đó?

-- Kim Liên muốn rủ Thanh tới nhà nó chơi. Vân chỉ nhà cho nó được không?

"Nếu thế thì làm sao gặp được?!"

Hắn cầm máy:

-- Chị Liên à! Tôi là Vân đây! Chị còn nhận ra tôi không?

-- Có chứ. Tôi gặp anh hôm tới thư viện. Mười năm rồi đó. Mau ghê! Anh có khỏe không?

-- Khỏe thì không khỏe, nhưng chưa sao!

-- Anh làm ơn chỉ đường cho tôi tới đón Thanh lại đằng tôi chơi.

-- Vâng! Chị muốn sao cũng được. Nhưng nhà tôi khó tìm lắm. Hay là chị cho tôi địa chỉ, tôi sẽ đưa Thanh tới.

-- Làm vậy phiền anh quá!

-- Phiền tôi còn hơn để chị lạc đường. Tôi muốn người khác làm phiền.

"Nếu không đưa Thanh tới, làm sao tôi biết chị ở đâu. Chị

đâu có hiểu nỗi khổ của người tìm chị hơn bốn năm nay!"

*

Hai nhà cách nhau 15 phút lái xe. Tới nơi, trời đã gần tắt nắng.

Hình như Kim Liên được thời gian cho miễn nhiễm. Vẫn nụ cười tươi, vẫn nét mặt hiền.

Hôm đó, Vân chụp mấy tấm hình kỷ niệm.

Họ ôn lại chuyện cũ. Vừa ăn vừa nói.

-- Tưởng là chỉ gặp nhau thôi, nên đã ăn cứng bụng rồi.

Kim Liên trách:

-- Đã nói rõ như vậy mà không hiểu!

-- Nếu hiểu thì đã không ăn. Nhưng không sao, ăn nữa càng tốt.

Thỉnh thoảng, họ hỏi Vân một hai câu. (Để một người đàn ông lạc lõng cũng tội nghiệp!)

-- Vân đã gặp Kim Liên bao giờ chưa?

-- Có! Mới đây thôi.

-- Bao giờ vậy?

-- Chừng mười năm.

-- Mười năm mà "mới đây thôi". Học về ngôn ngữ mà nói vậy thì chết rồi!

Vân mỉm cười. "Dù một trăm năm hay một nghìn năm, đối với tôi, cũng chỉ là mới đây thôi. Nhìn xem, Kim Liên có thay đổi gì đâu!"

Thanh hỏi tiếp:

-- Vân có thấy Kim Liên khác nhiều không?

-- Không biết! Có lẽ không. Hồi đó nhà tôi còn, tôi không thấy người nào hết. Giống như ngựa kéo xe thổ mộ bị che hai bên mắt, chỉ thấy con đường phía trước.

-- Tụi này học chung từ nhỏ tới lớn. Lên đại học, Thanh học với Vân, còn Kim Liên đi Mỹ. Hồi đó, không phải chỉ có một mình Thanh mê Kim Liên đâu. Đến thày giáo cũng mê luôn. Còn nhớ ông Khánh dạy Anh văn không? Ông có vợ rồi mà mê Kim Liên như điên. Mê điên mê khùng. Thấy mặt ổng đần ra khi nhìn Kim Liên là biết liền.

Kim Liên cười. Không ra tiếng, không phản ứng, không phụ họa.

-- Tiếc quá! Nếu ngày đó tôi gặp, chắc cũng vậy.

-- Mê là cái chắc! Nhưng chưa chắc ạ. Hồi ở Văn Khoa có bao nhiêu cô, Vân có mê cô nào đâu. Ông này kỳ lắm Liên à! Không bao giờ vớ vẩn với bạn cùng lớp; người ngang tuổi cũng không; người lớn tuổi thì lại càng không nữa. Người đã gàn, cái gì cũng gàn. Từ nhỏ đã sống với thành kiến!

-- Chị Liên có phải là bạn cùng lớp với tôi đâu!

Liên nói lảng:

-- Bây giờ anh thay đổi rồi đó. Có anh làm giấy tờ, Thanh muốn sang Mỹ lúc nào chẳng được.

-- Không đâu! Ảnh vẫn coi tui như bạn. Ảnh không chịu. Đã thế còn con ảnh nữa. Nếu ảnh làm giấy tờ cho tui, bao nhiêu tiền hưu trí hàng tháng của vợ ảnh để lại cho mấy đứa con bị cắt tức khắc.

*

Đã mấy tuần liền, Vân tìm không ra cách để liên lạc với Kim Liên. Không có Thanh, hắn bó tay. Với người khác, hắn bạo lắm; với Kim Liên, hắn nhát như hồi còn trẻ. (Ngày theo cô láng giềng. Theo ngày theo đêm. Bao nhiêu năm không dám nói). Ảnh đã in xong, thỉnh thoảng lại lấy ra nhìn. Hắn đã nhớ kiểu tóc Kim Liên chải, lối ăn mặc của Kim Liên. Hắn còn nhớ giọng Kim Liên nói. Nhớ cái lúm đồng tiền lúc Kim Liên cười. Hắn thường tuyên bố với bạn bè "Từ thủa cha sinh mẹ đẻ, tôi chưa mê ai bao giờ." Bây giờ Kim Liên đã làm hắn thay đổi.!

Thêm một tuần, rồi hai tuần, vẫn chẳng đi đến đâu. "Già đầu rồi! Một việc cỏn con như vậy làm không được, còn ai dám trông cậy? Giả như Kim Liên biết mày nhát như vậy cũng không thèm nói với mày."

Làm gì?

Dễ quá! Nhắc máy lên.

Nói gì?

Bất cứ cái gì. Tới đâu hay tới đó.

Cả người hắn nóng bừng lên. Hắn run run. Đó là cái tật. Gặp chuyện gì cũng vậy. Khó khăn cũng vậy. Lo sợ cũng vậy. Vui cũng vậy. Hồi hộp cũng vậy.

Vân tìm số của Kim Liên. Đã viết rất cẩn thận. Viết thêm một cái nữa. Một cái để vào trong cặp, một cái bỏ vào ví. Tìm không ra.

Ba ngày sau thấy ở bên máy điện thoại.

Vân quay số.

-- Tôi là Vân đây, chị Liên!

-- Dạ. Anh có khỏe không?

-- Tôi cũng không biết nữa.

"Lúc này mà khỏe sao được." Hắn gãi đầu mấy cái.

Nói với mọi người, hắn không đến nỗi tệ; nhưng với Kim Liên, hắn ngờ nghệch như con nít, chẳng khác gì ba mươi năm về trước!

Có tiếng cười của Liên:

-- Anh vẫn liên lạc với Thanh chứ?

-- Dạ! Tôi có gọi cho Thanh mấy lần. Thanh cũng gọi cho tôi.

Hắn ngập ngừng:

-- Chị Liên à! Ảnh in xong từ lâu rồi mà tôi không có số của chị để gọi.

-- Chính tôi cho anh mà.

-- Tôi biết. Nhưng cái số mà tôi cần nhất, tôi lại tìm không ra. Tìm mấy ngày liền mới biết nó ở ngay trước mặt mà không thấy. Có lẽ là cái số.

Liên cười.

Hắn cảm thấy ngượng. "Số gì mà số! Nói thế mà cũng nói! Tiếp nữa đi!"

-- Chị muốn tôi gửi cách nào đây? Đưa đến tận nhà hay gửi nhà dây thép?

-- Anh gửi nhà dây thép đi. Tôi không dám làm phiền anh.

-- Không phiền đâu. Tôi muốn đưa đến tận nhà. Gần lắm! Chừng 10 phút là tới.

Vì muốn gặp Kim Liên (dịp bằng vàng), hắn đã giảm mười lăm phút xuống mười phút.

-- Thôi! Cám ơn anh. Dù anh không thấy phiền tôi cũng không dám. Anh gửi nhà dây thép được rồi.

-- Dạ! Chị muốn sao cũng được!

*

Trong hai mươi bốn hình, Vân chọn cái nào có Kim Liên, đẹp nhất, rõ nhất, cho vào phong bì; lấy mẩu giấy trắng nho nhỏ, viết mấy chữ:

Chị Liên yêu quý,

Hình trong nhà, thiếu ánh sáng, nên không đẹp. Nhưng người mẫu vẫn đẹp.

Hình chụp buổi chiều (ánh sáng đã ngả vàng), đáng lẽ ra không được, nhưng vì chị mà hình vẫn rực rỡ, Thanh cũng tươi tắn, hiền lành, dễ thương.

Có một người mẫu như vậy không phải là dễ. Chị có làm khó cũng có người cầu cạnh.

Vân.

Đọc đi đọc lại mấy lần, hắn bỏ mấy chữ "Chị Liên yêu quý". Vội vàng quá, không nên. Có thể Kim Liên sẽ hiểu lầm lòng chân thật của hắn. Còn mấy chữ nữa: "người cầu cạnh"? "Người cầu cạnh" chính là hắn. Cứ để. Có sao nói vậy. Kim Liên muốn hiểu thế nào thì hiểu. Nếu làm khó, hắn chịu. Nếu hiền lành, hắn có thêm một người bạn.

Vân tính đi tính lại: bỏ từ sáng sớm, có thể chỉ cần hai ngày tới nơi. Có thể ba ngày. Lâu lắm thì bốn ngày.

Tối hôm sau, hắn định gọi cho Kim Liên. Gọi để hỏi xem đã nhận được chưa. Dù không muốn nói, chắc chắn cũng không nỡ càu nhàu.

Chưa nhận được thì sao?

Gấp quá không tốt. Vồ vập quá người ta sợ. Hăng quá người ta tránh.

Tối hôm sau nữa, hắn đứng ngồi không yên, nhưng vẫn không dám nhấc máy.

Tới tối ngày thứ ba, vào đúng dịp kỷ niệm hai mươi năm sống

NGƯỢC DÒNG CỮU LONG

KHOA HỮU

Chiều như thổ huyết trên sông
đỏ loang sắc nước mây dòng trường giang
cát cồn đất bãi mê man
ngày sương khói ám chưa tan đôi bờ
lửa người đốt tự ngàn xưa
ngàn sau về kẻ bơ vơ bến này
thuyền đi sóng vỗ chia tay
nửa vơi bồi lấp nửa đầy tang thương
én bay cánh khuất vô thường
bóng chim tăm cá tận cùng là đâu?
cuối sông nhớ núi giang đầu
đầu sông nhớ biển xanh dâu mịt mùng
ngược xuôi nhớ gió tri âm
thấy trăng nhớ bóng đá trầm Khuất Nguyên.

Hồng Ngự 1988

THƠ TÌNH VÀ HỘI HỌA

Tôi bất kể và em bất kể
quạ bầy bay hoảng cánh đồng đen
con ngựa trắng chạy rung cõi thế
cuốn lên những mảng chết và đêm.

Tiếng búa đẽo bức tường lạnh ngắt
một ngày một tháng một đời qua
âm thanh đập sóng vào đôi mắt
hai nấm mồ chôn một mối thù.

Em kêu khẽ lời từ trong miệng
một gã điên ngồi dựng tóc nghe
tiếng xé rách vô vàn những tiếng
mơ hồ tan giọt máu tan đi.

Ôi, chân trần, vai trần, ngực mở
môi em đỏ rực một nụ sầu
thơ anh viết trên hàng mi thiếp
tóc em dài khuyết tận kiếp sau.

Tình ấy, mười ngón em miêu tả
một gã điên yêu gái liêu trai
vì nhan sắc trần gian chưa thỏa
để ngàn sau lầm giết thiên tài.

Sài Gòn

trên đất Mỹ. Vân bùi ngùi, thương thân, nhớ lại ngày tháng qua. "Lúc mới sang, gia [illegible] giờ, một [illegible]ước xong, [illegible]ột người, [illegible]y. Không [illegible] Có khi [illegible] như xa lạ. [illegible]ưng bà ta [illegible]răng, chưa chàc đã [illegible] kịp.

Tám giờ hơn, Vân vẫn còn ở ngoài đường, chưa biết đi đâu. "Chẳng lẽ về nhà?" "Mẹ đã già, không hiểu nỗi khổ của mình. Con đang tuổi lớn, không còn thì giờ dành cho bố." Vân tạt vào một tòa nhà có điện thoại công cộng, gọi cho Kim Liên:

-- Chị nhận được hình chưa?

-- Dạ. Mới nhận được lúc đi làm về. Định ngày mai gọi cho anh.

Hai người nói với nhau gần nửa giờ. Kim Liên nhẹ nhàng, hiểu biết, thông cảm được nỗi khổ của hắn. Nàng khuyên: "Về nhà đi anh Vân à! Lang thang ở ngoài đường mấy tiếng đồng hồ đủ rồi!"

Đêm hôm đó, Vân nhớ tới lời Thanh:

-- Hình như Kim Liên đã có bạn cùng phòng. Nếu không, Vân sẽ có một người bạn tốt, sẽ bớt lẻ loi. Vân sẽ thoát được nanh vuốt của Thu. Gặp người không ra gì, khi nào mình cần người ta, người ta hành mình. Vân không thấy càng ngày càng bi đát hơn sao?

Ngày mới trở lại vùng này, mỗi lần nhớ Kim Liên, hắn nghĩ tới câu ca dao:

"Tìm em như thể tìm chim,
Chim bay biển bắc, đi tìm biển đông."

Vân đổi lại:

"Tìm em như thể tìm chim,
Chim bay khuất bóng, đi tìm trong mơ."

Bây giờ gặp lại, hắn không dám tin là thực hay giả. "Có khi thực mà lại không thực. Có khi tưởng không phải là thực mà lại ở ngay trước mắt. Liên ạ! Dù thế nào cũng tại số! Nếu số chúng mình gần nhau thì chúng mình gần nhau. Nếu số chúng mình phải xa nhau thì chúng mình phải xa nhau. Tránh sao cho khỏi số Trời?!" Nghĩ ngợi miên man, Vân thêm hai câu nữa cho đủ bốn:

"Tìm em như thể tìm chim,
Chim bay khuất bóng, đi tìm trong mơ.
Đôi khi gặp lại, ngẩn ngơ.
Biết bao thương nhớ! Hững hờ như không!"

Kim Liên có hững hờ với hắn không? Vân không biết. Phải hỏi mới biết được.

Tối hôm sau, hắn gọi cho Kim Liên. Quyết định sẽ nói hết những điều muốn nói.

Câu chuyện của họ kéo dài hơn một tiếng đồng hồ.

Không biết hắn có dám nói hết những điều muốn nói không? (Chưa chắc!). Nhưng Kim Liên khuyên hắn "Phải biết kiềm chế sự đam mê của mình."

Thay vì tìm lời khéo léo, hắn nhắc tới ngày xưa, thích bắt chim, nuôi cá, thả diều,...

-- Ngoài việc tin vào số mệnh, tôi thường sống theo mùa. Ngày còn nhỏ, hết mùa chim tới mùa cá. Hết mùa cá tới mùa thả diều. Đến khi lớn, lúc thì mê chim yến, lúc thì mê chụp ảnh, lúc thì mê vẽ... Tôi thích nuôi yến, mỗi ngày vui đùa với tụi nó mấy tiếng đồng hồ không chán; bây giờ rút lại chừng hai mươi phút. Từ hôm gặp lại chị lại tới thích chụp ảnh, thích vẽ. Chị thì bận *(Hôm qua hắn đã đề nghị đưa Kim Liên lên hồ sen, hay tới nhà kiếng trước quốc hội. Sen cũng đẹp, lan cũng đẹp. Mấy hôm nữa, tới công viên Cánh đồng Sơn ca chụp cúc. Kim Liên đáp lại bằng cách than bận)*, thành ra tôi có muốn cũng chẳng làm được. Chị có biết tôi đang ở mùa gì không? "Mùa Sen Vàng". Chị là Kim Liên. Kim Liên là đóa hoa sen bằng vàng, đẹp như vàng, quý như vàng. Chị đừng lo. Tôi sẽ không làm phiền chị lâu đâu. Mùa nào cũng có lúc phải nhường chỗ cho mùa khác...

Không thấy Kim Liên nói gì. Trong đầu hắn, hắn nghĩ "Nói thì nói vậy thôi. Mùa sen vàng kéo dài lâu lắm. Nếu tôi có đủ khả năng, tôi sẽ giữ nó suốt đời!"

25-09-1991

KÍNH MỪNG XUÂN MỚI

TRẦN VẤN LỆ

Ôi mùa Xuân tới! Kính mừng Xuân
nói được lời vui... sao ngập ngừng?
năm chục tuổi rồi Xuân cứ vậy
một dời lận dận Tết dây chăng?
Quê hương ngó lại sương dàn trải
Đất khách nhìn lên bụi dửng dưng!
dụi mắt tự nhiên tay thấy ướt
câu thơ ai khiến nét rưng rưng...

1.1.92

TAN THEO CÙNG NẮNG

TRẦN MỘNG TÚ

Ông Kha thức giấc, căn phòng yên tĩnh quá, khung cửa sổ sát phòng ngủ trông ra khu vườn sau, màn cửa đã được kéo ra một nửa, bên ngoài sương còn như sữa đục phủ kín mặt kính, cây táo nhỏ đứng co ro sát hàng rào mờ mờ, tỏ tỏ giống như cái cây ông thường thấy trong một giấc mơ nào đó không bao giờ rõ rệt. Ông nằm im lặng ngắm nghía cái bóng mờ tỏ của cây táo trong sương và cố lắng nghe xem có tiếng động nào của bà Hân từ dưới bếp hay buồng bên cạnh vọng đến buồng ông không? Tuyệt nhiên không một tiếng động, ông biết là bà đã đi ra khỏi nhà. Ông chậm rãi ngồi dậy, bước xuống đất, hơi lạnh trong không gian ôm choàng lấy ông khi ông vừa ra khỏi chăn, ông nói khẽ một mình -- Mùa Thu đến rồi -- Đêm qua thức giấc ông thấy lành lạnh ở hai bàn chân, ông biết là đã sang mùa. Mùa Hạ năm nay kéo dài

hơn thường lệ, đã gần giữa tháng Mười mà nắng như còn cố níu lấy thời gian. Buổi sáng, sương phủ mặt người, đứng xa năm thước không nhìn thấy mặt nhau, người và vật đều như bềnh bồng trôi vào một vùng vô định, đi được bước nào thì biết được bước đó, chẳng biết cái gì sẽ cản trước mặt, cứ nhìn từng đoạn đường một, thỉnh thoảng lại có một quãng sương loãng ra thật mỏng, quang đãng, đang hớn hở bước vào vừa đi được mấy bước thì lại va ngay vào bức tường sương trắng xóa khác chặn ngang, chẳng khác nào bị phỉnh phờ, gạt gẩm. Lại cẩn trọng, lại dò dẫm và bắt đầu lại từng bước một. Nhiều hôm, hai người dậy sớm đi ra ngoài, gặp những buổi sương như hôm nay ông Kha hay quay sang bà Hân hỏi:

"Em có thấy giống tình yêu không? Chẳng biết đâu mà ngờ trước được."

Những lúc đó bà Hân chỉ mỉm cười, rồi cầm nhẹ lấy tay ông không nói gì cả.

Buổi sáng thì như thế mà đến xế trưa nắng gom lại vàng như mật ong rót xuống đầu những ngọn cây, những nóc nhà, đổ tung tóe từng vũng xuống mặt đường. Nắng ấm áp, dễ chịu xoa nhẹ nhàng trên da thịt chứ không gay gắt. Mùa Thu đến chậm, nhưng đã đến, bước từng bước nhẹ nhàng nhưng vững chãi, trái tim con người và cây cỏ đang rung động theo từng nhịp chuyển mùa.

Ông Kha đến sát bên cửa sổ kéo hẳn bức màn dẹp sang hai phía, nhìn ra bên ngoài. Con đường ngoằn ngoèo từ cửa nhà ông ra đến đường cái chính đang hiện ra dần dần dưới lớp sương tan. Những hàng cây trông xanh mướt đứng sắp hàng hai bên đường, thỉnh thoảng có chỗ lại chen vào một hai cây liễu, cành nhô ra hẳn bên ngoài như những cánh tay tinh nghịch, năm sáu cây phong đã bắt đầu thay áo đỏ, áo vàng. Có cây đang còn xanh tươi tự nhiên có một cành đỏ thẫm lạc lõng ở giữa giống như bức họa vụng về mà rất dễ thương của trẻ con. Bất chợt ở cuối đường ông bắt gặp một cây phong đã đỏ ối toàn thân, cây phong này chắc sốt ruột không chịu nổi sự níu kéo của mùa Hè nên đã vội đổi màu, trông giống như một thiếu nữ vừa may được cái áo đỏ phải mặc ngay vào rồi đi khoe với bạn, xong lại bẽn lẽn vì cái áo mới của mình nên chạy đứng riêng ra một chỗ. Ông mỉm cười với ý nghĩ cô áo đỏ trong đầu. Không biết cô Lynda hôm nay có mặc áo đỏ không?

Cô Lynda, mỗi tuần một lần đến giúp ông Kha đánh máy bản thảo của bộ Trường Thiên Tiểu Thuyết ông đang viết. Đó là ý kiến của bà Hân, khi ông Kha than là cổ tay bên phải của ông bị đau. Thật ra đó chỉ là một cái cớ để bà Hân chiều ông. Ông Kha mới bước vào tuổi sáu mươi, sức khỏe tốt, ông mới về hưu được hơn sáu tháng, ba tháng đầu thì ông lấy làm hài lòng lắm. Ngủ trễ, dậy muộn, tha hồ tự do, phóng khoáng với thời gian, không phải sáng sáng tất bật dậy và cả ngày nhìn vào cái đồng hồ nữa. Ông nghĩ là ông sẽ không làm gì cả ít nhất là một năm, sẽ không cả viết lách, ông cũng chẳng nghĩ đến đi du lịch, vì trong khi còn đi dậy học thì Hè nào mà ông chẳng đi, có khi ngay cả những dịp nghỉ mùa Xuân của học trò ông cũng tìm cách đi xa nữa. Ông nói đùa với bà Hân:

"Anh bây giờ sẽ là một người lười nhất nước, em liệu có đủ sức mà chiều anh không?"

Mà ông lười thật, ông tự ví mình chẳng khác gì một con đường sắt xuyên sơn ít khi dùng tới, cứ nằm đó ngắm nghía những mảng rêu xanh trên hai vách đá, xoi mói những cánh dơi đêm, rình rập để bắt quả tang những ngọn gió lẻn trốn trong những đường hầm, rồi cúi nhìn những rỉ sét trên chính thân mình một cách rất khách quan, con tầu muốn đến lúc nào thì đến, cái tiếng còi réo gọi từ xa vọng lại, cái âm vang xình xịch đưa tới, cái ngọn khói xanh lao đến quyến rũ vẫy vẫy thì lúc đó con đường sắt thức dậy vẫn vừa. Nhưng con đường sắt thì nằm muôn năm giữa rừng núi được chứ ông Kha ở nhà bắt đầu sang đến tháng thứ tư là ông thấy hết muốn làm một người lười nhất nước nữa.

Một buổi tối, trước khi ngủ, ông bỏ quyển sách xuống quay sang ôm vai bà Hân

"Em ạ, tuần tới anh sẽ bắt đầu viết lại, nghỉ thế đủ rồi."

Bà Hân giơ tay với tắt ngọn đèn, nằm sát vào ông, nhích người xuống thấp một chút để đầu bà vừa đúng vào giữa ngực ông (thói quen bà thường làm khi dỗ giấc ngủ) bà dụi dụi cái đầu mình vào ngực ông, nói trong giọng buồn ngủ.

"Em sẽ giúp anh một tay."

Bà giúp ông thật, nhưng không phải bằng một tay của bà mà bằng cả hai tay của cô Lynda, bà đăng báo kiếm cho ông một cô thư ký. Bà tự nhận thấy mình không còn trẻ nữa, người đàn bà ở tuổi ngoài năm mươi, dù có nhanh nhẹn, trẻ trung đến thế nào cũng không thể có cái tươi mát của một phụ nữ dưới bốn mươi được. Trong hai người đến xin việc bà đã chọn cô Lynda thay vì cô Tuyết.

Cô Tuyết cũng xấp xỉ tuổi cô Lynda, nhưng theo bà nếu mượn cô Tuyết bà lại lo hơn. Cô Tuyết có dáng người nhỏ bé, ăn nói dịu dàng, thông minh, cô không có cái nhan sắc bắt người đàn ông phải chú ý đến ngay lập tức khi mới gặp, nhưng cô có một sức quyến rũ ngầm, nếu người nào đã yêu quý cô rồi thì không thể dễ quên được, cô lại chưa lập gia đình lần nào. Tất cả những điều đó cộng lại, bà thấy hơi nguy hiểm, bà không muốn trái tim quả lựu của ông Kha lại mở ra để nhốt thêm vào một hình bóng nữa. Bà yêu ông, bà chỉ muốn cho ông được hưởng sự trẻ trung, tươi mát của đời sống hàng ngày để ông có hứng tiếp tục sáng tác. Bà không ghen tương, nếu ông có thèm muốn một rung động thể

xác mà bà không cho được đầy đủ, thì bà khe khắt với ông làm gì cái một thoáng phù du đó. Cụ Nguyễn Công Trứ ngày xưa ở tuổi bẩy mươi mà còn

Giang sơn một gánh giữa đồng
Thuyền quyên ứ hự anh hùng nhớ chăng?

Rồi cụ lại ru mình vào cái giây phút

Cười cười nói nói thẹn thùng! cơ mà.

Bà thấy đàn ông thật là một sinh vật đáng yêu, lúc nào họ cũng sôi động được, họ từ chối tuổi già, họ ưu đãi thể xác, thể xác muốn gì là họ tìm đủ mọi cách để chiều theo, nhưng họ lại chóng chán. Cứ bắt họ ngắm mãi một bông hoa hay uống mãi một giòng suối thì dù bông hoa có hợp mắt đến đâu chăng nữa, giòng suối có ngọt ngào đến thế nào cũng không làm họ say đắm mãi được. Họ vẫn muốn ghé vào một tiệm bán hoa giả để xem cái kỹ thuật tiểu xảo đạt đến chỗ tinh vi nào? Họ muốn uống một ngụm nước chảy ra ở cái vòi sắt để nếm một chút tanh tanh của kim loại, một chút nồng nồng của hóa chất xem cái lưỡi nó phản ứng làm sao? Cứ để họ thử, xá gì ba cái chuyện cỏn con đó -- Bà mỉm cười một mình và bà chọn cô Lynda làm thư ký cho ông. Những người bạn của bà, và cả chính ông Kha nữa cũng lấy là ngạc nhiên khi bà có quyết định đó. Ông nói với bà

"Có cậu Hoàng con anh Quý đã hứa đến giúp anh vào cuối tuần, em quên rồi à!"

Bà Hân gạt ngay đi

"Cậu đó không có nhanh nhẹn đâu, cứ để đấy bao giờ không có cô Lynda hãy tính."

Cô Lynda dáng người đẫy đà, nước da trắng, hơi thấp, cô trang điểm kỹ càng nước hoa sức ngào ngạt, cả người cô phát ra một sức sống ngồn ngộn, trông cô tươi mát như một quả táo chín mùi. Cô ly dị và có một đứa con ba tuổi. Tính nết cô dễ dàng, thật thà, nói trước quên sau. Hôm đầu tiên đến xin việc cô nói là cô đang bán hàng cho

TẤM HÌNH CŨ CỦA NGƯỜI LÍNH GIÀ

NGUYỄN MẠNH AN DÂN

Nhà gởi cho ta tấm hình nhập ngũ
Thằng bé hai mươi mặt sữa môi hồng
Đầu hớt ba phân mắt nhìn rất thẳng
Mặt rất nghiêm sao vẫn thấy khờ khờ.

Thằng bé ngày nào đã thành quan nhỏ
Khóc bao lần nhìn người chết chung quanh
Súng không bắn sợ trúng người chảy máu
Thơ viết bao trang nhớ mẹ nhớ nhà.

Chính kiến, hận thù người ta vẫn nói
Người lính nhìn đâu cũng thấy con người
Mong có súng ngưng, hòa bình, hoa nở
Để đám em thơ được hát và cười.

Chinh chiến bạo tàn cuốn người lính trẻ
Sạm nắng màu da, sạm trái tim hồng
Người lính đau lòng một lần chợt nghĩ
Đời dường như đâu phải chỉ yêu thương.

Người lính một ngày bàng hoàng sửng sốt
Thua ở đâu đâu bỗng thấy thân tù
Người ta nói: tội rất to, đáng chết
Nợ máu nhân dân, đất nước, giống nòi.

Người lính già bây giờ mới hiểu
Phải biết thù như từng đã biết thương
Đúng trăm chuyện trong cùm đành cúi mặt
Lũ hung nô đất thế hóa anh hùng.

Tù lâu quá nên trễ, chờ thanh lọc
Nhà gởi cho tấm ảnh để làm bằng
Người lính cả cười mặt ràng nước mắt
"Này chú em ơi, ráng cứu đàn anh".

một tiệm quần áo phụ nữ, được nghỉ ngày thứ năm, cô muốn kiếm thêm một chút tiền để may sắm và hơn nữa cô được biết ông Kha vừa là một nhà giáo, một nhà văn có tên tuổi, cô nói thêm:

"Nếu các bạn cô mà biết cô làm thư ký cho ông Kha thì chẳng mấy lúc mà cô cũng sẽ nổi tiếng."

Nói xong, thay vì nhìn bà Hân, cô lại quay sang ông Kha nở một nụ cười thật tươi trên cặp môi mọng tô son rất đỏ. Bà Hân bắt gặp một vẩy sáng bóng lên trong mắt ông cùng khoảnh khắc ông ngượng ngùng nhìn ra ngoài cửa sổ.

Con người thường do nhiều mảnh khác nhau chắp lại, nếu chỉ nhìn một vài mảnh của một người mà kết luận ngay toàn diện của người đó thì có thể hơi sai lệch. Những người thân thuộc, bạn hữu chỉ nhìn thấy ở ông Kha cái mảnh vui vẻ, đứng đắn hiền lành và đôi khi nghiêm túc của một nhà giáo. Nhưng cái mảnh đam mê, sôi động, cái ngọn lửa hỗn mang, lúc nào cũng chực bùng lên, trào ra, rồi cuốn đi như một cơn hồng thủy thì chỉ có bà Hân biết. Và ngọn lửa này, nó dai dẳng bền bỉ lắm, tuổi tác hầu như chẳng ảnh hưởng gì đến nó cả. Bà nghĩ nếu một ngày nào đó ông Kha không còn phức tạp, tàn rụi đam mê thì ông sẽ chẳng còn viết được một giòng chữ nào nữa.

Ông đang soạn bộ Trường Thiên Tiểu Thuyết, bà muốn giúp ông duy trì ngọn lửa hỗn mang đó. Nếu khả năng của bà đã hao hụt đi thì bà phải kiếm một người khác bù đắp vào. Cái khó khăn là, hiện bà có sẵn sàng (như bà nghĩ) quên mình đi trong một giai đoạn nào đó để đối diện với một trạng huống hết sức tế nhị mà phải yêu ông nhiều lắm thì mới thực hành được. Còn ông Kha thì sẽ như diều được nối thêm giây, ông tha hồ mà chao lượn, bà nhủ thầm. *Đàn ông mà... tiếc ông làm gì, để cho ông "giối già".*

Thế là bà quyết định thuê cô Lynda làm thư ký cho ông.

Bà Hân xếp túi thực phẩm vào thùng xe, đứng tần ngần nhìn một lúc rồi mới đóng thùng xe lại. Đã năm tuần liền bà đi chợ Việt Nam, nhà thì chỉ có hai người, nên mua bán càng lúc càng ít đi. Trước đây một tháng bà mới đi chợ Việt Nam một lần, từ ngày cô Lynda đến giúp việc cho ông Kha, cứ mỗi thứ Năm là bà tìm cách tránh mặt, để cho cả ông Kha và cô được tự nhiên. Bà nhớ tuần lễ đầu tiên bà có mặt ở nhà, tuy bà đã tránh sang buồng khác nhưng bà vẫn không thấy thoải mái, không lẽ lại nhốt mình nguyên ngày trong một căn phòng, mà đi ra đi vào thì lại có vẻ như là kiểm soát. Bà nhớ hôm đó bà ở luôn trong phòng của bà, đọc sách đến trưa, nhớ ra là phải dọn bữa cho ông Kha, bà mở cửa phòng đi xuống bếp, khi đi ngang buồng khách nơi ông Kha và cô Lynda đang làm việc, bà thấy cô đang cúi xuống đánh máy hình như vừa chợt gặp một câu gì thích thú, cô ngửa cổ ra đằng sau cười ròn tan, cái áo cô mặc, cổ áo khoét sâu quá mà cô lại rất tự nhiên cứ ưỡn cong người ra phía sau, mái tóc bồng bềnh của cô chạm cả vào cái tẩu thuốc của ông Kha, đang ngậm trên miệng, ông phải kéo ghế lui ra một chút đúng vào lúc bà Hân đi tới, bà trách thầm trong đầu. Nếu mình không đi ra khỏi phòng thì chưa chắc ông Kha đã phải kéo ghế lui ra. Để cho mọi sự được tốt đẹp bà nghĩ ra một giải pháp. Cứ hôm thứ Năm cô Lynda đến thì bà tìm cách đi vắng nguyên ngày.

Đã hơn một tháng nay, tuần nào đi chợ xong bà cũng ghé lại nhà bà Lan, một người bạn thân ở gần khu phố chợ, hôm nay không lẽ lại ghé nữa, bà thấy ngại quá, bà lên xe, mở máy không biết rõ mình sẽ ghé về đâu cho hết ngày.

Thực tâm bà cũng tránh không muốn gặp bà Lan, vì sang đến tuần lễ thứ ba, bà đã bắt đầu bối rối với những câu nói của bạn, bà đã mất đi một chút ít tự tin khi nghe bà Lan nói:

"Anh Kha đang đùa với lửa, nhưng chính chị sẽ là người bị bỏng" hoặc "Chị đi tránh ai? Chị sợ nhìn thấy cái yếu đuối của anh Kha hay cái yếu đuối của chị" Rồi mới tuần trước đây khi tiễn bà Hân ra xe, sau khi ân cần mời bà ghé lại thứ Năm tuần tới bà Lan nói với giọng pha một chút mỉa mai kín đáo "Chị Hân ơi! Đừng tự cho mình là người phi thường, rồi chị cũng sẽ đau đớn, cũng ghen tương như tất cả những người đàn bà bình thường khác thôi".

Chiếc xe đi ra ngoài thành phố, dọc theo con đường dẫn đến một bờ sông, nước như đang ngả nghiêng theo từng đợt sóng, mây sà xuống ôm ngang đầu những đỉnh núi, thỉnh thoảng một cánh chim đen bay vụt lên từ mặt đất như muốn giựt lấy một cụm mây rồi lại đâm bổ ngay xuống. Hai hàng cây Aspen với những chiếc lá nhỏ đã ngả mầu vàng diệp đang lao xao vẫy vẫy trong làn gió nhẹ, từng đám lá bay tròn trên không rồi thi nhau rơi cùng một lúc,... tắp dọc vào hai bên lề đường trông xa như một giòng sơn vàng ai đổ, chẩy dài đến cuối con đường. Chiếc xe đi theo giòng sơn vàng đến tận vệt mỏng cuối rồi lại ngơ ngác không biết rẽ về đâu...

Cô Lynda xô ghế đứng dậy, cánh tay trần của cô chạm vào trán ông Kha, chiếc váy ngắn ngồi lâu, gấp nếp trông lại càng ngắn hơn, cô có cái dáng đi uốn éo của một con mèo cái, chiếc mông tròn của cô bóng lộn dưới lớp vải sa tanh đen, cô đi qua, đi lại chung quanh cái ghế của ông Kha, như một con mèo đang vờn con chuột. Ông Kha tháo kính xuống, lấy mùi xoa lau lau rồi lại đeo lên mắt. Cô ngồi ngay vào lòng ông, cô đẩy đà thế mà sao ông Kha thấy cô nhẹ như một mớ bông gòn. Cô vít đầu ông sát vào cổ cô, cái tẩu

thuốc ông đang ngậm trên môi tắt ngấm.

Chiếc xe bỏ bờ sông đi trở về thành phố, chốc chốc lại ngơ ngác dừng lại giữa đường, bối rối với vận tốc. Có tiếng bánh cao su rít trên mặt đường nhựa, có bàn tay thò ra chỉ lên những ngọn đèn xanh rờn rợn trước mặt. Có tiếng thắng sát một bên hông, hai ba cái đầu nhô ra chỉ chỏ ngọn đèn đỏ như những con mắt của hung thần, tiếng còi inh ỏi vang lên bốn phía. Chiếc xe tấp vào lề, tắt máy, gục đầu vào bóng của một cây phong đang trút lá. Lá phong như một tấm chăn đỏ từ trên cao tung xuống phủ kín chiếc xe.

Cô Lynda đứng thẳng người, giơ hai tay lên cao, uỡn ngực về phía trước, rồi lại cúi khom lưng xuống, với tay chạm vào mũi giầy, cô đang làm một động tác thể dục ngay trước mặt ông Kha. Hai cánh tay trắng nõn của cô như cặp cánh thiên nga, uốn éo, múa lượn. Cả thân mình cô như một con trăn đang quần quại để chuẩn bị nuốt chửng một con mồi. Ông Kha giơ hai tay ra đỡ gọn thân cô, nhấc bổng cô lên, hai mũi giầy nhọn của cô va vào ống chân ông. Cả thân người cô ngã vào ông, hai người ngã xuống salon, ông Kha xoay người lên trên, ông với tay kéo tấm màn cửa sổ, khép lại.

Chiếc xe đâm thẳng ra xa lộ, cây cối nhà cửa, tất cả, như chạy giật lùi lại hai bên đường với một tốc độ không rõ rệt. Buổi chiều đang xuống bên kia dẫy núi, mặt trời như một chiếc mâm đồng rực rỡ được treo lơ lửng trên cao bằng một sợi giây trong suốt, thả chầm chậm xuống đỉnh núi, rồi khuất hẳn sau lưng dẫy núi, hắt ngược lên một vầng ánh sáng đỏ au trải dài suốt một đường chân trời. Chiếc xe bồng bềnh lăn về phía mặt trời lặn, như một con ngựa quen đường, trước sau cũng về đến nơi nó phải về.

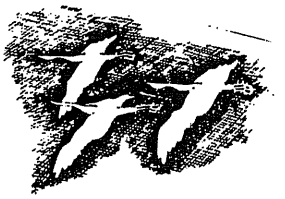

TRỞ LẠI HOUSTON Ở ĐƯỜNG GRAYWOOD VỚI LÊ VĂN HÀO

DU TỬ LÊ

nhờ em tôi biết cuộc đời
biết mưa còn ở trên môi tháng, ngày
nhờ em chim mới biết... bay
ngang qua cổ tích. Thả đầy hạt kinh
nhờ em tôi mới biết mình
đa mang tuổi mẹ thọ hình lỗi cha
nhờ em trời lợp mái nhà
đất di truyền nhớ thương hoa lên cành
nhờ em thác ngủ đầu ghềnh
như tôi được chết hiền lành trong em.

Tiếng nước chảy ào từ bông sen, tiếng cười ròn như thủy tinh vỡ, hơi nước nóng bốc ra như một tấm màn sương đặc, mái tóc đen, bờ vai trắng, khuôn mặt tươi như một đóa hoa được ngâm trong nước, nở tung ra từng cánh. Hai chiếc bóng chập vào nhau, rồi lại buông ra, đuổi bắt nhau như hai chiếc bóng đuổi nhau trên chiếc đèn kéo quân, cái vòng tròn không bao giờ biết mệt, nó chỉ ngừng chạy khi hết sức nóng. Cô Lynda giơ tay tắt vòi nước ông Kha lau khô những giọt nước còn đọng trên đóa hoa, cúi xuống đặt lên môi cô một nụ hôn.

Chiếc xe đi vào garage, bà Hân tắt máy, ngồi yên, ông Kha đang nghe tin tức trước máy truyền hình chạy ra đón bà, ông nhanh nhẹn đến mở cửa xe, đón lấy chìa khóa ở tay bà

"Để anh đem thực phẩm vào cho em."

Bà Hân bước ra khỏi xe, ôm ngang ông, ông đứng nguyên một lúc để bà ôm rồi mới đi đến cuối xe, ông vừa đi được hai, ba bước thì bà lại kéo ông đứng lại, ôm lấy ông lần nữa, bà dụi mũi vào ngực ông, hít một hơi dài, bà muốn tìm một mùi hương lạ trên áo ông, ông vô tình cúi xuống thùng xe, lấy gói thực phẩm ra, đi thẳng vào trong bếp.

Bà nhớ, những lần trước, cứ bao giờ bà đi ra ngoài ngày thứ Năm, khi trở về, ông thường đứng yên để bà ôm, xong ông lại lấy ngón tay ấn ấn lên mũi bà, nheo mắt nhìn bà trêu trọc với ngụ ý *"Cái điều em dự tính chưa xảy ra đâu!"* Sao hôm nay ông không làm như thế. Bà ấm

ức "*Hừ, biết ngay mà, đâu có dám nhìn vào mắt mình*". Lúc đi qua phòng khách đi vào buồng thay áo bà thấy chiếc màn cửa sổ đã được kéo lại sát hai bên, chiếc chăn len mỏng vẫn vắt ngang lưng ghế salon đã được xếp lại thẳng thắn ngay ngắn, mọi thứ vẫn ngăn nắp như trước khi bà đi ra khỏi nhà. Bà lại ấm ức "*Hừ, khéo thu dọn đâu vào đấy thực!*"

Bà vào buồng ngủ, chưa thay áo vội, bà đưa mắt nhìn chung quanh gian phòng, bà biết ông Kha không bao giờ nỡ đưa cô thư ký lên chiếc giường ngủ của hai ông bà, nhưng bà vẫn muốn nhìn thật kỹ. Bà tiến đến trước cửa buồng tắm, bà không dám bước vào vội, bà sợ phải đối diện với sự phũ phàng!. Nước sẽ bắn cả ra ngoài sàn, khăn tắm sẽ ẩm ướt mỗi nơi một cái, hộp khăn giấy sẽ nổ tung ra, những miếng xà bông sẽ lăn lóc. Bà đứng tựa lưng vào tường, nước mắt ứa ra, bà tự trách mình quá yếu đuối, hẹp hòi. Chính bà đã xếp đặt cho cô Lynda đến giúp việc cho ông, bà đã tránh mặt để ông tự do muốn làm gì thì làm, bà đã nhủ với lòng là bà sẽ hy sinh để ông được "*giối già*" Thế mà khi sự việc xẩy ra như ý bà muốn, thì bà lại không cầm lòng được, bà không kiểm soát được chính mình. Sự xúc động làm nhiệt độ trong người bà tăng lên, bà cảm thấy như mình đang lên cơn sốt, hai thái dương bà giật mạnh, cổ họng bà khô ran, bụng quặn thắt và nước mắt cứ ứa ra. Bà không đủ can đảm mở cửa buồng tắm bước vào, bà để nguyên cả giầy, lên giường, kéo chăn sát tận cổ, với tay lấy cái gối đậy úp lên mặt. Bà thấy cô đơn, trống trải quá, bà cần tìm một chỗ để tựa, để ẩn trốn. Bà trách ông thì ít, mà bà giận chính mình thì nhiều, bà rên rỉ trong đầu "*Ta cũng chỉ là người đàn bà bình thường như trăm ngàn người đàn bà khác, ta thử thách chính ta mà ta không biết, ta cứ tưởng là tình yêu sẽ làm con người trở nên to tát, cao thượng hơn, thật sự nó vẫn chỉ là một chiếm đoạt ích kỷ và không thể nào đem chia sẻ cho ai được*".

Bà bỗng hốt hoảng, lo sợ -- Nhỡ ông Kha mê đắm cô Lynda không dứt ra được thì bà phải phản ứng ra sao?

Ông Kha nghe xong bản tin buổi chiều, xuống bếp tìm bà Hân, ông nghĩ là bà đang sửa soạn bữa ăn. Đèn lửa tối đen, lạnh ngắt, điều này rất hiếm xẩy ra, bà Hân là người nội trợ chu đáo, lúc nào cũng cho ông ăn đúng bữa. Hôm nay bà về hơi trễ, ông cứ tưởng là bà đang cuống lên tay dao, tay thớt, ông muốn xuống phụ bà một tay. Chẳng thấy bà đâu, ông rón rén đi vào phòng ngủ, thấy bà nằm đắp chăn, úp gối lên mặt, đôi chân thò ra ngoài, chân vẫn còn nguyên cả giầy, ông ngồi ghé vào giường tháo giầy hộ bà lo lắng hỏi

"Em làm sao vậy, có ốm không đó?"

Không thấy bà Hân trả lời, ông kéo chiếc gối trên mặt bà xuống. Mặt bà đỏ bừng, nước mắt, nước mũi ràn rụa, ông hốt hoảng đặt tay lên trán bà.

"Em bị cảm rồi, để anh lấy thuốc cho em uống."

Ông đi ra ngoài đem vào cho bà một ly trà nóng và viên thuốc cảm, ông nâng đầu bà dậy, đặt dựa vào ngực mình, đưa viên thuốc vào miệng bà.

"Thôi, hôm nay em đừng nấu cơm nữa, để anh xuống bếp đặt nồi cháo ăn cùng với em. Anh cũng muốn ăn một món nhẹ, anh không thấy đói lắm."

Bà lại ấm ức "*Hừ, cần gì ăn nữa, no đủ quá rồi mà!*" Bà nằm im lặng không trả lời.

Ông đặt đầu bà xuống gối, rồi nằm luôn bên cạnh, nói chuyện với bà bằng một giọng chậm rãi.

"Em ạ! Cuối tuần này anh sẽ gọi cậu Hoàng, con anh Quý đến giúp anh mỗi thứ Bảy, anh muốn em cho cô Lynda nghỉ việc, em trả thêm cho cô ta một tháng lương, anh thấy không cần cô nữa, cô đánh máy chậm mà lại sai nhiều quá, anh cứ phải sửa hoài, thật là mất thời giờ."

Bà Hân lại ấm ức "*Hừ, rõ khéo đóng kịch, chắc lại đem nhau đi chỗ khác chứ gì*".

Giọng ông Kha vẫn chậm rãi, đều đều

"Sáng nay, cô Lynda không đến, cô gọi điện thoại nói, con ốm."

Bà Hân ngồi bật ngay dậy, hỏi lại

"Cả ngày hôm nay cô không đến?"

"Không, anh đánh máy lấy, tay đau mà còn nhanh hơn cô ấy nhiều."

Bà nhanh nhẹn, tung chăn xuống giường đi vào buồng tắm

Bộ khăn lông mầu xanh bà treo sáng nay vẫn y nguyên trên máng, hộp khăn giấy vẫn nằm ở chỗ cũ, những cục xà phòng vẫn ngoan ngoãn trong đĩa, sàn buồng tắm sạch bóng, không một giọt nước. Bà vuốt tay lên tường, mặt đá khô ran, mát lạnh. Ông Kha vẫn giữ thói quen chỉ tắm trước khi đi ngủ. Bà đưa tay để lên ngực, phía trái tim, thở ra một hơi dài, bà khép nhẹ mắt lại, hai giọt lệ long lanh ứa ra ở khóe mắt, bà khe khẽ đóng cửa buồng tắm lại.

Bà tới giường, xà xuống, ôm ngang ông, đặt đầu vào ngực ông, nói:

"Để em đi nấu cơm anh xơi."

"Em đang ốm mà."

"Không, em khỏi rồi."

Bà lắng nghe tiếng tim đập đều nhịp trong ngực ông, giơ tay kiếm bàn tay ông, xiết nhẹ.

Ông nhích người nhường chỗ cho bà, kéo bà nằm hẳn vào giường, xoa xoa lên lưng bà giọng dỗ dành.

"Em ngủ một giấc đi, anh không cần ăn uống gì, cũng không cần cả đến cô thư ký nữa."

Bên ngoài cửa sổ, ngày đã thật sự tan theo cùng nắng.

Nov. 91

TÒA LÂU ĐÀI CỔ

KHÁNH TRƯỜNG

Con đường quanh co từ chân đồi dẫn lên tòa nhà cổ chỉ đủ rộng cho một chiếc xe hơi loại nhỏ di chuyển. Nhưng hình như chưa bao giờ người ta sử dụng phương tiện cơ khí trên con đường này. Cỏ xanh mọc tràn, có chỗ gần như lấp gần trọn mặt lộ, chỉ chừa một lối đi nhỏ mòn nhẵn dấu chân bộ hành. Tôi dừng lại ở lưng chừng đồi, nhìn xuống. Xa lộ nằm bên dưới, âm âm nắng dịu. Xa hơn, cánh đồng mênh mông xanh mướt. Xa hơn nữa, những cao ốc hiện đại vươn lên chọc thủng nền trời màu chì đục. Tôi thở. Mệt nhọc. Đã lâu lắm chưa có dịp đi bộ, đôi chân bỏ quên vận động mỏi nhừ, đau nhức. Hôm qua, khi chia tay với người đàn bà, tôi đã tỏ ra tự tin: "Đừng lo, tôi đến được, dẫu gì cũng có thời tôi sống trong quân ngũ, đơn vị tác chiến hẳn hòi. Một ngọn đồi nhỏ, ồ, chẳng đáng kể.". Bây giờ tôi mới biết mình lầm, mới thấy sinh lực tuổi trẻ đã bỏ tôi ra đi từ lâu, và đời sống tiện nghi trên cái xứ sở thặmg dư tiện nghi này đã gần như biến tôi thành kẻ... tật nguyền. Bỗng nhớ đến hình ảnh những người đàn bà Tàu trong truyện cổ. Những người đàn bà từ lúc sinh ra đã bị bó chân trong những dãi lụa mềm, đến teo tóp, đến không thể di chuyển vững chãi trên một đất, nếu không có sự nâng đỡ của kẻ khác. Hai bàn chân trẻ con trên thân xác một người trưởng thành! Đó là biểu tượng của quyền thế giàu sang, của vật chất dư thừa. Những tiện nghi hiện đại, những chiếc xe bóng loáng, những cầu thang máy sạch tinh, những thước "rulô" lăn chậm, phải chăng cũng giống như những dãi lụa mềm trong truyện cổ? Tôi bật cười, nhìn xuống đôi chân của mình, có cảm tưởng chúng nhỏ lại một cách đáng thương.

Búng mẩu thuốc tàn vào lùm bụi bên cạnh, tôi tiếp tục đi lên. Ngôi nhà cổ thấp thoáng ẩn hiện trong rừng cây xanh. Bầu trời vẫn xám đục màu chì, nhưng ửng sáng hơn. Có lẽ đã quá trưa. Vén tay áo xem đồng hồ. Một giờ chiều. Người đàn bà nói: "Tôi sẽ chờ... Nếu anh không đến... Có lẽ chúng ta không còn cơ hội gặp nhau". Tôi quả quyết: "Thể nào tôi cũng đến". Người đàn bà nhìn, trong ánh mắt có một vẻ gì không thể diễn tả. Một nỗi e ngại? Một tia nghi hoặc? Một thách thức? Có thể là tất cả. Có thể người đàn bà nửa muốn tôi đến, nửa không. Chính tia nhìn kỳ lạ kia đã thúc đẩy tôi quyết định: bằng bất cứ giá nào, sẽ tìm gặp người đàn bà. Cả đêm tôi không chợp mắt, một phần, lạ chỗ, lạ khí hậu, một phần nữa, cuộc gặp gỡ tình cờ với người đàn bà khiến tôi hoang mang. Tôi tự hỏi nhiều lần, bà ta là một người bằng xương bằng thịt, có thật, hay chỉ sản sinh từ đầu óc hoang tưởng của tôi? Tôi thường không cách nào phân định được rõ rệt thật, giả những sự việc từng xảy đến với tôi vào một thời điểm nào đó. Tháng trước, tôi lái xe vượt gần năm trăm dặm đến một thành phố phía Bắc, mang theo quần áo, giày vớ, và món quà tặng là tấm sơn dầu cỡ lớn, tác phẩm được tôi thực hiện với nhiều tâm

huyết, bởi cứ đinh ninh nửa tháng trước có nhận được tấm thiệp báo hỉ của thằng bạn thân nhất, quen nhau từ ấu thời. Và hôm đó, chính hôm đó, đúng sáu giờ chiều (tôi nhớ như in con số 06 màu nâu sẫm nằm rõ ràng trên nền giấy lụa sang trọng), hắn sẽ "làm lại cuộc đời" với vị hôn thê mới bằng một đám cưới, được tổ chức trọng thể tại một nhà hàng nằm ở ngoại vi thành phố nhỏ này, nơi tôi đã cùng hắn đến ăn tối nhiều lần vào những năm trước kia, thuở tôi còn cư ngụ ở đó. Đến nơi, nhìn đồng hồ chỉ còn một tiếng nữa cuộc lễ bắt đầu, tôi tìm khách sạn thuê phòng rồi vội vã tắm rửa qua quít, đóng ngay bộ đồ vía vào người, xong ung dung xuống đường lấy xe ra đi. Trên đường, tôi không khỏi thắc mắc, thằng bạn đã vợ con hẳn hòi, rất hạnh phúc, chẳng hiểu bởi nguyên nhân nào chúng nó xa nhau, để bây giờ tục huyền? Nhưng rồi tự nhủ: mấy năm gần đây tôi sống tách biệt hẳn với mọi người. Ngay cả Huân, thằng bạn thân nhất này, tôi cũng gần như không hề liên lạc. Có những biến cố, chỉ ngày hôm trước, hôm sau đã đổi lệch cả một hướng đời, huống gì bao nhiêu năm! "vật đổi sao dời" âu cũng chuyện bình thường. Sau khi đưa xe vào chỗ đậu, tôi vội vã bước vào nhà hàng. Lạ, đây là một restaurant nhỏ, lẽ ra phải có dấu hiệu nhộn nhịp nếu đang tổ chức đám cưới chứ. Phòng ăn vắng tanh vắng ngắc, lát đát vài bàn có khách. Còn thì từ thâu ngân đến bồi bếp đều tỏ ra nhàn hạ. Tôi bước hẳn vào bên trong. Một người bồi niềm nở: "Mấy người, thưa ông?". "Xin lỗi, hôm nay có đám cưới của...". "Không ạ". "Lạ nhỉ, tôi có nhận được thiệp mời...". "Có lẽ ông lầm với một nhà hàng nào khác". Tôi lúng túng xin lỗi người bồi, quay ra. Về đến khách sạn, tôi lục tìm số điện thoại của thằng bạn, gọi. Hắn vẫn ở chỗ cũ, và vẫn... vợ con đề huề, lại vừa sinh thêm một cháu gái, tháng tới, giáp năm! Tôi hỏi hắn về chuyện cái thiệp mời. Hắn tỏ vẻ ngạc nhiên: "Hoặc có đứa nào nó phá chơi, hoặc mày đang... mơ ngủ", thằng bạn kết luận. Từ lần đó, tôi đâm ra nghi ngờ khả năng nhận thức của mình về những sự việc xảy ra chung quanh.

Tôi tiếp tục đi lên. Con đường nhỏ càng lúc càng quanh co và thu hẹp dần, đến nỗi nhiều đoạn cỏ phủ kín. Thêm vài lần dừng chân nghỉ mệt, cuối cùng tôi cũng đã đứng trước vòm cổng hình bán nguyệt dẫn vào ngôi nhà cổ. Chung quanh vòm cổng, những vòng hoa văn đắp nổi viền quanh, có chỗ đã sứt mẻ, trơ những viên gạch nâu sẫm phủ rêu. Hai cánh cửa bằng gỗ với hai khoen sắt lớn khép im ỉm. Tôi dừng lại một lát khá lâu trước hai cánh cửa. Ngôi nhà có vẻ hoang phế. Người đàn bà ngày hôm qua có thật? Và bà ta đang cư ngụ tại đây? Tôi lại tự hỏi. Chắc chắn phải thật chứ, nếu không, làm sao tôi biết được cái địa chỉ này? Đưa mắt nhìn quanh, tôi nhìn thấy một sợi dây thòng xuống bên cạnh. Có lẽ dây chuông. Tôi bước tới, với tay níu sợi dây, giật mạnh. Không một tiếng động nào vang lên phía trong. Tôi tiếp tục kéo sợi dây thêm vài lần rồi buông tay đứng chờ.

Tôi không chờ lâu. Hai cánh cửa xịch mở, chậm chạp. Tiếng bản lề khô dầu kèn kẹt như tiếng nghiến răng được khuếch đại. Lướt mắt tìm kiếm, chẳng có bóng người nào. Tôi bước qua vòm cổng, vào hẳn bên trong. Vẫn vắng lặng. Chẳng lẽ hai cánh cổng được điều khiển bằng Remote? Phương tiện điện tử hiện đại bên cạnh cái dây chuông của thế kỷ thứ mười bảy? Chủ nhân muốn chơi trò gì đây? Nhưng tôi không có thì giờ thắc mắc lâu, từ trên bật thềm cao của tòa nhà, người đàn bà hiện ra, rực rỡ trong chiếc áo dạ vũ phủ xòe quanh người. Bà ta bước xuống, lướt về phía tôi, nghiêng đầu:

- Té ra ông đến thật"

- Tôi đã hứa.

- Mời ông. Tôi không nghĩ ông sẽ đến.

- Tôi đã nói đến là đến. Chưa bao giờ tôi thất hứa với ai.

- Cảm ơn ông. Mời.

Người đàn bà xoay lưng trở vào. Tôi bước theo. Mùi nước hoa nồng trong không khí. Nhìn phía sau, tôi không nghĩ người đàn bà đã xấp xỉ năm mươi như bà ta từng thố lộ. Phiến lưng thẳng, chiếc áo dạ vũ khoét thấp vòng cổ, phơi trần một phần da thịt, từ chiếc cổ tròn trắng muốt đổ xỏa xuống hai vai thon, khép dần đến vòng eo, đường trũng giữa cột sống mịt mướt, tôi như nhìn thấy những sợi lông tơ vàng óng. Bước chân người đàn bà nhẹ nhàng, như lướt trên mặt thảm êm, không gây một tiếng động nhỏ. Lên đến bật thềm trên cùng, hai cánh cửa dẫn vào tòa nhà lại tự động xịch mở. Người đàn bà hơi chậm bước đợi tôi đến cạnh, rồi một cách tự nhiên, bà ta lòn tay vào cánh tay tôi, sóng đôi. Tiếng nhạc từ những chiếc loa dấu kín đâu đó trong căn phòng rộng thả vào không khí một điệu nhạc trầm, thật nhẹ. Trên trần cao, những chùm đèn sáng lóa thủy tinh, những bức tranh cổ yên vị trong khung thép vàng cách khoảng quanh tường, mỗi góc phòng một bệ đá với những pho tượng bằng đồng đen. Khí hậu không lạnh lắm nhưng lò sưởi vẫn cháy sáng, tiếng củi khô nổ lách tách. Tôi ngỡ ngàng. Hoạt cảnh có vẻ như trong một đoạn phim nào đó đã từng xem. Người đàn bà quay người cười với tôi:

- Buổi tiệc hôm nay dành đón tiếp ông.

- Ủ, tôi không ngờ...

- Có gì đâu, chuyện nhỏ mà.

Người đàn bà đưa tay mời tôi ngồi xuống chiếc ghế có lưng tựa cao quá đầu, chạm trổ công phu những hoa văn lên nước bóng loáng. Trước mặt tôi, mặt bàn cẩm thạch rộng mênh mông ăm ắp thức ăn đựng trong những dĩa lớn. Người đàn bà

ngồi xuống chiếc ghế đối diện, bà ta cầm chai rượu ướp trong xô đá rót vào hai cái ly, đẩy một cái về phía tôi:

- Mời ông.

- Mời bà.

Tôi nâng ly rượu, nhấp một ngụm nhỏ. Đặt ly xuống bàn, tôi nhìn người đàn bà:

- Xin lỗi, tôi có hơi tò mò... Bà ở đây một mình?

- Một mình.

Người đàn bà trở lời, đôi mắt thoáng chút âm u:

- Với lũ đồ đạt cổ lỗ lạnh lẽo này, với khu vườn hoang phế ngoài kia, với tiếng gió hú trên mái vào những đêm khuya. Đôi lúc, tôi có cảm tưởng mình là một cái xác sống, trong một nhà mồ. Ông nghĩ, có phải vậy không?

- Hình như bà muốn thế.

- Không muốn cũng không được. Nào phải người ta tự chọn cho mình thế sống như ý được đâu. Định mệnh luôn luôn tham dự vào cuộc đời mỗi chúng ta. Bốn mươi chín năm nay, kể từ lúc sinh ra cho đến bây giờ, tôi gắn chặt với ngôi nhà này. Bố mẹ tôi đã chết, anh em phân tán, họa hoằn lắm mới có một hai người ghé về, như ghé vào quán trọ, rồi lại ra đi, mất tăm... Ba năm, năm năm, biền biệt không lời thăm hỏi. Hình như cả cuộc đời tôi là một chuỗi dài những chờ đợi. Tuổi nhỏ, chờ trưởng thành. Lớn lên, chờ về nhà chồng. Xuân xanh qua đi, chờ người thân thích... Và bây giờ, chờ chết... Ông thấy không? Chờ đợi... Chờ đợi...

- Tại bà không bước ra ngoài. Tại bà tách khỏi đời sống.

- Tôi có tách đâu. Tôi vẫn sống, vẫn liên hệ với cuộc đời đó chứ.

- Bằng những vòng tường vây quanh, nghĩa đen và cả nghĩa bóng? Đó đâu phải tham dự. Bà chỉ đứng bên lề cuộc đời, nhìn nó trôi qua...

- Ông bảo tôi phải làm thế nào?

- Tự bà phải biết chứ. Tôi có cảm tưởng dù đang ngồi trước mặt, nhưng bà không có

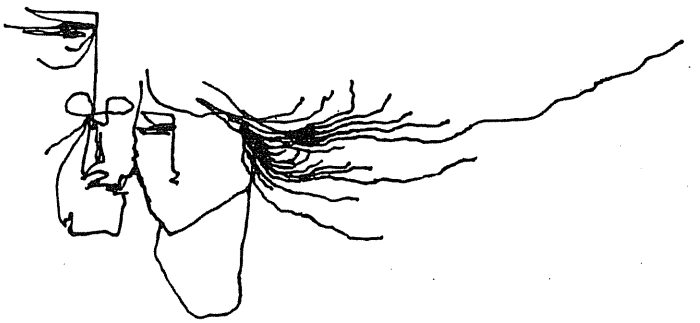

TÀN PHAI

NGUYỄN MẠNH TRINH

Ta mưa lạ mùa đông hiếm củi
Tâm bụi tro mặt lấm mốt mai
rêu hoang mọc bước chân đi lạc
lẫn lộn hoài hiện tại, tương lai.

Đã lưu lạc triệu năm lịch sử
muôn biến kinh chưa dãi tấm lòng
lời vô thanh và chữ vô tự
sóng vỗ hoài ghềnh bủa bến sông.

Ta mùa xuân đời qua vội vã
Chưa phơi hong kỷ niệm cất riêng
hòn bi nâu đôi mắt mệt lả
leo dốc đời vách dựng chưa nghiêng.

Đã bấc chướng về từ quá khứ
nội cỏ ngút ngàn vó ngựa hồng
ý đóng khung bờ tường ngôn ngữ
sáng với chiều đối mặt hư không

Ta vấn nạn cuối trời tận đất
viết cho ai hay viết cho mình?
đêm gói kín nỗi niềm thu chật
tưởng cuộc vui bóng chạy bắt hình

Đã giấy trắng còn nguyên gạch kẻ
con đường này có dấu chân người?
rừng trí tưởng thâm u ngạo nghễ
dấu rìu còn, lời ý, rụng rơi.

Ta quay quẩn bệ quỳ xưng tội
thánh giá còn vết sẹo trên vai
nụ gai mòn dấu trong góc đợi
mầu mực loang trên giấy tàn phai

Tháng 12, 1991

thật. Bà là một cái gì đó thuộc về dĩ vãng, một cái bóng, một nhân vật hư cấu.

- Hư cấu? Ông nói tôi không hiểu. Ai hư cấu? Thượng đế hư cấu ra tôi hay tôi là hư cấu trong đầu óc ông.

- Bà không có thật...

Tôi lặp lại. Người đàn bà nhìn xoáy về phía tôi. Tia nhìn nghi hoặc:

- Này... Ông có vẻ không được bình thường.

- Trong hai chúng ta, phải có một người không được bình thường...

Người đàn bà bỗng cười phá. Tiếng cười vang dội, tiếng cười lay động chùm đèn trên trần nhà, ánh sáng chao đảo. Màu rượu trong chiếc ly như sẫm hơn, sóng sánh. Ngoài khung cửa sổ, bầu trời chợt tối sầm. Những cuộn mây ùn lên từ chân trời, phút chốc đen ngòm, và mưa, sầm sập đổ chụp xuống. Căn phòng chìm trong tiếng mưa, ầm ào. Người đàn bà đứng lên, chiếc áo dạ hội bỗng rệu rã, rụng dần xuống chân, Tôi kinh ngạc nhìn người đàn bà chỉ trong thoáng chốc trở nên trần truồng. Bà ba đứng bất động trước một tôi, không một mảnh vải. Lúc nãy, ngoài cổng, tôi đã nhìn thấy tấm lưng trần quá nửa của người đàn bà, và nghĩ đó tấm lưng của một người con gái. Bây giờ, nhìn từ phía trước, ý nghĩ đó càng được xác quyết. Ngoại trừ ánh nhìn già cỗi, thân thể này chưa qua khỏi tuổi ba mươi. Đẹp một vẻ đẹp đầy dụ hoặc. Tôi chưa kịp xúc động thì người đàn bà bỗng rùng mình, trong khoảnh khắc, giống như chiếc áo dạ vũ, người đàn bà dần rệu rã, cuối cùng chỉ như một bộ xương khô, được khoát bên ngoài bằng tấm da nheo nhúm, bèo nhèo. Tôi kinh hoàng đứng bật dậy. Người đàn bà khẻ lắc đầu:

- Thời gian, ông thấy không, thời gian...

Tôi xô ghế nhắm hướng cửa chạy ra. Sau lưng, tiếng nói của người đàn bà vói theo:

- Thời gian... Thời gian...

Tiếng nói vang lớn, lồng lộng, át cả tiếng mưa. Hành lang sũng nước. Tôi bước xuống. Mặt đất lầy lội dưới chân. Mưa xối xả, mưa đâm thẳng những mũi nhọn buốt rát da mặt. Ra đến vòm cổng, tôi đưa tay kéo vội cánh cửa gỗ. Cánh cửa trơ trơ không lay chuyển. Nhìn lui, người đàn bà đã đứng phía sau lưng. Hai hố mắt sâu hoắm, đôi chân mày giao nhau, bạc trắng, chiếc mũi khoằm trên hốc miệng móp méo chỉ còn trơ nướu. Giọng cười sằng sặc:

- Thời gian... ha.. ha... Thời gian... ha... ha... ha...

Người đàn bà đưa cánh tay khẳng khiu vói về phía tôi.

- Thời gian...

Tiếng nói của người đàn bà vẫn còn vang động trong căn phòng khi tôi tỉnh dậy. Mồ hôi đẫm ướt lưng áo. Tôi nhỏm người ngồi lên. Đêm chưa qua, bên ngoài trời còn tối mù. Ngọn đèn ngủ hiu hắt. Nhịp tim đập loạn. Tôi bước ra khỏi giường đến tủ lạnh tìm vỉ đá, rót một ly rượu đầy, uống cạn. Bậy quá. Tôi lắc mạnh đầu. Tim vẫn còn đập, đầu nặng như đeo chì, tôi trở lại giường ngả lưng nằm xuống, biết, sẽ còn rất lâu mới ngủ lại được.

Có tí liên hệ nào không giữa người đàn bà tôi gặp sáng hôm qua ở viện bảo tàng với người đàn bà trong mơ? Vẫn khuôn một đó, vẫn khuôn mặt mới thoạt nhìn, tôi đã có ngay cảm tưởng hoang mang thế nào. Khuôn mặt hình như tương phản một cách kỳ cục với phong cách rất mệnh phụ của một người chắc chắn đã đứng tuổi.

- Xin lỗi, ông người Nhật?

- Thưa bà, không, tôi Việt Nam.

- Ồ, Việt Nam...

Người đàn bà đã đứng bên cạnh tôi từ bao giờ. Đôi mắt nâu, hai gò má trắng hồng, sóng mũi cao, đôi môi ướt màu son nhạt, mái tóc vấn cao phơi ngấn cổ thuôn dài, đổ xuống hai vai trần.

- Còn bà?

Bà ta cười, nụ cười bung nở đôi hàm răng đều

- Ông thử đoán xem.

- Bà Á Châu, nhưng có lẽ không phải cùng chủng tộc với tôi.

Bà ta tiếp tục giữ nụ cười trên môi:

- Nhật, Tàu, Đại Hàn, Mã lai?...

- Tôi dốt về vụ này lắm...

- Thôi được, chẳng có gì quan trọng. Này, ông nghĩ thế nào về cái kiệt tác kia. Người ta đã tốn không biết bao nhiêu giấy mực vì nó đấy, nhất là cái nhếch môi kia?

- Đẹp, dĩ nhiên rồi, và công phu nữa, cũng dĩ nhiên rồi. Nhưng tôi nghĩ người ta đã đi hơi quá khi dựng chung quanh tác phẩm những huyền thoại gần như hoang đường.

- Ông vẫn chưa trả lời tôi về cái nhếch môi...

- Theo tôi, cũng chẳng... có gì ghê gớm.

Người đàn bà bỗng nhìn xoáy vào tôi:

- Ông là một người ngang bướng?

- Tại sao?

- Ông thích chống lại những định kiến, những cái đã có sẵn. Nếu là một tình nhân, ông sẽ là một người tình thiếu thủy chung.

Tôi bật cười:

- Bà đi quá nhanh. Từ kiệt tác kia, đến ngang bướng, đến thiếu thủy chung. Hình như bà hành nghề y khoa, bác sĩ phân tâm?

- Không, gần năm mươi năm nay tôi không làm gì cả, tuyệt đối không.

- Năm mươi năm?

- Phải, còn đúng mười hai tháng nữa tôi tròn năm mươi tuổi.

- Bà không đùa?

- Không.

Tôi nhìn kỹ người đàn bà. Cảm giác hoang mang lúc đầu càng tăng trưởng. Khuôn mặt trẻ thơ, đã đành, nhân dáng cũng phơi phới sinh lực. Chiếc áo rộng cổ phơi bày già nửa hai gò ngực vun, bụng thon nhỏ,

hông nở, đôi chân dài. Người đàn bà không thể quá tuổi ba mươi, ngoại trừ cái phong cách chẳng thể diễn tả nổi, đã khiến kẻ đối diện khó lòng quyết đoán về tuổi tác của bà ta.

- Mỗi năm, vào dịp sinh nhật, tôi vẫn trở lại đây. Hôm nay sinh nhật tôi.

- Ồ. chia vui với bà.

- Cảm ơn ông.

Tôi im lặng đi bên cạnh người đàn bà. Chúng tôi dừng lại trước một bức tranh lớn. Bức tranh vẽ một tòa lâu đài cổ nằm lẩn khuất trong rừng cây xanh, trên ngọn đồi thấp. Bức tranh là cả một công trình gọt tỉa công phu. Tòa lâu đài chỉ thấp thoáng phía xa nhưng người ta vẫn nhìn thấy từng chi tiết nhỏ, từ những hoa văn trên gờ mái, đến những hình chạm trên đầu các cây cột đá. Từ những vết nứt trên mặt tường đến những viên gạch hoa với đầy đủ họa tiết trang trí, từ vô số các dây leo với những bông hoa lấm tấm đỏ đến những viên sỏi đủ mọi hình thù dọc lối đi dẫn lên tòa lâu đài... Tác phẩm biểu tỏ một phương cách làm việc đầy kiên nhẫn và trật tự, cái phương cách chỉ có thể có được vào những thế kỷ thứ mười sáu, mười bảy, lúc mà con người chưa bị cuốn vào guồng máy cuồng nộ của cơ khí, lúc mà thời gian còn quay đều một nhịp chậm. Người đàn bà nói:

- Nơi này tôi đã sinh ra, đã lớn lên, đã trưởng thành...

- Nơi này?

- Phải, ngôi nhà kia...

Tôi lại nhìn người đàn bà. Khuôn mặt bà ta bỗng như chìm vào một màn sương. Cảm giác hoang mang tăng trưởng đến độ tôi có cảm tưởng đang lạc vào một thế giới khác. Căn phòng rộng, lạnh lẽo, yên tĩnh. Thời gian ngừng lại. Ánh sánh dịu, vòm trần cao, mặt đá hoa dưới chân dù đã ngăn cánh bởi đế dày, vẫn thấm vào gan bàn chân một cảm giác buốt giá. Tôi rùng mình. Người đàn bà tiếp tục, giọng trầm đều:

- Người ta không bao giờ chia lìa với chốn nhau. Đã nhiều lần tôi muốn bỏ đi, nhưng rồi vẫn cứ bị buộc chặc với tòa nhà cũ kỹ kia. Tôi không thoát nổi. Dĩ vãng thì đứng lại, mà ngày tháng cứ trôi nhanh. Tôi không níu được thời gian, cũng không thể thoát khỏi dĩ vãng. Tôi bị phân thân. Tôi bị xé làm hai. Này ông, ông có thể đến thăm tôi?

Người bàn bà chợt hỏi.

- Đến thăm bà, ở ngôi nhà cổ kia?

- Phải. cách đây không xa lắm đâu, chỉ độ nửa giờ xe.

Rồi bà ta nhanh nhẹn chỉ đường cho tôi. Cuối cùng, bà ta nói:

- Ông đến chứ?

Tôi nghe mình trả lời:

- Vâng, tôi sẽ đến.

- Chắc?

- Chắc.

Tôi nói, dù thật tình không hiểu mình đang đứng ở đâu. Giữa căn phòng mênh mông của viện bảo tàng, hay trong một giấc mơ...

Tôi lại ngồi dậy, bước ra khỏi giường đến tủ lạnh rót thêm một ly rượu. Khi đi ngang qua bàn đêm tôi chợt nhìn thấy cuốn sách hội họa tôi đã mua hôm qua trong thư viện của bảo tàng. Tôi cầm lên, lật một vài trang. Tòa lâu đài hiện ra trước mắt. Vòm cổng rêu phong với những họa tiết viền quanh vòng bán nguyệt, và bên cạnh, sợi dây chuông lòng thòng...

Người đàn bà tôi gặp gỡ ngày hôm qua có thật? Giấc mơ có thật? Và cả tôi nữa, tôi, gã du khách đã đến đất nước này, trú ngụ trong khu khách sạn này... Tôi có thật?

Paris, tháng 11. 1991

Khánh Trường:

ĐOẢN THI KHÁNH TRƯỜNG (Thơ)

CÓ YÊU EM KHÔNG? (tập truyện)

CHỖ TIẾP GIÁP VỚI CÁNH ĐỒNG

(Tập truyện)

KHÔNG CÓ MÂY TRÊN THÀNH PHỐ LOS ANGELES

Tập truyện, tùy bút

Đã yêu nhạc Lê Uyên Phương, không thể không đọc tác phẩm văn chương này, để nhìn thấy một khía cạnh khác của tài hoa ông.

Tân Thư xuất bản.

*

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ VIỆT NAM Ở HỒNG KÔNG

LÊ BI

Ghi chú: *trong trại những người phụ nữ độc thân tị nạn ở Hồng Kông, để chống trả lại việc cưỡng bách hồi hương bằng bạo lực, những người đàn bà bị giam tại đây đã phải tự cởi quần áo biểu tình.*

Không cần che đậy
những người đàn bà Việt Nam vừa cởi truồng tập thể ở Hồng Kông
sự thật chỉ loã lồ hơn
như một ngàn lẻ một những điều trông thấy.

Chìm nghỉm giữa một thế giới đầy những bản tin lãnh cảm
không có chỗ của tương lai
chìm nghỉm giữa những hàng rào kẽm gai
thân xác và ước mơ đều phải thay hình đổi dạng
chìm nghỉm giữa sức nặng những lời nguyền
quá khứ dài như sợi dây thòng lọng
chìm nghỉm giữa 5 triệu người Hồng Kông và 5 tỉ người thế giới
họ khác cả một hành tinh.

Từ hòn đá Vọng Phu mảnh đất Gio Linh
đã đếm bao hàng khăn tang trắng
đến bao giờ được khóc cho mình?

Từ những người là mẹ là vợ là chị là em
những gánh nặng đằng sau bao cuộc chiến
mà chẳng bao giờ được hưởng phút giây vinh hiển.

Từ những người đàn bà Việt Nam hôm qua
hôm nay nối vòng tay thành xích sắt
thà ở trại giam còn hơn trở lại quê nhà.

Ngay cả những gì quí nhất
cũng hoà với đại dương
ngay cả những giòng nước mắt
cũng không muốn trở về quê hương
ngay cả chút thịt da
cũng phơi bày trên đất khác
và tự do chưa hiện ra
thì quyền làm người đã mất.

Trái đất này đang quá gần nhau
cánh cửa nào cũng có thể mở
dưới hào quang của thời đại thông tin bùng nổ
là tiếng khóc thầm ở chỗ vực sâu
nhân loại này đã tiến quá xa
chỗ nào cũng muốn tới
những tầm nhìn tưởng đã ở ngân hà
có thấy nổi bao người còn đang từng bữa đói.

Những người đàn bà đã mang thân xác
biến dạng thành mũi dao vô hình
tự cắt cả chính mình
như quê hương cắt đất.

Không cần dấu diếm
những người đàn bà Việt Nam đang ăn vạ trên bản tuyên ngôn nhân quyền
đất nước chúng ta đang ăn vạ
trên những thuyền nhân
nơi các ông Chí Phèo đang ăn vạ
để trở thành các cha già quyền thế
giữa một quê hương bất lực, cùng đường.

Cái giá của tự do
đôi khi là mạng sống
cái giá của giấc mơ
đôi khi là tiếng sóng
cái giá của tương lai
đôi khi là nước mắt
cái giá của ra đi
là không chỗ trở về.

Đất nước chúng ta đang tính toán như những mẹ mìn
mỗi người một ngàn mỹ kim
khi thịt xương đã thành sỏi đá
để 4 ngàn năm ngồi khóc một mình.

Giữa bức hình gào xin méo mó
những người đàn bà ở Hồng Kông
có thể làm tất cả những người đang mặc áo quần
nhìn lại mình xấu hổ.
11-1991

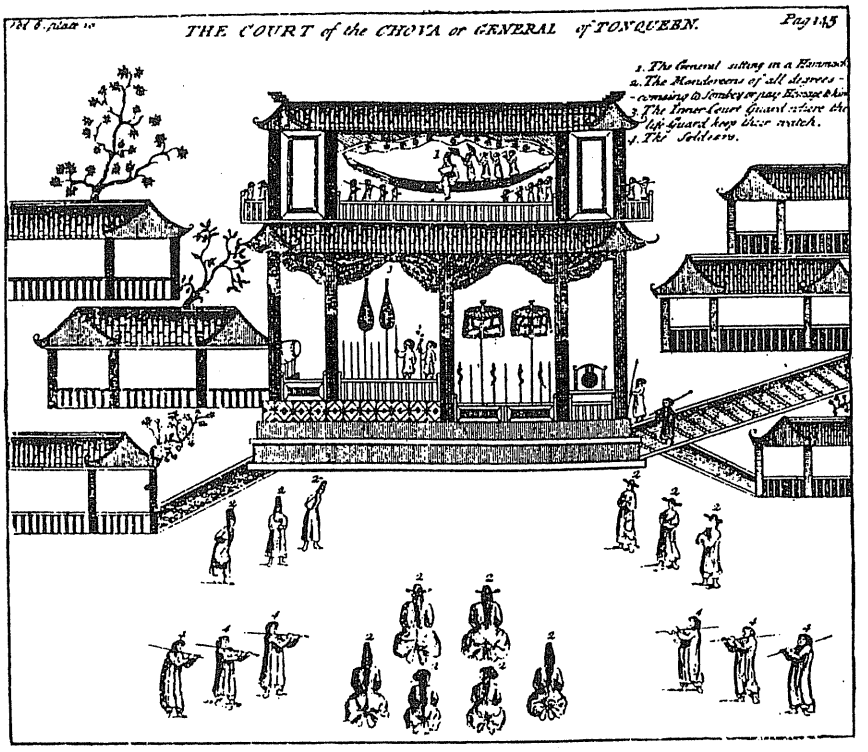

Samuel Baron: Chúa Trịnh thiết triều

NỬA DÒNG MÁU VIỆT

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Ở đây tôi không có ý định nói chung về tất cả những người lai Việt Nam mà chỉ đặc biệt chú ý tới bốn người đã cầm bút viết về quê ngoại của họ. Những người này đều có ít nhiều tên tuổi song mỗi người phản ứng một cách khi đề cập đến người Việt hay đất Việt.

Samuel Baron nhận xét người Việt ở thế kỷ 17 như sau: "Tính tình hiền hậu nhưng hèn yếu, ưa khoác lác; nghèo khổ nhưng lại khinh miệt ngành buôn; hiếu học nhưng chẳng phải để hiểu biết mà để ra làm quan..."

Michel Đức Chaigneau xác nhận người Việt ở thế kỷ thứ 19 cũng hay khoe khoang, khoác lác, lại ở bẩn... những nghệ nhân tài giỏi không phải không có nhưng bị chính thể vùi dập...

Hai người này đã quan sát Việt Nam từ bên ngoài nhìn vào, trong khi ấy thì Hồ Dzếnh và Kim Lefevre lại nhìn Việt Nam từ quả tim nhìn ra nên họ Hồ mới thủ thỉ: "Tôi yêu cái giải đất cần lao này, cái giải đất thoát được ra ngoài sự lọc lừa, phản trắc, cái giải đất chỉ bị bạc đãi mà không bạc đãi ai bao giờ".

Hẳn họ Hồ không thể nào ngờ rằng chỉ mấy chục năm sau, tại Paris, lại có một người con lai khác lớn tiếng than thở -- một thiếu phụ vừa có học vấn vừa xinh đẹp -- : "Tôi yêu nước Việt Nam nhưng Việt Nam chẳng yêu tôi!". Vì bị Việt Nam

hất hủi mà Kim Lefevre phải chọn ở lại Pháp.

Bốn người, bốn hoàn cảnh, bốn cá tính; ba người gốc Âu, một gốc Á; ba nam, một nữ; hai người dứt khoát chọn Tây phương, hai người thiên về quê ngoại.

Samuel Baron

Samuel Baron là một người Hòa Lan lai Bắc. Cha làm đại diện cho công ty Ấn Độ - Hòa Lan ở Cacho (Kẻ chợ = Thăng Long) vào năm 1663. Lớn lên, Samuel Baron cũng giúp việc cho công ty này, sau đổi sang làm cho công ty Ấn Độ của Anh, lấy quốc tịch Anh, rồi cuối cùng bỏ đi buôn riêng quanh vùng Đông Nam Á. Những năm 1678/80/82 đều có trở lại Kẻ chợ.

Với tư cách một người đã sinh và sống nhiều năm ở Bắc, Samuel Baron viết cuốn *A description of the Kingdom of Tonqueen* (khoảng 1685/6) để giới thiệu Đàng ngoài với người Anh. Đây là một trong những cuốn sách đầu tiên viết về Việt Nam của người Âu và cũng là một nguồn tư liệu quý báu của chúng ta về đời sống Đàng ngoài thời Hậu Lê. Trước đó Tavernier cũng đã cho xuất bản một cuốn sách về Việt Nam song bị Samuel Baron chê là bịa đặt nhiều điều hoang đường. Samuel Baron cam đoan những chi tiết trong sách mình mới đúng sự thật, vì ngoài kinh nghiệm bản thân, Samuel Baron còn nhờ người bản xứ có uy tín chỉ điểm cho những khía cạnh nào không nắm vững.

Chúng ta hãy thử theo Samuel Baron đi ngược thời gian trở về thế kỷ thứ 17 xem đời sống của cha ông ta lúc ấy ra sao?

Trước hết, kinh đô Thăng Long đã tỏ ra chật chội. Chợ họp mỗi tháng hai kỳ vào những ngày mồng một và ngày rằm, mỗi lần có phiên chợ người các nơi đổ về đông chật đường đi, muốn nhích lên độ một trăm bước, phải mất đến nửa tiếng đồng hồ. Phố phường tụ họp theo nghề nghiệp. Các dinh thự xây cất bằng gỗ, trông bề ngoài tầm thường chứ không có gì nguy nga, tráng lệ. Nhà cửa thường đều bằng tre nứa. Những điều này phần đông được giáo sĩ Baldinotti xác nhận (1626) và giải thích: "Vì nhà bằng tre nứa nên Thăng Long hay bị hỏa hoạn, có lần thiêu rụi tới năm, sáu nghìn nóc nhà, song nhờ Kẻ chợ vốn có nhiều hồ ao nên dập tắt lửa dễ dàng và chỉ bốn, năm hôm sau nhà cửa lại dựng lên san sát như cũ".

Tác giả Nửa Giòng Máu Việt, nhà biên khảo Nguyễn Thị Chân Quỳnh

Người dân Việt tầm vóc bé nhỏ, yếu ớt, tính tình hiền hòa, không nóng nẩy nhưng ưa ganh tị, lại độc ác, sống sượng, hay mê tín, dị đoan, hay khoác lác; dân tộc tầm thường, nghèo khốn mà lại khinh bỉ ngành giao thương; hiếu học song chẳng phải vì ham hiểu biết mà vì muốn đạt mục đích ra làm quan; không ưa du lịch mà cũng không tin lời những người đã đi xa thấy rộng, tự cao tự đại cho rằng Việt Nam là nhất...

Tiếng Việt thì một chữ trỏ vào đến 12, 13 vật khác nhau.

Đi thăm bạn bè phải đợi sau bữa cơm trưa, đi buổi sáng là vô lễ.

Trước khi ăn cơm không rửa tay lại súc miệng, vì miệng ăn trầu, còn ăn cơm thì đã có đũa không ăn bốc, không sợ tay bẩn.

Luật lệ bắt chước Tầu nhưng được châm chước dung hòa với phong tục cổ truyền thành ra có phần nhân hậu hơn Trung Quốc và cả Aristote nữa: Chẳng hạn đàn bà, trẻ con phạm tội không bị hành hạ chặt chân tay, hay bêu riếu nơi công cộng.

Hàng tháng vua Lê họp triều vào những ngày mồng 5 và ngày rằm; lương vua khoảng 8000 đô la một năm. Địa vị vua Lê lúc ấy đã suy yếu đến nỗi dân gian có câu:

"Mất một nghìn ông Vua không bằng mất một ông Chúa" bởi Chúa cầm quyền chính, mỗi khi thay đổi Chúa là một lần chính thể bị xáo trộn, kẻ lên người xuống, gây nên tình trạng hoang mang, bất an.

Chúa Trịnh thiết triều mỗi ngày từ 8 giờ sáng. Khi Chúa lâm triều, quân túc vệ mang võ khí đứng ngoài sân, nội giám túc trực quanh mình để đệ đơn từ lên, hay truyền mệnh lệnh của Chúa xuống. Chúa dùng tới bốn, năm trăm nội thị và rất thương yêu những người này, thường cân nhắc họ vào những chức vị quan trọng có khi lấn át cả các quan văn võ có thực tài.

Có điều lạ là, theo S. Baron, khi vào chầu Chúa các quan mặc quần áo rất đẹp nhưng chân thì lại đi đất. Trên nguyên tắc, mũ áo các quan đã có luật lệ ấn định từ lâu, mỗi triều dù có thay đổi ít nhiều chi tiết song vẫn phải đầy đủ lệ bộ: mũ, áo, xiêm, y, hia, hốt v.v... không lẽ hia chỉ để dùng đi từ nhà đến phủ Chúa rồi đến nơi cởi ra đi chân đất?

Tuy S. Baron khen các Chúa Trịnh là những người tốt -- không cướp ngôi vua Lê, không tàn sát người trong họ -- nhưng tỏ ra bất mãn với tục lệ ai muốn kêu cầu điều gì ở phủ Chúa đều phải kèm theo lễ vật.

Phủ Chúa nằm giữa kinh thành, rộng rãi, tường vây bốn phía. Trong và ngoài đều có trại lính canh. Nội tẩm được xây cất xa hoa, lộng lẫy, sơn son thếp

vàng, chạm trổ tinh vi. Nhưng giáo sĩ Amaral (1638) lại viết hơi khác: "Kẻ chợ thường bị chiến tranh thiêu rụi nên lâu đài không xây cất bằng đá cho bền vững mà xây bằng gạch, gỗ, có bị thiêu đốt xây lại cũng dễ. Vì lo hỏa hoạn, trong thành chỉ có cung vua Lê, phủ Chúa Trịnh nằm ở ngoài thành (có lẽ gần cửa Nam?).

Đông Cung thế tử hàng ngày cũng họp các quan ở phủ riêng nên chỉ vào chầu Chúa mỗi tháng một lần. Thường nhật cho đại diện túc trực ở phủ Chúa để theo dõi tình hình mà liệu bề hành sự cho ăn khớp.

Vua, Chúa rất ít khi ra ngoài. Lên ngôi cũng không cử hành đại lễ linh đình vì phong tục Việt Nam vốn kiệm ước.

Khi Vua băng hà, cả nước phải để tang không được dùng xa xỉ phẩm như đeo vàng ngọc hay mặc gấm vóc. Quân sĩ vận toàn đồ đen.

Người dân khi chết, đàn ông mặc bẩy cỗ áo đẹp nhất của mình, đàn bà chín cái. Trong miệng người chết bỏ vàng ngọc để sang thế giới bên kia có tiền chi dụng. Người nghèo không có vàng ngọc thì cắt móng chân, móng tay bỏ vào miệng người chết, tin rằng miệng dơ bẩn thì người quá cố không thể trở về tác yêu, tác quái với người sống.

S. Baron đưa ra nhiều chi tiết khá lạ: ví dụ bức họa, vẽ cảnh Chúa Trịnh thiết triều lại ngồi trên võng, trông thật lạ lùng, khó hiểu mà cũng khó tin. Song trong *Ký sự lên Kinh* của Hải Thượng Lãn Ông, một danh y thời ấy, được vời lên Thăng Long chữa bệnh cho cha con Trịnh Cán, phủ Chúa được tả như sau: "Gian giữa đặt một sập ngự thiếp vàng, trên sập mắc một chiếc võng điều. Trước võng và bàn ghế hai bên bầy toàn những thứ mà người đời chưa từng thấy... Thánh thượng xuống võng ngồi trên nệm gấm, nghiêng người sang phía trái, đặt tay lên trên chiếc gối đệm rồi bảo quan Chánh đường xem bệnh trước...". Như vậy là trong nội tẩm của Chúa quả có mắc võng bên trên sập, song không rõ khi thiết triều Chúa có ngồi võng thực sự hay không? Ngồi võng có lẽ thoải mái hơn nhưng e thiếu nghiêm chỉnh.

Tuy S. Baron tin mình viết toàn sự thật, song cuốn *A description of the Kingdom of Tonqueen* chứa đựng khá nhiều điều sai lầm mà ta có thể kiểm chứng dễ dàng, tỉ như bảo Lý Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh chỉ mấy tháng sau cả hai cùng bị một người khác giết chết để chiếm ngôi. S. Baron sai lầm ngay cả những khi bắt bẻ Tavernier, có lẽ vì đã không am tường lại làm việc cẩu thả.

S. Baron tỏ ý không tin người Việt biết chữ Hán từ trước khi nhà Đinh lên cầm quyền và cũng chẳng tin Việt Nam thắng nổi Trung Quốc mấy trận. Theo ý S. Baron, đó là vì người Việt ưa khoác lác, nếu Tàu quả thực có lui quân về thì hẳn vì họ bị nội loạn hay ngoại xâm, chứ nhất định người Việt không đủ tài cán đánh bại một cường quốc, chẳng qua nói khoác để giữ sĩ diện với ngoại quốc và con cháu. Rõ ràng vì thiên kiến nên sự thật đã bị S. Baron bóp méo.

Về y dược, thời ấy dường như ta có một thứ lá chữa bệnh gẫy xương rất thần hiệu. Giáo sĩ Christophe Borri, sống ở Đàng Trong cùng thời, kể chuyện chính ông bị ngã gẫy xương, chữa theo phương pháp Âu Tây không lành, sau nhờ một thầy lang lấy lá giã nhỏ băng bó, ít lâu sau khỏi. Giáo sĩ thử thí nghiệm, bẻ gẫy chân gà rồi cũng y theo cách của thầy lang băng bó lại, thấy rất hiệu nghiệm, đến nỗi khi về nước ông cũng đem theo một bó lá trong hành trang, tiếc rằng về đến nơi, lá khô, hết hiệu lực. Tuy giáo sĩ ca ngợi y khoa Việt Nam, nhưng S. Baron vẫn một mực hoài nghi, cho đó cũng chỉ là chuyện khoác lác của người Việt, dẫu rằng công nhận lấy hành nướng giã nhỏ đắp rốn thì khỏi bệnh chướng bụng, và thuở ấy người Việt đã biết dùng hấp giác rất thường.

Về đạo Phật ở Trung Quốc, S. Baron nêu ra một giả thuyết rất kỳ quái: Vua Tầu nghe đồn có một đạo ở Tây phương nhiều người hâm mộ bèn sai các quan đi tìm. Ba năm sau, các quan Tầu đi đến Ấn Độ, gặp đạo Phật bèn cho ngay là đã tìm đến nơi, và thỉnh 72 cuốn kinh về, nhờ đó đạo Phật có dịp bành trướng ở Trung Quốc. Theo ý S. Baron thì cái đạo được nhiều người hâm mộ ấy chính ra phải là đạo Thiên Chúa, đã làm ra nhiều phép lạ. Chỉ vì các quan Tầu lười biếng, làm việc không đến nơi, đến chốn cho nên đạo Phật giành mất đất của đạo Thiên Chúa. Đạo Thiên Chúa mới là chánh đạo, còn cái đạo Phật hoang đường kia chỉ mê hoặc nổi những bọn ngu dốt, vô học như phụ nữ hay hoạn quan.

Tóm lại *A description of the Kingdom of Tonqueen* ghi chép nhiều điều chính xác song lại xen lẫn với những điều sai lầm do tác giả hoặc không nắm vững vấn đề, hoặc vì thiên kiến. Hồng Lam, trong *Trung Bắc Chủ Nhật* số 144 đã tỏ ra nhẹ dạ, cả tin khi tuyên bố: "S. Baron quan sát phong tục Việt Nam khá đúng và ngòi bút công bình hơn cả".

Michel Đức Chaigneau (1802/3 - ?)

Michel Đức là con đầu lòng của Jean-Baptiste Chaigneau (1769-1832), tức Chúa tầu Long, một trong hai sĩ quan ở lại làm quan lâu dài với vua Gia Long sau khi giúp vua thắng quân Tây Sơn. Cả hai đã "vâng mệnh" Gia Long cưới vợ Việt: Vannier lấy Nguyễn Thị Sen, Chaigneau lấy Benette Hồ Thị Huề, một con chiên ngoan đạo ở Huế. Lễ cưới cử hành tại nhà thờ Phủ cam đầu năm 1802, khoảng cuối 1802, đầu 1803 thì Michel Đức ra đời. Mười một năm sau khi cưới và sinh hạ được chín người con, bà Huề mất. Người vợ Pháp mà Crawfurd đã gặp ở

Huế năm 1823 có lẽ là vợ sau của Jean-Baptiste Chaigneau.

Jean-Baptiste rời Pháp lần đầu vào năm 1791. Con nhà dòng ở đất Lorient (Bretagne), thuộc phe bảo hoàng, J. Baptiste bất mãn với chính thể mới bỏ nước ra đi, khi ấy chỉ là một sĩ quan trẻ tuổi, vô danh. Sau thời gian làm quan với Gia Long, năm 1819 J. Baptiste về thăm quê, đến 1821 lại rời Pháp đi Việt Nam lần nữa, nhưng lần này với tư cách một vị Lãnh sự của vua Lộ Y 18. Khi đến nơi thì vua Gia Long đã mất (25/1/1820), vua Minh Mạng lên cầm quyền có ý xa lánh ngoại quốc, không trọng vọng Chaigneau và Vannier như Gia Long, lại thêm sự ganh tị của các quan đại thần ngày một lớn, nên đến 1824 thì cả Chaigneau lẫn Vannier cùng đem gia quyến về nước.

Michel Đức sống ở Việt Nam đến năm mười sáu tuổi mới theo cha sang Pháp lần đầu, và mười chín tuổi lại theo về Việt Nam. Năm 1863-64, sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pháp thương thuyết để chuộc lại ba tỉnh miền đông, có gặp gia quyến của cả hai viên sĩ quan này. Bà Vannier khi ấy đã ngoài 80, nhà tận miền Nam nước Pháp cũng chống gậy lên Paris ra mắt sứ bộ và ở lại cho đến hôm tiễn biệt. Mấy năm sau thì mất, chôn ở Toulon.

Michel Đức, cũng đã trên 60, thân hành đến tận sứ quán thăm hỏi và khi sứ bộ về còn gửi dâng vua Tự Đức một bức truyền thần, song sứ bộ không dám nhận vì hình vẽ bán thân, sợ mang tội khi quân.

Năm 1867, Michel Đức cho xuất bản cuốn *Souvenirs de Huế*. Khác với S. Baron, Michel Đức nhìn nhận ngay mẹ mình là người Việt, và không quên hóm hỉnh nhắc lại lời vua Gia Long bình phẩm sau khi gặp "cậu Đức" lần đầu. Nhà vua ngắm nghía kỹ càng rồi ngoảnh bảo J. Baptiste: "Công trình của ông được lắm, chỉ phải tội ông nặn cho nó cái mũi hơi tẹt, giống người Nam".

Là con một vị quan nhất phẩm, đã từng ăn sung mặc sướng, ở nhà sang, kẻ hầu người hạ tấp nập, đi đâu có kiệu, có lọng, kẻ đón người đưa, từng được theo cha đi xem tế Nam giao, theo vua Gia Long du thuyền trên sông Hương, gặp

Jean-Baptiste Chaigneau

Hoàng hậu cùng các phi tần, dự buổi trình diễn của ban hát hoàng cung... cuộc đời thơ ấu của Michel Đức là cuộc đời hưởng thụ tột bực, cho nên khi đáp tầu về Pháp, Michel Đức phải cố nín mới khỏi bật khóc khi thấy mình sắp xa lìa những người thân yêu: bạn bè, gia nhân, thầy giáo Bửu... Nhưng khi vừa đặt chân lên đất Pháp thì Michel Đức choáng váng trước đời sống đầy xe ngựa nhộn nhịp, lâu đài nguy nga. Chỉ hai năm sau, khi vua Minh Mạng ướm hỏi Michel Đức có muốn ở lại làm quan thì Michel Đức đã kiếm lời từ chối khéo: "Tôi không dám tự quyền định đoạt mà phải hỏi ý cha tôi, tùy người sắp xếp". Ngoài miệng nói vậy, nhưng trong thâm tâm Michel Đức nghĩ "nước Pháp đã chinh phục tôi, quả tim tôi đã thuộc về nước Pháp rồi". Michel Đức đủ sáng suốt để viết thêm: "Người ta có thể cho tôi là bạc" song biết làm sao bây giờ? Nhà cửa Việt Nam thì lụp xụp, tối tăm, lâu đài kiến trúc chẳng có gì đồ sộ; tuy vua Gia Long có hậu đãi cha con Michel Đức, nhưng vua Minh Mạng lại tỏ vẻ thờ ơ, lạnh nhạt... Dù sao Michel Đức cũng còn trẻ tuổi, lại sẵn thán phục cha, một người mà đến vua Gia Long còn hết lòng trọng vọng, mà cha Michel Đức chẳng do nước Pháp đào tạo ra là gì? huống hồ Michel Đức lại được một nhà Nho là thầy Bửu giáo huấn, Michel Đức phục tùng cha và chọn nước Pháp là phải. Tất nhiên đây là một sự lựa chọn theo lý trí vì Michel Đức quả có cảm tình với Việt Nam, còn nước Pháp tuy choáng lộn, song thực sự đã làm gì cho "cậu Đức" chưa? Cho nên tuy chọn ở lại Pháp, nhưng khi phái đoàn Phan Thanh Giản sang thì Michel Đức đã đến thăm ngay và gửi cả quà tặng, rõ ràng nhìn nhận và bầy tỏ cảm tình với quê mẹ, dù lúc ấy mẹ đã mất từ lâu.

S. Baron sống ở Bắc thì viết về đời sống ở Bắc; Michel Đức sinh trưởng ở Huế tất nhiên viết về Huế: địa thế, phong tục... vẽ cả bản đồ nữa. Hình như nhà văn Túy Hồng đã có lần đặt câu hỏi chợ Dinh ở đâu? Đọc Michel Đức sẽ thấy chợ Dinh nằm bên một chiếc cầu phía đông sông "Trường Tiền" (có lẽ là sông Hương mà Michel Đức nhớ lầm tên?). Chợ Dinh to hơn chợ Được, sở dĩ mang tên này vì họp ở gần các dinh thự.

Bàn về công nghệ ở nước ta, Michel Đức đưa ra một nhận xét khá xác đáng: "Việt Nam sở dĩ không có những tay thợ danh tiếng chỉ vì chính thể quá bất công, hễ người nào khéo liền bị sung công, bắt làm quần quật mà lương lại rẻ ủng, bị bóc lột hết mức, và chỉ được thả về với gia đình khi nào già yếu hay bệnh tật, cũng không được hưởng một đồng xu nhỏ đền bù. Cho nên dù có khả năng cũng không mấy ai chịu học nghề cho tinh xảo, kẻ có tài thường dấu tài. Ở Bắc thuở ấy có một nhà

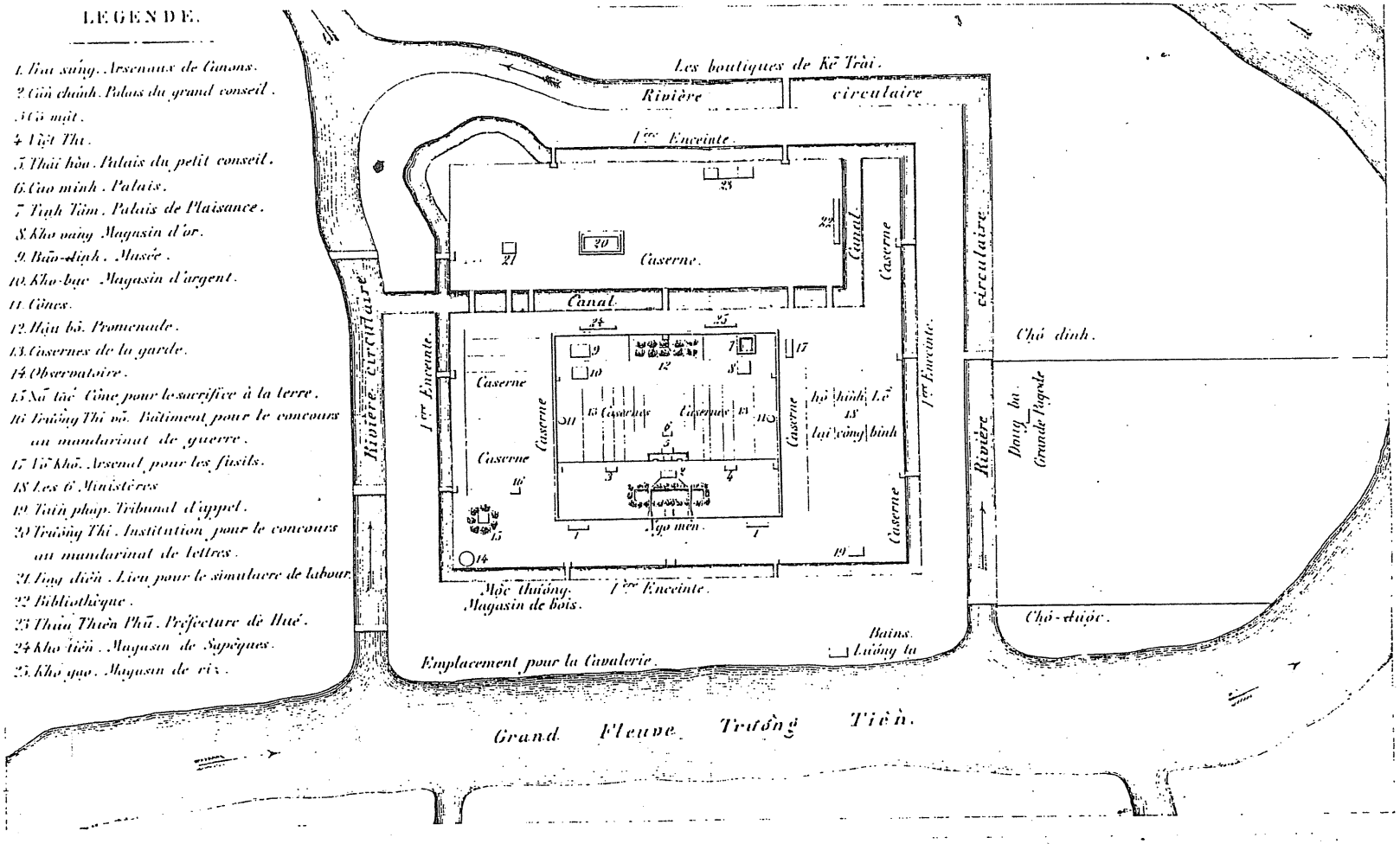

Huế và vùng phụ cận: Michel Đức Chaigneau

làm đồ sứ rất khéo, không kém gì đồ sứ Tầu, thường đem hàng vào Huế bán, giả làm đồ sứ Tầu, mạo danh một hãng sản xuất của Trung Quốc chứ không dám đứng tên thật của mình, sợ lại bị sung công. Do chính sách ngược đãi những người thợ khéo ấy mà ngành công nghệ của Việt Nam không sao phát đạt, không sao ngóc đầu dậy được.

Là con quan nhất phẩm, thường được ra vào nơi cung cấm nên những chi tiết do Michel Đức kể có lẽ lý thú nhất là về hai vua Gia Long và Minh Mệnh. Theo con mắt quan sát của "cậu Đức", lần đầu gặp vua Gia Long khi mới lên 8 tuổi, thì nhà vua cao trên bậc trung, thân hình vạm vỡ, da trắng, mắt sắc, hai má có hai nốt ruồi đen, chung quanh mỗi nốt ruồi có một túm lông dài mọc lan ra tận chòm râu bạc vừa dài vừa rậm. Dáng người đĩnh đạc, tác phong oai nghiêm, khi vui khi giận bất thường... Gia Long rất am tường guồng máy hành chánh, thường khi bắt bẻ các viên đại thần làm sai trái.

Điều mà Michel Đức nhấn mạnh là Gia Long ưa đùa cợt và nói chuyện nhảm những lúc vắng người. Khi "cậu Đức", theo tục lệ Việt Nam, tung hô "Thiên tử muôn năm" thì Gia Long chặn ngay lại hỏi: "Mi tưởng ta là con Trời thực chăng? ta cũng có cha, có mẹ như ai. Cha ta đã làm như thế này... mẹ ta làm thế này..." Tóm lại, Gia Long đã ban cho "cậu Đức" một bài học vỡ lòng về phương pháp cấu tạo hài nhi, vừa bằng lời nói, vừa bằng cử chỉ. Michel Đức không dám thuật lại tường tận sợ người đọc đỏ mặt.

Michel Đức cũng biết Minh Mệnh không phải là con Chánh cung hoàng hậu như Thiệu Trị. Khi ở Pháp về, nhiều lần Michel Đức được Minh Mệnh vời vào cung để hỏi chuyện nước Pháp và nhờ dịch những chữ ghi trên mấy bức họa vẽ cảnh nước Pháp. Trước hết, Michel Đức phải đọc to lên, sau dịch từng chữ, cuối cùng mới dịch nghĩa toàn câu. Để Michel Đức khỏi nhẩy những chữ khó, Minh Mệnh lấy ngón tay chỉ từng chữ một. Mỗi khi dịch xong, viên quan ngồi cạnh phải ghi ngay lại bằng chữ Hán. Gặp những chữ tên người hay tên tỉnh không dịch được, viên quan lúng túng thì chính Minh Mệnh chỉ điểm cho nên dùng chữ gì.

Minh Mệnh đặc biệt chú ý đến quân đội, nhung phục của Pháp, hỏi rất cặn kẽ và dựa theo Pháp chế tạo ra một loại ngù đeo hai vai cho các võ quan. Những viên quan này thường nói trộm sau lưng vua: "Chúng mình là sĩ quan của Pha-lang-cha".

Minh Mệnh không quên hỏi về xã hội Pháp và đặc biệt sửng sốt khi nghe nói trong những buổi hội họp công cộng đều có mặt phụ nữ. "Như thế thì còn gì là trật tự nữa?"

Nhà vua cũng tò mò muốn hiểu tại sao người Pháp hay sưu tầm những con thú chết, lột da nhồi trấu, cùng là những loài sâu bọ vô giá trị. Khi biết để đem về trưng bầy tại Bảo tàng viện thì nhà vua lại càng kinh ngạc: "Dùng lâu đài để chứa những con sâu ấy? Thật là điên rồ! Thật là trẻ con! Chẳng lẽ người Pháp hết cả việc để làm rồi ư?"

Sách của Michel Đức ít sai lầm hơn S. Baron, có lẽ vì Michel Đức không quá khinh rẻ quê mẹ, chịu tìm hiểu một cách khách quan, lại am tường tiếng Việt và có một người thầy giáo Việt, thầy Bửu, một nhà Nho chân chính, cho nên sự hiểu biết của Michel Đức về Việt Nam thấu đáo hơn.

(Còn tiếp)

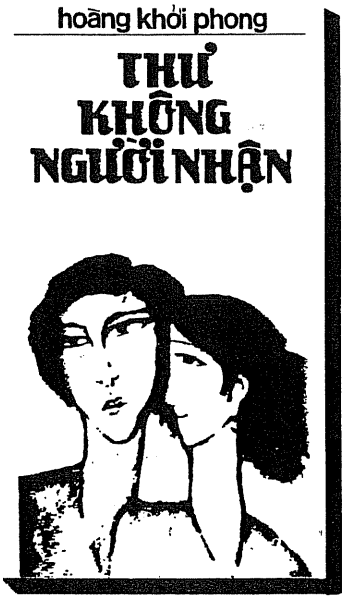

đã phát-hành khắp nơi
TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

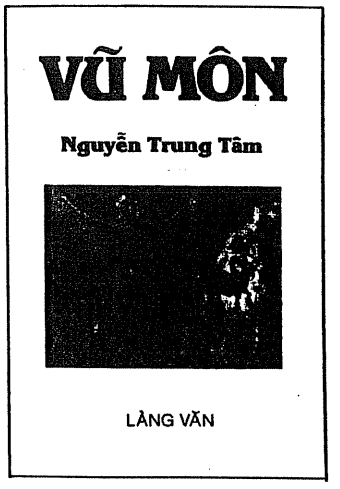

BỆNH VÀ THƠ

NGU YÊN

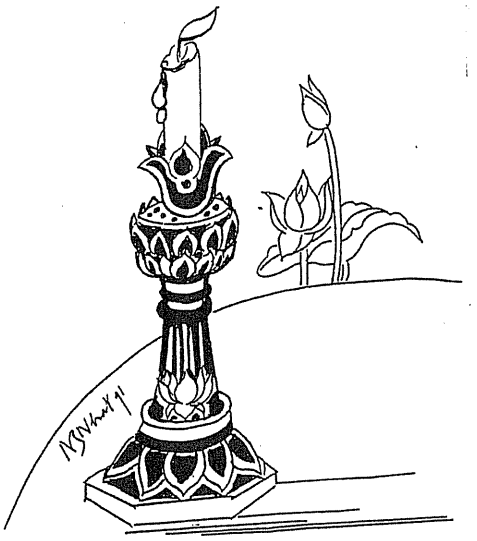

Cũng như mọi người làm thơ khác, tôi thường tự hỏi: Làm thế nào để làm thơ cho hay ?

Tôi bệnh như thế đã hơn một tuần. Ho từ sáng đến chiều. Ho từ mở mắt cho đến nhắm mắt. Ho gập người. Ho xé phổi. Ho rướm máu đàm. Tôi sợ phải ho. Tôi sợ cái đau xoáy hút giữa lồng ngực, thốc lên rát rạt cho đến cuốn họng, rồi tét bung ra hơi hám bọc âm thanh. Vậy mà chưa kịp sợ đã ho khan.

Ở Mỹ, hình như người nào cũng bận rộn. Có người bận không đủ giờ ngủ. Có người bận không có giờ ăn. Không vào biệt lệ, tôi cũng bận. Bận của tôi có thể tả rằng: Có vợ mà không đủ giờ.

Bệnh thì hết bận. Nếu người không biết tự nghỉ thì trời bắt phải nghỉ. Tôi đã nghỉ hơn một tuần. Không vướng víu công việc thường hằng. Ngày ngày lêu bêu trong căn nhà vắng tanh để nghe tiếng mình ho, thật là chán. Vợ đi làm. Con đi học. Bệnh làm tâm tình thêm bi quan. Tôi tìm đọc thơ. Tôi nhớ có người nói rằng: Bên cạnh Thượng Đế là Nghệ thuật. Người ta có thể tìm đến Thượng Đế để xin cứu rỗi. Người ta cũng có thể tìm đến nghệ thuật để lấy sức sống.

Tôi đọc vài tập thơ ngoại quốc, vài tập thơ Việt. Tôi đang đọc tập thơ " Ngơ Ngác Cõi Người " của Luân Hoán thì phát ho quá đổi. Sau khi uống thuốc, nằm nghỉ ngợi, chợt tôi cảm ra: cái ho của cái bệnh cũng như cái thơ của cái đời. Có bệnh mới có ho. Bệnh càng nặng ho càng sâu. Đời càng thấu ho càng thấm. Nghe ho biết bệnh cũng như đọc thơ biết đời. Tự dưng tôi muốn viết vài cảm nghĩ về thơ Luân Hoán.

Ta đã từng nói trước
qua dây là bó tay
một chân làm sao chạy
theo cái đời lăn quay

Ngồi không, ừ,sướng lắm
mỉa mai hoài mà chi
sống liều mạng vẫn sống
ta chừ có ra gì !

Và cơm cùng nước mắt
cúi mặt sợ em buồn
cổ ta không ai bóp
ăn bánh mì mắc xương

Muốn chết mà sợ chết
ngồi ngó bốn bước tường
Sợ chết mà muốn chết
tâm ta hết bình thường

Hạnh Phúc Ta.

Có người đã từng nói rằng: Không phải thơ hay làm cho đời người khốn khó mà có khốn khó thì thơ mới hay. Tôi chưa từng được quen biết với nhà

thơ Luân Hoán. Nhưng đọc thơ cũng đủ nhìn ra được cảnh đời của ông. Ở trong một xã hội bận rộn tranh giành suốt cả ngày đêm mà ông chỉ có mỗi một chân. Bị chen lấn xô đẩy mà không ngã đã là may. Đừng nói đến dấn thân bay nhảy. Cũng như nhiều người khác. Thoát ra khỏi vòng kềm tỏa của Cộng sản, ai lại không ước mơ làm lại cuộc đời.. ngơ ngác cõi quê người. Tiến lên thì bất lực,ngó lại hết đường lui. Cái cần ta không đạt, cái đạt người không cần.Lỡ tay đời thầy thợ. Ước gì mọc lại chân. Cái chua chát của chuyện làm người không được toàn vẹn thành thử bị thua sút, ám ảnh bàng bạc trong thơ của ông. Cái buồn thầm kín, có lúc lộ liễu, che lên mặc cảm những diễu cợt hoặc hào phóng, khiến thơ của ông có sắc thái đã làm cho tôi phải hoài nghi. Có lúc ông ho ra thơ như người mắc trọng bệnh, lại có lúc ông ho thơ như người ngứa cổ ho chơi, lại có lúc ho như người không có gì làm,không có gì giải trí,ho cho đở nhạt cuộc đời.

Ví dụ như: Lên đồ đi kiếm job
từ mờ sáng đến chiều
job nào cũng hứa gọi
mỏi chân ngồi đăm chiêu

Thêm một ngày ngày nữa
lang thang như đi chơi
cúi đầu chợt nhìn thấy
bóng ta trên đất người

Vẫn bềnh bồng ngọn tóc
Vẫn tóp rọp chơ vơ
còn gì trong bộ óc
sẽ vọt ra bất ngờ ?

Một bầy bồ câu đậu
lẩn quẩn như đòi mồi
biết tìm đâu nắm thóc
làm bạn với chim chơi

Mỏi Chân Ngồi Bên
Đường Saint-Denis.

Bệnh đời của nhà thơ Luân Hoán không ghê gớm nan y nhưng đủ tái tê da diết để bật ra những câu thơ đọc vào thấm thía. Cảnh nặn óc, lết bộ đi xin việc mà không có. Rồi ngồi băn khoăn bên đường làm bạn với chim. Hiền lành quá. Không oán hận Trời đất. Không bực bội nhân gian. Man man, buồn buồn, vậy thôi. Có lẽ trong những cảm giác man man buồn buồn như vậy, nhà thơ Luân Hoán đóng góp vào dòng thơ Việt những câu thơ để nhớ. Cứ mỗi lần rửa mặt,tò mò nhìn vào gương, thấy gì trong đôi mắt, phải chăng nỗi chán chường...

Có thi sĩ tự nhận mình là con chim lạ làm thơ vì ngứa cổ hót chơi. Những loại thơ nầy thường thấy nhiều tỉnh từ hoa hoè sáo. Thường gối vào nhau những hình tượng lãng mạn và những ý tưởng mơ hồ. Ngứa cổ hót chơi nên mới chú trọng nhiều về hình thức. Cấp thấp thì đẻo gọt vần điệu. Cấp cao thì chà mài ý tứ. Nếu không bóng bẩy thì mơ màng. Nếu không làm đẹp thì thả mù. Ho vì bệnh thì làm gì có tâm tư mà đẻo gọt chà mài. Vì đau đớn mà nhăn mày nhíu mặt thì cũng không làm sao khác hơn. Cứ như cả tập thơ của Ông Mai Thảo, ho xoáy từ tâm sự phải là bài:

Mắt đã từ lâu mù dáng người
Tai đã từ bao lạc tiếng đời
Đứng lên gửi lại lời xin lỗi
Của kẻ ra về giữa cuộc chơi.

Ai đã từng uống rượu với ông, tất sẽ hiểu vì sao đứng lên gửi lại lời xin lỗi cuả kẻ ra về giữa cuộc chơi.

Thơ của Luân Hoán không có nhiều sáo ngữ. Không tìm thấy những khéo léo tinh thuật của ngôn từ. Cũng gần đúng thống kê như nhiều người nhận xét. Thơ của người miền bắc thường tinh xảo. Thơ của người miền nam thường mộc mạc. Thơ của người miền trung thường thô thiển. Một trong những khuyết điểm của thơ Luân Hoán là những câu thơ ông viết vì ngứa cổ hót chơi. Những tứ thơ ấy không chuyên chở được cá tính và không diễn đạt được tâm tình thật sự của ông. Có những loại cá tính hoặc quá buồn hoặc quá vui, những cá tính mạnh cường độ. Ví dụ thơ Bùi Giáng, cá tính ở cường độ dương. Thơ Hàn Mặc Tử, cá tính ở cường độ âm. Thơ Luân Hoán, cá tính ở giữa hai cực. Những bi lụy hoặc những diễu cợt quá trớn đều kkhông thích hợp với thơ của ông.

Tôi vẫn thường suy nghĩ về chốt điểm nầy vì nó cũng là khuyết điểm của riệng tôi. Người ta đã có nói:Nói nhiều thường sai nhiều. Viết nhiều thường dở nhiều. Có lẽ với bản chất cô đọng của thơ, thơ không nên sáng tác một cách phung phí.

Thơ là ngôn ngữ riêng của tâm tình sử dụng ngôn ngữ chung của thông đạt. Ngôn ngữ thơ giống như ngôn ngữ bình thường hàng ngày. không nhất thiết phải cố tách biệt thơ bằng những danh từ, tỉnh từ "nên thơ". Hoặc gắn lên thân xác của thơ những ý tứ "theo kiểu cách riêng của thơ". Có đặc biệt chăng là thơ đi thẳng từ tâm tình ra ngôn ngữ. Vì tình cảm nào, kinh nghiệm nào cũng có hình ảnh và ý tưởng đính kèm, nên ý tứ trong bài thơ chỉ là nét vẽ lại của tình cảm và cảm súc trong một khung cảnh của tâm tư. Nói một cách khác, nội tâm của thi sĩ như một cuốn phim được phóng qua nghệ thuật thơ, chiếu lên màn ảnh. Những ý tứ trên kia chỉ là nét phóng đại của những tâm ảnh trong máy chiếu. Ước chi có con muỗi,cho hút bớt máu buồn. Ước chi ai gõ cửa, ta tặng đời ta luôn.(Ngày Qua Ngày). Chẳng có gì đặc biệt, chẳng có gì cầu kỳ. Buồn buồn, khơi khơi vậy thôi. Đơn giản như vậy mà nhà thơ Luân Hoán đã thành công.

Trong cái giản dị thô bén ấy ông đã viết lại nỗi buồn trong cuộc sống một cách nhẹ nhàng. Những

mất mát trôi qua như vài đám mây đen. Và bầu trời trong lòng ông vẫn êm đềm màu xám.

Một cái thùng con con
một đoạn tre nho nhỏ
Chị thương chịu nặng hơn
lâu lâu hơi cau có

Em đi trước run run
đòn nghiêng vì vai thấp
dốc đá vấp luôn luôn
thùng va vào sau gót

Một đôi lần em khóc
ngồi chùi vệt máu tươi
rắc lên chút đất bột
thế mà vui rất vui

Giếng trong xanh nước mát
uống lưng một vành gàu
chị múc em đứng hát
nắng chiều vàng tàu cau

ngày qua ngày qua vội
mới đó thế mà già
chị chồng con lận đận
em bỏ xứ bỏ nhà

Ở đây trời đẹp lắm
sao chẳng hề thấy vui
chẳng phải vì em khổ
chợt nhớ nhà đó thôi

Ước chi được nhỏ lại
như những ngày tản cư
cùng chị đi khiêng nước
bắt nòng nọc vọc chơi

Khiêng Nước.

Buồn khơi khơi, buồn man man là bản tính. Nét tượng hình dung trong thơ Luân Hoán là tình yêu của ông. Thi sĩ nào chẳng yêu đương lẩm cẩm. Nhưng đa số thơ tình của Luân Hoán lại dành cho vợ của ông. Một đặc điểm ít thấy trong dòng thi ca Việt. Những bài thơ ông viết cho vợ ngoài những lời lẽ, ý tưởng giản dị, còn chuyên chở cả sức trìu mến, lòng yêu đương dù đã chung đụng ít nhất là hai mươi năm.

Trộn chút tình ta vào trong bột giặt
vò nhẹ nhàng bởi lo sợ em đau
vải còn đượm mùi da em thơm ngát
tay bùi ngùi như đang vuốt ve nhau

Trông thau nước đục lờ những cáu bẩn
ta bỗng thương lớp bụi nổi màng màng
chúng là những nhọc nhằn em gánh chịu
nuôi chồng con dài năm tháng gian nan

.....

Đời không giữ giùm ta hai chân đứng
có lẽ nào vô dụng mãi hay sao ?
giặt giũ làm thơ đọc vài trang báo
hai mươi bốn giờ thường trực chiêm bao.

Giặt Áo Quần Cho Vợ.

Khi người vợ trở thành đối tượng của thơ tình thì sức ái tình ấy phải mãnh liệt gấp mấy lần những loại ái tình phơn phớt ngoài đường hay lân bang hàng xóm. Có người cho rằng ông ca ngợi vợ vì vợ ông phải bôn ba lo lắng chuyện sinh kế hàng ngày. Có người cho rằng ông bám lấy vợ vì không đủ hai chân. Cũng có thể như vậy nhưng khoan đã. Hãy ngừng lại một chốc. Hãy nhìn lại xung quanh. Tại sao người Việt ở xứ nầy ly dị nhiều quá vậy ? Từ 15 cho đến 75, tuổi nào cũng có người ly dị. Quay qua quay lại những cặp mới yêu đương thắm thiết bỗng nhiên ly tán, thưa kiện một cách bất ngờ. Nói lý khó hiểu lắm. Đã rán từ tuổi 20 đến bây giờ, sao hơn 60 rồi còn nhất định chia tay ? Có trăm ngàn lý do khác nhau để giải thích. Chung qui vẫn là sự đánh đổi. Thời gian của mỗi người đều có giới hạn. Dù muốn hay không, hễ được cái nầy tất mất cái kia. Ở những tấm lòng nhạy cảm, tôi ủng hộ thái độ hạnh phúc của nhà thơ Luân Hoán. Đời người quả không được bao lâu, sao không vui mà khốn đốn ?

Đêm trằn trọc nằm nhìn em say ngủ
muốn hôn lên nỗi mệt mỏi bơ phờ
nỗi chua xót mà em từng chịu đựng
sợ môi hồng làm vỡ giấc em mơ

Hãy ngủ ngon hỡi em yêu hiền thục
mai cuối tuần em về sớm đọc thơ
gắng đừng khóc để mình anh gánh chịu
xứ lạ quê người lạnh nỗi bơ vơ

Ly Rượu Cuối Tuần Cho Lý.

Đời có khó, lòng mới rách, thơ mới có dịp nên hay. Cao Bá Quát mất tất cả, mất luôn đầu, nên thơ mới hay. Hàn Mặc Tử bị bệnh cùi, mất tất cả nên thơ mới hay. Xuân Diệu, Huy Cận làm thơ hay ở tinh thuật của ngôn ngữ nhưng không sâu bằng thơ của họ Hàn. Cái mất mát của nhà thơ Luân Hoán không phải ai cũng muốn nhưng đã có thì nên dùng. Bậc cao nhân ngày xưa há chẳng biến chuyện riêng của mình thành thiên Ly Tao thiên cổ hay sao ? Góp gió mới thành bão. Lảng phí tâm tình vào những chuyện vụn vặt sẽ mất đi sức mạnh để tự nhiên mà nên chuyện phi thường. Tôi chép cấp câu nói ấy của một người có tên tuổi.

Cho cùng không lẽ tôi lại chúc dữ cho nhà thơ Luân Hoán những bệnh đời trầm kha,những tâm tình tan tác hay sao ? Nghĩ và viết cho qua những ngày bệnh, thế thôi.

MÙA XUÂN TRONG ÂM NHẠC

QUỲNH GIAO

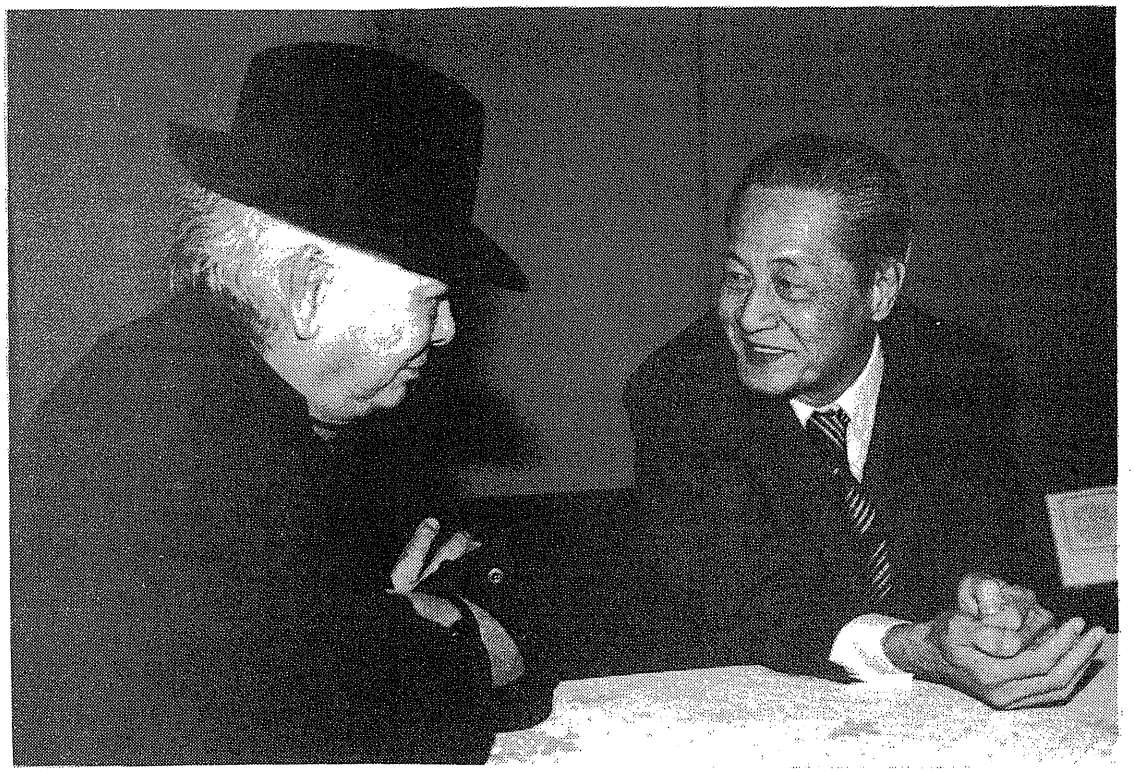

Nhạc sĩ Phạm Duy, bên trái, và nhạc sĩ Nguyễn Hiền

Giữa tiết Đông lạnh giá mà nói về mùa Xuân thì quả là "trái mùa". Nhưng, các bạn có đang thấy mình ghê ghê lạnh dưới hai ba lớp áo len mà chợt thèm một chút tiết Xuân ấm áp? Có phải bạn nhìn chiều xuống thật thấp, thật buồn, và không khí thê lương của hoàng hôn gợi lại ánh nắng Xuân rực rỡ của những ngày trời cao, mây trắng? Và khi bạn bắt gặp một cành cây trụi lá, khẳng khiu ngoài khung cửa, thân cây khô lấp lánh như có ánh bạc, chắc chắn bạn sẽ nhớ ngay đến mùa Xuân với những đóa hoa muôn mầu và những lộc non xanh mơn mởn trên đầu cành.

Tôi cũng mang tâm trạng nhớ Xuân như các bạn. Nếu là họa sĩ, biết đâu tôi chẳng có ngay một bức tranh mùa Xuân, với rất nhiều mầu xanh lục và mầu vàng nõn tơ, với những chùm hoa trắng, phơn phớt tím hồng. Trí tưởng tượng dựng khung tranh chưa xong, tôi tự bảo mình phải *stop* kẻo các họa sĩ sẽ kiện! Nếu là nhà thơ, làm gì tôi chẳng có ngay một bài thơ năm chữ ca tụng nét Xuân, dĩ nhiên sẽ ví von mùa Xuân với nàng Xuân. Nếu lấy vần Xuân, bài thơ sẽ có các thanh âm êm đềm như: thanh tân, bụi trần, cố nhân, đông quân và tại sao không- vân vân... Tôi cứ kê khai tiếp thì chắc chắn sẽ bị các nhà thơ hỏi chuyện phải quấy, nên cũng tự bảo mình phải *stop*.

Thôi thì tôi đành làm điều dễ dàng hơn: tìm lại những bản nhạc Xuân, để thấy trong bốn mùa, mùa Xuân được các nhạc sĩ ca tụng nhiều nhất. Dĩ nhiên tôi sẽ có nhiều thiếu sót khi chỉ kể đến những bài quen thuộc mà thôi, chắc các bạn độc giả sẽ thứ

lỗi cho nếu không thấy tên một vài bài Xuân ca mình ưa thích...

Những bạn yêu nhạc cổ điển Tây phương không ai không biết tấu khúc "Bốn Mùa" (*The Four Seasons*) của Vivaldi. Trong đó, Vivaldi diễn tả bốn mùa với đầy đủ đặc tính về thời tiết. Bạn có bao giờ tưởng tượng là người nghệ sĩ có thể chỉ dùng âm thanh trừu tượng để diễn tả màu sắc và khí hậu không? Trong bài của Vivaldi, người ta nghe mùa Xuân ấm áp qua nét nhạc khoan thai, dịu dàng; mùa Hạ nóng bức có những trận mưa dông đột ngột; mùa Thu ảm đạm, buồn hiu hắt; và mùa Đông giá lạnh với những cơn sấm sét chấn động. Tôi có một người bạn rất yêu thích tấu khúc này. Anh cho biết anh có trên hai mươi *versions* khác nhau do nhiều ban hợp tấu trình bầy.

Beethoven có cầm tấu khúc soạn cho vĩ cầm và dương cầm tả cảnh Xuân với điệu nhạc thật bay bổng lả lướt, những đoạn viết cho vĩ cầm và dương cầm giao thoa (*canon* như những cánh bướm dập dìu bên những đóa hoa. Nghe *Spring Sonata* của Beethoven người ta thấy lòng phơi phới, lâng lâng nhẹ nhàng...

Mendelssohn ít có giai điệu vui, vậy mà ông cũng có bài hát mùa Xuân (*Chanson du Printemps*) nhịp nhàng, cân đối, vẽ nên một khung cảnh mùa Xuân làm riêng tôi liên tưởng tới truyện Kiều, đoạn Nguyễn Du tả tiết Thanh Minh, với những cành lê trắng điểm một vài bông hoa...

"Khu Vườn Dưới Mưa" là tên một tấu khúc Debussy soạn cho dương cầm (*Le Jardin Sous la Pluie),* tuy không nhắc đến chữ Xuân trong tựa đề, nhưng có nét nhạc linh hoạt, nhẹ nhàng như một cơn mưa phùn đầu Xuân. Khác với những nhạc khúc nói trên, chỉ dùng âm nhạc diễn tả mùa Xuân, tôi nhớ đến hai ca khúc của Schubert viết về Xuân, đó là "Giấc Mộng Xuân" (*Fruhlingstraum*) và "Niềm Tin Đầu Xuân" (*Fruhlingsclause*), với nét nhạc phấn khởi, êm ái và lời ca tả những đốm *muguet* trắng nuột nà, tiếng chim rộn rã sáng Xuân, khiến ông nhắm mắt lại, quên đi giá lạnh, và nghĩ đến lúc được nhìn lộc non trên cành lá, ôm người yêu trong vòng tay.... Mùa Xuân đến, Schubert tả tiếp, mọi sự sẽ thay đổi, hãy quên đi nỗi khổ hiện tại...

Qua đến các tác giả tân nhạc Việt Nam, kho tàng âm nhạc viết về mùa Xuân của chúng ta không kém phong phú và dẫn ta vào mùa Xuân trực tiếp hơn vì là nhạc có lời ca.

Tôi xin bắt đầu bằng những bài Xuân ca phổ thông nhất, hầu như mỗi bài lại thích hợp với một thời kỳ, một lớp người. Trước hết là một người ngày nay ít ai còn nhớ tới, đó là La Hối.

La Hối là nhạc sĩ có duy nhất một tác phẩm, nhưng lại rất nổi tiếng vì nhạc phẩm duy nhất ấy, đó là "Xuân Và Tuổi Trẻ", một ca khúc không thể thiếu mỗi độ Xuân về. Ông vốn là một người Việt Nam lai Trung Hoa nên bài hát có âm hưởng Trung Hoa khó trộn lẫn với những ca khúc Việt. Ngay từ đầu thập niên 1950 thính giả đã yêu thích "Xuân Và Tuổi Trẻ" vì nét nhạc phong phú, vi vút như những cánh bướm chập chờn. Nhưng... các ca sĩ thì thường dễ bị hụt hơi vì đoạn chuyển khúc *vui hát đi cho lòng thêm sướng, vui hát đi cho lòng thêm tươi, ta hát ca đón mừng Xuân mới, ta hát ca cho lòng thêm hăng hái*... mười trường canh hát liền một hơi không được ngắt!

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền, tác giả của những bài hát nhẹ nhàng đầm ấm cống hiến cho chúng ta một bản nhạc về mùa Xuân rất đẹp, phổ thơ của Kim Tuấn, đó là ca khúc "Anh Cho Em Mùa Xuân", nổi tiếng trong thời kỳ 1960-1970. Đây là một bài ca về mùa Xuân nhưng cũng là một bài ngợi ca quê hương với nét nhạc rất trữ tình.

Cùng trong dòng nhạc nhẹ nhàng, thanh cao, thích hợp với mọi thời kỳ, Tuấn Khanh, tác giả của "Hoa Soan Bên Thềm Cũ" có tác phẩm "Mộng Đêm Xuân" nhịp "Boston" tha thiết và êm đềm như một bài thơ.

Trong những năm chiến tranh, Xuân của người lính chiến trở thành Xuân của mọi người và ta sẽ không quên được những bài Xuân ca viết cho chiến sĩ. Nguyễn Văn Đông có "Phiên Gác Đêm Xuân", Trần Thiện Thanh có "Đồn Vắng Chiều Xuân"... và còn nhiều tác phẩm của các tác giả khác mà vì khuôn khổ hạn hẹp và trí nhớ trung bình của người viết, không thể kể ra cho hết được.

Ở trên một khía cạnh khác, người ta có thể nhớ tới những bài ca Xuân mang nhịp điệu thành phố, rất Âu Tây. Tôi muốn nói tới Văn Phụng.

Nhạc sĩ Văn Phụng là người yêu tiết điệu và hay dùng những nhịp điệu tân kỳ nên có mang lại một sắc thái mới mẻ cho nhạc Việt trong những sáng tác của ông. Tôi thường sánh Văn Phụng với Hoàng Hải Thủy, cả hai ở vào những lãnh vực khác nhau nhưng giống nhau về lối "thích ứng" (*adaptation*) với văn hóa Âu-Mỹ. Hoàng Hải Thủy có những truyện phóng tác từ các tác phẩm ngoại quốc thật tuyệt như "Chiếc Hôn Tử Biệt", "Tìm Em Nơi Thiên Đường", "Đen Hơn Bóng Tối", vân vân... Văn Phụng là người viết những ca khúc đầu tiên của Việt Nam theo nhịp "Chachacha" hay "Slow-Rock"... Ông sở trường về những ca khúc vui tươi, tả cảnh thiên nhiên. Vì vậy hai bản nhạc về Xuân của ông là "Xuân Miền Nam", và "Xuân Thôn Dã" rất được thính giả yêu chuộng, và giới ca sĩ thích hát. "Xuân Miền Nam" nhịp "Boléro" là bài trình bầy hai giọng rất hợp vì nét nhạc

uyển chuyển, tươi tắn. Bản nhạc này khi được Kim Tước, Mộc Lan và Châu Hà hợp ca, đố ai nhận ra lúc nào là Châu Hà, lúc nào là Mộc Lan hay Kim Tước, vì nhạc điệu và tiết điệu thật quyến luyến và hài hòa với nhau y như những giọng hát đó.

Ca khúc "Xuân Thôn Dã" của Văn Phụng được viết theo nhịp "Valse" linh hoạt. Ca khúc rất tuyệt này tiếc thay lại ít được biết tới, có lẽ vì ít được trình bầy tại phòng trà cũng như thu vào băng nhạc do lời ca "lành mạnh" quá chăng?. Hình như thính giả thường thích những gì ủy mị, thê thiết, nên Văn Phụng quả có nhiều thiệt thòi khi chọn cho mình hướng đi trên. Bù lại, ông có những bản "sướt mướt" được nhiều người biết đến hơn, như "Yêu", Suối Tóc", "Chán Nản"...

Nói tới nhạc Xuân của Việt Nam, không thể không nhắc tới nhạc sĩ hàng đầu của tân nhạc Việt Nam.

Một mình Phạm Duy có tám bài hát về Xuân: "Hoa Xuân", "Đêm Xuân", "Xuân Thì", "Xuân Nồng", "Xuân Ca", "Xuân Hành", "Tuổi Xuân", "Xuân Hiền". Đó là không kể bài "Bến Xuân" soạn chung với Văn Cao, hoặc "Xuân Trên Buôn" dân ca cải tiến của sắc dân Ê-Đê và "Mùa Xuân Yêu Em", phổ thơ Đỗ Quý Toàn.

Trong các ca khúc nói trên, bài "Hoa Xuân" được hát nhiều nhất vào mỗi dịp Nguyên Đán. Lời ca và ý nhạc bình dị, tươi tắn, diễn tả trạng thái tâm hồn phơi phới trước thiên nhiên và đồng loại.

Trải qua mấy thập niên, "Đêm Xuân" vẫn là một ca khúc của mùa Xuân đẹp nhất, nên thơ nhất. Nghe "Đêm Xuân", tôi hiểu thế nào và tại sao các cụ ta xưa thường dùng chữ "Xuân" để tả những gì đẹp đẽ và thơ mộng nhất. Người ta thường nói đến sáng Xuân, chiều Xuân, bến Xuân, và còn gì nồng nàn hơn là... đêm Xuân.

Đối với tôi, nhạc và lời của bài "Xuân Thì" là một công phu trác tuyệt. "Xuân Thì" không tả cảnh mùa Xuân mà là tâm sự của tác giả về mình, về nhân thế, với đặc tính cố hữu trong lời ca của Phạm Duy là lòng nhân ái. Ông mong có một mùa Xuân thái hòa cho nhân loại. Ông thương từ cây súng cô đơn đến những nụ hoa đào nở trên lối mòn chiến xa. Ông ôm nhân loại trong mình, cười tuôn nước mắt cho Xuân tình dấy men. Cùng với lời ca súc tích và đầy hình ảnh, Phạm Duy dùng cách chuyển khúc từ giai điệu "thứ" sang "trưởng" thật thần tình để diễn tả nỗi hân hoan thăng hoa từ sự khổ đau.

Bản "Xuân Nồng" của ông hoàn toàn tả cảnh Xuân, mà là mùa Xuân miền Nam. "Xuân về không có mưa phùn mà chỉ có bụi xe"... nhưng vẫn là Xuân nên thơ. Nét nhạc của Phạm Duy thường đi đôi với lời, nên vẻ ngộ nghĩnh của người và thời tiết trong Nam được diễn tả bằng nhịp ba linh hoạt với âm giai "Fa trưởng" trong sáng.

"Xuân Ca" và "Xuân Hành" là hai ca khúc Phạm Duy soạn theo khuynh hướng những bài hát tâm linh. Người từ lòng người đi ra rồi sẽ trở về lòng người. Hãy hưởng mùa Xuân trong từng chớp mắt trong cuộc sống ngắn ngủi này. Mùa Xuân của Phạm Duy có từ trong đêm tân hôn của cha mẹ, và từ đó ông ra đời góp chung câu gào thiết tha cho mùa Xuân vĩnh cửu. Nếu chết đi thì xin được tái sinh nhiều lần để được tiếp tục đi mãi trong mùa Xuân. Bài này soạn theo giai điệu ngũ cung, nghĩa là rất Việt Nam.

Nhạc sĩ Ngọc Bích, một trong những bạn đồng hành của Phạm Duy thời kháng chiến, có hai ca khúc về mùa Xuân cùng nhịp điệu "Tango" rất độc đáo. Đó là hai bản "Nhớ Xuân" và "Mộng Chiều Xuân". Thính giả yêu thích "Mộng Chiều Xuân" nhiều hơn bài "Nhớ Xuân"; đối với riêng tôi, bài "Nhớ Xuân" và một số ca khúc khác của Ngọc Bích đáng được nhắc nhở và trình bày nhiều hơn nữa. Bài "Nhớ Xuân" viết từ thời kỳ chiến tranh, mang đầy hình ảnh núi rừng và quê hương đất nước mà vẫn thích hợp với nhịp điệu "Tango" rất dìu dặt. Ngọc Bích sáng tác không nhiều nhưng là một nhạc sĩ tôi rất yêu thích, vì ca khúc nào của ông cũng đặc biệt hay và có bản sắc rất riêng biệt. Nhạc của Ngọc Bích không quá Tây phương mà cũng không quá Việt Nam. Nghe nhạc Ngọc Bích thật thoải mái vì ông dung hòa được những hợp âm Tây phương với nét dung dị của Đông phương.

Một bậc sư trong nghệ thuật dung hợp cái rất Tây và rất Đông trong tân nhạc là Dương Thiệu Tước. Ông vua của những tiết điệu Tây phương đã cống hiến cho chúng ta bản luân vũ được coi là hay nhất của Việt Nam, ca khúc "Bến Xuân Xanh".

Dương Thiệu Tước sáng tác "Bến Xuân Xanh" rất công phu. Tác phẩm dài tổng cộng 180 trường canh (tức là dài gấp ba một bài luân vũ trung bình có 64 trường canh, thí dụ như "Thu Vàng" của Cung Tiến) và được viết bằng âm giai "Do trưởng" loại âm giai được liệt vào loại *sáng*. (Giới sáng tác nhạc cho âm giai "Ré giáng trưởng" và "La giáng trưởng" là âm giai *dịu* nhất. Âm giai "Sol thứ" và "Si thứ" là âm giai *buồn* nhất. Âm giai "Do trưởng" và "Fa trưởng" là âm giai *sáng* nhất). Vì thế, bản "Bến Xuân Xanh" đòi hỏi ca sĩ phải trình bầy đúng âm giai nguyên thủy. Khi nghe một người trình bầy không đúng "ton" (thí dụ người hát không lên được những nốt cao nhất của bài hát, phải hạ xuống một hay hai "cung") thì ông hơi hơi buồn. Đoạn biến khúc của "Bến Xuân Xanh" được Dương Thiệu Tước chuyển sang âm giai "La giáng trưởng" trở nên êm dịu lạ thường trước khi trở về cung "Do

trưởng" trong sáng. Nhạc sĩ Dương Thiệu Tước còn soạn phần nhạc mở đầu (introduction) và kết thúc (Coda) thật vi vút, du dương. Lời ca trong "Bến Xuân Xanh" tràn đầy Thơ, Nhạc, Hoa, Nắng, Gió và Sóng Nước: toàn là những biểu tượng lung linh rực rỡ của mùa Xuân.

Ngoài ca khúc "Bến Xuân Xanh" độc đáo nói trên, Dương Thiệu Tước có soạn ba bài khác về mùa Xuân, là "Vui Xuân", "Vườn Xuân Thấm Tươi", và "Tìm Xuân". Tất cả đều hay vì có sắc thái riêng biệt của Dương Thiệu Tước, nhưng đối với tôi, "Bến Xuân Xanh" vẫn là bản có giá trị không thua kém bất cứ một ca khúc nghệ thuật nào của Tây phương. Chỉ cần viết một "Bến Xuân Xanh" Dương Thiệu Tước đã xứng đáng với một chỗ đứng sáng chói trong nền tân nhạc Việt Nam.

Một nhạc sĩ khác cũng xứng đáng với ngôi vị trên mà lại chỉ được giới thẩm âm biết tới, đó là Vũ Thành. Người nghệ sĩ tài hoa đã quá cố này có một ca khúc mang tựa đề về mùa Xuân là "Tình Xuân". Cũng với âm giai *sáng* "Do trưởng", ông dùng ý nhạc cao sang, thanh thoát, cho ta nghe và thấy được một mùa Xuân đầy sắc hương thi vị. Những sáng tác khác của ông tuy không có tựa đề về mùa Xuân nhưng luôn luôn gợi nhớ tới Xuân. Câu mở đầu của bản "Nhớ Bạn" là *Xuân vương trên ngàn hoa*... Bản "Say nhạc Canh Tàn" cũng mở đầu bằng *Gió Xuân đưa mây vật vờ*...

Nhạc Vũ Thành cũng như con người nghệ sĩ của ông: già dặn, thanh cao mà ẩn dật như một cội mai...

Cũng giống Vũ Thành, nhạc sĩ Hoàng Trọng vừa sáng tác vừa soạn hòa âm cho những ca khúc nghệ thuật, nhất là cho ban hợp xướng.

Về nhạc Xuân, Hoàng Trọng viết "Gió Mùa Xuân Tới" bằng nhịp "Rumba" vui tươi thường được nghe đến vào ngày Tết trong những năm giữa của thập niên 1950-1960.

Ban Hợp ca "Tiếng Tơ Đồng" do ông thành lập và điều khiển, mỗi dịp Xuân về vẫn trình bày nhiều bài hát Xuân theo hòa âm của ông, nghe rộn ràng như niềm hy vọng trước thềm năm mới. Những ca khúc "Nhạc Xuân" của Thẩm Oánh," Tình Xuân" của Vũ Thành, "Đón Xuân" của Phạm Đình Chương, "Xuân Miền Nam" của Văn Phụng, "Xuân Ca" của Phạm Duy, "Khúc Nhạc Ngày Xuân" của Nhật Bằng vang lên phơi phới...

Nhật Bằng là con chim đầu đàn của ban hợp ca "Hạc Thành" nổi tiếng từ thập niên 1950 tại Hà Nội cùng ba người em là Nhật Phượng, Thể Tân và Hồng Hảo. Nhật Bằng có tác phẩm "Khúc Nhạc Ngày Xuân" rất tân kỳ với nhịp điệu "Swing" nhí nhảnh. Những ngày đầu Xuân, nghe ban "Hạc Thành" trình bầy "Khúc Nhạc Ngày Xuân" với hòa âm cho bốn giọng thật quyện, khi êm khi mạnh và rất đều giọng khi trình bầy những nốt "chôi" (syncope) điêu luyện và nghệ thuật. Những người biết khiêu vũ thường nói là nghe bài này mà không đứng lên nhịp vài "pas" thì chịu không được, chả biết có đúng không.

Sau cùng, tôi xin nhắc tới một nhạc sĩ khả kính vừa từ giã chúng ta trở về với cát bụi vào mùa Thu qua.

Nhạc sĩ Phạm Đình Chương là người được thính giả *mang nợ* nhiều nhất mỗi khi Xuân về. Không ai không từng hơn một lần nghe và hát bản "Ly Rượu Mừng" của ông, khiến có lần ông nói đùa: "Nếu mọi người chỉ cần trả một đồng thôi, mỗi khi hát "Ly Rượu Mừng", thì tôi đã thành triệu phú từ lâu". Cái hay của bản nhạc, ngoài nét nhạc phơi phới hân hoan dễ nghe dễ hát, lại mang một nội dung thích hợp với mọi tầng lớp thính giả. Vì thế "Ly Rượu Mừng" không chỉ được cất lên mỗi dịp Tết Nguyên Đán mà còn thường được mọi người chung hát tại các buổi họp mặt, tiệc tùng, cưới hỏi...

Một bản nhạc Xuân khác của Phạm Đình Chương cũng thường được nghe trình bầy hợp ca tại các đài phát thanh, hay đồng ca vào những dịp họp mặt tất niên tại các trường học là bản "Đón Xuân".

Nhưng thật ra, bản nhạc Xuân tuyệt vời nhất của Phạm Đình Chương chính là khúc "Xuân Tha Hương". Tác phẩm này được viết với nhịp điệu ba/bốn "Boston" chậm rãi, tha thiết. Âm giai "Ré trưởng" không quá cao hoặc quá thấp nên thích hợp với mọi giọng hát. Ý nhạc nhẹ nhàng, uyển chuyển, nhờ ông dùng nhiều chuyển âm. Gần như cứ hai trường canh ông lại thay đổi hợp âm, mang lại cho "Xuân Tha Hương" sắc thái đặc-biệt-Phạm-Đình-Chương.
Bản nhạc còn tuyệt vời vì lời ca buồn man mác, nhẹ nhàng kín đáo chứ không rã rượi sầu thảm. Trong thập niên 60 khi bài hát được thịnh hành, người ta yêu lời ca vì nhớ tới Hà Nội và những ngày Xuân êm đềm xa xưa. Ngày này, người ta càng yêu lời ca hơn vì nỗi buồn tư hương bao phủ lên cả quê hương yêu dấu.

Riêng người viết bài, sau khi kể ra ngần ấy ca khúc về mùa Xuân, tôi thấy lòng mình bâng khuâng như vừa chợt đón một làn gió Xuân. Cảnh vật bên ngoài đỡ giá buốt và men lòng như ấm lại với kỷ niệm và khí Xuân trong tâm tưởng.

Và, như Phạm Duy, chợt thấy *ngày Xuân con én đưa thoi, có người nhớ tới những lời yêu mến nhau*...

08.11.1991

TRƯỚC NGÀY RA ĐI

Hồi Ký

HUY TRÂM

Chẳng cần phải suy xét nhiều tôi cũng thấy việc qua Mỹ sống là tốt hơn cả nên tôi vội vàng đi nạp đơn. Tôi dậy từ sáng sớm, ăn bát cơm rang, uống một miếng trà đậm rồi mặc cái áo mới để chuẩn bị. Điều sau này cũng mang nhiều ý nghĩa.

Vợ tôi thắp một cây nhang, lầm rầm khấn bái rồi giục tôi:

"Anh đi sớm đi, ông thầy dặn mãi là phải xuất hành vào giờ dần đó".

Tôi lặng lẽ dắt xe ra ngõ. Trời Sàigòn, sau cơn mưa đêm tháng Tám, cây lá còn sũng hơi nước. Tôi đạp tắt qua mấy con hẻm của Xóm Nùng, thời xưa gọi là đường Quân Sự, băng qua chợ Chim Xanh rồi ra đường Bình Thới. Đường trong hẻm đầy bùn nên ra tới lộ, tôi phải kiếm cái que gạt bùn ở bánh xe ra.

Đúng bốn giờ rưỡi sáng, tôi đã tới Tổ Xuất Cảnh của công an quận Mười Một. Tôi cứ ngỡ mình là người đến sớm nhất, nhưng không phải. Đã có cả chục ông, bà tụ tập ngay cửa phòng của Tổ Xuất Cảnh.

Một ông đứng tuổi, mặc áo vét ký giả hỏi tôi:

"Nạp đơn xin đi hả?"

"Dạ vâng".

"Diện gì?"

"Thưa H.O.".

Ông thu lấy đơn của tôi, đặt xuống phía dưới xấp đơn của những người đến trước, rồi chận lại bằng một hòn đá to.

Tôi ra một góc riêng, ngồi xổm, chờ cán bộ của Tổ Xuất Cảnh. Tôi ngại sự bàn tán lôi thôi. Trời loãng sương dần và người ta lục tục đến mỗi lúc một đông. Tới lúc mặt trời vừa lên thì người đi nạp đơn lên tới cả trăm và tiếng nói chuyện nghe lào xào như ở một cái chợ con. Tôi nghe loáng thoáng những câu hỏi đáp, vấn kế lẫn nhau của đám người xa lạ, thuộc đủ mọi thành phần nhưng cùng chung một mẫu số: khát khao đi Mỹ.

Một ông khoảng ngót năm mươi, mắt kính sáng loáng, ria mép con kiến đang giảng giải cho bà con về các thủ tục ra đi.

Ông cho hay trước năm 75, ông làm việc cho sứ quán Mỹ nhưng ông đã không đi Mỹ. Nay ông đi nạp đơn vì con gái ở bên ấy thúc giục mời mọc ông qua để cô báo hiếu. Ông nói rồi, móc bóp, lấy thư của cô con gái đưa cho mọi người xem. Một thiếu nữ chừng hai mươi gương mặt hiền lương, chân chất, đi nạp đơn cho cha mẹ, rụt rè hỏi:

"Dạ thưa bác, con nạp đơn như vầy thì chừng nào mới có xuất cảnh?"

"Sáu tháng, tám tháng, mười tháng, cái đó tùy từng trường hợp cho cả ba diện". Ông sở Mỹ trả lời.

Cô thiếu nữ rụt rè hỏi tiếp:

"Dạ thưa bác, có giấy xuất

cảnh rồi thì chừng nào được kêu phỏng vấn ạ?"

"Cái đó cũng tùy. Sáu tháng, tám tháng, mười tháng".

Tôi lại nghe, một điệp khúc nữa, mà luôn luôn ông đưa ra con số chẵn: sáu tháng, tám tháng. Tôi nghĩ chẳng lẽ lại không có ai phải chờ đến tháng thứ bảy hay sao? Một cô mặc váy đầm, có lẽ là người Hoa, tiến lại gần ông, ngập ngừng:

"Thưa bác, nạp đơn rồi cháu có nên ra Hà Nội để chạy giấy xuất cảnh không ạ?"

Ông sở Mỹ hốt hoảng:

"Cô hỏi vậy thì đến bố tôi cũng không dám trả lời".

Thấy mệt với những câu bàn tán của người thập phương, tôi ngồi nhích ra xa mấy thước. Tôi nhặt một viên gạch, ghi trên nền xi măng những khoản tiền chi xài và mua bán trong tuần. Chợt một người trung niên, dựng xe đạp ngay cạnh tôi, cúi đầu chào. Trông anh có vẻ mệt mỏi, bạc nhược. Anh nhỏ nhẹ mang hoàn cảnh riêng của anh ra hỏi ý kiến tôi. Anh là người Bắc, ba mươi chín tuổi, có vợ và hai con. Là thiếu úy thuộc Sư đoàn Bảy, anh đi cải tạo bốn năm.

Bà chị ruột, Lê Kim Cúc, ở tiểu bang Connecticut gửi giấy về bảo lãnh cho anh qua theo diện đoàn tụ nhưng lại bỏ người em dâu ra không bảo lãnh. Nay anh phân vân không biết nên nạp đơn đi theo diện nào, H.O. hay đoàn tụ. Anh lo sợ diện H.O. không thành tựu vì có báo nói là người Mỹ chỉ nhận những người đã cải tạo từ năm năm trở lên. Tôi thấy anh khẩn khoản hỏi ý tôi nên đành liều:

"Chú cứ nạp hai đơn, mình bắt cá hai tay".

Tôi cẩn thận, thòng thêm một câu:

"Sau này nếu có gì trục trặc hay bất như ý thì chú chớ có oán tôi nhé".

Chú vui vẻ đồng ý và mời tôi hút thuốc ba số năm. Chú mời tôi hút thuốc ngoại nhưng chính chú lại không hút. Chú đem thuốc lá đi để giao tế. Tôi thì cũng y chang, hút Bastoz nhưng cũng thủ sẵn hai gói Jet, phòng ngừa việc giao tế. Ở Sàigòn những năm sau này, đi làm ăn hay đến công sở, đều có những thủ thuật mà ai cũng đều phải biết, nếu không muốn hái lấy thua thiệt.

Cho đến bảy giờ sáng thì cán bộ của Tổ Xuất Cảnh mới đến. Đơn được xét theo thứ tự và chẳng mấy chốc tôi đã thảnh thơi đạp xe về. Tới nhà, đã thấy vợ con thập thò ở cổng sắt như nóng lòng chờ đợi.

"Có nạp đơn được không?"

"Được".

Thằng con trai tôi, mười bốn tuổi, nhảy cỡn lên rồi vỗ tay. Vợ tôi trừng mắt, làm như sợ tiết lộ một điều gì ghê gớm.

Thời gian chậm rãi trôi. Tôi phải chờ 15 tháng, đơn xin đi của tôi mới được chuyển khỏi Tổ Xuất Cảnh. Tôi dò hỏi chú công an khu vực, được hay là những ai đi cải tạo về, bất cứ là mấy năm ở trại mà bị bắt lần thứ hai về chính trị như tôi, đều phải qua một thời gian thử thách rồi mới chuyển đơn lên. Tôi thấy cũng hợp lý thôi.

Hôm được giấy của Phòng liên lạc người đi nước ngoài ở đường Nguyễn Du gọi lên bổ túc hồ sơ, vợ tôi liều mua năm thứ trái cây cùng hoa tươi nhang đèn, bầy ở sân thượng cúng trời đất vào lúc chạng vạng tối.

Sáng hôm sau, theo như tôi nhờ cậy, anh Quế, Giám sát viên của chế độ cũ, lấy xe đạp dẫn tôi đi. Anh cho tôi ăn phở, mua cho tôi một gói thuốc ngoại và dặn dò kỹ lưỡng mọi thái độ khi tiếp xúc với cán bộ:

"Tâm nhớ nhá! Họ là công an cả đấy!"

Tôi thấy cảm động vì anh coi tôi như em ruột, chỉ vẽ tôi từng chút, coi tôi như một cậu bé con, tuổi còn non. Bây giờ, qua Mỹ rồi, nhớ lại hôm ấy, tôi còn thương anh vô ngần. Sao mà chân phương và ân cần quá.

Hồ sơ bổ túc xong, nửa tháng sau thì đơn của tôi được chuyển ra Hà Nội, nơi có thẩm quyền ký xuất cảnh.

Trẻ con trong nhà lại được một lần hớn hở và vợ tôi lại lo cúng tạ. Những năm sau ngày miền Nam thất thủ, gia đình tôi không bao giờ làm chủ được số phận của mình, nhất nhất mọi cái đều trông vào vận mạng hay phúc đức. Do đó mà vợ tôi cứ lo lễ lạy và cúng bái liên miên.

Mỗi lần cúng lễ, tôi đều ý tứ ra đứng bên nhà tôi, rồi lễ theo, có khi là lễ trước. Tôi nghe nhà tôi khấn lẩm nhẩm:

"Xin chư Phật, chư Bồ Tát, xin vong hồn các đảng quanh quất nơi đây phù trì cho gia đình con, tất cả là sáu người sớm được qua Hoa Kỳ để các cháu được ăn học v.v..."

Tôi thấy câu khấn chưa đủ. Qua Mỹ, tại sao lại chỉ có ăn học, còn nhiều điều hay khác nữa chứ. Nhưng tôi cũng không có ý kiến gì.

Những ngày tháng kế tiếp, tôi tiếp tục đi giao ô mai ở một số chợ và cửa hàng, trong lòng cũng hơi vui vui vì ngày được cấp giấy xuất cảnh đang lại gần. Tôi đoán là cỡ hai năm nữa, nếu không gặp rủi ro, tôi sẽ lên máy bay đi Mỹ. Ở đây, người ta thường truyền tụng nhau một câu nằm lòng: "Có lên máy bay và ra được khỏi không phận Việt Nam thì mới chắc là đi được". Còn như ngồi ở phòng cách ly chờ ra sân bay thì vẫn chưa chắc. Trong một ngàn người ra đi, chỉ có một người gặp trường hợp này nhưng người ta cứ thích nói như thế, nhất là những người không ra đi.

Tôi tranh thủ thời gian để đi học Anh ngữ. Các trung tâm và các lớp dạy Anh ngữ mở ra nhiều nhưng tôi chọn địa điểm gần nhà nhất, nằm ở khu Chợ Thiếc. Bà hiệu trưởng hỏi tôi:

"Từ hồi nào tới giờ Thầy đã học tiếng Anh lần nào chưa?"

"Thưa có ạ".

"Học năm nào?"

"1953".

"Học cuốn gì?"

"Thưa bà, cuốn Ăng-le Vi-văng, cuốn thứ ba màu nâu".

Bà nhăn mặt:

"Sao hồi nào tới giờ tôi không có nghe nói đến cuốn này". Tôi ngó kỹ bà thì chưa đến 40. Sau cùng, để trắc nghiệm sức học, bà nói một câu ăng-lê thật dài, tôi nghe uốn éo không hiểu gì. Bà bảo tôi dịch lại. Người tôi như cây chuối trồng.

"Thôi được, thầy lên lầu hai, cứ đóng học phí rồi phòng số 3, vô đó chờ. Nửa giờ nữa thì có giáo sư đến".

Tôi nạp tám ngàn đồng học phí rồi lóp ngóp lên lầu hai, vừa ló đầu vô, tôi đã ngẩn cả người ra: chừng mười mấy bạn đồng môn, khoảng chừng mười hai, mười ba tuổi đang đùa rỡn với nhau! Nhưng tôi cũng đành ngồi chờ Thầy giáo. Lát sau ông Thầy tới. Ông ước chừng non ba mươi, quần áo, giầy, mũ rất trang trọng. Thấy tôi lạc lỏng giữa đám trẻ con, ông hỏi qua loa rồi hậm hực đi xuống văn phòng.

Bà hiệu trưởng, sau một hồi lời qua tiếng lại với ông giáo trẻ, bảo tôi:

"Thôi, Thầy cảm phiền lên lầu 3 phòng số hai. Trên đó cô Thérèse đang dạy đó".

Tôi làm theo lời và lên lầu ba. Cô Thérèse mặc bộ đầm xanh sọc, tay đeo lắc vàng, đầu búi xi nhông. Tôi trình bày đầu đuôi và cô đưa cho tôi một cột báo Anh ngữ, bảo tôi đọc to lên rồi dịch ra tiếng Việt. Tôi thấy gay quá nhưng cũng đành ráng sức vậy. Tôi vừa đọc độ chừng hai ba dòng thì cô liền đứng dậy bỏ đi xuống thang. Sau đó tôi lại gặp bà hiệu trưởng để chờ vô một lớp khác. Bà hẹn tới ba bữa nữa trở lại nhưng tôi đã đi luôn, với quyết tâm tự học lấy Anh ngữ với một ông thầy hiền hậu là cái máy cát-xét.

Từ lúc có thông cáo cho nạp đơn, số người xin ra đi ngày một đông hơn và câu hỏi thăm nhau hàng ngày thường xoay quanh vấn đề nạp đơn hoặc có đi Mỹ hay không?

Tôi bắt đầu thấy phiền phức vì phải lựa từng câu trả lời cho từng đối tượng. Chẳng hạn như với một người bạn trẻ, đi cải tạo về sớm, chưa đủ tiêu chuẩn để ra đi thì câu trả lời của tôi phải rất tế nhị. Hoặc để tránh né lòng ganh ghét hoặc để xoa dịu nỗi buồn rầu.

Còn đối với một bà láng giềng đảng viên từ miền Bắc thuyên chuyển vào Nam, còn hăm tiến nhiều thứ, còn nhìn tôi với đôi mắt cú vọ thì câu trả lời luôn luôn đồng nghĩa với sự đề phòng.

Bà và cháu

Một khi đã khác biệt nhau về chính kiến, con người ta thường dễ mặc cảm và ngộ nhận. Chỉ một câu than khổ, than nghèo, là bị chụp mũ với tội nói xấu chế độ. Chỉ một nụ cười ca ngợi Hoa Kỳ là bị diễn dịch qua cái nghĩa đề cao đế quốc, bôi bác dân tộc. Có người nói với tôi, tại sao không lờ họ đi, gạt phắt đám miền Bắc ra, không chào hỏi, không tiếp xúc. Nói như thế chẳng khác gì tự cô lập, tự chuốc lấy thù oán. Tôi đi đến quyết định là trả lời lơ lửng, nước đôi hay nói lảng sang chuyện khác.

Lại còn một hạng người nữa, tôi mệnh danh là những kẻ ăn theo, những kẻ thời cơ. Ví dụ như anh Y, có quầy bán rau quả ở đầu ngõ. Anh là người di cư, lúc thiếu thời học hành dang dở. Đến tuổi động viên, anh chạy vào một trường hạ sĩ quan và sau đó mang lon trung sĩ. Khi ra trường anh tìm mọi cách để tránh né ra trận, hết làm việc ở ban văn thư lại xuống coi câu lạc bộ. Anh vận động để được đi tu nghiệp sáu tháng tại Hoa Kỳ và khi về có thêm bằng chuyên môn, anh lại được lên lương. Tới năm 73, sau hiệp định Paris, anh xin giải ngũ vì đã thấy trước tình hình. Anh ủng hộ đường lối hòa hợp hòa giải.

Khi quân miền Bắc vào chiếm đóng, anh ra làm nhân viên cho thông tin văn hóa phường, giao du đằm thắm với cán bộ, bắt đầu con đường "ăn theo". Vợ anh được coi một tổ hợp sản xuất, con gái lớn được thầu một bãi để xe, con trai vào đại học, con út là học sinh xuất sắc, nói chung là cả nhà đều đi lên.

Anh không hề biết đến tù đày, mất mát, thống khổ. Anh tự cho mình là đắc thời, đắc thế, lại còn có phúc nữa. Hết làm thông tin văn hóa phường, anh lại qua làm cho công ty du lịch, vui vẻ ký vào tờ cam kết "báo

cáo đầy đủ mọi lời trò chuyện có tính chất phản động của các khách du lịch.

Thế là nay Đà Lạt, mốt Hạ Long, cuộc đời có thuốc lá ngoại, có xe máy lạnh êm ru, để trang trí, khoe khoang.

Sau hai đợt ăn theo chế độ mới và quay lưng lại với các chiến hữu, anh bị cộng sản cho ra ngoài biên chế. Đó là lúc con diều đã nghe thấy sức gió lót mảnh và anh mở ngay quầy bán rau quả.

Bây giờ thấy người Mỹ mở chiến dịch H.O., anh lại rắp tâm ăn theo lần nữa. Anh tất tả xuôi ngược để xoay cái giấy chứng đã đi kinh tế mới trên ba năm, sao chụp bằng tu nghiệp ở Hoa Kỳ, viết thư kêu gọi cậu em họ ở Boston đứng ra bảo lãnh và hy vọng được ra đi theo diện PIP, một diện H.O. phải góp tiền.

Tôi thấy lộ trình ăn theo của anh dài quá, xuyên suốt mấy chục năm nhưng lúc gặp anh, tôi đành đóng kịch miễn cưỡng. Tôi trả lời anh bằng giọng buồn ngủ:

"Nạp đơn cho vui vậy thôi chứ chẳng hy vọng gì. Tôi lại mới mọc một cái u ác, bây giờ hàng tuần phải đi chạy điện, tốn phí lắm!"

Cứ như thế, tôi chịu sự dồn nén tâm lý dòng dã hai năm trời cho đến ngày có giấy xuất cảnh. Mọi sinh hoạt trong gia đình tôi vẫn bình thường, vợ tôi vẫn làm hàng với đôi tay lam lũ, tôi vẫn nắng sớm mưa chiều với cái xe đạp lọc cọc qua các phường phố, có khác chăng là càng lúc càng hao tốn tiền bạc cho việc ra đi.

Tháng Chín năm 90, sau khi biết có tên trong danh sách mà phía Việt Nam đã giao cho Mỹ để phỏng vấn, chúng tôi chờ đợi từng tuần từng tháng. Ngày nào tôi cũng đạp xe từ trường đua Phú Thọ lên khu vườn hoa sau nhà thờ Đức Bà để nghe ngóng tin tức. Trên những băng ghế đá, dưới những hàng cây sao cao vút hay cạnh bồn nước, chỗ nào cũng tụm năm tụm ba để bàn luận về tin ra đi. Có người từ mãi Bình Chánh lên, có người Thủ Đức xuống, bãi cỏ đông tới hai ba ngàn, chia ra làm ba loại: con lai, đoàn tụ và H.O. nhưng thành phần cuối đông hơn cả. Tôi gặp lại các bạn tù cũ, mới ngày nào cùng nhau đi trình diện cải tạo, tóc còn xanh, da còn thắm mà giờ đây đã thành tóc bạc, da mồi. Có những biến thiên cười ra nước mắt và có những mất mát không cách gì bù đắp được. Tháo dép ra, ngồi phệt xuống cỏ giữa các anh em đồng cảnh, tôi tưởng như có luồng nhiệt năng mới chạy khắp người.

Mỗi ngày, tôi thường đi giao hàng thật sớm để kịp lên vườn hoa vào chín giờ. Ở đây, cao điểm về số lượng tụ tập và tin tức là lúc mười giờ. Người ta trao nhau từng mẩu tin đăng trên báo ở Cali, ở Hoa Thịnh Đốn nhắc đến bà Khúc Minh Thơ, ông Ro-be Phun-Xét. Có những gương mặt trong giây lát, bỗng trở nên rạng rỡ vui tươi, nhưng cũng có người ánh mắt bỗng tối sầm lại.

"Thôi thế là xong! Đứa con gái gã chồng năm ngoái bây giờ phải bỏ lại".

"Sao bác bi quan sớm vậy? Khi gặp phái đoàn Mỹ mình sẽ khóc lóc van xin, biết đâu họ thương tình".

"Không được đâu ông ơi! Mỹ người ta xài côm-pu-tơ, không ai xin xỏ gì được".

Hôm nào tôi cũng về nhà trễ, có hôm đến một rưỡi trưa, vì ra vườn hoa rồi, lượt về còn đi uống cà phê hè đường. Thằng con trai, quá nôn nóng, mỗi lần thấy tôi về đều hỏi cuống quít:

"Chừng nào nhà mình phỏng vấn hở bố".

"Sáng nay, họ đã gọi phỏng vấn các người ở dưới tỉnh như Mỹ Tho, Vĩnh Long. Mười hôm nữa sẽ gọi đến Sàigòn".

Nó liền ôm lấy tôi, hôn lên đầu:

"Lần đầu tiên thấy ông bố này dễ thương quá!"

Còn đứa con gái đầu lòng, nhỏ nhẹ hơn:

"Qua Mỹ con làm gì hở bố".

"Cái nào thuận tiện thì con làm".

"Còn làm *cleaner*".

Rồi đứa khác:

"Con làm *driver*".

Và cứ thế mỗi đứa giành một nghề trong tưởng tượng.

"Thôi! ồn ào vừa chứ! Muốn ở lại thì cứ la to lên". Vợ tôi nói.

Vợ tôi muốn việc đi Mỹ được diễn tiến trong âm thầm lặng lẽ. Bà ấy hoài nghi tất cả.

Tôi lỡ tiên đoán ngày phỏng vấn là mười hôm nữa, nên khi qua hạn mười ngày, thằng con trai bắt đầu ngờ vực. Tôi vẫn tiếp tục hàng ngày lên vườn hoa để lấy tin tức. Nó chỉ biết hỏi dồn dập, chừng nào, tuần này hay tuần sau.

"Mày an tâm đi con. Hôm nay đã phỏng vấn đến số 680 của Sàigòn, năm ngày nữa đến số của mình".

"Chắc không?"

"Chắc như bắp. Thôi ra đây bố hỏi thử mày mấy từ ngữ Ăng-lê. Chữ này nghĩa là gì?"

"Con quên rồi".

"Chữ này?"

"Con chưa học".

"Hỏng to rồi! Cậu ham qua Mỹ mà chẳng thuộc chữ nào cả. Thế còn chữ này?"

"Chữ rắc rối quá con không nhớ nổi". Nói xong nó nhoẻn miệng cười.

Cho đến một hôm tôi đi săn tin về thì nó đang ngồi khóc ở bàn ăn.

"Sao vậy?" Tôi hỏi vợ tôi.

"Thì tại anh cứ hứa hẹn với nó mãi về ngày phỏng vấn".

Tôi phải dỗ khéo:

"Có sao đâu, chậm ít ngày thôi".

Nó vùng vằng không nghe, vừa mếu máo vừa nói:

"Mồng một thì bố hẹn mồng năm phỏng vấn, tới mồng năm thì hẹn mồng mười, tới mồng mười lại hẹn mười lăm".

"Thì bố nhận lỗi là đã lấy tin sai".

Nó gân cổ lên:

"Nhưng con bị quê với bè bạn. Bọn nó cho là con xạo, chắc là ông bố đi học tập về sớm".

Nghe nó nói tôi bật cười và thương tuổi thơ. Nó không quen

Nhà thờ Đức Bà, Saigon

với sự sai hẹn và nói dối, một mai nhỡ không đi được mà vĩnh viễn ở lại thì sẽ khổ vô cùng. Những rồi cái ngày mong đợi cũng đã đến. Một buổi sáng, tôi vừa dắt xe ra khỏi nhà thì chú đưa thư đã dừng xe máy hỏi tôi:

"Bác xin đi theo diện H.O. phải không?"

"Đúng thế".

"Có giấy gọi phỏng vấn đây rồi".

Tôi dắt xe quay vào nhà. Vợ tôi vội vàng ra chợ Chim Xanh mua về một bó hoa với một chục cam đặt lên bàn Phật.

Lễ xong, tôi ngồi lặng đi cả giờ đồng hồ. Tôi lội ngược dòng tháng năm. Quá khứ tái hiện với muôn hình muôn trạng. Từ ngày thất thủ đau thương đến ngày đi cải tạo. Thái Nguyên với những cơn gió bấc thấu xương. Những ruộng ngô, những vườn cải với những xe phân chăm bón. Những trưa đầu thu, từ nông trường mệt mỏi trông về rặng núi xa. Thanh Hóa với nhà tre ọp ẹp đầy rệp, muỗi, với những đêm đông nhìn ngọn đèn chai, với núi rừng âm u và con suối cuồn cuộn sóng trong ngày mưa lũ. Còn nhiều, còn nhiều nữa, còn dài nữa những cuốn phim đời.

Hết trại tù lại đến những ngày tháng quản chế với cuốn sổ trình diện hàng tuần sau rốt là những ngày đô thành gió bụi. Ngót năm năm trời đi giao hàng ở các chợ lớn, nhỏ tôi đã thấy nhiều, càng thấy rõ hơn những nỗi niềm những ước ao, những niềm u uẩn, những điều mà con người không sao nói ra được. Từ chợ Bà Hạt đến chợ Vườn Chuối, chợ Linh Hoa, đến Tân Việt, Bà Quẹo, Thủ Thiêm và cuối cùng là chợ Trời dưới mưa dầu nắng rãi.

Tôi cứ ngồi lặng đi để tâm tư chìm vào bơ thờ, ray rứt. Tôi chợt nhớ đến những người đã đi Mỹ trước ngày miền Nam rơi vào bóng đêm, những người tình cảm, những kẻ vô tình đến độ tàn nhẫn mà không hay rồi dòng liên tưởng dắt tôi trở về với hình ảnh những người bạn tù, anh X, anh Y.

Tôi đã đi tù hai lần, ngót mười năm, nhưng tự thấy còn may mắn hơn một số bè bạn. Nghĩ thế nên tôi lấy xe ra đi dù trời đang muốn đổ cơn mưa. Tôi quyết định xuống Kỳ Son, một khu chợ nhỏ thuộc xã Bình Quới cách tỉnh lỵ Tân An chừng mười cây số. Tôi đi thăm anh Lương, một bạn tù cũ ở Thanh Hóa, nay đang làm ruộng ở dưới đó. Vợ anh đã chết. Anh ở với mẹ già ngoài tám mươi và một người con gái nhỏ tuổi.

Tôi lặn lội ra bến xe. Chiếc xe đạp được đưa lên mui, nằm lẫn với hàng hóa. Xe rời bến vào lúc trời đổ mưa lất phất. Tôi ngồi ở bìa xe, mưa cứ tạt vào mặt vào cổ. Tôi cứ để mặc vậy vì không có cách gì khác: cửa sổ xe đã hư nát, áo mưa không mang.

Xe đi qua cầu Bình Điền tôi mới thấy chân trời. Đồng ruộng xanh non màu mạ, đó đây rải rác những cây sua đũa những mái đình, chùa.

Gò Đen với ngôi trường tiểu học cũ kỹ cả mấy chục năm. Giáo đường Tin Lành quét vôi xám nằm thụt vào sau hàng cây trông như một lãng quên; Bến Lức đang lập một ngôi chợ mới nhưng cái hãng nước mắm năm xưa đã nhường chỗ cho công ty xuất khẩu của nhà nước. Một dẫy dài đến chục quán cà phê nhạc, lợp bằng gỗ và tranh,

nhìn vào chỉ có vài ba người khách.

Xe qua dòng Vàm Cỏ Đông. Tôi nghe hơi nước bốc lên mát rợi. Dòng sông xanh giữa đôi bờ cây cỏ xanh rì như một niềm tĩnh lặng muôn đời, cho dù bao dâu biển.

Xe đến chỗ Cầu Voi thì trời dứt mưa, nắng hửng. Hai bên lộ tráng nhựa; khoai, sắn được đem ra phơi, đổ trên những tấm cót dài. Nhìn những khúc sắn phơi, tôi thấy thân thương vô cùng.

Khi đói, ăn cháo sắn với rau đay rừng thì cũng đỡ. Ai từng ra Bắc cải tạo cũng đều biết đến giá trị của sắn, từ sắn nghiền đến sắn nướng.

Xế trưa, tôi đến thị xã Tân An sau khi xe qua dòng Vàm Cỏ Tây. Tân An đã thay đổi nhiều. Nhà mới mọc lên san sát, phố xá tấp nập. Tôi không gặp một chiếc xe hơi nào mà toàn những ba gác, honda xe đạp hỗn độn. Xuống bến, lại từ từ đạp. Cảnh cũ, người xưa làm lòng se lại. Tôi đã sống ở đây những năm 55, 56 rồi giai đoạn 59, 60 và sau cùng, có ghé Long An để đi Rạch Lá vào năm 74. Phải mất công lắm tôi mới tìm thấy trường tư thục Huỳnh Ngọc, trước kia nằm giữa mấy thửa ruộng, gần chỗ Trại Gà, bây giờ tiêu điều nằm giữa mấy doanh trại và cơ quan. Hàng cây muồng với màu hoa vàng rực cũng đã biến mất. Người ta chặt đi để trồng cây bạch đàn, thuộc loại cây công nghiệp. Nói như cán bộ, nó có giá trị kinh tế to tát.

Tôi tạt xe vô chợ ghé vô hàng bánh xèo. Cái mẹt rau thật đầy đặn: mấy cây rau diếp còn tươi, mấy lát khóm, chuối thái thật đều thêm rau húng, lá rấp, ngò gai:

"Thầy Hai dùng la de Chương Dương hay Bốn Mùa?"

"Cô cho thứ gì cũng được".

Ăn xong tôi dắt xe đi một vòng trong chợ; cảnh buôn bán ở chợ lục tỉnh vẫn mang những màu sắc đặc biệt: mắm ruốc và mắm thái bầy bán trong các chậu sành bằng đất nung khô, khô mực và khô cá đao, khô cá lốc treo lủng lẳng. Qua dẫy bán bánh kẹo, vẫn thấy muôn đời kẹo bỏng và thèo lèo là những món quà của chợ quê. Tôi mua một ngàn đồng thuốc rê Giồng, sạp thuốc bốc lên mùi thơm gay gắt. Ở dưới đồng, ít người hút thuốc điếu lắm nên tôi mua làm quà cho anh Lương, thêm hai hộp sữa Kim Cương cho bà cụ.

Ở chợ ra, tôi đạp xe dọc theo con đường Ngô Đình Chiểu tới ngã ba Nhị Tỳ. Trước mắt tôi là đường đi Tầm Vu. Vẫn con đường trải đá to lởm chởm. Tôi không xuống dưới đó mà rẽ tay trái, đạp theo con đường đất đỏ. Qua thánh thất Cao Đài một quãng, đường đi trở nên gập ghềnh bởi các ổ gà không sâu cho lắm. Một chiếc xe ngựa lọc cọc từ mạn Bình Tâm đi ngược lên. Trên xe, một bác cao niên búi tóc, râu dài, mặc bà ba bóng loáng, ngồi giữ một cần xé dưa leo. Hai ba người đàn bà ngồi bên thì áo trắng cũ màu nước gạo, có khăn rằn trên vai. Tôi dừng xe nhìn theo chiếc thổ mộ: linh hồn của đồng quê miền Nam và lần đầu tiên, từ ngày nạp đơn đi Mỹ, tôi thấy buồn dìu dịu. Nắng trưa đổ một màu vàng tươi trên những hàng dậu xanh có hoa vàng phơ phất. Mấy cánh bướm trắng nhỏ như lượn bay theo tôi. Buổi trưa êm đềm quá. Đạp đến gần đập nước Bình Tâm tôi dừng lại hàng trà đá. Bà lão bán nước ngồi dưới tấm phên che, nhai trầu, hỏi tôi:

"Chú đi đâu mà đạp xe giữa trưa vậy?"

"Con về Kỳ Son".

Nghe tôi nói vậy, bà hớn hở:

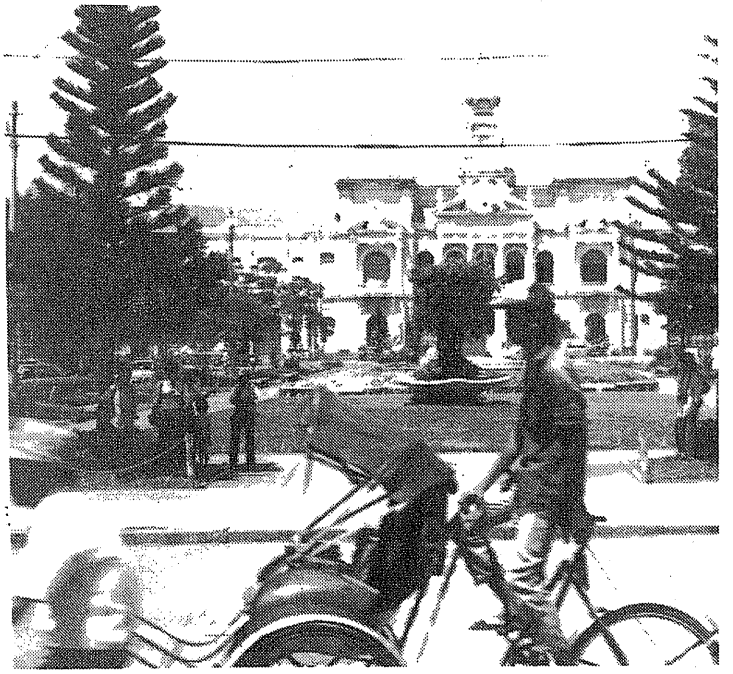

Trước tòa Đô Chính cũ

"Chớ chú về đó thăm ai? Tôi người ở đó nè!"

Bà thong thả kể cho tôi nghe về chuyện lúa má. Thì ra, ở đâu thì người làm nông cũng chung một mơ ước: làm sao cho đủ phân bón. Nhiều nơi, lúa không lên nổi nhưng ủy ban lại đưa về tràn ngập thuốc trừ sâu. Tôi tò mò gợi chuyện. Bà cho hay năm nay bà vừa chẵn tám mươi nhưng còn khỏe mạnh. Người con trai cả đã qua đời. Người con thứ hiện nuôi bà nhưng làm

ăn không đủ sống. Bà ngồi bán trà lấy tiền cho mấy đứa cháu và để kiếm tiền trầu, thuốc.

Tôi lục trong cái giỏ ni lông; không có gì để biếu bà cả. Tôi buồn. Cảnh nghèo khó đã ập xuống tôi mười mấy năm.

Qua Bình Tâm tôi thấy hơi thấm mệt. Gió đồng thổi ngược chiều và nắng trưa gay gắt thêm. Nhà máy xay lúa im lìm không một tiếng động. Dưới sông, mấy con thuyền cắm sào, quần áo phơi đầy mui.

Vài con vịt trắng bơi nhẹ nhàng trên ao bèo lấm tấm. Tôi đi ngang ngôi trường làng. Tiếng trẻ tập đọc vang lên như muốn kéo tôi trở về một thời nào đã xa, khi cuộc đời còn bình yên. Tôi đến Kỳ Son lúc trời xế chiều. Tôi dắt xe qua dẫy phố ngắn, cũ kỹ để rẽ vào xóm nhà anh Lương.

Ngôi nhà cổ nằm sau mấy cây dừa xiêm xum xuê. Mươi luống cải bẹ xanh đang lên. Tôi gọi to. Anh Lương từ sau bếp chạy ra mừng rỡ. Tôi chào bác Tư, thân mẫu của anh rồi ra mé lạch sau nhà rửa mặt. Nước dưới lạch đang lên, cuốn theo mấy cọng rạ và những xác lá điều. Có tiếng cành dừa nước xào xạc trong gió.

Tôi nghe lòng thoáng mát, nhẹ nhàng. Bác Tư bảo anh Lương qua lối xóm bắt một con vịt để làm cơm chiều. Tôi nài nỉ xin Bác cho ăn cơm đơn sơ, viện lẽ đi đường xa còn mệt nhọc.

"Mấy khi cháu xuống đây chơi với em thì chớ ngại điều chi. Dưới vườn, gà vịt sẵn mà cũng rẻ lắm".

Ngồi ở bậc gạch trước cửa nhà, tôi hỏi thăm anh về công chuyện đồng áng. Xem ra anh đang gặp khó khăn. Nhà ba miệng ăn, anh làm bốn công ruộng. Như vậy chỉ vừa đủ thóc ăn; các thức chi xài khác, tiền thuốc thang bác Tư, tiền cho con gái học hành thì trông vào vườn tược gồm mười mấy gốc dừa và hai cây nhãn đã già cỗi, thu hoạch hàng năm không được bao nhiêu.

Đưa tôi ly trà nóng, thêm một điếu thuốc rê vấn chặt, anh chậm rãi nói:

"Nghe mấy anh em sắp được đi thì mừng lắm. Qua đó ráng lo cho bọn trẻ học đến nơi đến chốn. Tôi ở đây, mỗi ngày mỗi khó. Như vụ này là hỏng rồi, lúa mới trổ lá đã ngả màu hung hung".

"Sao vậy kìa?"

"Sâu ăn!" anh thở dài.

Nắng chiều rọi ngả bóng mấy cây cau trước nhà, chiếu một vệt dài xuống nền gạch. Đứa con gái anh Lương tan trường về, vòng tay chào tôi rồi đi vô nhà thắp cây đèn to, ánh sáng tỏa khắp căn nhà cổ, tường đã bạc màu vôi. Dễ có đến ba bốn mươi năm rồi, ngôi nhà chưa được trùng tu. Nhưng nét hoa văn trên các cột, kèo cũng như cây đèn pha lê cho thấy sự khá giả của đời trước.

Anh cho biết, chỉ từ đời ông thân sinh, dòng họ mới sa sút. Sau 1954, ông cụ mất, bác tư gái phải tần tảo khó khăn mới đủ nuôi cho anh hết trung học và anh ra đời sớm. Làm thợ tiện rồi đi lính. Giải ngũ, anh thi đậu thư ký hành chánh. Tám năm trong nghề công chức, anh phải trả giá bằng hai năm cải tạo.

Hồi còn ở trại, anh với tôi như hình với bóng, buổi trưa đun nấu chung cái bếp nhỏ xíu chiều về cùng kiếm rau hoang ở nông trường, đêm đêm cùng nhau tâm sự. Bây giờ sắp ra đi, tôi thấy như mất một cái gì. Biết ngày nào tôi mới lại xuống đây, về căn nhà cổ trong cái xóm thôn hẻo lánh này thăm bác Tư và thăm người bạn tù cũ.

Buổi tối, anh Lương dẫn tôi ra con lạch sau vườn tắm rửa. Ngọn đèn dầu đặt dưới đám cỏ, ánh sáng hắt xuống mặt nước lóng lánh. Tôi nghe tiếng cá quậy lõm tõm và tiếng trái khế chín rụng trong vườn. Hương đêm đưa mùi cỏ dại và mùi cây lá phảng phất làm tôi rưng rưng, nghĩ đến ngày qua Mỹ nơi mà tôi chưa thể hình dung được cuộc sống sẽ ra sao?

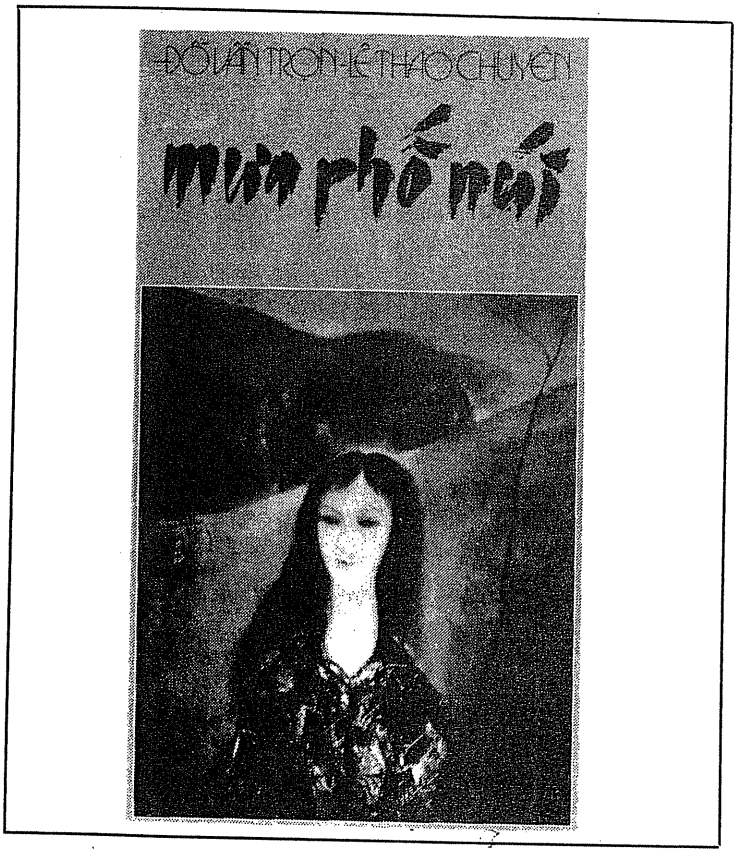

THỜI HẢI NGOẠI

PHẠM DUY

Không còn nghi ngờ gì nữa, vào đêm 28 tháng 4, 1975, cuộc ra đi của gia đình tôi cùng với những gia đình khác trong chuyến bay về hướng mặt trời mọc là một cuộc "dạ hành không muốn dứt"! Bất cứ ai, trong đêm ra đi này, cũng có thể nói rằng đây là đêm đen nhất, dài nhất của đời mình. Máy bay Mỹ chở người tị nạn từ Saigon qua căn cứ không quân Clark ở Phi Luật Tân rồi lại bay ngay đi đảo Guam hay đảo Wake, đó là những chuyến bay ngược hướng đi của kim đồng hồ. Sau nhiều giờ bay, tới địa đi-em nào cũng chưa ra khỏi "múi giờ "vào lúc cất cánh là mấy.

Lúc đó, tôi còn đang trong cơn bàng hoàng nên không tính ra sự khác nhau của thời khắc ở những vùng cách xa nhau dăm ba "kinh độ" (longitude). Tôi chỉ thấy lạ lùng là trong cuộc "hành trình về phương Đông (!)" -- hay "về phía Tự Do" -- này, tại sao tôi chỉ gặp đêm và đêm ? Mặt trời đâu ? Sao ông ngủ kỹ thế ?

Về sau, trong lúc trà dư tửu hậu, tôi có bạn bè đưa ra giả thuyết : các chuyến bay đêm của chúng tôi đều đã được dự tính trước. Những phi vụ chở người tị nạn Đông Dương vào Hoa Kỳ đều được tính toán để khi mặt trời lặn mới cất cánh hay hạ cánh. Đó là những chuyến bay bí mật, không dám bay ngày mà chỉ bay đêm vì sợ gây náo loạn trong dân chúng Mỹ, lúc đó vẫn còn bị ám ảnh nặng nề bởi hai chữ Việt Nam. Hơn nữa, để có thể chở được nhiều người hơn, có chuyến bay mà 300 ghế ngồi trong phi cơ được gỡ đi, một số lớn "hành khách" -- trong đó có gia đình tôi -- phải chen chúc nhau, ngồi bệt trên sàn phi cơ.(*) Người Mỹ sợ rằng "cảnh thương tâm (**)" này có thể bị báo chí phanh phui rồi sẽ bị phê bình là vô nhân đạo chăng ?

Trong đêm dạ hành đầu tiên của cuộc đời mới này, ngũ giác quan trong tôi như bị tê liệt nên hôm nay tôi không có nhiều kỷ niệm của đêm dài nhất đời đó để cho vào Hồi Ký. Trái với sự sao suyễn trong lòng của những chuyến xuất ngoại trước kia, đêm nay tôi không có một cảm giác nào khi máy bay đáp xuống căn cứ Clark. Trong đêm tôi được chiếu sáng bởi những đèn mù của trại không quân, không một tiếng động nào lọt vào tai tôi, dù dân tị nạn đổ bộ ào ào từ những con khủng long bằng sắt đen ngòm và được đem tới nhập bọn với chúng tôi, người nằm kẻ ngồi la liệt ngay trên sân bay. Khi các chuyến bay tới đầy đủ rồi, chúng tôi được đưa tới nơi làm thủ tục nhập cảnh ở ngay trong căn cứ này. Trên đường đi trong một căn cứ không quân từng là nơi xuất hành của những phi vụ B52 làm cho nhiều vùng Việt Nam trở thành hoang địa, tôi tò mò muốn "xem mặt" những máy bay khủng khiếp này, nhưng tôi chỉ thấy những nhà kho rộng mênh mông, tối mù mù và rỗng tuếch : các máy bay chiến lược đó đã được đem ra khỏi những nhà chứa phi cơ (hangar) rồi.

Những người Mỹ phụ trách cuộc di dân khổng lồ này dẫn chúng tôi tới nơi được dùng làm Sở Quan Thuế lưu động của Hoa Kỳ. Chao ôi, sao nhân viên xét hành lý (hình như là quân nhân được xung công) ở nơi này lịch sự và đáng yêu đến thế, không như những nhân viên hách dịch (phần nhiều là người Mỹ gốc Phi) của Sở Di Trú mà khi vào đất liền chúng tôi phải gặp để làm thủ tục chuyển từ thể chế "parolee" (tạm dung) qua "resident" (thường trực) hay lập hồ sơ thi vào Mỹ tịch. Ai cũng biết nhập cảnh vào Hoa Kỳ là một điều rất khó, vậy mà trong đêm nay, người tị nạn chúng tôi đi vào đất Mỹ dễ dàng quá ! Xếp hàng dọc, vác hành lý đi vào một căn nhà tiền chế bằng tôn rất hẹp, vùn vụt đi qua một dãy bàn, rồi vừa ra khỏi nhà tôn này là coi như đã xong một nửa thủ tục nhập cảnh rồi ! Lúc đó, tôi chưa coi việc sẽ trở thành công dân nước Mỹ là một niềm vui vì tôi đang gặm nhấm một bất hạnh lớn là phải bỏ nước ra đi trong niềm tủi nhục.

Đã gặp bất hạnh lớn rồi thì gặp luôn bất hạnh nhỏ : sau cuộc kiểm soát hành lý, gia đình tôi mất một va li đựng toàn quần áo ấm, rất cần thiết khi tới sinh sống ở xứ lạnh. Tuy vậy tôi vẫn cho rằng trong cái rủi cũng có cái may, chiếc va li thứ hai đựng nhiều kỷ vật vô giá như ảnh cũ, băng nhạc cũ v.v... mà bị thất lạc thì tôi sẽ đau khổ vô cùng !

Xong thủ tục quan thuế, gia đình tôi cùng mọi người phải lập tức leo lên những phi cơ lớn để tới đảo Guam, đất tiền đầu của Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ. Sau vài giờ bay đêm, chúng tôi tới đảo và được xe bus chở vào trại Anderson. Trại rất rộng, chứa được năm, sáu ngàn người là ít. Người tới trước được ở trong những chung cư bằng gỗ, người tới sau phải ở trong những lều lính. Ở trong nhà hay ở trong lều thì cũng chỉ vài ngày sau là được bốc vào đất liền ngay, nhường chỗ cho những đợt người tị nạn sắp tới bằng những chiến hạm đang trôi trên biển cả. Ngoài trại Anderson ở Guam, Hoa Kỳ còn một trại lính nữa trên đảo Wake để đón người tị nạn. Trong đợt tị nạn vào tháng 4 năm 75 này, tổng số hơn 100.000 người đã đi qua các trại không quân tạm trú ở Guam và ở Wake.

Tới Guam ngày 29, ngày 30 mới là ngày đầu tiên tôi được nằm nghỉ ngơi sau hơn 20 giờ đồng hồ không ngủ. Nơi tôi nằm là mặt sàn gỗ ở lầu hai của một trong mấy chục chung cư đã từng là phòng ngủ của lính không quân Mỹ tại trại Anderson. Giang sơn của gia đình tôi là vài ba thước vuông ở trong một góc phòng. Cũng như nơi tôi nằm chơi trong bót Catinat ngày xưa ngày xưa, nơi tôi tạm trú bây giờ cũng ở ngay cạnh phòng vệ sinh. Thế là tôi vẫn còn bị bất hạnh đuổi theo đấy nhé ! May mà chỗ của lính Mỹ không hôi thối như chỗ của bót Catinat. Trong phòng có tới hơn năm chục gia đình đông con và vài chục người độc thân, chia nhau chỗ nằm trên một diện tích khá lớn, cùng chung sống với nhau trong vài ba ngày. Không xảy ra một vụ cãi lộn còn con nào dù một anh thanh niên được cử làm "trưởng ban quét rác" có vẻ hơi lộng quyền khiến cho Thái Hiền ghét ra mặt vì con gái tôi không quen bị ai sai bảo.

Trước mặt tôi là chỗ nằm của gia đình người vợ goá của Đỗ Bá Phúc, một người bạn của tôi trong thời 1944-45, thất lộc từ lâu. Chị Phúc, cựu chủ nhân của một tiệm vàng nằm trên đường Tự Do chắc chắn không ra đi với hai bàn tay trắng như vợ chồng tôi. Chị ta và tôi lặng lẽ nhìn nhau bởi vì từ ngày Phúc qua đời, tôi không còn được hân hạnh gặp chị nữa. Vả lại chị còn đang rất bận bịu với chiếc va li nhỏ, nếu trong đó không có một nắm hột soàn thì tôi xin giơ lưng cho mọi người đánh ba chục roi.

Ngày hôm nay cũng là ngày Saigon vừa được Bắc quân "giải phóng". Gia đình nằm bên cạnh chúng tôi đang dò đài Saigon với cái máy radio nhỏ tí. Mọi người trong phòng lặng lẽ kéo tới, khi nghe thấy chương trình phát thanh về cuộc "thắng đại" của Bắc quân và cái chết của Cộng Hoà Việt Nam. Tôi cảm thấy buồn bã vô cùng ! Chẳng nhẽ nằm đó và bịt tai lại, tôi vùng dậy xuống thang ra khỏi căn nhà.

Đi ngang một nơi được coi như phòng thông tin của trại tị nạn, bỗng nghe từ các loa lớn phóng ra tiếng nói của một nữ xướng ngôn viên : **Tổng Thống Dương Văn Minh đã kêu gọi binh sĩ Cộng Hoà buông súng đầu hàng !** Một rừng người tị nạn đang ồn ào chen nhau đi lại trong trại, bỗng dưng không ai bảo ai, tất cả ngưng hoạt động, im lặng đứng nghe tiếng nói của Kim Vui. Cô này là ca sĩ, bỏ nghề hát từ lâu để theo chồng qua Mỹ, nay vào làm việc cho ban phát thanh của trại tị nạn khi trại này được thành lập từ đầu tháng 4-75. Nhiều người quen biết như Lê Quỳnh, Tony Lâm... cũng xung phong làm việc trong văn phòng. Suốt trong tháng tư đen tối, kẻ trước người sau bỏ nước ra đi khi Saigon hãy còn, nay đứng nghe tin Việt Nam đã hoàn toàn rơi vào tay Cộng Sản, mặt ai cũng xa xầm, mắt ai cũng rớm lệ, đầu ai cũng cúi gằm. Tới khi xong phần tin tức về Việt Nam, Kim Vui đọc bản thông cáo của trại thì, như những kẻ mộng du đang ôm một cơn mộng xấu, không ai nói với ai điều gì, trong một lặng lẽ tột độ, mọi người lủi thủi bước đi. Không gì thảm hơn đám đông vài ngàn người đi lại không có tiếng động!

Tôi thấy lòng trống rỗng vô cùng, loạng quạng bước về chung cư, gieo mình xuống sàn gỗ, bên cạnh vợ con. Máy radio của gia đình "láng giềng" vẫn đang phát ra những tin tức liên quan tới ngày đen tối nhất của lịch sử (theo quan niệm của những người chống Cộng Sản và đi tị nạn). Rồi bỗng nhiên có tiếng run run và the thé của Trịnh Công Sơn cất lên, hát bài *Nối Vòng Tay Lớn*... Chủ nhân của cái radio vội vàng đưa tay tắt máy, mọi người giải tán trong ngao ngán và im lặng nặng nề.

Nghe tin Saigon đã mất, nhưng tôi vẫn hi vọng bốn con trai Quang, Minh, Hùng, Cường có thể đi thoát vào giờ phút cuối cùng. Chúng xưa nay là những thanh niên khá nhanh nhẹn. Hơn nữa, chúng đã có anh chàng CIA Ed Jones lo cho việc đi trốn mà! Ngoài ra, vào ngày 29 vừa qua, khi nửa gia đình tôi tới địa điểm bốc người đi Mỹ ở đường Kỳ Đồng, vợ con Lê Quý Biên (là người mua căn nhà nhỏ của tôi ở Phú Nhuận rồi trở thành bạn xóm giềng) và vợ nhạc sĩ Minh Phúc là Minh Xuân đã được tôi cho đi theo và được Mỹ bốc đi dù vợ con Biên không có tên trong bảng danh sách. Hiện nay Minh Xuân đang ở với tôi trong trại Anderson này. Trước khi đi, muốn bắt cá hai tay, tôi đã dặn dò kỹ lưỡng cả Biên lẫn Phúc là phải gánh vác việc ra đi của các con tôi. Đừng quá trông cậy vào Ed Jones ! Bây giờ trong con số gần một chục vạn người đang lục tục kéo vào đảo Guam hay đảo Wake bằng những chuyến bay cuối cùng và bằng những chiếm hạm lớn, tôi hi vọng các con tôi cũng có mặt trong đám đông đó cùng với Lê Quý Biên và Minh Phúc.

Người tị nạn tới trại này càng ngày càng đông. Mỗi khi có xe bus chở người từ phi cảng tới trại thì ai cũng đổ xô ra tìm người thân thích. Ở trong trại, đi tìm thân nhân trong con số năm, sáu ngàn người thật là khó ! Ngẫu nhiên mà vợ chồng tôi gặp vợ chồng Mai Hương (nữ ca sĩ và là cháu ruột vợ tôi) khi xếp hàng đi ăn cơm. Văn phòng ban giám đốc trại cho phép người tị nạn gọi nhau qua hệ thống loa của trại. Tôi tìm đến Kim Vui, nhờ cô phóng thanh lời gọi con của tôi. Ngoài lời nhắn tin của tôi và lời nhắn gọi thân nhân của hàng ngàn người khác, tôi còn nghe thấy Lê Quỳnh gọi tên Thái Thanh và tên các con. Như vậy là Thái Thanh chưa đi thoát, tuy đang sốt ruột vì các con của mình, vợ chồng tôi cũng thấy lo lắng cho số phận cô em.

Tối ngày mùng 2 tháng 5, tôi xuống văn phòng để lục coi bảng danh sách người tị nạn luôn luôn được cập nhật hoá thì thấy tên Minh Phúc ! Trời ơi, nó đã tới được đảo Wake rồi ! Tôi mừng quá, xin

phép nhân viên văn phòng gọi phone cho Phúc. Khi có Phúc ở đầu giây điện thoại, tôi rụng rời tay chân! Vào giờ phút cuối cùng của Saigon, sau khi bị Ed Jones bỏ rơi, bốn con tôi cùng Minh Phúc chạy tới Toà Đại Sứ Mỹ nhưng chỉ có một mình Minh Phúc lọt qua hàng rào lính Mỹ và được bốc đi. Tôi hốt hải chạy về chung cư, kể lại sự việc cho vợ nghe trong tiếng khóc oà. Thôi rồi ! Mất bốn đứa con rồi ! Sẽ không bao giờ gặp lại các con nữa đâu !

Như một kẻ đang chết đuối mà vẫn cố níu vào mảnh gỗ mục, khi tới phiên gia đình tôi phải vào lục địa thì tôi xin với ban giám đốc trại Anderson cho tôi ở thêm một tuần nữa. Tôi vẫn nuôi hi vọng các con tôi sẽ tìm ra lối đi, khi nghe tin đồng bào vẫn còn tiếp tục ra khơi sau ngày mất Saigon vì Cộng Sản chưa nắm hết được các cửa khẩu. Trại tị nạn cần có chỗ cho những đợt người đang tới, gia đình tôi được cho ra ở Hotel Tokyo nằm trong thành phố. Đã có hơn một chục gia đình người tị nạn ở trong hotel, trong đó có gia đình bà thông gia và vài người quen. Dù trong hotel này có khá nhiều tiện nghi như hồ tắm, tivi, phòng bida... nhưng chỉ có các con nhỏ của tôi là thấy vui, tung tăng chạy lui chạy tới.Trong hơn một tuần lễ, tôi ngồi im một chỗ, ủ rũ như con gà bị ướt mưa, không biết làm gì, ăn không thấy ngon, ngủ không yên giấc, không muốn dạo phố dù được phép đi... tôi ngồi ỳ một chỗ, chờ tin các con trai lớn. Thấy tôi buồn rầu như vậy, vài người quen và vài kẻ lạ (biết tôi là Phạm Duy) lân la tới nói chuyện. Họ cũng đang ở trong tình trạng đi tìm hay chờ đợi người thân thích như tôi. Ai cũng đem thuyết định mạng ra để an ủi nhau. Kể cho nhau nghe những chuyện chia ly và chuyện tập hợp lạ lùng :

* Một gia đình nọ đã vào được Tân Sơn Nhất rồi, đã ngồi trên hàng ghế đợi chuyến bay rồi thì hai con nhỏ ngồi hàng ghế trên được bốc đi, cha mẹ ngồi hàng ghế sau bị kẹt lại !

* Chuyện một gia đình khác : vào giờ phút cuối cùng, biết tin có chuyến tầu đang sửa soạn nhổ neo, các con thì đi chơi vắng, cha mẹ không thể chờ đợi được nữa nên đành ôm hai bị quần áo chạy ra bến tầu. Bỗng dưng các con cũng từ đâu chạy tới để cùng xuống tầu với cha mẹ.

* Một bà bán bánh giò đang bán hàng trong chiếc tầu đóng neo ở Khánh Hội, chưa kịp lên bến trở về nhà thì tầu ra sông và ra biển luôn, bà ta bỗng trở thành "người di tản bất đắc dĩ"!

Than ôi ! Những chuyện vừa kể đi kèm với lời bàn về thuyết định mạng (con người ta, giầu hay nghèo, thành công thất bại là có số cả đấy, ông ơi!) không đủ sức để vực tôi lên từ một chán nản, đưa tôi ra từ một thất vọng cùng cực. Kể cả vợ tôi cũng an ủi chồng hay tự an ủi : Năm nay là năm xung của em, 49 chưa qua 53 đã tới, phải có các con gánh hộ đại hạn cho mình !

Từ khi cha sinh mẹ đẻ, tới bây giờ tôi mới biết nếm mùi đắng cay, sót sa, chua chát, não nề. Đời tôi, cũng như của mọi ai, đã gặp nhiều bất hạnh, đen đủi, mất mát... Và trong chuyến ra đi bất hạnh này (mất nước là một bất hạnh có thể chia sẻ với mọi người), tôi cũng gặp thêm đôi chút thiệt thòi (mất va ly), sui sẻo (nằm cạnh cái chổ). Tôi thừa sức để chịu đựng những cái không hên đó vì tôi thấy mình quá may mắn, vào lúc tôi ngỡ bị kẹt lại rồi một là bị C.S xử tử, hai là đi tù mọt gông, ba là trở thành kẻ hàng thần lơ láo thì -- ha ha -- tôi đã tới đảo Guam, tôi đã chạy thoát cái lưới Cộng Sản tung ra từ mấy chục năm trời để bây giờ chụp xuống toàn dân, toàn cõi Việt Nam.

Nhưng với sự kẹt lại của bốn đứa con thì quả thực tôi không chồng cự nổi một đại bất hạnh đang giáng xuống. Bất hạnh không thể với được vì tôi lại không thể nhờ ai chia sẻ cùng tôi. Tôi chôn ngay tôi vào ý nghĩ đau đớn là sẽ không bao giờ gặp lại các con ! Tôi dìm tôi vào ân hận day dứt là tại sao không dắt các con cùng đi với mình vào ngày 28 ? Tôi đẩy tôi vào căm giận buồn phiền những người tôi cậy nhờ giúp các con tôi ra khỏi Saigon. Tôi sẽ phải mất một thời gian khá lâu rồi những thống khổ này mới nguôi ngoai dần.

Sự thống khổ vào lúc này còn giầy vò tôi đến độ, không cần suy nghĩ, tôi muốn trở về Việt Nam ngay lập tức hay là nhẩy ngay xuống biển tự tử...

...Cho tới lúc tôi chợt tỉnh ngộ, nhìn ra người vợ hiền hậu suốt đời âm thầm chấp nhận mọi buồn phiền và khổ đau, nhìn ra mấy đứa con nhỏ hiền ngoan với tương lai có thể rực rỡ của chúng... tôi nghiến răng quyết định bỏ đi những ý nghĩ tiêu cực. Tôi sẽ đi vào đất liền. Bàn với vợ con rồi, tôi lên văn phòng xin đi tạm cư ở trại Eglin trong tiểu bang Florida. Để có nơi tạm trú cho hơn 100.000 người tị nạn Đông Dương, Hoa Kỳ thiết lập bốn trại : Trại Pendleton ở miền cực Tây (California), trại Fort Chaffee ở miền trung bộ (Arkansas) hai trại Indiantown Gap và Eglin ở miền cực Đông (Pennsylvania, Florida). Sở dĩ tôi chọn đi trại Eglin là vì tôi muốn ở một nơi nào càng xa quê hương bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Ngày 15 tháng 5, cùng với một số đông đồng bào tị nạn, gia đình tôi rời trại Anderson ở đảo Guam, leo lên phi cơ bay về hướng Đông. Chúng tôi lại như là bay đi tìm kiếm mặt trời...

(*) Đó không phải là tình trạng chung. Có nhiều người tị nạn tồi phước hơn gia đình tôi, khi bay vào đất Mỹ, được ngồi bành choẹ trong những phi cơ thương mại lộng lẫy.

(**) đọc bài cùng tên của Phạm Duy Tồn.

GÓP Ý VỚI MAI KIM NGỌC VỀ TẬP TÙY BÚT THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG

TRẦN HỒNG CHÂU

Tôi rất cảm động khi nhà văn Mai Kim Ngọc cho hay đã đọc cuốn Thành phố trong hồi tưởng *của tôi nhiều lần, "Có đêm đọc tới gần sáng", tuy tập sách nhỏ này không phải là trường thiên võ hiệp của Kim Dung (1). Nỗi lòng của người viết đã được chia sẻ với người đồng điệu.*

Lại càng cảm động hơn khi được biết tập tùy bút đã là nguồn cảm cho bài phê bình văn học đầu tiên của tác giả Thuyền nhân, và chắc, sau đó, anh đã khám phá thêm được những khả năng mới của mình -- anh vốn là tiểu thuyết gia -- trong một địa hạt hoàn toàn khác, địa hạt thẩm định văn học. Anh viết chân thành và nghiêm túc, làm ta thấy rõ thiện chí đóng góp tích cực vào cuộc sống văn nghệ hôm nay.

Dưới đây là vài suy nghĩ, trao đổi, để bổ khuyết, hay làm sáng tỏ thêm một số vấn đề mà những người làm văn nghệ chúng ta thường quan tâm.

Trước hết là *vấn đề kiến thức và sáng tạo.* Theo Mai Kim Ngọc thì *Thành Phố Trong Hồi Tưởng* quá thiên về trí tuệ, về kiến thức. Tôi nghĩ trái lại, mỗi con người chúng ta chưa hấp thụ được nhiều kiến thức đến độ phải sợ kiến thức, coi nó như một điều cấm kỵ, tuy lúc sử dụng nó *vẫn phải có sự thận trọng cần thiết.*

Nói chung, hành trang của văn nghệ sĩ, ngoài cái thiên phú tâm hồn bén nhậy, ngoài kinh nghiệm sống phong phú do tiếp xúc với thực tiễn cuộc đời, còn có cái vốn kiến thức do nhà trường và "thiên kinh vạn quyển" mang lại. Hugo và Goethe, đỉnh cao của văn học Pháp và Đức, là những bộ óc bách khoa với kiến thức tràn lan trên từng trang sách, không khác gì "những con người toàn diện của thời Phục Hưng", nhưng không vì thế mà sáng tác của họ bớt phần trực cảm, tươi mát, và hồn nhiên.

Vai trò của kiến thức thay đổi tùy theo kiến trúc tinh thần mỗi tác giả, tùy theo thể văn và nhất là theo đề tài khai thác. Lấy ví dụ, về đề tài, về đối tượng, *Thành Phố Trong Hồi Tưởng* nói nhiều đến các địa danh lịch sử, các đại học cổ kính của Âu Mỹ từng được viếng thăm. Dĩ nhiên, trong hoàn cảnh đó, không thể không đề cập đến những yếu tố văn hóa Tây phương. Mỗi phiến đá, mỗi gốc cổ thụ ở những nơi đó đều gợi về bóng hình và kỷ niệm văn hóa xa xưa. Do đó những gì mà Mai Kim Ngọc gọi là kiến thức là điều không thể thiếu vắng, vì nó chính là thân xác và tâm hồn của đối tượng mô tả. Trái lại, khi một tác giả có chủ đích, dựng lại nếp sống hàng ngày trong một khu phố bình dân của Sài Gòn, hay cuộc đời của một công chức hồi hưu ở một tỉnh nhỏ miền Trung Tây Mỹ chẳng hạn, thì cung cách sử dụng kiến thức tự nhiên khác hẳn, và vai trò của nó cũng bớt quan trọng.

Kiến thức là con dao hai lưỡi. Nó thăng hoa hay có thể giết chết một đoạn văn. Nó mở rộng một khung trời rực rỡ hay có thể đưa ta vào ngõ cụt. Điều cốt yếu là ta *không tìm nó.* Chỉ chấp nhận được khi nó *tự nhiên đến, đột ngột, trực tiếp, nhuần nhuyễn* như là một *nhân tố cơ hữu, đồng sinh (2)* của phức

hợp cảm xúc. Lúc đó không thể tách rời nó ra mà cảm xúc không sụp đổ, tan biến.

Kiến thức là vua trong biên khảo và phê bình, nhưng rất có thể là âm binh, tàn phá trong thơ và tiểu thuyết, nếu thuật sĩ không cao tay ấn. Theo tôi nghĩ, phép lạ để hóa giải "tà ma" ở đây là sự chân thành, có sao hay vậy. Cảm xúc đến với chúng ta nguyên khối thế nào thì ta chấp nhận, nâng niu nó như thế, đem thẳng nó lên mặt giấy một cách toàn vẹn. Trong trường hợp đó, kiến thức, nếu có, đã biến thể, và (dùng chữ của Mai Kim Ngọc) nó không chỉ ở "não thùy" nữa, mà còn nằm cả ở tận sâu thẳm của "đáy tim".

Có lẽ Mai Kim Ngọc đã cảm thấy điều đó trong *Thành Phố Trong Hồi Tưởng* khi anh nói "Kiến thức ở (tác giả) đã thành da thành thịt, và trở lại chúng ta hồn nhiên như hơi thở nhịp tim của người trí thức". Nếu chúng ta yêu kiến thức, một cách đơn thuần, vì kiến thức, thì hãy dừng lại ở địa hạt nghiên cứu. Sang mảnh đất của sáng tạo văn nghệ thì kiến thức đã phải lọt qua được cửa ải của trái tim. Khi kiến thức đã tới mức độ đó, đã *là* cảm quan, *là* một tố chất của tâm hồn, đã *là* tâm hồn thì vấn đề gạt bỏ kiến thức để tâm hồn được trực diện với cuộc sống tất không cần phải đặt ra nữa. Lúc đó, ở thời điểm hậu cảm xúc, một cảm xúc giữ được tính chất thuần khiết của nó, sẽ chỉ còn lại vấn đề văn phong của từng tác giả một. Chỉ còn công việc nhìn xem mỗi cá nhân xử lý cảm xúc khác nhau thế nào, chuyển hóa cái vầng tâm linh mờ ảo đó, qua ma lực của lớp lớp ngôn từ, để vươn tới những tâm hồn khác (3).

Từ mối tương quan giữa kiến thức và sáng tác Mai Kim Ngọc đi sang *vấn đề nhân sinh trong tác phẩm văn nghệ*. Anh cho là *Thành Phố Trong Hồi Tưởng* ít chú trọng đến đời sống hàng ngày, và "không nói đến cái túng, cái đói, cái tiền nhà, tiền chợ, cái food stamp, cái phiếu medical, cái thùng quà gửi về cố quốc...", không nói đến cuộc sống "ăm ắp hơi ấm của nhân sinh".

Theo tôi nghĩ, Mai Kim Ngọc đã quan niệm nhân sinh theo một nghĩa quá hẹp. Nhân sinh anh đề cập đến đúng ra là vũ trụ của người viết tiểu thuyết xã hội và tả chân. Như vậy anh đã gạt ra ngoài nhiều yếu tố tạo dựng nên cuộc sống

I
mây
sắc
cười
giac
phè
sốn
nhi
ấm
nhi

thịt của con người. Con người hình thành từng giờ từng phút bằng cái tiền nhà, tiền chợ, nhưng cũng bằng mảnh trăng thu trong kẽ lá và tà áo lụa Hà Đông nữa chứ!

Chúng ta trân trọng tất cả những thứ đó (tôi gọi tắt là "tiền nhà" và "mảnh trăng thu"), chỉ có khác là tùy bản chất con người sáng tạo, tùy hoàn cảnh, tùy đề tài, tùy thể văn, tùy cảm xúc, có thể yếu tố này có mặt trong khi yếu tố kia vắng mặt và ngược lại. Truyện của G. de Nerval tràn đầy, mộng mơ và hoang tưởng như một bản trường ca viết trên mây, nhưng không ai bảo ông không "mang hơi ấm của nhân sinh" như Flaubert hay Balzac. Kịch bản "Con hải âu" của Tchekov dàn trải, trong một không gian mờ ảo, tâm hồn khắc khoải, gần như mộng du, của một nhân vật đặc thù cũng là hồi quang của cuộc đời, sống động, muôn mặt, đầy "hơi ấm nhân sinh", không kém gì tác phẩm xã hội, hiện thực của Gogol hay Gorki...

Vài điểm khác có lẽ cũng cần được làm sáng tỏ thêm.

Dưới mắt Mai Kim Ngọc, trong *Thành Phố Trong Hồi Tưởng*, chỉ có chỗ đứng cho cái đẹp rực rỡ của tuổi trẻ trong khi *tuổi già thì bị lãng quên* hay đối xử nghiệt ngã. Không! Da mồi tóc bạc, vóc hạc mình mai, tiên phong đạo cốt... Tuổi già có cái đẹp của nó, ngay cả về mặt vật chất, nhất là đối với những người từng tâm niệm khám phá cái đẹp ở bất cứ đối tượng nào, từ bất cứ góc cạnh nào. Còn về mặt tinh thần, cái đẹp của kinh nghiệm sống, "cái lẹp nhân bản của tâm hồn", là ıhững gì vẫn thường có ở tuổi ;ià và tôi không hề phủ nhận liều đó. Ngay trong thiên tùy ,út mở đầu "Dòng sông trầm ư" tôi đã nói đến cái đẹp "trầm ắng, gạn lọc, trong sáng" và nếp ống "thanh thoát, tiêu sái" của ột đôi lứa đang lặng lẽ trôi, như dòng sông, giữa tuổi bất hoặc và tuổi cổ lai hi. Thảng hoặc có đôi lúc phê bình những thân hình sớm tiều tụy vì thiếu ý thức gìn giữ, thiếu tập luyện, thì đó cũng chỉ là những hình tượng dùng để cảnh cáo tuổi trẻ thôi. Xuân Diệu thời tiền chiến chỉ biết ngợi ca tuổi trẻ và tình yêu, nhưng chưa từng bị nhắc nhở là đã không thấy cái đẹp của tuổi già!

Vẫn theo Mai Kim Ngọc thì anh thấy *thiếu bóng dáng văn chương Việt Nam* trong *Thành Phố Trong Hồi Tưởng*. Trái lại, độc giả chắc cũng nghĩ là các nhà thơ Việt Nam, cũ cũng như mới, *luôn luôn* hiện diện trong tập tùy bút ở mỗi địa và thời điểm nhất định.

Còn không có văn xuôi Việt Nam ư? Tôi cũng chẳng biết nữa. Có thể vì vòng tay nhỏ bé không ôm xuể được tất cả mọi tình mến yêu. Có thể vì "cái thiên vị (rất tình cờ) của thi sĩ với thi ca hơn tiểu thuyết" như Mai Kim Ngọc đã nhận xét. Cũng có thể vì lời thơ nhịp nhàng, dễ nhớ, nên, khi viết, con bướm thơ đã tự động bay tới đầu ngòi bút, tùy thời, tùy hứng, nhất là nó lại thấy thửa vườn tùy bút rất quen thuộc vì, riêng đối với tôi, tùy bút trong nhiều trường hợp vẫn là... thơ.

nối dài!

Làm sao mà chúng ta lại có thể quên được mầu sắc rực rỡ của lâu đài tản văn Việt Nam, nhất là đối với một người đã dành phần lớn cuộc đời cho việc giảng dậy văn học Việt Nam hiện đại, với niềm âu yếm và trân trọng nhất. Nếu không có những nhà văn lớp trước, tiền chiến, nếu không có những nhà văn cùng thế hệ, cùng "chia sẻ hàn ôn nhân thế", và cả những nhà văn trẻ tuổi, hậu sinh khả úy, tất cả đã cùng cảm thông với chúng ta trong một tình yêu văn nghệ thiêng liêng nhất, thì làm sao Mai Kim Ngọc, cũng như tôi, chúng ta lại có thể là chúng ta của hôm nay!

Mai Kim Ngọc mới viết bài phê bình đầu tiên, nhưng tôi nghĩ anh đã có đủ đức tính của nhà phê bình nghiêm túc nhất: kiến thức rộng, cảm nhận sắc bén, tinh tế, lời văn chững chạc, nhã nhặn mà vẫn nói hết được điều mình muốn nói. Cuối bài anh có viết một câu mà tôi nghĩ là rất chân thành: "Vô tình tôi (Mai Kim Ngọc) đem cái nhìn văn xuôi và tiểu thuyết ra để tìm đến một nhà thơ". Anh đã đề cập tới một điều cơ bản trong thưởng ngoạn và phê bình văn nghệ. Khi *tiếp xúc một đối tượng,* theo tôi nghĩ, ta cứ nên hồn nhiên, trực tiếp, đi vào nó như tới thăm một thân hữu, và hãy vứt bỏ mọi hành lý cồng kềnh ở ngoài cửa cho được thật thoải mái!

Cố nắm bắt lấy đời sống tiềm ẩn, lấy thực chất của tác phẩm, với tính cách *organique* của nó. Nghĩa là *đi từ nội tại tác phẩm trở ra ngoài,* chứ không từ ngoài vô, không chụp lên nó một số ý kiến đã có sẵn, hay, trầm trọng hơn, cả một khung ý thức hệ nặng nề. Như trường hợp những người phê bình mác xít với thái độ phản khoa học của họ là bao giờ cũng đem chiếc kính chiếu yêu của mỹ học mác xít ra để rọi vào mỗi tác phẩm xem có "đúng tiêu chuẩn không". Dĩ nhiên, nói như vậy,

THƠ TÌNH CỦA NGƯỜI MẤT TÍCH

KHOA HỮU

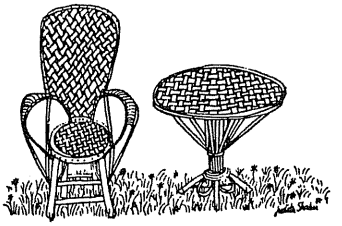

Yêu em như núi yêu sông
đêm không bắc đẩu ngày không ác tà
yêu em trời đất yêu ta
ngàn năm tình tự đời qua cõi đời
sinh em ngày tháng sinh đôi
trăng sao có thủa con người có nhau
yêu em thời khắc ban đầu
cỏ hoa nguyên thủy nhiệm mầu thế gian
yêu em hình thể chưa mang
trái tim chưa thở trái oan chưa lầm
yêu em lòng dạ kẻ câm
gió rung tiếng nói cây cầm lời ru
yêu em tóc chải sương mù
mặt soi nhan sắc hồn thu đất trời
yêu em kỳ hạn này thôi
cơn mê chợt tỉnh giữa đời hôn mê
tay ai lấp đá cửa về
buộc chân vẫn dắt lòng đi đến cùng.

Sài Gòn

không phải bảo hướng đi từ ngoài vào là hoàn toàn vô ích, nhưng dù sao nó cũng chỉ là để bổ túc thôi.

Cũng trong chiều hướng đó Mai Kim Ngọc và tôi đã trao đổi về *bản chất, sáng tạo, về con người văn nghệ nói chung. Chúng tôi cũng đồng ý là mỗi cá nhân sáng tạo là một thế giới riêng với những nét độc đáo, cá biệt của nó. Điều huyền diệu và lớn lao là ở đó. Mỗi con người, mỗi "vũ trụ chứa đầy bí mật", hết sức trung thực với chính mình sẽ có khả năng đi tới điểm trọn vẹn của cuộc đời để tự thực hiện. Như những âm thanh khác nhau, nhưng đều cần thiết, trong bản đại hòa tấu của nhân loại. Hay, mượn hình ảnh của chính Mai Kim Ngọc, "mỗi bông hoa một hương sắc riêng", trong vườn trần thế!*

Không ai bắt Lý Bạch phải giống Đỗ Phủ hay ngược lại. Đó là hai tâm hồn lớn, mang những sắc thái riêng biệt, nhưng vẫn là bổ túc, hài hòa, để nói lên tiếng nói reo vui hay khắc khoải của con người. Nếu họ giống nhau như hai giọt nước, hay cố tình "làm như người khác", rời xa cái độc đáo, cái bản chất đích thực của họ thì họ sẽ gây buồn chán cho chúng ta, và lúc đó ta cũng chẳng cần gì tới họ. Và đấy cũng là một tai họa lớn cho văn nghệ!

Theo thiển ý, điều cơ bản là người sáng tạo phải xuất phát từ những xúc động chân thật nhất của một tâm hồn phong phú, mẫn cảm. Rồi từ đó thêm vào vốn sống và kỹ thuật (4) thì tự nhiên sẽ có thể đi đến thành công. Trung thực với chính mình, cởi mở, cần mẫn và luôn luôn ý thức được sở trường cũng như sở đoản của mình...

Chúng ta không có tham vọng nắm bắt được toàn diện cuộc sống. Tùy mỗi cá nhân sáng tạo, tùy mỗi đề tài, mỗi thể văn, mỗi cảm hứng thời điểm, chúng ta cố gắng tiến lên trong khu vực của cuộc sống mà chúng ta lựa chọn. Tôi nghĩ như vậy chúng ta sẽ phục vụ nhân sinh (theo nghĩa rộng đã dẫn) đắc lực hơn là chúng ta đi lạc đường và thiếu trung thực để chỉ thành những người viết tầm thường.

Mai Kim Ngọc đã làm trọn vẹn công việc của người đọc không thụ động. Anh đã kéo dài âm hưởng của tác phẩm -- đối tượng, làm nó phong phú, sinh động hơn. Anh hãy nhận nơi đây lời cảm ơn thân tình của tác giả, mặc dầu không hẳn là chúng ta đã hoàn toàn đồng ý về tất cả mọi vấn đề.

Mai Kim Ngọc là người viết tiểu thuyết, nay chúng ta lại thấy anh như một nhà phê bình. Với những đức tính đã nêu ở trên, anh -- tuy mới xuất quân lần đầu -- có khả năng trở thành một nhà phê bình toàn phần, chuyên nghiệp. Mong anh sẽ mạnh tiến trên cả hai con đường sáng tác và phê bình. Đó là một điều tốt cho văn học trong lúc tương đối đang có ít hoạt động ở địa hạt phê bình. Và chúng ta biết rõ cuộc sống văn nghệ chỉ sôi động, chuyển mình khi ngành phê bình thực sự dấn thân mạnh mẽ. Chúng ta chờ anh ở những bước tiến sắp tới.

1. Xin xem bài "Một bó hoa xuân" trong Thế Kỷ 21, số 32, trang 54-60.

2. Organique, congénital.

Kiến thức hấp thụ (kể cả những kỷ niệm, ấn tượng cảm và nghĩ xưa mà hình như Mai Kim Ngọc có lúc đã bao gồm cả trong từ kiến thức) chìm lẫn vào tiềm thức, được ít nhiều chuyển hóa và biến thể. Rồi sau này, trong một hoàn cảnh nào đó, nó vụt thức dậy, cùng đến, *cùng sinh* với cảm xúc lúc đó, như một phần cấu trúc của cảm xúc.

3. Dù thế nào đi nữa tôi cũng nghĩ là phải thận trọng khi sử dụng kiến thức. Nhưng, ở một mức độ cao hơn, ta có thể thay thế từ kiến thức (ý niệm hấp thụ, tích lũy, thô sơ, chưa gạn lọc, chưa chuyển hóa) bằng những từ như trí tuệ, trí thức. Và tôi đã nói đến một nỗ lực phi trí thức (trang 36).

4. Vốn sống và kỹ thuật vô cùng quan trọng. Đó là những ân huệ lớn mà người sáng tạo nhận được. Nhưng chúng vẫn phải đứng sau điều kiện tiên quyết: tâm hồn phong phú, mẫn cảm, tinh tế của người viết.

ĐỌC SÁCH MÊ LỘ CỦA PHẠM THỊ HOÀI

KHAI TỬ PHƯƠNG PHÁP SÁNG TÁC THIẾU MÁU VÀ KHẬP KHIỄNG CỦA NỀN VĂN HỌC HIỆN THỰC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHẠM VIỆT CƯỜNG

Ngoài Nguyễn Huy Thiệp và Dương Thu Hương, có lẽ Phạm Thị Hoài là khuôn mặt sáng chói nhất, được nhắc nhở đến nhiều nhất từ khi có sự chuyển mình đổi mới về văn học nghệ thuật trong nước từ 1986 đến nay. Khác với Nguyễn Huy Thiệp thâm trầm, tàn nhẫn trong những truyện ngắn, khác với Dương Thu Hương tha thiết, sống động trong những truyện dài và dũng cảm, sắc bén trong những bài tham luận, Phạm Thị Hoài với sự mới mẻ đầy trí tuệ riêng của mình đã uy nghi đi vào thế giới văn học, chỉ bằng hai tác phẩm tuy mỏng manh nhưng cực kỳ đường bệ. Có thể nói cả ba người viết trên đã mở ra hẳn một cánh cửa khác biệt, phong phú cho dòng văn học hiện thực chủ nghĩa tù đọng, nghèo nàn suốt mấy mươi năm nay ở Việt Nam.

So với hai nhà văn cùng thời, Phạm Thị Hoài, sinh năm 1960, là người trẻ tuổi nhất, đã có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với văn hóa Tây phương trong những năm du học, và ngành lưu trữ mà bà theo đuổi ở đại học Humboldt, Berlin, Đức có lẽ đã đã góp phần không nhỏ trong sự hình thành kiến văn và tài năng rực rỡ của bà. Ngoài việc sáng tác và dịch thuật, hiện nay bà đang làm việc tại Viện Sử Học Hà Nội.

Chỉ trong vòng ba năm từ 1987 đến 1989, Phạm Thị Hoài đã có một số lượng tác phẩm khá đồ sộ. Chưa kể truyện vừa đầu tay Thiên Sứ in năm 1989, bà còn cho xuất bản bốn tác phẩm dịch của J. Amado, F.Durrenmatt, J. Tanizaki và Franz Kafka. Tập truyện ngắn Mê Lộ, tác phẩm mới nhất của bà mà chúng ta sắp nói đến, xuất hiện vào cuối năm 1989.

Phần lớn các truyện ngắn của Phạm Thị Hoài thường chỉ là những mẩu sinh hoạt bình thường, những mẩu tâm lý mơ hồ, thoáng qua trong đời sống. Ngay cả trong những câu truyện có tình tiết mạch lạc, cụ thể, có hậu nhất thì chính câu truyện đó cũng chỉ để làm vang lên một gợi mở không có giải đáp. Những ai muốn tìm thấy một cốt truyện gay cấn, hấp dẫn hay những bài học đạo đức luân lý để có thể áp dụng vào đời sống trong các truyện ngắn của Phạm Thị Hoài, thì có lẽ họ sẽ thất vọng. Bà không có ý định trình bày truyện theo lối thông thường, và bà cũng ý thức được nhu cầu thưởng ngoạn của đa số người đọc, của rất nhiều nhà xuất bản và chủ bút báo chí: "Nhiều người phàn nàn rằng truyện của tôi thường cụt lủn, hấp tấp, mong manh, không ra đầu ra đũa gì, chẳng thấy các nhân vật - than ôi, quá nghèo nhân vật - có tên tuổi đàng hoàng, diện mạo chu đáo, tính cách điển hình và đặc biệt chẳng thấy hành động được thai nghén, ra đời, phát triển và kết thúc ra sao, tóm lại là quá mơ hồ..." (Một Chuyện Cổ Điển). Nhưng Phạm Thị Hoài đã chọn đi con đường hẹp của mình với sự thận trọng đầy thách đố. Đa số các cốt truyện của bà rất giản dị, không có tình tiết rắc rối, không thắt nút mở nút cầu kỳ, thậm chí đôi khi gần như không có cốt truyện. Cốt truyện trong truyện ngắn của bà gần như chỉ là một cái cớ hoặc như một nét phác thảo rất đại cương để qua đó bà đi đến nỗ lực chính là tạo ra được một không khí truyện và khắc họa các nhân vật của mình. Sự "cụt lủn, hấp tấp, mong manh, không ra đầu đũa" đó chính là cái diện mạo chân thực của những mẩu vụn tâm lý, tình cảm, phản ứng, sinh hoạt... nào đó của con người, cắt ra từ nguyên khối cuộc đời bí ẩn, phức tạp và phong phú.

Hai mươi truyện ngắn trong tập Mê Lộ của Phạm Thị Hoài trình bày một thế giới tưởng chừng đơn giản nhưng thật ra đầy chật những xung động tâm lý tế vi, sâu thẳm của đời người trong cái dòng sống tàn bạo, buồn thảm và phi lý. Những truyện ngắn của bà luôn luôn cô đọng, sâu sắc, tràn ngập chi tiết: một người ngồi chờ cô bạn gái trong quán cà phê suốt mười hai giờ đồng hồ trong một ngày mưa tầm tã (Trong Cơn Mưa); cuộc ngoại tình vô vọng của một nhà văn

và một nữ họa sĩ (Người Đàn Bà Với Hai Con Chó Nhỏ); sự im lặng, phù phiếm và ngộ nhận của lời nói (Mê Lộ); một chuyến thăm mộ ở thôn quê (Quê Ngoại); những ngày cuối cùng trước khi chia tay của một cặp vợ chồng (Năm Ngày); sự tha hóa, máy móc của cuộc đời cạo giấy (Vệt Son); chân dung ba loại người (Kẻ Giết Ý Nghĩ, Người Suy Tư, Người Tốt Bụng); cuộc đời của ba người trí thức tỉnh lẻ (Một Chuyện Cổ Điển); chuyện xảy ra giữa một viên chức cạo giấy và hàng xóm (Hành Trình Của Những Con Số); suy nghĩ của một người vợ về sự tận tụy của chồng sau khi ông ta chết (Hoa Sữa); sự cô đơn của một cô gái đang yêu (Khách); những biến cố ở một xóm nghèo (Tổ Khúc Bốn Mùa); cuộc tái ngộ bẽ bàng của hai người tình (Hai Mươi Năm Sau); đặc điểm của chín người tình trong đời một người đàn bà (Chín Bỏ Làm Mười)...

Tách riêng khỏi những biến động đời thường này, hai truyện ngắn Người Đoán Mộng Giỏi Nhất Thế Gian và Bảy Nổi Ba Chìm mang không khí huyễn hoặc, lãng đãng giữa thực và mộng, tạo ra một ấn tượng khác trên tâm thức người đọc. Truyện Người Đoán Mộng Giỏi Nhất Thế Gian là lời tự thuật của nhân vật chính và duy nhất - một người có thiên tài nhìn thấy trước được số mệnh đời người - về chính cuộc đời kỳ lạ của mình, qua đó vẽ lên được chân dung của cả một xã hội xao xuyến, chao đảo. Những giấc mộng của đám đông về tiền bạc, về tình ái, về sinh lão bệnh tử đó giả định sự thiếu vắng lớn nhất của con người: niềm tin. Nhưng chính niềm tin cũng bị kết án và chính kẻ đáp ứng được khát vọng đó của con người phải trả giá cho sự vi phạm những quy chế máy móc, nghiêm nhặt của cộng đồng: "Loài người bao giờ cũng chọn một kẻ nào đó, để đặt tất cả lòng tin, và để đem ra trước vành móng ngựa." Cũng trong không khí huyễn hoặc bằng bạc vô thức đó, truyện Bảy Nổi Ba Chìm kể lại cuộc đời khác thường của bảy người đàn bà bất hạnh trong một thế giới không xác định không gian, "ở một nơi nào đó chưa bao giờ ghi dấu trên bản đồ." Ở đây, niềm tin, lòng yêu thương, sự hy sinh, lòng trân trọng nghệ thuật của con người được thử thách trong một thế giới bất toàn, mê tín, đầy tai họa, bệnh tật, chiến tranh... Bảy nấm mồ của bảy người phụ nữ, "với chút hương khói và rất nhiều huyền thoại" đó, không phải là nơi đánh dấu sự kết thúc những số mệnh mà mở ra những vấn đề bức thiết nhất trong xã hội ngày nay.

Trừ những nhân vật trong hai truyện Người Đoán Mộng Giỏi Nhất Thế Gian và Bảy Nổi Ba Chìm có tính chất huyễn hoặc, biểu tượng, còn hầu hết các nhân vật khác trong các truyện ngắn của Phạm Thị Hoài đều là những con người bình thường với những đau khổ và khát vọng bình thường của họ. Họ đi đứng, ăn ngủ, yêu thương, chờ đợi, hy vọng, ham muốn... rất đỗi bình thường. Những nhân vật này thuộc đủ mọi tầng lớp, đủ mọi thành phần trong xã hội, mỗi người có chân dung và cá tính khác biệt nhau, và cùng được đặt trong cái từ trường vô hình mà mãnh liệt của tình yêu, tham vọng, tiền bạc, thói quen và nhất là trong sự phôi pha buồn nản của đời người. Từ anh ca sĩ quốc gia "chuyên hát về những trò chơi bất tận của tâm hồn" cho đến anh nhà văn "tín đồ của chủ nghĩa duy mỹ", từ cô nữ họa sĩ "xinh đẹp, thông minh, nhạy cảm và khao khát tình yêu" cho đến anh viên chức bàn giấy không có tuổi mà cơ thể là "một chiếc đồng hồ vĩ đại", từ cô giáo viên "xinh đẹp, thùy mị, đầy lòng tin vào cuộc đời" cho đến chàng họa sĩ thiên tài, bụi đời, "với món tóc bê bết sơn, món râu bê bết rượu, và món răng bê bết thuốc lào"...; tất cả đều bị giam cầm khắc khoải trong cái nhà tù không thể lựa chọn mà cũng không thể khước từ là chính cuộc đời của mỗi người.

Được tác giả quan tâm đến nhiều nhất là những người vợ người chồng trong cái quan hệ mong manh, dễ tổn thương của họ. Tất cả những nhân vật này đã được khắc họa một cách sống động, rõ nét không phải với những đặc điểm ngoại hình mà chính là với những biến động tâm lý nhỏ nhặt, thoáng qua trong đời sống tinh thần. Phạm Thị Hoài muốn cho thấy là đôi khi những biến cố lớn xảy ra trong đời sống con người bắt nguồn từ chính những diễn biến ngầm ẩn thoáng chốc của dòng tâm thức, dù cho người ta có nhận ra điều đó hay không đi nữa. Và thường khi người ta chỉ kịp nhận ra mình đang bị đẩy nhào tới phía trước, chịu đựng đời sống với biết bao nhiêu đau khổ, mà không ý thức nổi chính mình đang làm gì. Không phải ai cũng có thể chống lại tính bão hòa âm thầm mà thô bạo của đời sống, để còn đủ năng lực và sự sắc bén để đánh giá đúng đắn chính đời sống và bản thân mình.

Tình yêu trong thế giới truyện ngắn của Phạm Thị Hoài là một thứ tình yêu tuyệt vọng, không thể hiểu được, không thể nắm bắt. Không có tình yêu trong đời sống vợ chồng đơn điệu, lịm tắt và đầy ngộ nhận: "Bây giờ tôi vỡ lẽ, gương mặt vợ tôi cũng tắt ngấm, mọi trạng thái tình cảm không đủ xuyên thủng lớp vỏ căng thẳng thường trực, thỉnh thoảng may ra đắp đổi bằng vẻ lãnh đạm thoạt nhìn đầy minh triết, để phát lộ dù chỉ một lần, sản phẩm của mười lăm năm hôn nhân, quy luật đau xót của các cuộc cộng sinh, và truy tìm thủ phạm rồi cũng chẳng cứu vãn được gì." (Trong Cơn Mưa). Không có tình yêu trong những cuộc ngoại tình tội lỗi và không lối thoát: "Lúc đầu, anh tưởng chỉ riêng mình đau khổ vì nguy cơ chết yểu của cái đẹp, lý tưởng của cả hai, tín hiệu nhận ra của cả hai, cái mà cả hai, ngay từ đầu, đã muốn bảo tồn và phát triển bằng quyết tâm của những người trèo núi. Rồi anh sợ hãi nhận ra nỗi đau của chị. Chí ít cũng bằng thế, nếu không nói là lớn lao hơn." (Người Đàn Bà Với Hai Con Chó Nhỏ). Cũng không có tình yêu giữa hai người đã từng yêu nhau, đã từng tin tưởng và chờ đợi nhau suốt mấy mươi năm dài:

"Tình yêu cần sự hiện diện. Chúng mình chỉ là những người bình thường, chẳng phải thần thánh, cũng chẳng phải cái gì ghê gớm lắm để có thể dành dụm mình cho một khái niệm vô hình suốt hai mươi năm. Đừng cưỡng lại thời gian. Đừng làm điều trái tự nhiên ấy nữa. Tội nghiệp." (Hai Mươi Năm Sau). Sau khi trái tim đã mệt mỏi rất nhanh với những ảo tưởng thuở ban đầu, người ta không nhìn thấy tình yêu ở nơi nào khác nữa. Những nhân vật trong truyện ngắn Phạm Thị Hoài luôn luôn đứng nhầm vị trí, bên cạnh một con người khác, cũng không đứng đúng chỗ của mình. Chỉ còn lại những bổn phận, trách nhiệm, sự quy thuận, thỏa hiệp bị đè nén dưới những bất mãn khao khát khôn nguôi. Tình yêu ở đây trở thành những thảm kịch câm nín. Đó là những con người sống chung dưới một mái nhà, ngủ cùng một giường, mà vẫn luôn trượt thoát khỏi sự ràng buộc một cách nào đó, và mãi mãi không bao giờ họ thuộc về nhau. Bất lực trước tình yêu và cũng không đủ sức để xa nhau, họ chỉ còn có thể đối thoại với nhau bằng một thứ ngôn ngữ xa lạ, trật khấc, đầy ngộ nhận như thể đến từ hai thế giới khác nhau. Và sự tận tụy, chu đáo đối với nhau chính là sự đánh lừa bi thảm nhất, đánh lừa kẻ khác và đánh lừa chính mình, vì "khi người ta đã biết chung sống hòa bình với tất cả những gì người ta có, đơn giản để được yên thân mà khắc khoải về những gì còn ở phía trước, thì trái tim người ta phải đau đớn và trống trải lắm." (Hoa sữa)

Nói một cách tổng quát, trong khi đối tượng mà những tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp nhắm đến là cái xã hội hư hoại, của Dương Thu Hương là đất nước lầm than, thì Phạm Thị Hoài chủ yếu hướng đến con người. Và thế giới truyện ngắn của bà dung chứa những con người đầy cảm tính, đam mê và nông nổi. Họ đau khổ, yêu thương, khao khát và bị tha hóa... Họ sống cuộc đời của mình, dù có ý thức hay không, với cái bề ngoài trầm

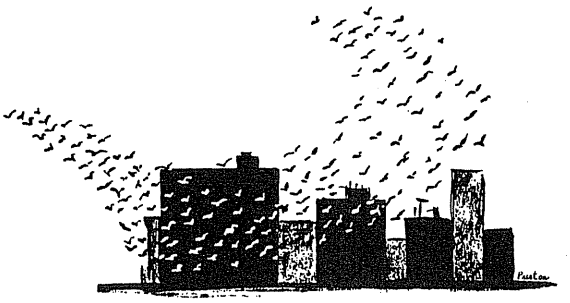

TÔI ĐI

ĐOÀN NHẬT

Tôi đi miết hồn còn quay lại
Sớm mai này mây trắng trời đông
Triệu con mắt nhìn theo ái ngại
Một con tàu chở bóng hư không

Tôi đã đi chưa hay đứng lại
Hai bên đường hoa thắm từng bông
Ngàn bông hoa đều bông hoa dại
Ngàn nỗi sầu đều nỗi nhớ mong

Tôi quay về hay đi mãi mãi
Một con chim tiếng hát mông lung
Những tháng những ngày buồn vương vãi
Ở bên này mưa gió đã ngưng

Tôi đi phải không lần trở lại
Hôm nay thảo nguyên đã mịt mùng
Đôi mắt em đen đời thực tại
Nhìn đáy trời kia đã mênh mông

lặng bình thường của những thói quen và bổn phận nhưng tận thâm sâu đáy lòng họ là những đợt sóng ngầm khắc khoải. Ngoài ra, dù Phạm Thị Hoài chú tâm nhiều trong việc trình bày những hiện thực tâm lý con người, bà vẫn không quay mặt hay phủ nhận sinh hoạt đời sống nghèo nàn, vật vã chung quanh. Rải rác đây đó trong các truyện ngắn, bà cũng đã phác họa khá rõ nét cái xã hội chao đảo, mất niềm tin mà các nhân vật của bà sống thở, với một cái nhìn sâu sắc khách quan mà không khinh miệt hay tàn nhẫn. Thế giới truyện của bà rất bình thường, êm đềm, không hoàn toàn có trật tự mà cũng không quá hỗn loạn, được ngắm nhìn với đôi mắt thiên về cảm tính, tâm linh của những con người còn nhiều phần chơn chất, trẻ thơ, và đôi khi những con người đó cũng giận dữ, phạm tội, ngoại tình... như những phản ứng rất tự nhiên, nhân bản, không hề gây ra tội ác nào. Thế giới này khác hẳn với cái xã hội tội ác, hỗn loạn với những con người bệnh hoạn, duy lý, bất thường trong những truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. Những nhân vật hồn hậu trong truyện Phạm Thị Hoài gần như không biết đến những khái niệm về trật tự, về tội lỗi... Họ sống hòa điệu, êm đềm với cái xã hội của họ một cách hiền lành tự nhiên. Những cảm xúc và phản ứng của họ đối với cuộc đời rất bình thường, không nhằm phá hoại hay xây dựng điều gì khác thường, mà xuất phát từ lòng tin yêu và khát vọng đối với hạnh phúc. Ngay cả trong những hành động có vẻ khác thường (ngoại tình, phản bội, sống bất cần, bụi đời...) cũng chỉ là những phản kháng rất nhẹ nhàng đối với những trật tự và những giá trị trong xã hội. Trong khi đó, những nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp phá vỡ sự hòa điệu giữa con người và đời sống bằng những hành động có chủ định, tàn nhẫn, dửng dưng, thù hận.

Bên dưới những nhận xét đôi lúc dí dỏm và trào phúng được trình bày trong một lối viết khách quan trầm tĩnh, Mê Lộ cho thấy một sự am tường sâu sắc về tâm lý con người. Thật ra, hầu hết những truyện ngắn của Phạm Thị Hoài đều để lại một ấn tượng buồn bã, day dứt, bâng khuâng. Cuộc đời qua đôi mắt bà có vẻ lỡ làng, bế tắc, phi lý, mất mát... Nguyên nhân chính của những tình trạng hư vỡ đó dường như không chỉ xuất phát từ sự thiếu vắng tình yêu, mà còn đến từ sự bi đát của đời sống, từ chính sự bất lực của con người không thể cảm ứng hoặc giao tiếp với nhau một cách tận cùng, chân thực và từ nỗi buồn bã và tuyệt vọng do chính tình trạng ngộ nhận này gây nên. Không khí truyện này gợi nhớ đến những truyện ngắn ảm đạm của Chekhov, trong khi văn phong bố cục của bà lại có chút gì phảng phất Stefan Zweig.

Mê Lộ được viết bằng một thứ bút pháp cô đọng, hàm súc, chính xác. Mỗi truyện ngắn của Phạm Thị Hoài chứa đựng một lượng thông tin và sự hiểu biết giàu có về diễn biến tâm lý con người cũng như về sinh hoạt xã hội. Ngôn ngữ bà phong phú, quý phái, gợi hình dù đã được nén chặt, tiết kiệm tối đa. Đọc truyện ngắn của Phạm Thị Hoài, người ta dễ có cảm tưởng như đang đọc bản dịch của một tác phẩm ngoại quốc nào đó. Điều này không phải là sự bắt chước hay rập khuôn người khác, mà cho thấy rằng văn chương của bà là thứ văn chương toàn cầu, có thể được chuyển ngữ sang các thứ ngôn ngữ khác mà không đánh mất sự chính xác và vẻ đẹp của tác phẩm. Đây là một thành tựu lớn trong một thời đại mà văn hóa đang trở thành những sản phẩm chung và tức thì của nhân loại, nhờ vào kỹ thuật thông tin siêu việt. Do đó tính chất tân kỳ hiện đại trong văn chương Phạm Thị Hoài là một bước tiến vượt bực của văn học Việt Nam. Tác phẩm Mê Lộ của bà có thể được đặt ngang hàng với bất cứ những tác phẩm hiện đại nào của các nhà văn lớn trên thế giới. Có thể trong thời điểm này, còn có rất nhiều người đọc chưa thể làm quen với tác phẩm của bà, vì tính chất khác thường xa lạ của nó đối với những khuôn mẫu sáng tác quen thuộc trong thế giới chữ nghĩa tiếng Việt, nhưng nỗ lực phá vỡ, mở đường, làm mới của bà là một nỗ lực cực kỳ cần thiết để thúc đẩy văn học Việt Nam bước tới trong "một thời mà người cầm bút buộc lòng phải có một giao tiếp nhất định với sản phẩm tinh thần và nghệ thuật toàn thế giới." (trích tiểu luận Viết Như Một Phép Ứng Xử). Những tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài là những nắm đất ném xuống nấm mồ của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa trong nước, khai tử phương pháp sáng tác thiếu máu và khập khiễng đó, đồng thời báo trước một bình minh trong văn học Việt Nam.

Với nội lực văn học thâm hậu và thiên tư tài hoa rực rỡ được hỗ trợ thêm bằng khí lực vô tận của tuổi trẻ, Phạm Thị Hoài đang một mình tạo nên một phong cách văn chương mới. Bà đang vạch ra và đi một mình trên con đường riêng biệt của mình, chưa có bạn đồng hành nhưng chắc chắn chẳng cô đơn. Với tất cả những dấu hiệu tốt đẹp này, sự kỳ vọng nơi bà như là một trong những khuôn mặt lớn nhất trong văn học Việt Nam đương đại, có phải là một niềm hy vọng quá đáng không?

Tháng 1-1992

* MÊ LỘ, tập truyện ngắn của PHẠM THỊ HOÀI, Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Phú Khánh, 1989. Nhà Xuất Bản Hồng Lĩnh, (Cali, USA), tái bản tháng 1-1992.

Tìm đọc

Căn Nhà Ngói Đỏ

Tập truyện, tùy bút, thơ

Nguyễn Xuân Hoàng

Âm nhạc và tôi

PHẠM DUY

NGUYÊN SA

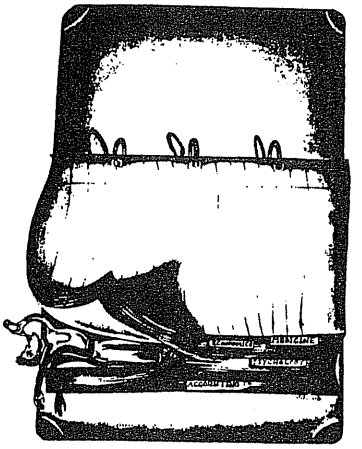

Sara Schwartz/INX

Kim Anh cũng là ca sĩ thuộc loại "hét" hay "gào". Nhưng trong trường phái "hét, gào" có hai loại, loại "hét to", "gào vang" và loại nghẹn ngào, có nức nở tâm sự, có ấm áp tình tự, tiết ra từ thanh quản đổ vào dòng sông hơi thở từ phế nang chảy ra. Kim Anh hát Ngậm Ngùi của Phạm Duy hay tuyệt. Các bạn bè tôi cho rằng cái quan niệm định mệnh của bài hát gắn liền với định mệnh của giọng ca đầu tiên có phần Tây Phương. Quan niệm này đúng chiều cho thế giới âm nhạc phương Tây. Les feuilles mortes gắn liền với giọng hát Juliette Greco. Like a Virgin là Madonna. Nhưng với âm nhạc Việt Nam, sự việc không hẳn nhiên như thế. Trước hết vì số lượng tác phẩm tân nhạc Việt Nam tương đối giới hạn so với số lượng tác phẩm cùng loại phương Tây. Mỗi bài hát Việt Nam được những ca sĩ thuộc những thế hệ khác nhau hát qua những thời điểm khác nhau. Vả chăng, nhạc sĩ khi sáng tạo, không phải bao giờ cũng chỉ nhắm đến một giọng ca, không sáng tạo riêng cho một ca sĩ. Phạm Duy không làm nhạc cho riêng một giọng ca. Trên thực tế, nhạc Phạm Duy được nhiều ca sĩ thuộc các thế hệ khác nhau ca. Cho nên, nhiều bằng hữu cho rằng, muốn công bình, không thể nói "nói đến Đêm Tàn Bến Ngự", nói đến "Tiếng Xưa" là nghĩ tới Hà Thanh. Hà Thanh đã ca những bài ca có phong vị sông Hương này của Dương Thiệu Tước một cách tuyệt vời. Nhưng có lối ca Đêm tàn của Hà Thanh. Có một lối ca Đêm tàn của Hoàng Oanh, có lối ca Đêm tàn của Thanh Thúy. Có một lối ca Đêm tàn của Thanh Tuyền. Có một lối ca của Giao Linh. Gần đây, còn có lối ca Đêm tàn của Hương Lan, của Thiên Trang. Tôi thích nhạc Huế. Tôi đã nghe Đêm tàn bến Ngự của tất cả những giọng ca Huế hàng đầu. Đêm tàn của Hà Thanh có nhiều áo bay trên Tràng Tiền. Đêm tàn của Mỹ Thể có nhiều mệnh phụ. Đêm tàn Thanh Thúy đầy thơ. Đêm tàn của Hoàng Oanh có nhiều Đồng Khánh. Đêm tàn rất ca kỹ là của Thanh Tuyền, rất cung phi là của Giao Linh. Đêm tàn của Hương Lan có nhiều phố phường. Đêm tàn của Thiên Trang có cả cấm thành thời trước. Những người thưởng thức nhạc bây giờ, nơi đây, thích Trịnh Công Sơn của Khánh Hà, của Ngọc Lan nhiều hơn Trịnh Công Sơn của Khánh Ly. Thưởng ngoạn âm nhạc bằng thính giác. Bằng tâm hồn.

Không bắt buộc phải bằng kỷ niệm. Cũng có thể. Cho nên, những người thưởng ngoạn thuộc lớp tuổi bốn mươi trở lên đã say mê tiếng hát Lệ Thu sẽ giữ mãi trong tâm hồn Ngậm Ngùi Lệ Thu. Nhưng những người thưởng ngoạn âm nhạc Việt Nam ở hải ngoại, Ngậm Ngùi Kim Anh xoáy chặt vào hồn.

Kim Anh thâu Ngậm Ngùi xong, cùng với Lê Bá Chư đến nhà tôi. Kim Anh trước sau, ca vào băng nhạc, hai bài Phạm Duy thật tới là Ngậm Ngùi và Ngày Xưa Hoàng Thị. Kim Anh ca hai bài Phạm Duy vào hai thời điểm khác nhau, cách nhau khoảng trên sáu tháng. Cùng thời điểm với Ngậm Ngùi, Kim Anh thâu cùng với Ngậm Ngùi của Phạm Duy là Áo Lụa Hà Đông, nhạc của Ngô Thụy Miên. Kim Anh đến tôi lúc đó đã khuya lắm. Người nữ ca sĩ mặc áo xường xám, màu đen, có lóng lánh kim tuyến. Tôi nghĩ Kim Anh đi trình diễn về. Kim Anh cho tôi hay là cô đi ca về mới đi thâu và đi thâu xong mới ghé tôi. Kim Anh trông y chang như trong hình chụp bìa băng Mùa Thu Lá Bay. Hình Mùa Thu Lá Bay Kim Anh tóc bay, dáng điệu nhẩy nhót, cười tươi vui, bức hình bắt mắt, một trong những bức hình bìa băng nhạc đẹp nhất mà tôi thấy. Tôi nghĩ người nghệ sĩ nhiếp ảnh Đoàn Danh, trong một sát na một phần ngàn giây, bắt được dáng điệu hồn nhiên tuyệt vời của Kim Anh. Khi gặp Kim Anh tôi hiểu sự hồn nhiên là một khuôn mặt thường trực của Kim Anh. Miệng nhỏ, trên môi Kim Anh thường trực có nụ cười, Kim Anh có cả nụ cười trong mắt. Ngay trong lần đầu gặp gỡ, tôi khám phá ra Kim Anh là một người cởi mở. Sự hồn nhiên trên khuôn mặt, trong dáng điệu bay nhẩy, nụ cười trên môi, trong mắt, Kim Anh bay nhẩy trong tấm hình Mùa Thu Lá Bay, di chuyển trên sân khấu, không phải là những dáng điệu tập luyện mà là những phản ảnh trung thực của một tâm hồn bằng hữu, một tâm hồn nghệ sĩ, một tâm hồn giang hồ. Cởi mở, Kim Anh, ngay trong đêm gặp gỡ đầu tiên đó, kể cho tôi thật nhiều về nàng. Kim Anh người Việt gốc Hoa. Những ngày tháng buồn ở Washington. Những đêm cô đơn trong tuyết lạnh. Những vật vã kinh hoàng của sinh kế, của tình ái, của cuộc đời. Kim Anh kể cho tôi nghe về sự hình thành Mùa Thu Lá Bay. Mùa Thu Lá Bay vào thời gian đầu thập niên tám mươi đó là cuồn băng thành công rực rỡ. Là cuốn "top hit". Trên thị trường băng nhạc hải ngoại, Mùa Thu của Kim Anh là cuốn băng mới, hoàn toàn thâu, cả nhạc và ca tại Mỹ, không phải là băng nhạc cũ ở Việt Nam được sang lại mang ra bán. Trước Mùa Thu Lá Bay có một vài cuốn khác cũng làm ở hải ngoại. Nhưng Mùa Thu Lá Bay là cuốn đầu tiên thành công với mức độ lớn lao. Có số lượng bán cao vượt bực, bìa phải in lại trong vòng mấy tháng. Mỗi lần in không dưới mười lăm ngàn bìa. Mùa Thu Lá Bay còn thành công rực rỡ hơn nữa vì mang lại cho người thưởng ngoạn một giọng ca hoàn toàn mới lạ. Tên tuổi Kim Anh lên ngay, chói sáng trên vòm trời âm nhạc. Thời điểm đó, Khánh Hà còn mơ hồ, Ngọc Lan chưa được biết tới, Vũ Khanh mới đi những bước khởi đầu. Thái Thanh chưa sang. Sự thành công rực rỡ của Mùa Thu Lá Bay, sự tiếp đón nồng nhiệt của khán thính giả dành cho Kim Anh, lập tức làm cho Kim Anh được các nhà sản xuất tìm đến. Trong cùng một thời điểm Kim Anh ca cho hai trung tâm băng nhạc vừa được thành lập, cả hai đều chọn bài Kim Anh để mở đầu cuốn băng đầu tay. Trung tâm Dạ Lan vừa thành lập do nhạc sĩ Lê Minh Bằng và kỹ sư Trần Văn Thăng, đứng đầu mời Kim Anh ca hai bản cho cuốn Dạ Lan 1, chủ đề Như Một Nụ Hồng. Trung tâm Đời, do Nguyên Sa thành lập với sự cộng tác của Lê Bá Chư mời Kim Anh ca Áo Lụa Hà Đông và Ngậm Ngùi. Cuốn Dạ Lan 1, bài Những Đồi Hoa Sim của Doãn Chinh do Kim Anh ca là bài mở đầu. Đời 1, Áo Lụa Hà Đông do Kim Anh ca vừa là bài hát chủ đề của cuốn băng vừa là bài mở đầu. Khi Kim Anh và Lê Bá Chư đã ra về, mặc dù đêm đã khuya lắm, tôi vẫn lấy cuốn băng test do Lê Bá Chư mang lại để vào máy nghe. Kim Anh ca Áo Lụa Hà Đông và Ngậm Ngùi đều rất tới. Ngậm Ngùi Kim Anh ca có phần tới hơn Áo Lụa Hà Đông. Bài thơ Nguyên Sa phổ nhạc bởi Ngô Thụy Miên, Kim Anh ca có hay nhưng không làm mờ nhạc Duy Trác. Một phần cũng vì bài hát hợp với giọng nam. Nhưng Ngậm Ngùi Kim Anh ca là một Ngậm Ngùi khác với Ngậm Ngùi Lệ Thu. Không hơn. Không kém, khác. Ngậm Ngùi Lệ Thu có nhiều vang vọng, mở lớn, chất ngất. Ngậm Ngùi Kim Anh dầy, thiết tha, tâm sự. Giọng ca của Lệ Thu cũng có những nét dầy, khi lên thì mở ra chất ngất. Giọng ca của Kim Anh dầy và nhọn, không mở ra, chỉ xoáy nhọn, đâm sâu vào tim. Ngậm Ngùi Lệ Thu có cả một tâm hồn tha thiết. Ngậm Ngùi Kim Anh là một ngăn kín khuất của trái tim tình tự riêng tư. Hai nhà sản xuất Đời và Dạ Lan đã đánh trúng, trong việc chọn giọng hát Kim Anh như một giọng ca cột trụ cho cuốn băng đầu tay của mình. Cuốn Đời 1 gặt hái được những thành công to lớn. Dạ Lan 1 còn thành công to lớn hơn. Kim Anh mang lại sự thành công đó cho hai nhà sản xuất với hai bài ca hoàn toàn khác biệt. Trong Dạ Lan 1 là Những Màu Tím Hoa Sim, bài ca đã sáng lên những năm tháng Việt Nam với tiếng hát Thanh Tuyền, và Ngậm Ngùi, tác phẩm của Phạm Duy, nhạc sang cả trong giọng hát sang cả Lệ Thu những ngày tháng Sài Gòn.

Về sau tôi có thâu một bài

khác nữa của Phạm Duy với Kim Anh, như đã nói, là Ngày Xưa Hoàng Thị. Bài thơ của Phạm Thiên Thư phổ nhạc này mang đậm dấu vết lớn của Thái Thanh. Kim Anh hát Ngày Xưa không hơn Thái Thanh. Không thua. Kim Anh đã mang lại cho người thưởng ngoạn một Ngày Xưa Hoàng Thị khác. Rất hiền dịu. Rất đằm ấm. Rất tình tự. Rất Kim Anh. Kim Anh ca Những Đồi Hoa Sim không thua Thanh Tuyền, ca Ngậm Ngùi không thua Lệ Thu, ca Ngày Xưa Hoàng Thị không thua Thái Thanh. Trong mọi trường hợp, dù với Những Đồi Hoa Sim, hay với Ngậm Ngùi, với Ngày xưa Hoàng Thị, chính giọng ca Kim Anh đã mang lại cho những nhà sản xuất đã chọn Kim Anh những thành công rực rỡ về mặt thương mại. Lúc sau này, Kim Anh rong chơi trên những đồi hoa sim nhiều hơn trong những giấc mộng bình thường hay trên những con đường tuổi thơ lúc tan trường về. Cách đây hai năm, gặp Kim Anh ở phòng thâu của John, Kim Anh hỏi tôi: "Trong óc anh, anh đã cầm cây bút xóa đi cái tên Kim Anh rồi phải không?" Tôi không có câu trả lời nào cho Kim Anh lúc ấy. Thành công ở chỗ Thái Thanh, Thanh Tuyền và Lệ Thu, những giọng ca thật khác biệt, không phải chuyện dễ. Lãng quên giọng ca hiếm quý đó càng không dễ. Ngay sau khi thâu Ngày Xưa Hoàng Thị với Kim Anh, tôi nghe thấy người ngẩn ngơ. Lê Văn Thiện có mặt trong phòng thâu đã cùng với Tùng Giang điều chỉnh nhạc xuống nửa cung cho hợp với giọng Kim Anh. Chúng tôi cùng nhau nghe lại Ngày Xưa nhiều lần rồi mới chia tay. Đêm đó, trên đường về, tôi nghĩ tôi sẽ làm một cuốn Kim Anh hát nhạc Phạm Duy. Chỉ nhạc Phạm Duy. Chỉ một giọng hát Kim Anh. Cả đêm đó, cả những ngày tháng kế tiếp, cả buổi gặp gỡ xa cách ở phòng thâu John, tôi đều không nói được gì. Tôi vẫn là người làm thơ rụt rè. Mà giòng sông âm nhạc thì chẩy xiết, cuốn mỗi người đi một nhánh sông xa.

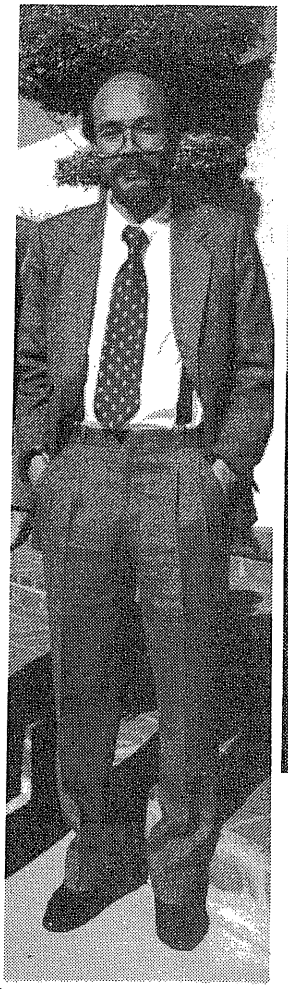

Ca sĩ Kim Anh

Nhạc sĩ Trần Duy Đức

Hải Lý, Duy Quang, Thái Hiền, Ngọc Lan, Khánh Ly là những khuôn mặt trình diễn nhạc Phạm Duy hàng đầu ở hải ngoại. Như Thái Thanh, Lệ Thu, Julie đã mang Phạm Duy đến cho người thưởng ngoạn ở trong nước trước 1975. Hải Lý thành công rực rỡ với Mùa Thu Chết, Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu và Vết Sâu. Khi Hải Lý ca Mùa Thu Chết, năm 1982, ở hải ngoại, chưa có ai ở hải ngoại trình bầy Mùa Thu Chết trong băng nhạc. Hải Lý khởi đi hơi nhẹ, được nửa câu mới nhập vô mức độ bình thường của âm thanh rồi bốc lên tuyệt vời cảm xúc. Hải Lý thời kỳ khởi đầu có thói quen đó, khi bắt đầu bài ca Hải Lý đứng xa máy vi âm, rồi mới nhẹ nhàng tiến lại gần. Trong bài Một Đời Yêu Anh của Trần Thiện Thanh Hải Lý đã trình bầy trong băng nhạc và video đến nay cũng vẫn chưa ai qua mặt được, cũng bị khuyết điểm nhỏ bắt đầu hơi nhỏ. Khi ca sĩ đang vút cao, phải nhỏ lại vì nhu cầu diễn tả, e sợ xuống giọng nhẹ không kịp, người trình diễn thường sử dụng thêm kỹ thuật tìm lấy khoảng cách, đẩy máy vi âm xa hơn. Làn hơi đang còn mạnh, máy vi âm bị cách xa thêm chút ít, âm thanh vẫn sáng, không bị mờ. Nhưng khi bắt đầu bài ca, không vô ngay với một cường độ âm thanh đầy đủ, giọng hát sẽ bị tối, bị mờ. Tôi chỉ nhận biết được kỹ thuật này về sau, thật

lâu về sau. Nếu tôi biết vào thời điểm đó, hẳn nhiên tôi đã yêu cầu Hải Lý sửa lại chút xíu khuyết điểm rất nhỏ đó. Tùng Giang khi thâu Một Đời Yêu Anh cho Hải Lý nhận biết được ngay sơ hở đó, nhưng Tùng Giang chỉ nói khi thâu phải giữ khoảng cách với máy vi âm mộc cách đều đặn. Tôi không hiểu có lúc nào Hải Lỳ đứng cách máy vi âm không đều đặn, Hải Lý cũng không có vẻ hiểu rõ Tùng Giang. Trong mọi trường hợp, khuyết điểm này đã được Hải Lý tự tìm thấy mau chóng về sau và đã khắc phục hoàn toàn. Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu cũng như Vết Sâu, những bài này của Phạm Duy, Hải Lý vô ào ạt, đầy xúc động và gây chấn động nơi người nghe tức khắc. Khi Hải Lý ca Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu cũng chưa có ai thâu bài đó ở hải ngoại. Mùa Thu Chết do tôi chọn cho Hải Lý. Tôi biết tiếng hát Hải Lý qua băng của nhạc sĩ Lê Minh Bằng. Bài đầu tiên của Hải Lý mà tôi nghe thấy là Tình Là Sợi Tơ, nhạc Trần Ngọc Sơn, con trai của nhạc sĩ Anh Bằng, người nhạc sĩ trẻ chơi lục huyền, soạn hòa âm và sáng tác nhạc đều tài hoa. Hải Lý ca Tình Là Sợi Tơ rất tới, giọng ca mạnh, tươi vui, rất thích hợp với thể điệu cha cha cha của Tình Là Sợi Tơ. Những bài cha cha cha Hải Lý trình bầy về sau đều tuyệt vời. Mùa Đông Của Anh. Yêu Em Dài Lâu. Cha Cha Cha và Valve là hai thể điệu Hải Lý thành công nhất. Hải Lý thật ra ca được đủ thể điệu, là người của vũ trường, Hải Lý sáng chói được ở nơi đó chính vì ca được đủ thể điệu. Nhưng Cha Cha Cha và Valse là hai sở trưởng của Hải Lý. Tôi vẫn nghĩ nếu Hải Lý thực hiện một cuốn cha cha cha thì hẳn nhiên phải gặt hái được thật nhiều thành công.

Nhưng Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu Hải Lý tự chọn và Vết Sâu thì chính Phạm Duy chọn cho Hải Lý. Chọn bài cho Hải Lý cũng như cho các ca sĩ khác để thâu băng, trong nhiều năm tôi vẫn nhờ đến sự cộng tác của Hải Lý. Hải Lý tìm được bài hay thâu vào băng, trước mỗi bài Hải Lý đọc tên bài, tên nhạc sĩ và thể điệu để giúp tôi tiện dụng trong việc chọn lựa. Chọn nhiều bài của cùng một tác giả đứng kế tiếp bên nhau không tốt bằng chọn bài của những tác giả khác biệt đứng bên nhau ngoại trừ làm băng nhạc của một tác giả. Cũng vậy, một bài bolero rồi một cha cha cha, thì hơn là ba bốn cha cha cha liền ồn ào quá, slow, rumba rồi valse thì hơn là ba bốn valse liền nhau quá thính phòng. Hải Lý cũng giúp tôi bằng tìm bài hay bằng cách ca trong điện thoại cho tôi nghe một đoạn của bài ca trước khi thu vào băng gởi cho tôi. Bài nào Hải Lý ca tôi thấy được quá tôi nhờ nữ ca sĩ thu dùm tôi vào băng. Khi Hải Lý ca qua điện thoại cho tôi Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu tôi có cảm xúc thật mạnh. Bài ca hay quá. Lời cũng thơ cũng rất được. Kỹ thuật chặt câu thơ lục bát ra để đưa lên từng cung bậc mỗi lúc mỗi cao hơn làm cho cảm xúc của người nghe mỗi lúc một chất ngất hơn. Tôi không biết người sáng tạo có những xúc động đổi thay dâng cao như thế nào mỗi khi chuyển đổi cung bậc của Gọi Em, nhưng tôi thì cảm xúc xô tới như sóng. Lớp sóng nhỏ chưa tan, lớp sóng lớn hơn ào tới, lớp thứ nhì còn làm tôi choáng váng, lớp sóng kế tiếp ngút đầu vật tôi chìm xuống biển sâu, cuốn tôi trôi đi. Tôi để tôi trôi đi, hân hoan, hạnh phúc. Tiếng Hải Lý ở đầu giây nói hết rồi, tôi yêu cầu HảiLý ca lại. Tôi không muốn rời bỏ Ấn Lan, tôi không muốn đánh mất tiếng hài của em. Hải Lý ca Gọi Em cho tôi ba lần, đến khi nỗi buồn thơm lâu của bài ca lần ba đã mờ khuất hẳn thật lâu tôi ngỡ ngàng hỏi:

-- Bài này của ai mà hay quá trời vậy?

Hải Lý trả lời:

-- Của ông Phạm Duy, ông không biết à?

Tôi không biết Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu của Phạm Duy phổ nhạc Phạm Thiên Thư. Thơ Phạm Thiên Thư Phạm Duy phổ nhạc tôi biết Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng. Tôi biết Ngày Xưa Hoàng Thị. Tôi chưa bao giờ nghe, chưa bao giờ hay biết Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu. Nhiều lần nghe nhạc Phạm Duy tôi đã có cảm xúc tương tự. Nghe Lệ Thu hát Ngậm Ngùi. Nghe Duy Khánh hát Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc... tôi đã bị bao phủ bởi câu hỏi: "Bài này của ai mà hay quá vậy..." Nhưng câu hỏi có sức hút làm tôi chìm xuống tuốt đáy biển sâu, có đôi cánh làm tôi bay vút trên núi cao lần đó, lần Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu, còn có những sức hút, sức đẩy to lớn gấp bội. Đoán biết trọng lượng của cảm xúc đang đè tôi xuống, Hải Lý giữ chờ đợi im lặng. Thật lâu. Thật lâu. Hải Lý mới cất tiếng:

-- Bài này ông muốn chọn không?

Tôi trả lời không ngần ngại:

-- Có chứ. Bài này không chọn còn chọn bài nào.

Hải Lý hỏi:

-- Ông Nguyên Sa chọn ai ca bản này?

Tôi trả lời bằng một câu hỏi khác:

-- Cô ca dùm tôi bản này được không?

Hải Lý thận trọng:

-- Ông Nguyên Sa thấy Lý ca bản này được không?

Tôi xác nhận thêm một lần niềm tin vào sự chọn lựa này. Hải Lý đã ca bản Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu. Văn Phụng soạn hòa âm. Đến nay, gần mười năm trôi qua, tôi vẫn không thấy có ai ca Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu qua được Hải Lý. Tôi không thấy bản hòa âm nào của Gọi Em phong phú hơn bản hòa âm của Văn Phụng. Gọi Em của Hải Lý, tôi nghĩ sẽ làm cho tên tuổi Hải Lý còn mãi trong thời gian, ít nhất cũng bằng Tô Châu Dạ Khúc.

Tôi đưa thơ cho Phạm Duy phổ nhạc. Phạm Duy hỏi tôi:

-- Ai hát?

Tôi trở lời:

-- Hải Lý.

Tôi thực hiện cuốn "tiếng hát" thứ nhì cho Hải Lý. Những người trong nghề thường có thói quen gọi băng nhạc chỉ có một giọng ca là "cuốn tiếng hát". Cuốn Thiên Đường Tình Ái, Tuấn Vũ ca chung với Sơn Tuyền. Cuốn Tim Mãi Thương Yêu mới là cuốn "tiếng hát" của Tuấn Vũ. Cuốn "tiếng hát" là cuốn "một tiếng hát". Trong những thời gian gần đây, người thưởng ngoạn thích mua băng một tiếng hát. Nhưng thời điểm đầu thập niên tám mươi đó, người thưởng ngoạn thích mua băng nhiều tiếng hát. Thời điểm đó tôi thích làm băng một tiếng hát nên nhà sản xuất những băng nhạc do tôi thực hiện đã phải mất nhiều công khó trong việc thuyết phục đại lý mua băng "tiếng hát".

-- Có những ai ca?

-- Có một tiếng hát thôi à!

-- Một người ca không bán được. Không mua!

Tôi đã tới cuốn Hải Lý thứ nhì. Cuốn "Tiếng hát Hải Lý" đầu tiên tôi thực hiện lấy tên bài hát mở đầu làm chủ đề, tức là làm tên cuốn băng. Cuốn Tô Châu Dạ Khúc đạt được kết quả rực rỡ cả về phương diện nghệ thuật lẫn phương diện thương mại. Tô Châu có mức bán kỷ lục. Tôi biết với một cuốn băng như Tô Châu, làm cuốn khác với tiếng hát Hải Lý hay hơn Tô Châu không dễ. Những cuốn tiếng hát, cuốn hai thường thua sút cuốn một. Cho nên muốn làm một cuốn tiếng hát nữa với Hải Lý phải tung vào những chưởng thật nặng ký. Một trong những sức nặng mà tôi muốn mang lại cho cuốn băng là mang vào đó những ca khúc mới, chưa từng trình bầy. Giới buôn băng thường quan niệm "bài mới khó bán". Nhưng nghệ thuật và thương mại không phải bao giờ cũng là hai người bạn tâm đầu ý hợp. Tôi chọn bốn bài mới tinh khôi cho Hải Lý ca cuốn tiếng hát mới. Tôi gửi cho nhạc sĩ Ngô Thụy Miên bài thơ Tháng Giêng và Anh. Tôi viết thư cho Lê Trạch Lựu, bạn tôi, Lựu và tôi học cùng lớp từ hồi Trung học ở tỉnh Provins, Pháp, cách Paris 90 cây số. Lê Trạch Lựu gửi cho tôi bài Chuyện Vườn Mây, bài nhạc, theo tôi hay nghiêng ngửa với Em Tôi. Tôi có nhạc sĩ Trần Duy Đức, lúc đó cộng tác với tôi làm tờ Đời và Dân Chúng. Trần Duy Đức một nhạc sĩ trẻ, có tài, cho tôi nghe Rồi Em Bỏ Tôi Đi, Đức phổ thơ Du Tử Lê. Bài ca hiện ra với tôi ngay như một tiếng sét. Tôi không ngần ngại chọn Rồi em của Trần Duy Đức làm chủ đề cuốn Tiếng Hát thứ nhì của Hải Lý. Trần Duy Đức dặn tôi "anh nhớ nhờ anh Thiện cho cello vào dùm em". Tôi đã đưa ý kiến của Trần Duy Đức cho nhạc sư Lê Văn Thiện. Đức gặp nhạc sư Thiện ở Tú Quỳnh nhấn mạnh thêm. Bài Rồi Em Bỏ Tôi Đi của Trần Duy Đức và Du Tử Lê Hải Lý ca có tiếng cello tâm tình cùng với tiếng ca nức nở. Tôi có ba bài ca lớn trong tay, tôi còn thiếu một bài, một bài tôi vẫn muốn có cho Hải Lý, một bài mới tinh khôi của Phạm Duy hôm Ngô Thụy Miên gửi về cho tôi Tháng Giêng và Anh Tôi đến Phạm Duy đưa cho anh một bài lục bát. Phạm Duy bảo tôi ông phải đưa cho tôi mấy bài để tôi chọn, bài nào tôi thấy hứng tôi sẽ làm. Phạm Duy cũng nhấn mạnh anh không hẹn thời gian. Chừng nào hứng thì mới làm được. Chừng nào xong là xong. Tôi biết quy luật này của sáng tạo. Bài báo thì dục dã không sao. Nhưng bài thơ làm không ra đành chịu, chừng nào hứng khởi tới là có, nó không tới đành chịu. Yêu cầu đưa thêm thơ của Phạm Duy cũng hoàn toàn có lý, tôi đưa thêm, nhưng chọn toàn lục bát. Tôi có Tháng Giêng tám chữ của Ngô Thụy Miên rồi. Bài thơ Trần Duy Đức phổ nhạc của Du Tử Lê năm chữ. Một tám chữ, một năm chữ, một lục bát là nhất. Chuyện vườn trăng của Lựu lại là thơ rồi, lời của những bản nhạc của Lê Trạch Lựu, từ Em Tôi, bao giờ chả đầy ắp thơ. Giữa những bài toàn lục bát, Phạm Duy chọn cách nào cũng trúng lục bát. Phạm Duy đã chọn Vết Sâu cho Hải Lý.

Ca sĩ Hải Lý

(Còn tiếp)

Cờ búa liềm Liên Xô hạ xuống

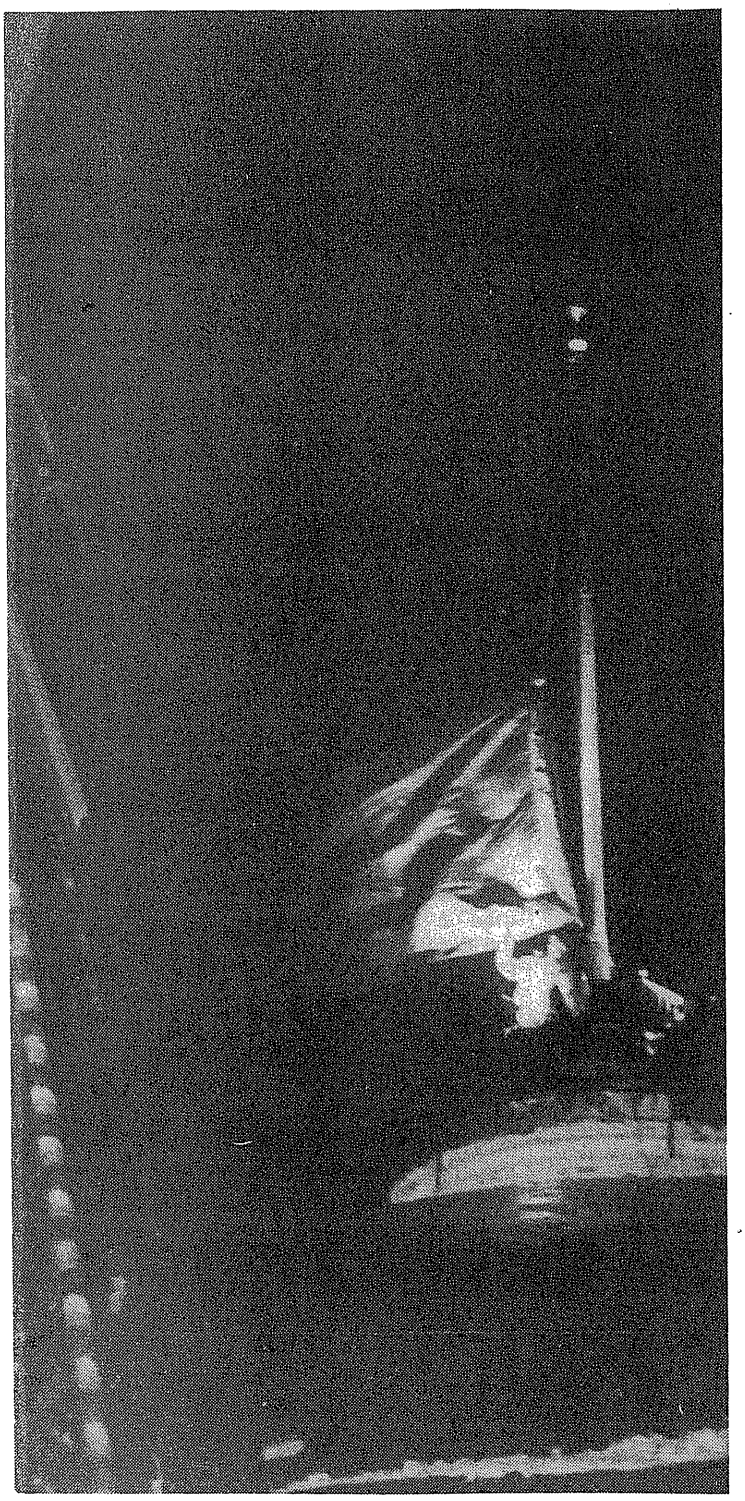

Liên Xô không còn nữa

* Sau 74 năm thành lập, Liên bang Sô Viết -- hay ngắn gọn hơn là Liên Xô (URSS) -- đã chính thức bị khai tử kể từ 31 tháng Chạp 1991, để thay thế vào đó là một "Khối Thịnh Vượng Chung các xứ độc lập" (CIS), gồm ba nước Cộng Hòa Slav, và có thể được mở rộng thêm với các nước Cộng Hòa Trung Á, cũng thuộc Liên Xô cũ, để trở thành "Khối Thịnh Vượng Chung các xứ Âu Châu và Á Châu" (CAAS).

Thỏa thuận khai tử Liên Xô, đã được Tổng Thống Cộng Hòa Nga, Boris Yeltsin -- là một trong ba nhà lãnh đạo thành lập nên Khối Thịnh Vượng CIS trên, cùng với Ukraine, Belarus -- và Tổng Thống Liên Xô Mikhail Gorbachev thỏa thuận hôm 17 tháng Chạp, trong một phiên họp tại Moscow.

Lá cờ đỏ Sô Viết, với lưỡi liềm và cây búa, từng gieo tang tóc, khổ đau cho bao đất nước, dân tộc, cá nhân, vẫn bay phất phới trên điện Kremlin, sẽ được hạ xuống cùng lúc với sự xóa sổ của Liên Xô, trên bản đồ thế giới.

Phản ứng cụ thể và rõ rệt nhất của Tổng Thống Gorbachev, về sự xóa sổ của đất nước Cộng Sản tiền phong này, là "Tôi không thể đi ngược giòng nước được".

Phát ngôn viên Tổng Thống Gorbachev, là A. Gratchev cho biết là công cuộc giải tán các cơ sở trung ương của Liên Xô, hay chuyển lại cho Cộng Hòa Nga -- tức Khối Thịnh Vượng Chung -- sẽ kéo dài khoảng một tháng và chấm dứt vào giữa tháng Giêng 1992.

Lần lượt sau đó, người ta chứng kiến các bộ, cơ quan của

THÁNG QUA

LÊ THỤY

Cờ ba màu đỏ cộng hòa Nga kéo lên nóc điện Cẩm Linh

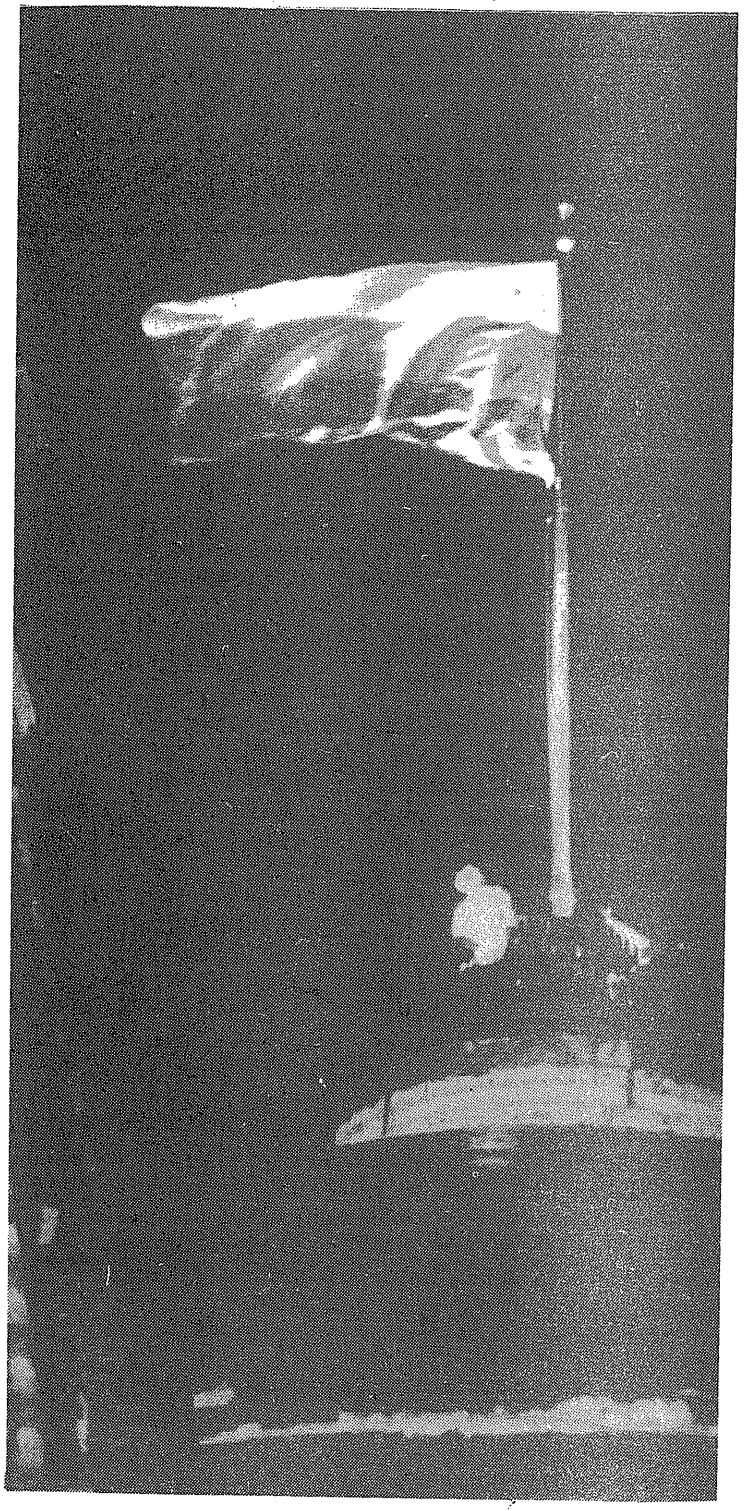

Cộng Hòa Nga, đã đến tiếp quản các cơ quan tương tự của chính phủ trung ương Liên Xô cũ, như Bộ Ngoại Giao, Bộ Nội Vụ, Cơ Quan Mật Vụ KGB, Tòa nhà Quốc Hội Sô Viết, cũng như ngay cả Văn Phòng Tổng Thống M. Gorbachev, mặc dù ông này, chưa đưa ra quyết định từ chức, như các lời đồn là ông sẽ giã từ chính trường sớm...

*** Nam, Bắc Hàn ký thỏa hiệp sống chung hòa bình**

Hôm 11 tháng Chạp, hai thủ tướng của Nam và Bắc Hàn đã ký kết thỏa hiệp sống chung hòa bình và cam kết không gây hấn, cũng như tán đồng việc đoàn tụ hàng triệu người đã bị chia lìa trong cuộc chiến tranh Hàn Quốc (1950-1953).

Thỏa hiệp này đã được đạt đến nhân cuộc viếng thăm -- hòa đàm ba ngày của thủ tướng Bắc Hàn Yon Hyong Muk tại Nam Hàn, với thủ tướng Nam Hàn Chung Won Shik.

Đây cũng là chuyến viếng thăm thứ ba của thủ tướng Yon tại Nam Hàn, kể từ khi có các cuộc họp cao cấp giữa hai miền, được khởi đầu từ hồi tháng Chín 1990.

*** Ngoại trưởng Pháp thăm Việt Nam**

Sau khi thăm Kampuchia, ngoại trưởng Pháp Roland Dumas và trên hai chục thương gia nước này, đã đến Hà Nội hôm 25 tháng Mười Một, và được ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đón tiếp và sau đó cũng đã lần lượt hội đàm với các nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam, bao gồm Đỗ Mười, Tổng bí thư -- Võ Văn Kiệt, thủ tướng -- Đậu Ngọc Xuân, Chủ tịch Ủy

ban đầu tư và Hợp tác quốc tế -- Đỗ Quốc Sâm, Chủ tịch Ủy ban kế hoạch nhà nước...

Ngoại trưởng Dumas cho biết Pháp sẽ gia tăng viện trợ cho Hà Nội hơn con số 95 triệu Francs một năm (tương đương 17.3 triệu đô la), kể từ năm 1992, tuy nhiên ông cũng tiếp thêm rằng Pháp sẽ chỉ gia tăng viện trợ song song với nhịp độ cải cách, đưa nền kinh tế từ tập trung sang cơ chế thị trường.

Về phía các thương gia Pháp, thì than phiền là họ chưa thấy Việt Nam đáp ứng những đề nghị xây dựng của họ, để họ có thể tin tưởng mà bỏ vốn đầu tư ở Việt Nam.

Có đại diện của năm ngân hàng lớn của Pháp hiện diện trong chuyến viếng thăm này, để nghiên cứu mở chi nhánh tại Việt Nam.

Từ năm 1988 đến nay, tư bản Pháp đã đầu tư vào Việt Nam 26 dự án, trị giá 280 triệu Francs.

*** Những lời thú nhận... thành thực nhất!**

Võ Văn Kiệt, thủ tướng Cộng Sản Việt Nam, nhân bài diễn văn đọc trước Quốc Hội, hôm 10 tháng Chạp, nhìn nhận rằng Việt Nam hiện nay phải đối phó với những vấn đề quan trọng bậc nhất như tham nhũng, lạm phát, thất nghiệp và sự bất lực.

Kiệt quả quyết rằng cần phải giải quyết những vấn đề trên, thì nền kinh tế mới có thể phát triển và sự đổi mới mới có thể đi lên được.

Võ Văn Kiệt cũng nhìn nhận rằng năm 1991 và những năm tới là một thời gian có ý nghĩa quyết định, "Tình hình trong nước cũng như trên thế giới đẩy chúng ta phải đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng này và phát triển nhanh hơn".

Kiệt cũng cho biết rằng năng suất kỹ nghệ của Việt Nam đã tăng lên 4.5 phần trăm và lợi tức quốc gia đã tăng lên 2.4 phần trăm trong năm 1991.

Trước đó, Hội Đồng Chính Phủ C.S. Việt Nam cũng đã họp liên tiếp trong ba ngày (từ 19 tới 21 tháng Mười Một 1991), để hoàn chỉnh kế hoạch kinh tế và xã hội 1992, để đệ trình Quốc Hội thông qua, trong phiên nhóm thường niên vào tháng Chạp.

Các chính sách mới trong kế hoạch này, gồm có những biện pháp tăng gia lợi tức quốc gia, chia ngân sách một cách hợp lý hơn và bãi bỏ các dấu vết của chế độ bao cấp cũ.

Báo "Nhân Dân", trong khi đó cho biết nhà nước C.S. Việt Nam sẽ cho mở thị trường chứng khoán, cũng như sẽ "biến" nhiều công ty quốc doanh thành những công ty cổ phần.

Một lời thú nhận khác, đã do Nguyễn Cơ Thạch, cựu ngoại trưởng C.S. Việt Nam đưa ra, trong một cuộc tiếp xúc với trợ bút tờ "The Boston Globe", H.D. Greenway, nhân khi ông này viếng thăm Việt Nam, như sau:

"Chúng tôi đã bớt ngu ngốc hơn trước, tôi chưa dám nói là khôn, nhưng đã bớt ngu".

Để dẫn chứng cho lời mình nói, Thạch cho biết Việt Nam đã rút quân ra khỏi Kampuchia và khởi sự thực hiện các cải cách kinh tế vào cuối năm 1989, trước khi khối Cộng Sản và ngay chính Liên Xô bắt đầu sụp đổ.

Thạch cho rằng "Nếu chúng tôi đã không làm được như vậy, thì tôi không biết Việt Nam ngày nay như thế nào nữa!"

Tuy nhiên, dù có các sự lạc quan của Thạch về cải cách kinh tế như trên, nhà báo Greenway đã ghi nhận nhân chuyến thăm Việt Nam này rằng:

"Việt Nam vẫn còn là một xứ quá nghèo đói, đè nén bởi một hệ thống xã hội chủ nghĩa bảo thủ, tập đoàn lãnh đạo thiếu khả năng, nhưng lại bám chắc lấy quyền lực..."

*** Chiến sĩ Võ Đại Tôn đã được trả lại tự do**

Sau khi được C.S. Việt Nam trả lại tự do hôm 10 tháng Chạp và đưa lên phi cơ để buộc rời khỏi Việt Nam ngay, chiến sĩ Võ Đại Tôn đã đến phi trường Sydney, Úc, hôm 11 tháng Chạp, và được bà Nguyễn Thị Tuyết Mai, vợ ông -- Võ Đại Nam, con trai, và các anh em trong Lực Lượng Dân Quân Yểm Trợ Phục Quốc Việt Nam, cũng như nhiều nhân vật trong Cộng đồng và hàng trăm đồng bào, ra đón.

Phòng đón phi trường đã đầy bóng cờ vàng và biểu ngữ chào đón người anh hùng trở về, với nội dung viết bằng hai thứ tiếng Việt, Anh, như "Đồng bào Úc Châu hân hoan chào đón Anh hùng Võ Đại Tôn", "Tinh thần bất khuất của chiến sĩ Võ Đại Tôn bất diệt", "Welcome Võ Đại Tôn, the Human Rights Activist", "Đồng tâm giải trừ Cộng Sản, hiệp lực quang phục Quê Hương"...

Không ngăn được sự xúc động, ông Võ Đại Tôn chỉ nói được mấy lời nguyên văn như sau:

"Sau 10 năm một tháng và 17 ngày bị giam cầm bởi chế độ cộng sản Việt Nam, nay tôi đã trở về".

Ông Võ Đại Tôn từng bị an ninh Cộng Sản Lào và Việt Nam bắt hồi đầu tháng Mười Một, 1981, tại vùng biên giới Việt-Lào, khi ông cùng với hai chiến hữu là Vũ Đình Khoa và Nguyễn Văn Lộc, trong toán tiền đạo của lực lượng Chí Nguyện Đoàn Hải Ngoại Phục Quốc Việt Nam, trên đường về nước để lập căn cứ kháng chiến.

Ông Tôn năm nay 56 tuổi, nguyên là chỉ huy trưởng của Chí Nguyện Đoàn Hải Ngoại Phục Quốc Việt Nam.

Những tin tức khác

*** Lê Mai, thứ trưởng C.S. Việt Nam,** hôm 23 tháng Mười Một, đã dẫn đoàn tùy tùng trong đó có Trịnh Xuân Lãng, đại sứ Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc, sang trụ sở phái đoàn Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc, để

gặp ông Richard Solomon, phụ tá ngoại trưởng Hoa Kỳ đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương sự vụ.

Buổi họp đã kéo dài trên sáu tiếng đồng hồ, nhưng không có một kết quả mới, cụ thể nào được ghi nhận, trừ việc đặt quan hệ làm việc giữa Trịnh Xuân Lãng và Kenneth Quinn, phụ tá thứ trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ đã nhắc lại lập trường qua bản "lộ trình" bốn giai đoạn, nếu Hà Nội thực hiện tốt đẹp, thì có thể tiến đến bình thường hóa bang giao.

Lê Mai cho biết, đã nhân danh nhà cầm quyền Hà Nội, mời ông R. Solomon đến Việt Nam, vào bất cứ lúc nào ông muốn.

*** Chính phủ Hoa Kỳ đã bãi bỏ việc ngăn cấm các công ty du lịch** tổ chức cho các cá nhân, các nhóm thăm viếng Việt Nam, kể từ hôm 17 tháng Chạp 1991, cho thấy đã có sự nới lỏng trong lệnh cấm vận kinh tế của Bộ Tài Chánh Hoa Kỳ, được áp dụng từ nhiều thập niên nay đối với Việt Nam.

Nhiều công ty du lịch của Hoa Kỳ đã có kế hoạch từ lâu để tung ra các chương trình du lịch đến Việt Nam, trong đó có các cựu quân nhân Mỹ từng tham chiến tại Việt Nam, các doanh gia, các nhà đầu tư, các nhà nghiên cứu... ngoài số đông người Mỹ gốc Việt Nam, muốn trở lại thăm quê hương cũ.

*** Nhóm doanh gia Hoa Kỳ đầu tiên đến Việt Nam,** được đặt dưới sự hướng dẫn của ông Warren Williams, Chủ tịch Phòng Thương Mại Hoa Kỳ ở Hong Kong, đã đến Hà Nội, hôm 15 tháng Chạp.

Chủ tịch Williams kêu gọi chính phủ Hoa Kỳ hãy bình thường hóa bang giao với kẻ thù cũ, để giúp cho các nhà đầu tư Hoa Kỳ, có thể đến làm ăn tại đây.

*** Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng** hôm 17 tháng Chạp đã kết thúc sáu ngày viếng thăm lân bang Ấn Độ, sau khi ký kết được các thỏa hiệp thương mại, thông thương, du lịch, trao đổi khoa học kỹ thuật giữa hai nước, tuy nhiên đã không đạt đến được một giải pháp thỏa đáng về vấn đề biên giới giữa hai nước.

Ấn Độ và Trung Quốc đã từng giao tranh ngắn trong vùng biên giới hồi năm 1962, và cho đến nay vẫn còn có một thái độ hiềm khích với nhau, một phần cũng vì Ấn Độ đã cho Đức Đại Lai Lạt Ma, vị lãnh tụ tinh thần của Tây Tạng và hơn một trăm ngàn người Tây Tạng, tị nạn.

*** Hong Kong đã cưỡng bách hồi hương 28 thuyền nhân Việt Nam,** nằm trong đợt nhì, để chở về Hà Nội bằng chuyến bay bao thuê, "C-130", của hãng Pelita, Nam Dương.

Trong số người cưỡng bách hồi hương này, có phân nửa là thuyền nhân "nhị hồi", tức họ đã trở về Việt Nam một lần rồi, lại vượt biên tiếp đến Hong Kong, và rồi để bị trả về lần nữa.

*** Hôm 12 tháng Giêng, một phái đoàn chính thức của Nhật Bản đã đến Việt Nam,** để thảo luận về vấn đề trả nợ của Việt Nam, trước khi tiến đến việc Tokyo tái lập viện trợ cho nước này.

Phái đoàn Nhật Bản này, được đặt dưới sự lãnh đạo của ông Takao Kawakami, tổng giám đốc văn phòng hợp tác kinh tế của Bộ Ngoại Giao Nhật Bản, hợp với các giới lãnh đạo Việt Nam từ ngày 14 đến 18 tháng Giêng.

Nguồn tin cho biết Nhật Bản sẽ tái lập viện trợ cho Việt Nam từ nửa phần sau của năm 1992, sau khi đã đình chỉ từ năm 1978, khi Việt Nam xâm lăng Kampuchia.

Nhật Bản hiện nay là nước buôn bán mạnh mẽ nhất với Việt Nam và việc tái lập viện trợ này, là vì Việt Nam đã rút hết quân khỏi Kampuchia, và đất nước này đang tiến đến hòa bình.

*** Tiếp theo các cuộc họp liên tiếp giữa Quốc Vụ Khanh Anh Quốc Lord Caithness với các giới lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam tại Hà Nội,** như thủ tướng Võ Văn Kiệt, Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm và nhiều giới chức khác, hôm 11 tháng Giêng, hai phía đã cùng phổ biến bản tuyên bố cố gắng đẩy mạnh thêm việc hồi hương các thuyền nhân từ Hồng Kông, qua các chương trình tự nguyện cũng như cả cưỡng bách nữa.

Hai bên nhìn nhận cho đến nay mới có hai đợt "cưỡng bách hồi hương", gồm 87 người, từ tháng Mười Một năm 1991, nằm trong "Chương trình Hồi hương trong trật tự" (ORP), "tuy nhiên sẽ có nhiều chuyến bay tương tự, đang được dự trù tiếp."

*** Tổng thống Hoa Kỳ George Bush thực hiện chuyến công du vùng Á Châu - Thái Bình Dương** trong 12 ngày, khởi đầu từ ngày 31 tháng Chạp, 1991 và kết thúc ngày 10 tháng Giêng, 1992. Bush đã ghé qua các nước như Úc Đại Lợi, Singapore, Nam Hàn và Nhật Bản, với mục đích tìm thị trường cho ngành xuất cảng của Hoa Kỳ, trong khi cùng lúc tạo thêm công ăn việc làm cho người Mỹ, đang lâm vào tình trạng suy thoái kinh tế, với mức độ thất nghiệp 7.1 cao nhất từ năm năm nay.

*** Tổng thống G. Bush, trong khi đang viếng thăm Singapore,** hôm 4 tháng Giêng, đã loan báo bãi bỏ cuộc cấm vận tại Kampuchia, mà Hoa Kỳ đã cho áp dụng từ năm 1975, sau khi quân Cộng Sản Khmer Đỏ, chiếm cứ Nam Vang.

cuốn sách được chờ đợi nhiều nhất
của tác giả **Giải Khăn Sô Cho Huế**

NHÃ CA
HỒI KÝ

MỘT NGƯỜI MẤT NGÀY THÁNG

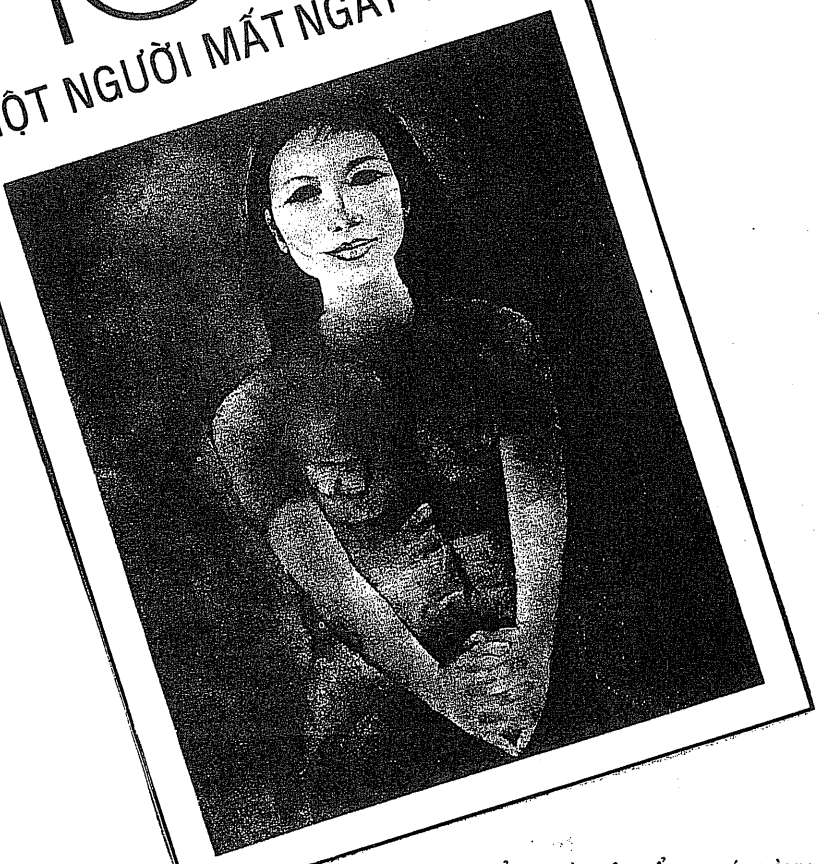

CƠ SỞ NGƯỜI VIỆT TỔNG PHÁT HÀNH
Liên lạc: 14891 Moran Street,
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-9414. Fax (714) 894-1381

600 trang - Giá bán: 24 Mỹ kim

WEDDING VIDEO PRODUCTION

Creators of Exciting

WEDDING TELEPRODUCTIONS

for the couple with discerning tastes

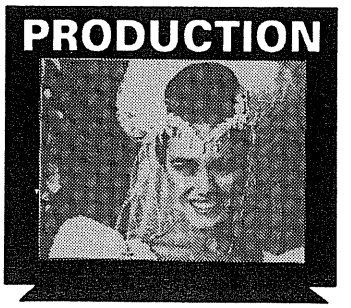

CALL US ! Our twelve years of Professional Video experience will ensure... the safe capture of all the exciting sights and sounds of your precious Wedding Day... Assuredly, unfailingly...

VIDEOLAB L.C, Inc. 1-(800) 383-1162

* We speak English, Spanish, Cantonese and Mandarin

Video Học Anh Ngữ

3 bộ Anh ngữ đàm thoại được sắp đặt khéo léo từ trình độ Sơ đẳng lên Trung cấp đến Cao cấp với phương pháp thính thị hiệu quả nhất. Các bộ học rất hoàn hảo, tinh vi : gồm có 12 giờ dạy học và 6 cuốn sách.

Bạn Hãy **SO SÁNH** kỹ trước khi mua	VIDEOLAB	Công ty ABC	Coông ty XYZ
Cách Phát Âm Tiếng Mỹ Hay Nhất do Giáo sư Ngữ Học Viện Đại Học Trinh Bay	Có	không có	không có
Có giải thích bằng tiếng Việt trong băng video cho cuốn 1 trình độ sơ đẳng	Có	không có	không có
Phim trong băng sống động, không phải hình chụp các động tác sẽ giúp bài học dễ thuộc và lôi cuốn hơn. Giúp trí nhớ và không buồn chúng tôi không dùng cảnh bất động.	Có	Có	không có
Tổng số giờ dạy trong băng khoảng	12	6	8
Giá khoảng	từ 69	↓ 300	↓ 400

VIDEOLAB LANGUAGE CENTER INC.

LOOK LISTEN TALK™

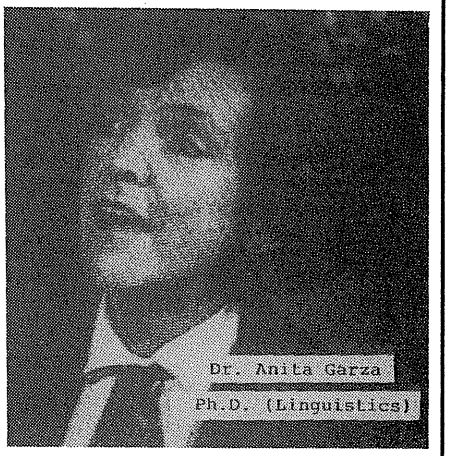

- Free Video bộ phát âm Mỹ nếu gọi và mua ngay
- Dễ học * Hiệu quả nhanh chóng
- Chúng tôi có gửi UPS đi khắp nơi

Điện thoại miễn phí

1-(800) 383-1162

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU TÁC PHẨM MỚI NHẤT
PHÁT HÀNH KHẮP NƠI NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 1992

- Mỹ đã muốn bang giao với Việt cộng từ năm 1978? Nhưng Trung Cộng chơi một đòn chí tử, đâm ngang lưng "đồng chí" Việt cộng?
- Việt cộng đưa "Cảm tử quân" sang tận Nam Vang muốn bắt cóc Sihanouk nhưng Trung cộng kịp thời đưa Sihanouk lẩn trốn?
- Pol Pot và Son Sann trả thù "anh em" bằng cách ra lệnh "cáp duồn" người Việt để đánh tiếng cho Hà Nội biết là họ không còn là đàn em trung thành như Hà Nội mong muốn?
- Việt cộng xua quân qua Cam-Bốt vì thế cờ chính trị quốc tế ép buộc, không thể làm cách nào khác?
- Những thế cờ chính trị độc đáo, bí mật chưa bao giờ được tiết lộ trong trận chiến bị các phe che dấu hoàn toàn...
- Cuốn sách lột trần những huyền thoại, giai thoại về các nhân vật lãnh đạo ba đảng cộng sản Đông Dương: Trung cộng, Việt cộng và Miên cộng, trong một cuộc tranh chấp gay cấn và hồi hộp từ trang đầu tới trang cuối...
- Sách dầy hơn 300 trang, giá bán $15.00, bìa bảy màu rực rỡ, là một tác phẩm giá trị cần phải đọc của tất cả mọi người muốn tìm hiểu lịch sử...

- Nguyên tác của Nayan Chanda, Ký giả tạp chí *Far Eastern Economic Review*, người được xem là ký giả chuyên nghiệp nhất về vùng Đông Dương, được dịch qua ngòi bút độc đáo và chuyên nghiệp của nhà văn PHẠM QUỐC BẢO.
- Đã đọc sách Mỹ nói về Việt Nam? Đã say mê các tác phẩm chiến tranh? Không thể bỏ qua những bí mật lần đầu tiên được tiết lộ trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ III mà bấy lâu nay bị che dấu sự thật, đưa đến việc hàng chục ngàn thanh niên Việt Nam hy sinh tại Kampuchea.

Các đại lý ở xa xin liên lạc về nhà xuất bản Thế Giới để nhận thư mục mới nhất. Dành huê hồng cao.
Nhận phát hành các loại sách cho các tác giả độc lập.
Đặt mua qua bưu điện, xin gửi kèm $3.00 cho cước phí trong nước Mỹ. Ngoài Hoa Kỳ, xin thêm $5.00.

MỘT CUỐN SÁCH SẼ GÂY CHẤN ĐỘNG CHO BẠN ĐỌC TỪ TRANG ĐẦU ĐẾN TRANG CUỐI, KHÔNG THỂ BỎ QUA. XIN LIÊN LẠC VỀ:
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
3023 Centerwood Way • San Jose, CA 95148 • (408) 274-5171 hay (714) 638-7177

ĐỖ QUÝ TOÀN

CỎ VÀ TUYẾT

VĂN NGHỆ

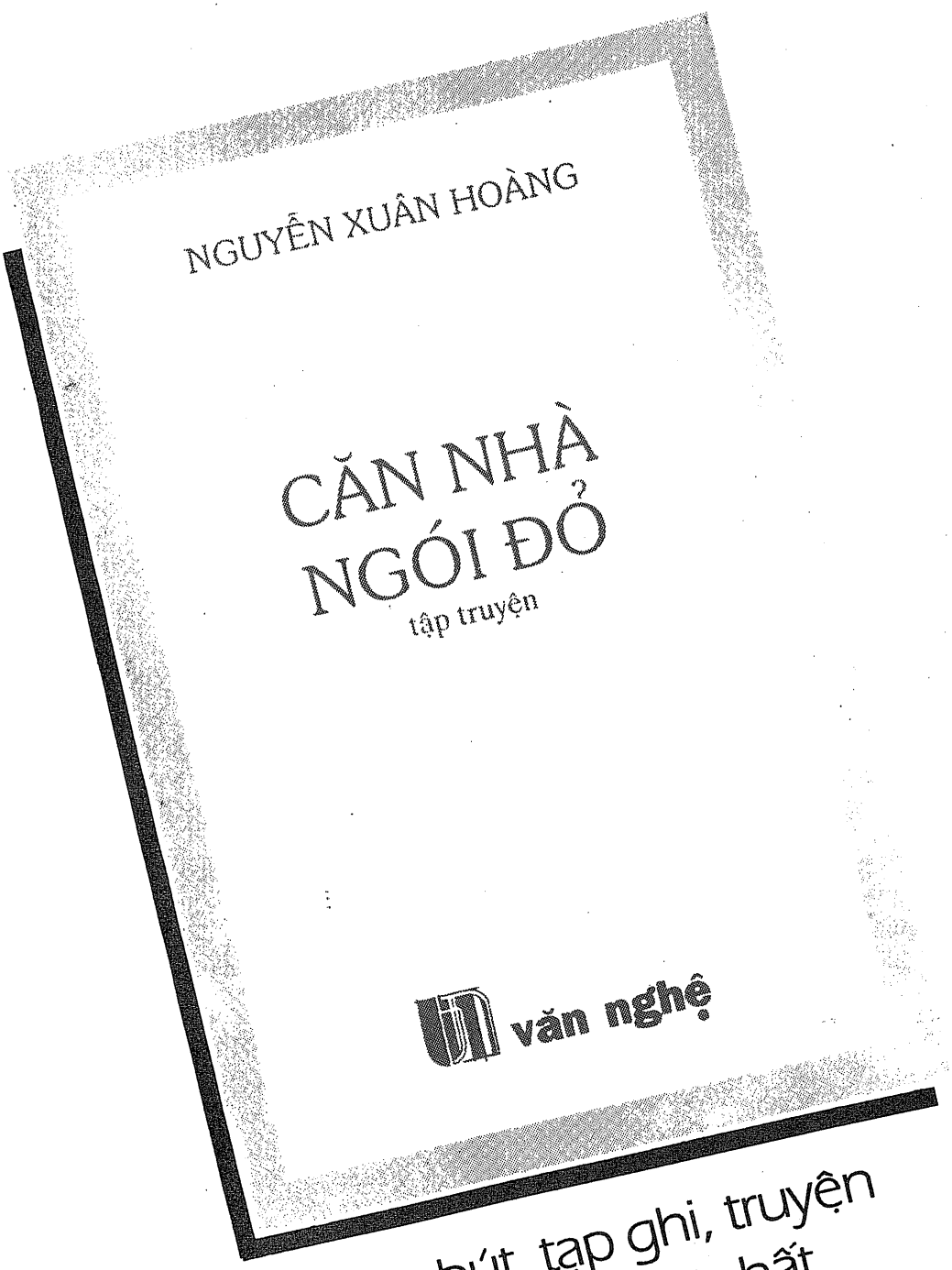

Tập tùy bút, tạp ghi, truyện
được yêu thích nhất
cuả tác giả Người Đi Trên Mây

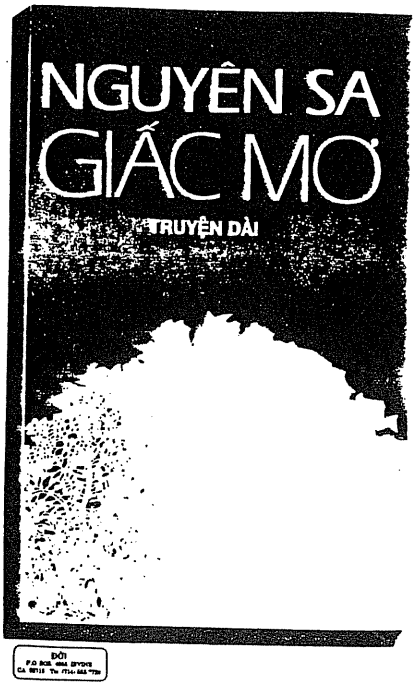

"Đọc Giấc Mơ của Nguyên Sa, mới chỉ Tập Một thôi, tôi đã thấy hết những chấn động và những cuồng nộ làm nên cái toàn cảnh gió bảo của cả một thời. Với những sự thật một trăm phần trăm, bởi được xây dựng hoàn toàn bằng tưởng tượng."
MAI THẢO, *Nhà văn*

"Giấc Mơ là một tổng hợp đầy sảng khoái của Nguyên Sa thi sĩ, Nguyên Sa uyên bác và Nguyên Sa giang hồ.
Đây chính là bộ truyện truyền kỳ lớn nhất, hấp dẫn nhất của thời đại chúng ta."
TRẦN DẠ TỪ, *nhà thơ.*

"Có lẽ gần mười bẩy năm qua, lần đầu tiên, có một cuốn tiểu thuyết bắt tôi phải đọc một lèo từ chập tối cho tới lúc gần sáng, giữa căn bệnh cúm Bắc Kinh còn nặng, xé ngực thổ. Đó là cuốn tiểu thuyết mang tên Giấc Mơ, tập một, trong bộ trường thiên tiểu thuyết của thi sĩ Nguyên Sa.
Giấc Mơ, tôi nghĩ, không chỉ là giấc mơ của thi sĩ Nguyên Sa, mà của tất cả mọi người, những ai mơ ước, khao khát được nhìn thấy mặt thật của chế độ Cộng sản Việt Nam bị giựt xuống."
DU TỬ LÊ, *nhà thơ.*

"Truyện dài Giấc Mơ của Nguyên Sa lôi cuốn người đọc ngay từ những dòng chữ đầu. Từ cánh cửa làm bằng gỗ của sự thật, ông mở ra cho chúng ta một bầu trời tưởng tượng kỳ thú."
NGUYÊN XUÂN HOÀNG, *nhà văn.*

"Như phong vị Thủy Hử ngày xưa, tác phẩm Giấc Mơ tạo đầy những bất ngờ và ngôi nhà của tiểu thuyết hiện đại lại có thêm con đường khai phá xuyên qua khu rừng nhiệt đới thâm u đầy cây cao bóng cả của văn chương Việt Nam bây giờ."
NGUYÊN MẠNH TRINH, *nhà thơ.*

Chỉ riêng Chương Sáu của truyện dài Giấc Mơ, chương sách mở ra tình yêu của Trần Hoạch và Liên Hạ, trong bối cảnh chiến tranh, với chiếc máy quay phim không có phim của đạo diễn Trần Hoạch, tôi đã nghĩ với chuyện tình kỳ diệu này, người ta có thể sẽ thực hiện được cả một cuốn phim lớn."
KIỀU CHINH, *nữ tài tử.*

• Huế âm thầm! Huế lặng lẽ!

• Huế với những khu vườn thâm u mát lạnh giữa trưa hè đỏ lửa.

• Huế với những con đường lẩn khuất dưới đêm trăng rằm sáng tỏ.

• Huế với một dòng sông hiền hòa phơi bày cả nét đẹp lẫn mùi hương.

Huế với một ngọn núi chẳng có niềm bí ẩn để giấu che đất trời và vạn vật.

• Những tâm hồn Huế, những tấm lòng Huế, những cuộc tình Huế thì sao?

Mời bạn tìm đọc tác phẩm mới nhất của một nhà văn nữ của Huế đã nổi danh từ những năm 60.

TÚY HỒNG với

THÔNG ĐƯA TIẾNG KỆ

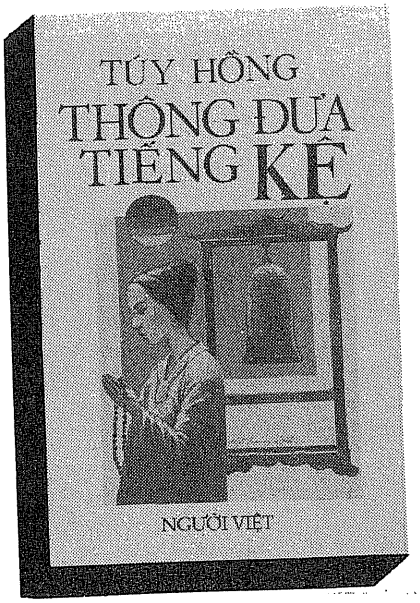

Giá: US$12.00

Ngoài nước Mỹ: US$13.00

NHÀ XUẤT BẢN

KHAI TRÍ

Trước 30-4-1975 tại 60-62 Lê Lợi Saigon

NAY HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI

ĐỊA CHỈ: P.O. Box 720367 Houston TX 77272-0367

- Sẽ lần lượt tái bản các sách Khai Trí xuất bản như Tự Điển - Văn Học - Sử Địa - Văn Hóa - Nghệ Thuật - Âm Nhạc - Học Làm Người - Phụ Nữ - Y Học - Tôn Giáo - Kinh Doanh - Truyện Thiếu Nhi - Tác Phẩm Văn Chương...
- Xuất bản sách viết sau 1975

CHỦ TRƯƠNG CỦA NHÀ XUẤT BẢN KHAI TRÍ

- Tôn trọng tác quyền của người viết.
- Bảo tồn và phát huy nền văn hóa Việt Nam
- Chỉ xuất bản những sách lành mạnh và có ích.
- Dành một phần tiền lời vào các công tác xã hội.
- Xây dựng nhà xuất bản thành một công ty của tất cả những người Việt Nam đầy tâm huyết, thiết tha với tương lai quê hương xứ sở.

Quý bạn ủng hộ Nhà Xuất Bản Khai Trí tức là các bạn đã đóng góp công sức vào việc xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tươi đẹp hơn.

ĐANG PHÁT HÀNH TOÀN BỘ

CÂY CỎ VIỆT NAM

Một công trình 30 năm nghiên cứu của
Giáo sư Thạc sĩ **PHẠM HOÀNG HỘ**, Tiến sĩ Vạn Vật

Quyển I (gồm 2 tập) dày 1263 trang, sẽ mô tả 3570 loài của toàn cõi Việt Nam, từ các loài Khuyết-thực-vật (Ô-rồng, Ráng-đại), Lõa-tử (Thông Đà Lạt), các loài Song-tử-diệp cánh-rời, từ Ngọc-lan, Măng-cầu, qua các loài Xa-cô-chê, Bụp, Ké...đến họ Đậu (Mắc-cỡ, So-đũa). Mỗi loài đều được minh họa bằng nét đen trắng và mô tả đặc-tính chính và công-dụng nếu có, từ các loài ở vùng xa-xôi hẻo lánh như Thông-nước, đến các loài sống quanh ta như Sứ, cỏ dại như Bái, trồng như Trà, Bố, Kênáp, nên tránh như Mắt-mèo, nguy-hiểm như Á-phiện, quý chuộng như Răm, Quế, Măng-cầu, Cẩm-lai, ngon bổ như Đậu, So-đũa, thuốc quý như Hòe, Bình-vôi v.v...

Sẽ bán tại các nhà sách lớn và tại Làng-văn, Ottawa.

Tại Hoa Kỳ sẽ bán tại:

Bác Sĩ Phạm Văn Hoàng
9625 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
ĐT.: (714) 531-8711

Quí vị đại lý sẽ liên lạc về:

Phạm Thị Bạch Nga
29 Palmerston Mont-Royal, Que. H3P 1V1 Canada
ĐT. và Fax: (514) 737-2142

Giá $35/một tập

Cuốn sách đã được độc giả chờ đợi từ lâu.
Tuyển tập truyện ngắn:

NGÀY QUANH QUẨN

của **Trần Long Hồ**

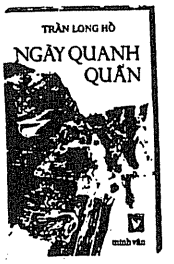

Do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành.
Sách in đẹp, trang nhã, với bìa 4 màu của Đinh Cường, tựa của Hồ Trường An, phụ bản của Đinh Cường và Ngọc Dũng, Nguyễn Đình Hùng trình bày.
Quí vị có thể tìm mua sách tại các nhà sách trong vùng hay liên lạc thẳng về:

Nhà xuất bản Minh Văn
P.O. Box 221076
Chantilly, VA 22022
ĐT/FAX: (703) 204-9239

Giá mỗi cuốn là $10.00 US tại Hoa Kỳ, ngoài Hoa Kỳ là $12.00 US. Chi phiếu xin đề MINH VĂN.

Tìm đọc:

SỬ XANH LƯU TRUYỀN

của Quý Linh

"Một cuốn sách hay. Một tuyển tập những mẩu chuyện rút từ lịch sử dân tộc, từ kho tàng văn hóa Đông phương, từ túi khôn của loài người — ngắn gọn, dễ hiểu."

ĐÃ CÓ BÁN TẠI CÁC TIỆM SÁCH KHẮP NƠI

$24.00 MỘT CUỐN

TỔNG PHÁT HÀNH: NGƯỜI VIỆT (714) 892-9414

NHÀ XUẤT BẢN
HỒNG LĨNH

9601 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683

Tel: (714) 531-7223 • Fax: (714) 531-1107

Trân trọng giới thiệu tác phẩm

SỰ LỪA DỐI HÀO NHOÁNG

(THE BRIGHT & SHINNING LIE)

của NEIL SHEEHAN

Đoạt giải PULITZER và GIẢI THƯỞNG SÁCH QUỐC GIA HOA KỲ năm 1988

"Nếu có một cuốn sách có thể thâu tóm chiến tranh Việt Nam trong kích thước một cuộc phiêu lưu kiểu Homere, với tất cả sự đam mê và điên rồ của nó, thì đó chính là cuốn này. Neil Sheehan đã phối khí cho một bản nhạc gợi lên trong nó mọi yếu tố của cuộc chiến này."

• **RONALD STEEL,**
The New York Times Book Review

"Một công trình lỗi lạc với chất liệu rất phong phú và tham vọng..."

• **ROBERT STONE,**
Washington Post Book Review

"Một cuốn sách bậc thầy...một cuốn sách không thể không có, sinh động và xúc động sâu sắc viết về một con người và một trong những cuốn sử hay nhất về sự vướng mắc của Mỹ ở Việt Nam..."

• **DAVID SHIPLER,**
The New York Times

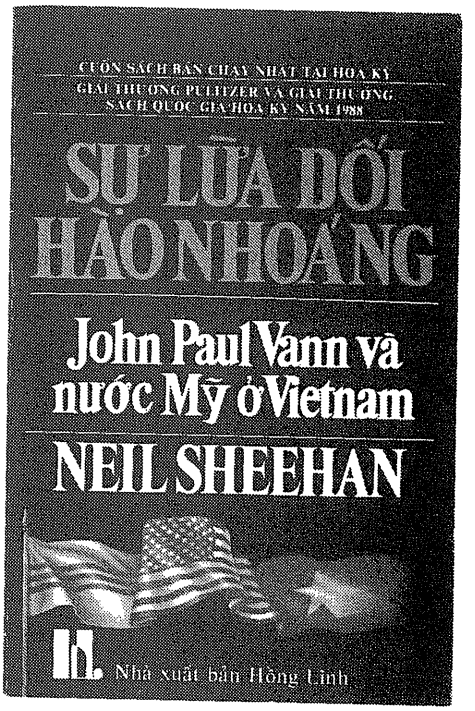

CUỐN SÁCH GIÁ TRỊ NHẤT, TRUNG THỰC NHẤT VÀ HAY NHẤT VỀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM

KHÔNG THỂ THIẾU TRONG TỦ SÁCH GIA ĐÌNH VIỆT NAM

DÀY TRÊN 1000 TRANG GỒM 2 TẬP, BÌA MẦU LỘNG LẪY, TRỌN BỘ $36.00 US

• 1001 tình huống bi đát nẩy sinh trong gia đình từ một cuộc đổi đời khốc liệt!

• 1001 vấn nạn cam go dồn đẩy và bức thiết từng cá nhân giữa một xã hội quay cuồng chóng mặt!

Tất cả đều đã có sẵn ít nhất là một giải đáp thỏa đáng trong tác phẩm

BẠN GÁI NHỎ TO

của BÙI BÍCH HÀ

Không kể giới tính, không kể tuổi tác, không kể trình độ...

Hãy tìm đọc tác phẩm

BẠN GÁI NHỎ TO

của BÙI BÍCH HÀ

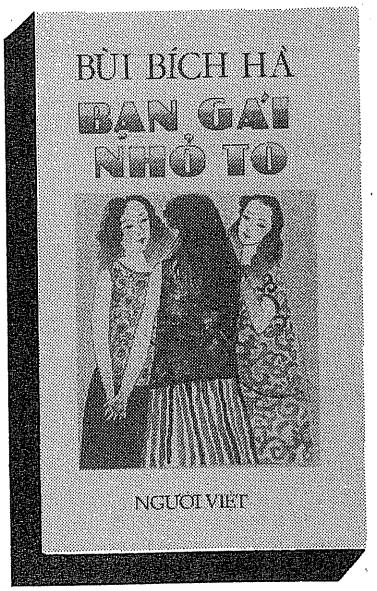

Sách dày 432 trang.
Giá tại Hoa Kỳ: **$14.00**
Ngoài Hoa Kỳ: **$15.00**

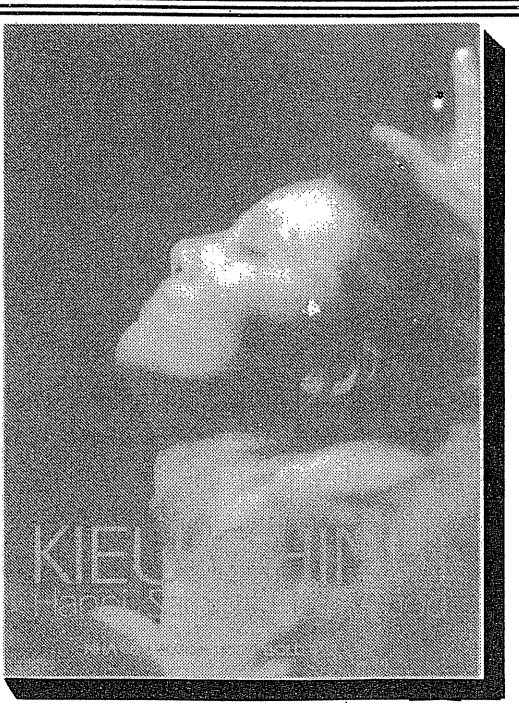

"..... Người Pháp tới Việt Nam. Cộng sản tới Việt Nam. Người Mỹ tới Việt Nam. Lớn lên từ đống gạch vụn của cùng một ngôi nhà, ba anh em nổi trôi theo số phận dân tộc, chia xa về ba phía.

Cuốn sách nhỏ này là câu chuyện về người con thứ ba của chủ nhân Kim Mã gia trang, nữ tài tử điện ảnh Kiều Chinh, nụ cười diễm lệ của những khổ đau mơ ước chung, sứ giả nghệ thuật và thiện chí của người Việt tự do trên thế giới."

NHÃ CA

Hãy tìm mua ngay
cuốn sách đẹp nhất trong năm:

KIỀU CHINH

Hanoi Saigon Hollywood

230 trang, khổ lớn, giấy quý

Hàng chục bài viết giá trị. Hằng trăm bức hình hấp dẫn.

Giá bán: $30 một cuốn.
Ngoài nước Mỹ thêm $3 cước phí.

Tổng phát hành:

NGƯỜI VIỆT

14891 Moran St., Westminster,CA 92683

Đ.T. (714) 892-9414

Attn: LOAN ĐỖ

Luật Sư

VŨ QUANG LÂM

ATTORNEY AT LAW

Với Sự Cộng Tác Của Luật Sư

JOSEPH P. DOWNS

Luật Sư tại các Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ,
Tòa Án Tiểu Bang California và Indiana

Phụ Trách:

- **LUẬT DI TRÚ:**
  Đoàn Tụ O.D.P., Di Dân, Nhập Quốc Tịch
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
  Lập Công Ty, Tổ Hợp, Khế Ước, Thương Vụ, Xuất Nhập Cảng...
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
  Sang, Thuê Nhà Cửa, Cơ Sở Thương Mại
- **HOẠCH ĐỊNH TÀI SẢN:**
  Di Chúc, Thừa Kế, v.v...
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  Ly Dị, Cấp Dưỡng, Phân Chia Tài Sản
- **HÌNH LUẬT:**
  Say Rượu, Lừa Gạt, Trộm Cắp, v.v...
- **KHAI KHÁNH TẬN TÀI SẢN**
- **LUẬT THUẾ VỤ:**
  Thuế Cá Nhân, Thuế Thương Mại

TAI NẠN XE CỘ

TAI NẠN NGHỀ NGHIỆP

TAI NẠN SIÊU THỊ

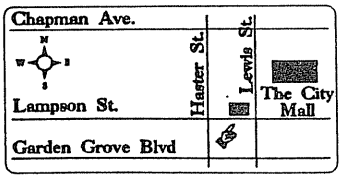

Tham Khảo Miễn Phí

QUÍ VỊ CÓ THỂ THAM KHẢO TRỰC TIẾP VỚI LUẬT SƯ

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy: *10 AM - 7 PM*
Chúa Nhật: *Làm việc theo hẹn*

12431 LEWIS ST., SUITE 102
GARDEN GROVE, CA 92640
(Trong khu Cityview Office Plaza)
Tel: (714) 748-4634
Fax: (714) 748-4637

ASSOCIATED RADIATOR

(714) 534-8313

◉ BÌNH NƯỚC XE

◉ HEATER ◉ MÁY LẠNH

Chuyên Môn:

- Hàn bình nước lủng
- Clean & Súc bình nước nghẹt
- Thay ruột mới (Recore)
- Bán bình nước Mới & Rebuild
- Có chế tạo bình nước mới
- Sửa heater chảy nước
- Heater không nóng
- Hàn bình xăng
- Thay Water Pump

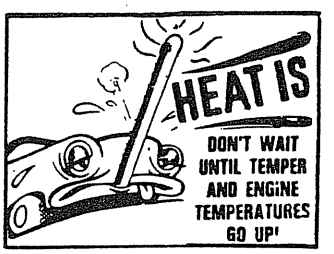

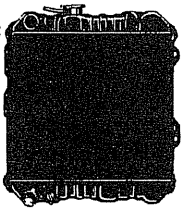

ĐẶC BIỆT:

Trị dứt bệnh nóng máy

Có chuyên viên nhiều năm kinh nghiệm chuyên trị bệnh nóng máy xe

CHUYÊN TRỊ CÁC LOẠI BỆNH VỀ MÁY LẠNH
EVACUATE & RECHARGE MÁY LẠNH

VISA *Phẩm Chất Cao, Giá Hạ Nhất Vùng* MasterCard

MỌI SỬA CHỮA CÓ BẢO ĐẢM

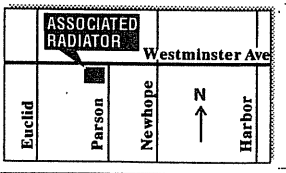

11322 Westminster Ave.
GARDEN GROVE, CA 92643
(Giữa Newhope và Euclid)
Mở cửa Thứ Hai đến Thứ Bảy
8:00 AM - 5:30 PM

ESKIMO RADIATORS
AUTORIZED DEALER

Bằng Trần Kính Mời

Bạn đã từng
"ngạo nghễ đi trong
đau nhức khôn nguôi"
cùng
Nguyễn Đức Quang?
"Hát với nhau"
cùng Phạm Duy,
Ngô Mạnh Thu,
Trầm Tử Thiêng?
Ôm đàn đi rải tiếng
"du ca" khắp miền
Nam tổ quốc?

TRẦN ĐÌNH QUÂN
VƯỜN DÂU XANH

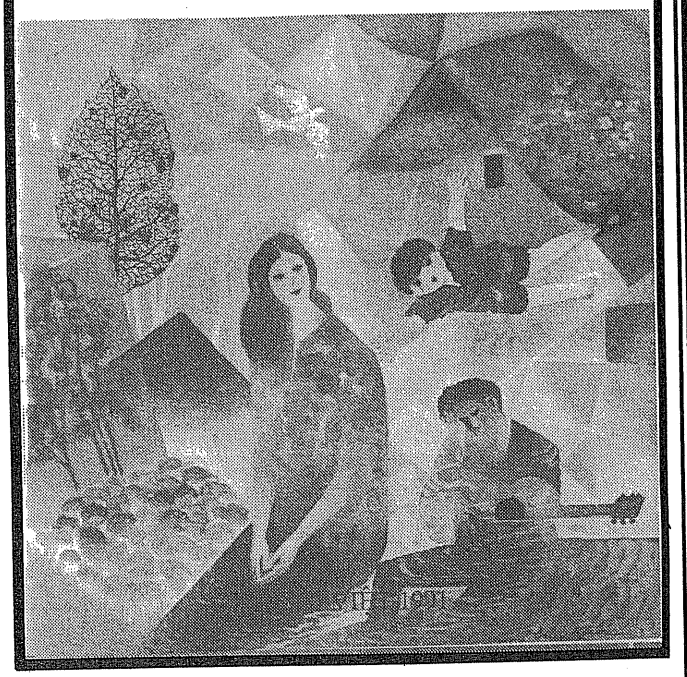

Phải tìm mua ngay:

VƯỜN DÂU XANH

Tuyển tập các bài ca rực lửa tin yêu và
thiết tha tình người
(cùng băng nhạc kèm theo)

của **TRẦN ĐÌNH QUÂN**

(cựu Trưởng Du Ca, Đà Nẵng)

Tổng phát hành:

NGƯỜI VIỆT

14891 Moran St., Westminster,CA 92683

Đ.T.: (714) 892-9414

❄ Mừng Giáng Sinh... ❄ Đón Giáng Sinh... ❄ Hãy cùng nghe cùng hát... ❄

Tiếng Hát Thiên Thần

BAN HỢP CA THÚY DƯƠNG

Một tuyển chọn công phu gồm những bài hát Giáng Sinh hay nhất của Việt Nam và thế giới

• Adeste Fideles / Lời Hoài Chiên • Mùa Đông Năm Ấy / Hoài Đức • Tiếng Hát Thiên Thần (Las Angee Dans Nos Campagnes) / lời Hoàng Diệp • Đêm Thánh Vô Cùng / lời Hùng Lân • Có Một Vì Sao / Lê Văn Khoa • Đêm Sinh An / Ngô Duy Linh • Hang Bê Lem / Hải Linh • Cao Cung Lân / Nguyễn Khắc Xuyên • Jingle Bells nhạc ngoại quốc • Loài Người Ơi / Văn Thiện • Hội Nhạc Thiên Quốc / lời Hoàng Diệp • Nguyện Cầu /Thánh Vịnh 136

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

Cassette $7.50
CD $12.00
Ngoài Hoa Kỳ thêm $1.00 cước phí

❄ Một món quà Giáng Sinh đầy ý nghĩa
❄ Một lời chúc Giáng Sinh tuyệt vời
❄ Một bằng nhạc Giáng Sinh mọi người say mê

TỔNG PHÁT HÀNH:
• SOUNDTECH PRODUCTIONS
P.O. Box 18897, Yorba Linda, CA 92817-8897, Tel: (714) 385-1756
• THÚY DƯƠNG
1801 Jacaranda Pl., Fullerton, CA 92833, Tel: (714) 870-0794
Money, hoặc bưu phiếu gửi THÚY DƯƠNG xin đề HÙNG TRẦN

Lần đầu tiên tuyệt phẩm HÒN VỌNG PHU của LÊ THƯƠNG
được trình bầy với hòa âm, phối khí cho dàn đại hòa tấu
và hợp ca bốn giọng bởi nhạc trưởng LÊ VĂN KHOA

NGƯỜI CHINH PHU VỀ

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

Cassette $7.50
CD $12.00
Ngoài Hoa Kỳ thêm $1.00 cước phí

• Hòn Vọng Phu I, II, III, □ *Lê Thương* • Nguyệt Cầm □ *Cung Tiến* • Nhạc Chiều Năm Đó □ *Lê Văn Khoa* • Tìm Đâu □ *Nguyễn Hiền* • Giọt Lệ Cho Ngàn Sau □ *Từ Công Phụng* • Lời Tình U Mê □ *Vũ Tuấn Đức* • Chán Nản □ *Văn Phụng* • Gót Hồng □ *Vũ Tuấn Đức /Thùy Hạnh*

Một kết hợp âm thanh phong phú
từ tiếng gọi rộn rã *LÊN ĐƯỜNG*
đến nét uyển chuyển thiết tha *AI XUÔI VẠN LÝ*
và kết thúc hùng tráng bằng *NGƯỜI CHINH PHU VỀ*
Qua nét hòa âm đầy nghệ thuật
giữa nhạc tính Tây phương
và ngũ cung Việt Nam

Một gửi gắm trân trọng đến người nghe của

BAN HỢP CA THÚY DƯƠNG

NGƯỜI CHINH PHU VỀ, một tuyển chọn những ca khúc lừng danh và những sáng tác, hòa âm mới nhất của Vũ Tuấn Đức và Thùy Dương

TỔNG PHÁT HÀNH:
SOUNDTECH PRODUCTIONS
P.O. Box 18897, Yorba Linda, CA 92817-8897,
Tel: (714) 385-1756

Bộ Chữ Việt Nam

©Viet Nguyen 1984 ©VN Labs 1991

Trên IBM PC & PS/1 & PS/2

Do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Bộ Chữ Quốc Tế.

Corel Draw
Excel
Dbase III&IV
Foxbase
Microsoft Word
PageMaker
PC-Write
Professional Write
Quattro & Quattro Pro
Volkswriter
Wordstar
WordPerfect
Works
Ventura Publisher
vv..

Windows

DOS

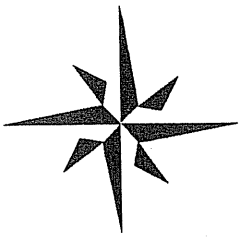

VN Labs

3700 Campus Drive, Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường

- ❑ **Dùng tiếng Việt với các áp dụng trên DOS V5 và Windows V3:** Corel Draw, Excel, Microsoft Word , PageMaker, Volkswriter, PC-Write, WordPerfect, Ventura Publisher, Dbase, Spreadsheets, vv.. trên mọi loại IBM PC/XT/AT và PS/2, in trên hầu hết các loại dot matrix và laser printers cùng Postscript printers. Chạy với mọi loại display adapters: EGA, CGA, MCGA, VGA, Hercules, Genius, Taxan, WYSE, vv.. Cách xử dụng vô cùng dễ dàng và tiện lợi.
- ❑ **Bộ Chữ Việt Nam do VN Labs** hiện đang được xử dụng tại nhiều cơ sở báo chí và các tổ chức Quốc Tế: Người Việt, SàiGòn Nhỏ, Thế Kỷ 21, Ngày Nay, Lý Tưởng, Liên Hiệp Quốc, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, World Vision International, vv..

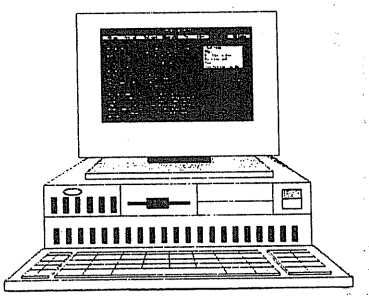

Bộ Chữ VN căn bản DOS	**$125**
Bộ Chữ VN WordPerfect	**$195**
Bộ Chữ VN Ventura	**$195**
Bộ Chữ VN Windows	**$195**

Shipping & Handling : $5 tại Mỹ, $20 Ngoại Quốc

عربي
Ελληνικά
עִבְרִית
Русский

International Desktop

Software lấy bản An Sao $25
(dùng code Bộ Chữ VN Labs)

Nhìn, đánh, in tiếng Việt cho tên tuổi vào Computer và in ra Bản An Sao trong hạn lịch sách 1901 - 2000. In trên dot matrix hoặc Laserjet printer. Vui lòng liên lạc:

Thày Bói tại gia

Lá Số Tử Vi Computer $15

Do Cosmos Systems. Lời giải vô cùng tinh tường. Vui lòng gửi $15 cùng tên, tuổi, địa chỉ, nam hoặc nữ, về Cosmos Systems.

COSMOS SYSTEMS
P.O.Box 2482
Mission Viejo, CA 92690-0482
(714) 582-8233

VN FontsCD 27 kiểu chữ Việt tuyệt vời $159

Dùng với Corel Draw và Windows. Fonts lớn, nhỏ, đủ kiểu, đủ cỡ, tiện cho việc làm tựa đề, ấn loát, bích chương, vv.. có thể chuyển vào Ventura Publisher để layout.

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn.

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện Thoại
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

Bác Sĩ

Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T.: (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên khoa Sản **Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans,LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

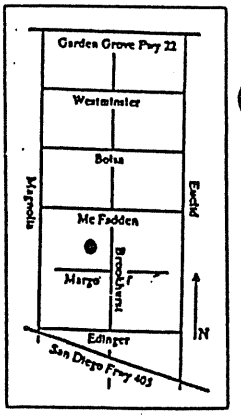

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988

Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Hướng Dẫn:

* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

Chuyên Trị:

* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Phòng Mạch đầu tiên về **NHI KHOA tại VAN NUYS**
6900 Van Nuys Blvd. Suite # 7 - Van Nuys - CA 91405
Tel: (818) 989-2406 - (818) 989-2407
(Cạnh Pharmacy of Phan's - Cạnh nhà sĩ Phan Mỹ Hạnh)

B.S. LÊ PHƯỚC LỘC
Richard Le, M.D.

- *American Board of Pediatrics.*
- *Bác sĩ thường trú Bệnh Viện Valley Presbyterian.*
- *Bác sĩ thường trú Bệnh Viện Valley Medical Center.*

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

- *Tốt nghiệp Michael Reese Hosp. Med. Center, Univ. of Chicago, Illinois.*
- *Nguyên nội trú Tulane Med. Center, Univ. of Tulane, New Orleans.*
- *Nguyên thường trú White Memorial Med. Center, Univ. of Loma Linda, Los Angeles.*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ từ 1985.*
- *Hội viên trung cấp Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ.*
- *Từng hành nghề tại New Orleans từ 1984-1985.*

Chuyên trị:

- Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng - tiêu hoá - hô hấp - xương khớp - biến dưỡng nội tiết - thận - gan - thiếu máu.
- Các bệnh người lớn - đau nhức - đau đầu - đau ngực - phong thấp - ho - suyễn - táo bón - hô hấp - các bệnh người già.
- Các bệnh dinh dưỡng - các bệnh phụ khoa - các bệnh thanh thiếu niên.
- Các thương tích tai nạn nghề nghiệp.

Đặc Điểm: Phòng mạch có máy điều hoà không khí, trang bị dụng cụ tối tân. Điện tâm đồ.
- *Đo thính lực, phân tích máu - nước tiểu. Đo nhãn lực.*
- *Bản đảm không chờ lâu & có thể tham khảo trực tiếp bất cứ lúc nào bằng điện thoại. Bãi đậu xe rộng rãi.*

Đặc Biệt:

- Khám và trị bệnh trẻ sơ sanh Việt/Mên/Lào/Hoa.
- Chích ngừa và khám nhập học FREE.
- Khám sức khoẻ định kỳ (CHDP) nếu lợi tức thấp FREE.
- Lập giấy sức khoẻ liên hôn nhân.
- Nhận làm bác sĩ gia đình.
- Hợp tác với chương trình bổng sữa WIC.
- Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện tại vùng Van Nuys.
- Giới thiệu chuyên khoa nếu cần

Nhận **MEDICAL** và **BẢO HIỂM**

Giờ Làm Việc:
Thứ Hai đến Thứ Sáu:
9AM-7PM
Thứ Bảy: 9AM-5PM
Chủ Nhật: nghỉ

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

Thế Kỷ 21
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683, U.S.A.
(714) 892-9414

Ngày _____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Country: _____ Số bưu chính: _____

Điện thoại: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:**

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo Kể từ tháng _____ năm _____

Kèm theo đây là check/money order

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Âu Châu	Á/Phi/Úc Châu
6 số báo	$ 15	$ 22	US$ 23	US$ 32	US$ 37
12 số báo	$ 28	$ 42	US$ 44	US$ 62	US$ 72
24 số báo	$ 54	$ 82	US$ 86	US$ 122	US$ 142

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ
PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

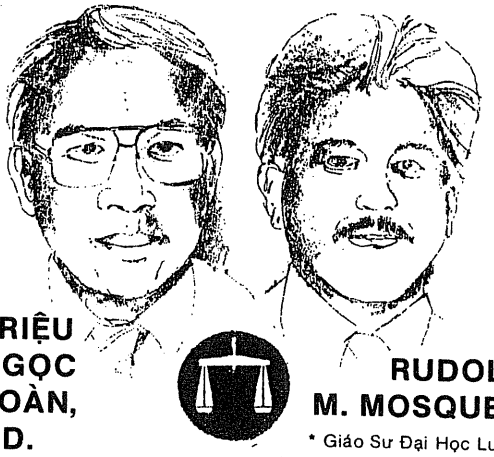

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.
* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA
* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I.
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- **ĐỀN BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - **Vì Xe Cộ:**
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - **Trượt Ngã Siêu Thị**
  - **Sơ Xuất Y Tế**
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ 2-7: 10AM-7PM
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LÝ CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

- **Los Angeles Office**
  3807 Wilshire Blvd., Suite 500
  Los Angeles, CA 90010
  Toll Free: **1-800-331-4725**

- **Westminster Office:**
  9211 Bolsa Ave., suite 222
  Westminster, CA 92683
  (Cạnh Siêu Thị 99)

Sách Mới
TRẦN DŨ, QUẢNG ĐỜI ĐI QUA

GƯƠNG MỘT NGƯỜI TỊ NẠN VỚI HAI BÀN TAY TRẮNG, TRẢI QUA NHỮNG BIẾN ĐỔI THĂNG TRẦM CỦA CUỘC SỐNG, TRỞ THÀNH MỘT DOANH GIA THÀNH CÔNG TIÊU BIỂU ĐƯỢC NHIỀU CHÍNH KHÁCH TÊN TUỔI HOA KỲ CA NGỢI. CUỐN SÁCH,LÀ MỘT TẬP HỢP NHỮNG KINH NGHIỆM TÍCH LŨY TRONG MỘT ĐỜI NGƯỜI. ĐỌC, ĐỂ HIỂU NGUYÊN DO NÀO ĐƯA ÔNG ĐẾN THÀNH CÔNG?

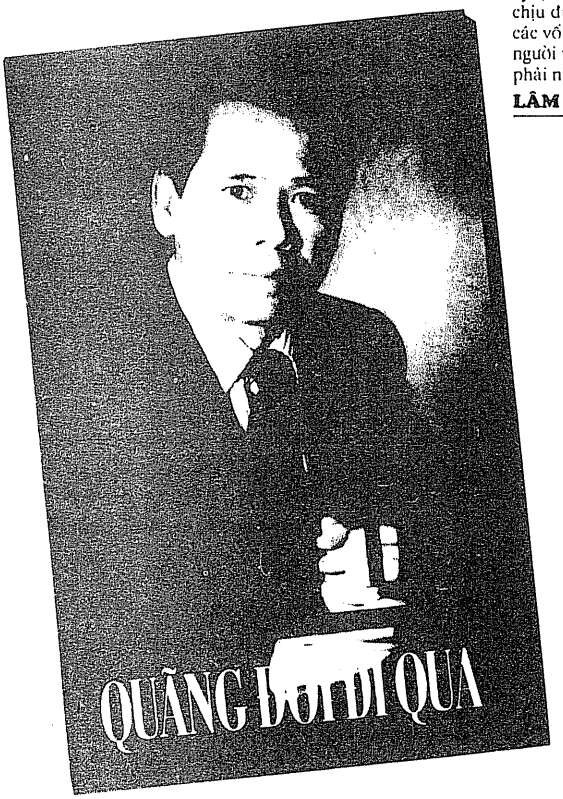

"Quảng đời đi qua" của Trần Dũ đã chất chứa đầy những thăng trầm kỳ lạ. Mỗi dấu vết để lại từ cuộc chiến sinh tồn ấy đều lấp lánh những chịu đựng, kiên trì, tín nghĩa, thông minh và nhân bản. Biết sử dụng các vốn đau thương để xây dựng sự nghiệp. Đó là một thứ bí kíp làm người vô cùng quý giá. Đây là một đóng góp tốt cho cuộc đời không phải như một tiểu thuyết mà là một tấm gương sáng chói có thật.

LÂM TƯỜNG DŨ

Đọc sách này, **Trần Dũ** là nhân vật điển hình tiêu biểu cho người tỵ nạn thành công trên đất Mỹ.

NGUYỄN TẤN ĐỜI

Mỗi đời người là một dòng sông, và dòng sông của doanh gia **Trần Dũ** quả có thật nhiều điểm thật đặc biệt để người thế gian chiêm ngưỡng và noi theo.

NGỌC HOÀI PHƯƠNG

Tôi hy vọng hồi ký **Trần Dũ** là một đóng góp tốt vào dòng lớn những kinh nghiệm được đổi trao, những tình yêu được dâng hiến, dòng lớn những hồi ký của đời sống chúng ta hôm nay.

NGUYÊN SA

Bệnh nghèo đôi khi có đem lại sự tủi nhục, nhưng chính sự thiếu thốn là trường đời hay nhất để rèn nghị lực. Nghị lực sẽ biến tủi nhục thành hành động để tiến lên. Cuộc đời của ông **Trần Dũ** là một chứng nghiệm về sức mạnh của nghị lực. Vì chính ông đã nhiều lần chịu đắng cay trong sụp đổ, biết mỉm cười trước nghịch cảnh để tái tạo vươn lên.

LÊ TẤN TRẠNG

Câu chuyện về thương gia **Trần Dũ**, một người tỵ nạn tới nước Mỹ với hai bàn tay trắng nhưng với chí phấn đấu cương quyết, sự làm việc cần mẫn và sức chịu đựng phi thường, đã xây dựng lại được sự nghiệp để trở thành triệu phú, chính là một trong những câu chuyện hào hứng và hấp dẫn nhất được kể lại trong mục "Sinh Hoạt Của Người Tỵ Nạn" trên đài tiếng nói Hoa Kỳ

LÊ VĂN,
CHỦ BIÊN CHƯƠNG TRÌNH VIỆT NGỮ, VOA.

SÁCH TRÌNH BÀY TRANG NHÃ, BÌA MẠ VÀNG. GIÁ BÁN $20 BAO LUÔN CƯỚC PHÍ.

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN LẠC
LITTLE SAIGON
9822 BOLSA AVE. WESTMINSTER, CA. 92683
TEL: (714) 531-7272

Thanh Lịch! Tao Nhã!

Quà Xuân tặng người thân, bạn bè:
Không gì bằng những tác phẩm văn chương và âm nhạc!
Nhà xuất bản Người Việt đã dành sẵn quý bạn 6 tác phẩm mới nhất.
Giảm giá 50% và sẽ gửi đi khắp thế giới theo yêu cầu của các bạn.
(Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 đô la)

Xin gọi Bà **LOAN ĐỖ (714) 892-9414**

Giá: $12.00

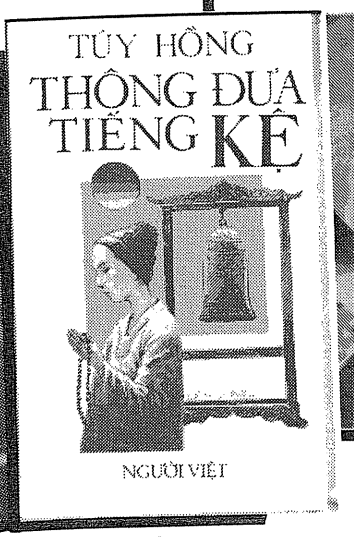

Giá: $12.00

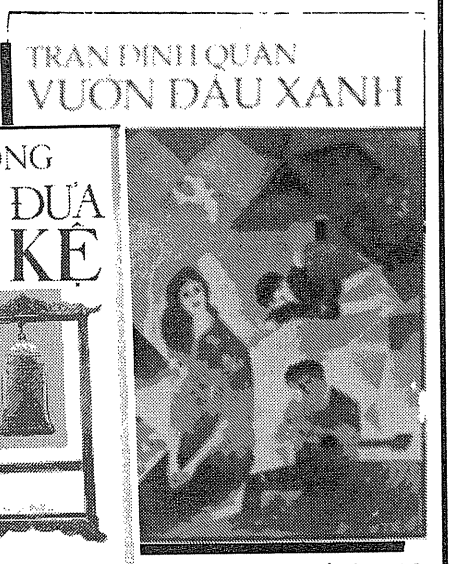

Giá: $10.00

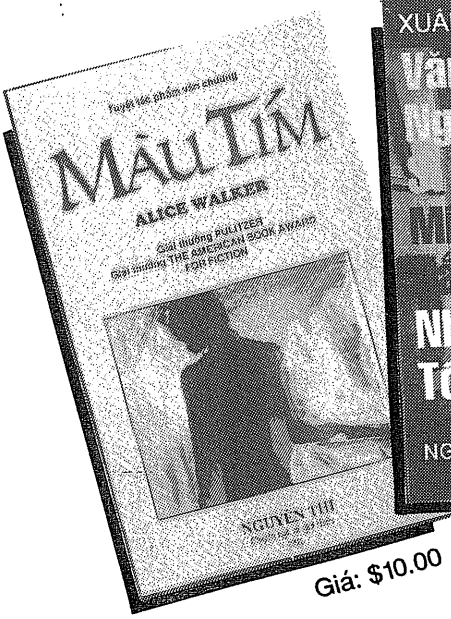

Giá: $10.00

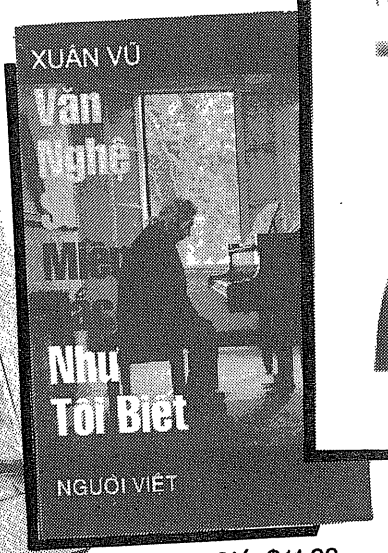

Giá: $11.00

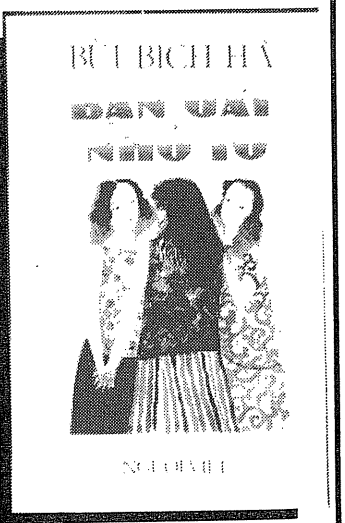

Giá: $14.00

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

NEWPORT INSTITUTE OF COSMETIC SURGERY

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Nhật có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 20 năm, từng giải phẫu trên 25,000 trường hợp.

Dưới sự điều khiển của Bác Sĩ

P. JAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S. (c)

GRAHAM M. KEMSLEY
M.D., F.R.S.C. (c)

Bà PHƯƠNG LAN NGUYỄN GIA QUÝNH

Tốt nghiệp thẩm mỹ tại Hoa Kỳ, nhiều năm kinh nghiệm. Về kiểu mắt và chọn mẫu mũi cho hợp với khuôn mặt Á Đông

CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ TRƯỚC KHI SỬA

HÌNH SẼ HIỆN NGAY TRÊN MÀN ẢNH ĐỂ BẠN CHỌN LỰA THEO Ý MUỐN.

BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ

MAU LẸ RA VỀ TRONG MỘT NGÀY

PHƯƠNG PHÁP MỚI NHẤT DÙNG CHẤT SỤN TRONG CƠ THỂ BẠN ĐỂ ĐẮP LÊN MŨI NÊN 100% TỰ NHIÊN SẼ KHÔNG SỢ PHẢN ỨNG SAU KHI SỬA

Nhận Trả Góp và Bảo Hiểm
(tùy trường hợp)

Ở xa có xe đưa rước và nghỉ lại

Mọi chi tiết xin liên lạc:
PHƯƠNG LAN Mrs. NGUYỄN GIA QUÝNH
Director ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

& THẨM MỸ VIỆN HOÀN MỸ

CHUYÊN SỬA NHỮNG GÌ VỀ SẮC ĐẸP CHO PHÁI NỮ VÀ PHÁI NAM * ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

360 SAN MIGUEL Ste. # 406 NEWPORT BEACH CA. 92660 ● TEL. (714) 759-0995 & 898-6514

Giá **5.00 Mỹ Kim.** Ngoài Hoa Kỳ, thêm **1.00 Mỹ Kim.**